

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn

PHẬT — GIÁO NGUYÊN — THỦY VIỆT — NAM

THIỀN
TỨ NIỆM XỨ
MINH SÁT TUỆ

(Jhàna satipatṭhāna vipassanā)

Hòa Thượng : GIỚI . NGHIÊM

PHẬT HỌC VIỆN PHẬT BẢO 2524

1980

thuvienhuequang.vn

LỜI NÓI ĐẦU

Trước hết xin ngỏ ý với quý độc-giả đã có nhiều thiện-tâm hướng về phương-pháp tu thiền-định của Phật-giáo được rõ, nếu quý-vị muốn tìm hiểu sự thật Phật-giáo có đem đến cho quý-vị lợi ích ra sao? đầu tiên quý-vị xem kinh, nghe pháp, đàm-luận và vấn-đáp về giáo-lý, đó cũng là một trong những cách tâm đạo. Khi có xem kinh thính pháp ít nhiều rồi mới thấy được đường lối chính của Đức Thế-Tôn Bôn Sư Thích Ca Mâu Ni, Phật có những Pháp Môn Cao Siêu mâu-nhiệm hợp với Chân Lý và thực tế, Thực tế cứu khổ Chúng Sanh và Thực Tế đem lại an vui tối thượng cho chúng Sanh.

Tất cả những gì trên đời này nếu ta khéo vận dụng thì ta cũng thu thập được kết quả lợi ích an vui các học thuyết từ cổ chí Kim, luôn cả khoa học cận Đại cũng vậy, vì nhu cầu cần thiết cho đời sống của nhân Loại Khoa Học càng ngày càng tạo ra những Phương tiện thuận lợi cho con người như : Những dụng cụ máy móc thuốc men, Xe Hơi Máy Bay V.V... để mưu-cầu hạnh-phúc cho thế-gian. Nhưng có người lại khước từ điều đó, tự họ đi tìm nhờ qua các bùa ngải, thần-thoại, mê-tín v.v. . .

Tất cả những lợi ích vật-chất trên, Phật-giáo Nguyên-thủy (THERAVÀDA) không cho đó là mục-dích cứu-cánh, mà chỉ xem như là các loại thuốc xoa bóp bên ngoài (thân bệnh) còn (tâm bệnh) chính bên trong phải dùng một loại thuốc khác mới có hiệu năng.

Nếu những tiến-bộ khoa-học tìm cầu hạnh-phúc cho nhân-loại thì khoa-học cũng mang đến cho loài người những thảm họa tàn-khốc, bởi vì, chế ra được các thứ thuốc chữa lành bệnh thì họ cũng chế ra các loại thuốc độc và những chất độc hóa-học để giết hại con người, họ chế ra được máy bay để làm phương-tiện di chuyển nhanh-chóng, thì họ cũng tạo ra vô số máy bay, xe cộ và súng đạn để hủy diệt nhân loại. Khoa-học tìm ra chất phóng-xạ để dùng cho nông-nghiệp phục-vụ con người, rồi cũng chính chất ấy cộng với bao nhiêu cường-độ của

sức nóng trở thành một thứ ghê gớm để hủy-diệt môi-trường sống của chúng-sanh.

Với 2 quả bom nguyên-tử thô-sơ của Mỹ thời đã làm tàn phá hai thành phố lớn của Nhật một cách khủng-khiếp và làm chết hơn hai chục vạn người, vậy, nếu những quả càng tối-tân hơn... ?

Chúng-sanh giỏi lắm cũng chỉ biết làm được những việc như thế !

Chúng ta phải ngợi ca những vị thầy thuốc: giỏi và chỉ thân-phục những lợi ích thật sự do khoa-học đem đến mà thôi.

Ngoài đó và trên tất cả, chúng tôi đặt trọn vẹn niềm tin, sự kính cần tôn-thờ đặc biệt dành cho Đức Phật, trọn đời này và vô-lượng kiếp sau.

— Tại sao vậy ?

— Để trả lời câu hỏi này chúng tôi xin nêu ra 3 hạng như sau :

a/ Hạng thuần ác độc, như các loài thú dữ, rắn độc, hoặc người ác v.v . . .

b/ Hạng vừa thiện vừa ác, nói chung tất cả chư-thiên nhân-loại nào còn phạm phũ.

c/ Hạng thuần thiện, trên hết là Đức Phật toàn tri diệu giác Thế-Tôn. kể là các Đức Phật Độc-Giác, chư Phật Thịnh-văn-Giác Bồ-Tát và sau cùng các vị Thánh-Hiền v.v . . .

Sở dĩ có phân biệt ra thành ba hạng như trên là ám-chỉ đến chúng-sanh dày đặc cả ba túi tham sân si, hoặc có khi nhẹ bớt đôi chút nhưng vẫn còn phiền-não ấy và các phiền-não khác, còn chư Phật thì không bởi vì các Ngài đã hoàn toàn Thánh-thiện. Trước khi thành Phật, các Ngài cũng như chúng ta, song các Ngài khéo tu còn mình thì vụng dại không lo tu, chỉ khéo nói mà không làm, đến khi làm thì làm bậy, đều do tham sân si là động cơ thúc đẩy, xúi dục ta làm sai chân-lý, thế nên cứ gieo nhân tạo nghiệp rồi mãi mãi đắm chìm trong đau khổ vô số kiếp, tưởng không bao giờ cùng tận. Nhưng nào phải đời đời kiếp kiếp. Chúng ta cứ mãi sanh tử luân-hồi không thể thoát ra được, trong Phật giáo có một chân-lý rất quang-minh trên vấn-đề này là : « Diệt trừ tham sân si, tu trì giới định-huệ », một ý nghĩa cụ thể nữa về chân-lý này là « Nhơn giới sanh định, nhơn định phát huệ, nhơn giới định huệ nhi hậu giải thoát » và có giải thoát mới được hoàn toàn an-vui trong hữu-dư Niết-bàn và trong vô-dư Niết-bàn vậy.

Đó là an-vui tuyệt đối, còn tất cả sự an-vui trong Tam-giới này đều là an-vui tương-đối thôi, vì chúng-sanh còn tham, sân si... nên có vui lẫn khổ, có khổ lẫn vui. Chúng ta ai cũng muốn vui nhiều

khô ỉt, hoặc chỉ muốn vui mà không khô, ai cũng chán ghét sự khô, nếu quả thật quý-vị muốn tìm an vui mà xa lánh sự khô thì đừng tạo nhân khô, mà lo tạo nhân vui, nhân vui như thế nào ?

Chính là Giới — Định — Huệ.

— Giới cố năng-lực làm cho thân và khẩu được ngay lành thanh-tịnh, bởi vì người tu giới sẽ răn trị được thân không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, khẩu không nói dối, không nói lời độc ác, không nói lời đâm thọc, không nói lời vô ích sang dàng, có như vậy sẽ làm nền tảng cho thiền-định, ngược lại nếu thân và khẩu bị bợn nhơ tội lỗi do sự sát sanh v.v... thì không sao tu thiền được.

— Định có năng-lực chế-ngự nội tâm cho thanh-tịnh, bởi tâm ưa tham-lam sang đoạt của người về phần mình, sân-hận tìm mưu + sâu kế độc đề hại kẻ khác. Si-mê lăm-lạc tìm cách lấn hiếp hoặc làm khô chúng-sanh.

— Huệ có năng lực diệt tận phiền-não không dư sót thật vậy nếu ai mong cầu sự an vui tuyệt đối thì cũng phải tu cho đến mức-độ tuyệt tận phiền-não thô và tế bởi vì chính nó là nhân của khô đau, khi phiền-não hoàn toàn được diệt trừ rồi thì mới thật an-vui tuyệt-đối là cực-lạc vậy,

Trong quyển kinh này chúng tôi không đề cập về giới, chỉ đề cập định và huệ hoặc có một cặp danh xưng khác là CHỈ và QUÁN, do chữ Pàli có hai loại đề-mục là :

+ SAMATHA KAMMATTHANA : Đề-mục chỉ-tịnh.

+ VIPASSANA KAMMATTHANA : Đề-mục Quán-minh hoặc Minh-sát-tuệ.

Hai cách KAMMATTHANA trên là lối tu có thấp có cao, có dễ có khó khác nhau đôi chút nhưng kỳ thật hai đề-mục này cũng nhằm một mục-đích là giải-thoát và đạo quả Niết-Bàn, nói thì có hai nhưng tựu trung cũng như một, thế cho nên như chúng tôi thường ví-dụ cho đệ-tử dễ hiểu là : « Mài dao cho bén, cạo tóc cho sạch » và « để nước đục cho trở nên lóng trong, gạn lọc cái cặn cẩu bỏ đi để nước hoàn toàn trong. Sự mài dao là CHỈ, còn cạo tóc cho sạch là QUÁN, cũng như lóng nước đục trở nên trong là CHỈ, gạn lọc cặn cẩu bỏ đi, để lại nước trong hoàn toàn là QUÁN. Hai pháp này có chỉ có quán đây đủ mau, đặc đạo giải thoát dễ dàng, nếu có chỉ mà không quán thì khó đặc đạo lắm, cũng như đạo Bà-La-Môn, họ tu thiền cũng khá song họ không tu về quán-minh do đó họ không đặc đạo quả.

Ngược lại chỉ tu quán-minh thôi, mà không tu chỉ-tịnh thì cũng đặc đạo hoàn toàn vậy, nhưng không có thần-thông biến-hóa được.

Đại-ý chính trong quyển này là « THIÊN TỨ NIỆM XỨ MINH SÁT TUỆ ».

Thiền do chữ Phạn là JHANA Tàu âm là Thiên-Na thường đọc tắt cho gọn là thiền, các nước Phật giáo Nam-Tông thường dùng chữ Pàli cũng đọc tắt là « Jhan » bỏ âm chữ A phía sau, người Nhật thì dùng chữ ZEN cũng là thiền, đó là nói đến danh-từ, còn ý-nghĩa thì chữ JHANA được dịch là pháp làm cho khô héo phiền-não hoặc là pháp đốt nóng kẻ thù tức là phiền-não thường được ví-dụ như dùng tảng đá to đè lên cổ, lâu rồi cổ dưới tảng đá phải khô héo đó là tu thiền chỉ-tịnh, cố gắng đào bứng tận gốc rễ của cổ tức là phiền-não, ấy là chỗ đất được sạch, đó là tu thiền quán-minh, tâm của hành-giả lúc bấy giờ mới sạch như chỗ đất kia vậy.

Còn Tứ-niệm-xứ do Đức Thế-Tôn dạy, tức nó đã bao hàm 2 ý-nghĩa CHỈ-TỊNH và QUÁN-MINH rồi, các pháp khác một số nhiều thì SAMATHA riêng và VIPASSANA Riêng còn Tứ-Niệm-Xứ pháp này khi hành-giả niệm hoặc quán thì chính nhờ khả-năng niệm hoặc quán ấy, làm minh triết chi-li rất tỉ-mỷ và rất rõ-rệt, khiến cho người không còn mãi mê chấp trước, vì chúng-sanh ưa chấp trước mọi thứ nhưng đại khái có 5 thứ : sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn hoặc 2 thứ là : sắc pháp (tức là sắc uẩn) và danh pháp (tức là 4 uẩn còn lại)

Quán thân niệm xứ, ấy là đã niệm hoặc quán, tức là mổ xẻ, chia chẻ sắc uẩn ra cho thấy rõ sắc thân này vô-thường, khổ-não, vô-ngã và bất tịnh.

Quán thọ niệm xứ ấy là đã niệm hoặc quán tức là mổ xẻ chia chẻ thọ uẩn ra cho thấy rõ thọ vui, thọ khổ, thọ vô-ký đều là vô-thường khổ-não, vô-ngã, và bất tịnh.

Quán tâm niệm xứ, ấy là đã niệm hoặc quán, tức là đã mổ xẻ, chia chẻ thức uẩn ra cho thấy rõ tâm-thức tức là sự suy-nghĩ thiện ác vô-ký đều là vô-thường, khổ-não, vô-ngã và bất tịnh.

Quán pháp niệm xứ, ấy là đã niệm hoặc quán tức là mổ xẻ chia chẻ tưởng uẩn và hành uẩn cho thấy rõ sự tưởng nhớ và sự khởi tác do hành uẩn dấy lên trong tâm đều là vô-thường, khổ-não, vô-ngã và bất tịnh.

Khi tỏ ngộ cái chân lý trên mới mong dứt sạch được tham sân si, vô-minh, ái-dục... hầu mong thoát khỏi sanh tử luân-hồi được an-vui tuyệt-đối là Niết-Bàn.

Chúng tôi lại có trích-lục trọn các pháp Minh-sát-tuệ giảng-giải rõ ràng đề chư hành-giả có cơ-sở chính xác trong việc tu tiến lên cao và đúng theo phương-pháp chính yếu đề đặc đạo quả Thánh-nhận, ngoài hai bậc thiền trên không có bất cứ một vật chi có

thề trừ diệt tất hư vết xấu của người đời được, sức nóng của bom nguyên-tử cũng không đốt cháy được tội lỗi phiền não chúng-sanh.

Đề thấy rõ giá trị của thiên-định.

Có người nói : Vua Tần-Bà-Sa sung sướng vô cùng, có thể sướng hơn đức Thế-tôn.

Phật nói : Vua có thể ngồi ăn đồ rất ngon mãi trong nhiều ngày, ngồi xem hát múa hay đẹp nhất, cứ ngồi mãi nhiều ngày liên-tục được không ?

— Dạ thưa không được đâu !

— Như-Lai có thể nhập định 7 ngày đêm liên không ăn, không uống, không thở, không thay đổi oai-nghi mà lại được an-vui thanh tịnh tự tại.

— Vậy thì Phật sướng hơn vua.

Thưa các bạn phạm-hành, quý-vị thức-đạt và chư-độc-giá. Sau khi xem qua quyển kinh này nếu có chỗ nào thiếu sót, xin quý vị chỉ giáo để chúng tôi sửa lại hoàn-hảo hơn trong lần tái bản.

Lành thay,

Hòa - Thượng GIỚI — NGHIÊM

UDDESA VĀRAKATHĀ

Tiến-trình ý-nghĩa rằng trong kinh này có lời nói đầu của đức ANANDA thuyết rằng : Tôi được nghe như vậy, nghĩa là : Khi họ Đức Thế-Tôn an-ngự trong nhóm người KURU, có tên KAMMASADHAMMA trong nơi ấy Đức Thế-Tôn phán gọi chư Tỳ-khuru rằng : " Này chư Tỳ-khuru ! Các Tỳ-khuru ấy đã đáp lời đức Thế-Tôn rằng : Kính bạch Ngài ! Đức Thế-Tôn bèn thuyết pháp bằng UDDESA rằng : Chư Tỳ-khuru, con đường là nơi độc lộ này hằng tiến hành cho được sự thanh-bạch của chúng sanh cho đặng thoát khỏi sự buồn rầu và sự thương tiếc, cho đặng đến sự hết khổ, hết trái ý, để đạt pháp nên giác-ngộ, để làm cho thấu rõ Niết-Bàn, con đường này tức là TỨ - NIỆM - XỨ.

Tứ-Niệm-Xứ là những gì ?

1 — Chư Tỳ-khuru trong pháp luật này hằng quán-xét thấy THÂN trong THÂN, có sự tinh-tấn, có sự biết tròn đủ, có sự ghi nhớ được, có thể dứt trừ ham muốn (ABHIJJHĀ) và sự trái ý (DOMANASSA) trong Thế gian

2 — Chư Tỳ-khuru trong pháp luật này hằng quán-xét thấy THỌ trong các THỌ có sự tinh-tấn, có sự biết tròn đủ, có sự ghi nhớ được, có thể dứt trừ ham muốn và sự trái-ý trong Thế-gian.

3 — Chư Tỳ-khuru trong pháp luật này hằng quán-xét thấy TÂM trong TÂM có sự tinh-tấn, có sự biết tròn đủ, có sự ghi nhớ được, có thể dứt trừ ham muốn và sự trái ý trong Thế-gian.

4 — Chư Tỳ-khuru trong pháp luật này hằng quán-xét thấy PHÁP trong các PHÁP, có sự tinh-tấn, có sự biết tròn đủ, có sự ghi nhớ được, có thể dứt trừ ham muốn và sự trái ý trong Thế-gian. Gom thành bốn điều. (Xin hãy đọc cho hiểu tốt trước rồi sẽ đọc tiếp).

Dứt UDDESA.

Theo điều đã nói đây chia thành hai (2) khoảng là :

1) NIDÀNAVACÀNA : Lời của đức ÀNANDA nói khởi sự thuyết kinh này

2) UDDESA Lời của Đức Thế-Tôn thuyết lên thành tiêu-đề.

Trong cả hai đoạn này có nhiều chỗ đáng nghi ngờ là :

1) Tiếng nói rằng : Đức Thế-Tôn an-ngự trong nhóm người KURU ấy có ý nghĩa như thế nào ?

2) Lời tiếp theo sau chỗ nói lên rằng có xóm của những người KURU tên là KAMMÀSADHAMMA có ý nghĩa như thế nào ?

3) Tiếng nói rằng trong nơi ấy Đức Thế-Tôn phán gọi chư Tỳ-khuru rằng : Nầy chư Tỳ-khuru ! Tiếng nói rằng trong nơi ấy tức là nơi nào ?

Trong nhóm người KURU ấy chẳng ? hay trong xóm của những người KURU có tên là KAMMÀSADHAMMA ?

4) Tiếng nói rằng (phán gọi) có ý nghĩa như thế nào ? tiếng này có trong kinh nhiều lắm nên hiểu đi, nhưng từ này nên dịch rằng (phán nhắc), có vị ÀCÀRIYA dịch rằng " phán gọi " sai với câu chuyện, bởi tiếng nói rằng phán gọi ám chỉ rằng nhóm tỳ-khuru không ở trong chỗ hầu gần phải ngự đi kêu lại, riêng trong câu chuyện này như Tỳ-khuru ở trong chỗ hầu gần cả mọi người.

Trong UDDESA cũng có nhiều tiếng nên làm cho hiểu như :

1) Tiếng nói rằng : " Con đường là nơi độc lộ theo PÀLÌ rằng Ekàyana-magga có ý nghĩa như thế nào ;

2) Nhân nào cho nên Ngài thuyết đức tính của EKÀYA-MAGGA cho như vậy ?

3) Tiếng nói rằng quán xét thấy ám chỉ quán xét như thế nào cho nên nói rằng thấy ?

4) Tại sao thuyết rằng : " THÂN trong THÂN, THỌ trong các THỌ, TÂM trong TÂM, PHÁP trong các PHÁP ".

5) Tiếng nói rằng : " Có sự tinh-tấn, có sự biết tròn đủ, có sự ghi nhớ được " ba từ này ở trong một đoạn chung với đoạn nói rằng " Quán xét thấy " hoặc ở trong đoạn nói rằng : " Mới dứt trừ tham muốn và trái ý trong Thế-gian ".

6) Tư cách trong đoạn trước dùng từ rằng (hằng) hoặc (ở) riêng trong đoạn sau dùng từ rằng " có thể " hoặc " nên " điều này là bởi ý muốn của Phật như thế nào ?

7) Tiếng nói rằng " có thể dứt trừ ham muốn và trái ý " có ý nghĩa rằng chỉ dứt trừ giai-segion hay dứt hẳn ?

8) Tiếng nói rằng " Trong Thế-gian " có trong Tứ-Niệm-Xứ, cả bốn câu có ý nghĩa như thế nào ?

9) Sẽ quán-xét 4 điều ấy như thế nào ?

Trong những câu hỏi này đáp theo chú giải như sau đây :

Trong NIDÀNAVACANA.

1 — Có ý nghĩa rằng Đức Thế-Tôn an-ngự trong phần đất của những người KURU, không phải ám-chỉ rằng an ngự trong giữa nhóm người ấy thật.

2 — Có ý nghĩa rằng đã an-ngự trong rừng lớn gần xóm ấy bởi thế cho nên nói lên khơi khơi như thế ấy.

3 — Không phải, nghĩa là trong rừng lớn nơi an trú luôn cả nhóm tỳ-khưu ấy.

4) Có ý nghĩa rằng (phán bảo cho biết mình để được chú tâm nghe giống như chúng ta nói chuyện với ai hay có lời nhắc ra tên người ấy trước rồi mới nói).

Trong UDDESA.

1) Ám chỉ 4 cách là :

a) Cần dứt sự lẫn lộn với phe nhóm chỉ đi ở thực hành một mình.

b) Là con đường mà đức Thế-Tôn là bậc độc nhất thuyết ra.

c) Là con đường chỉ có đặc biệt trong Phật giáo.

d) Là con đường đi đến Niết Bàn duy nhất.

2) Nhân sẽ làm cho người nghe phát sanh sự siêng năng ghi nhớ rồi đem đi thực hành.

3) Âm chỉ quán xét một cách vi-tế cho đến dứt sự giả định rằng : Ngã, nhưn, chúng sanh, mình, kẻ khác được một cách dứt khoát cho đạt đến bậc A-NA-HÀM hoặc A-LA-HÁN.

4) Bởi xét tới phần nhỏ rồi, riêng từ phần có ở trong thân trong THỌ, trong TÂM, trong PHÁP tức là không phải âm chỉ thấy hợp nhau thành một cục, một khối như phàm nhân thấy.

5) Ở trong đoạn nói rằng : " có thể dứt trừ sự ham muốn và sự trái ý ".

6) Phật có ý mong mỗi như vậy : Từ cách trong khoảng trước đã dùng từ rằng (hằng) hoặc (ở) âm chỉ hoàn thành sự tiến hóa rồi nghĩa là thấy cả 4 cách ấy cho đến A-NA-HÀM hoặc A-LA-HÁN một bậc nào rồi về từ cách trong đoạn sau dùng từ rằng : " có thể " hoặc " nên " ý muốn rằng sẽ quán xét thấy cho đến thành bậc A-NA-HÀM hoặc A-LA-HÁN như thế ấy phải có ba pháp là sự tinh tấn, sự biết tròn đủ, sự ghi nhớ được, bảo trì theo mỗi sát-na quán xét, cho đến khi dứt trừ ABHIJJA và DOMANASSA được.

7) Âm chỉ dứt trừ trong giai đoạn và lâu lâu, gọi theo PÀLÌ rằng TADANGAVINAYA và VIKHAMBHANAVINAYA.

8) Âm chỉ Thế-gian tức là THÂN, THỌ, TÂM, PHÁP cả bốn điều này gọi là Thế-gian bởi có sự rã tan hoặc sanh diệt biến đổi theo thường tình.

Về từ DIỆU-ĐẾ hai điều sau chỗ nói rằng là Thế-gian cũng âm-chỉ ý nghĩa rằng vô ngã tức là không ở dưới thế-lực của ai đó vậy, bởi từ này Ngài không giảng giải rộng.

9) Phải quán xét theo những điều đã nói trong cách thức tiến-hành như sẽ giải tiếp theo dành cho mỗi điều.

Xin nhắc rằng điều đáng biết trong kinh này ngoài sự đưa lên đặt thành câu hỏi còn có nhiều rõ rệt chắc-chắn trong chú giải tiếp theo. Về trong chú-giải mà Ngài giải rộng lời nói đầu và lời UDDESA như đã nói đoạn trước ấy có ý nghĩa rộng rãi, nhưng lựa bỏ các từ rất khó hiểu ra, và chỉ dùng những từ có lợi ích trong đường lối hiểu biết và sự thực hành đến người đọc người nghe, thực sự sẽ bỏ những từ trình bày phụ thuộc đi

Chú giải ATTHAKATHÀ

Tiếng nói rằng " KURU " có ở trong tiếng nói rằng " Đức Phật an-ngự trong nhóm người KURU " ấy. Nói về dân cư là nơi ở của những người, nguyên lai từ những người Bắc-Cu-lư-Châu (Uttara Kuru dvīpa) có ý nghĩa nói rằng những dân cư tên là Kuru ấy nói về quốc độ là nơi trú ở của nhóm người từ Bắc-cu-lư-Châu lại, trong thời kỳ đức vua MANDHÀTU, nghĩa là trong thời vua Mandhātu ấy những người trong cả 3 châu biết rằng châu Diêm-Phù-Đề (Jambūdvīpa) là châu suag sướng thù thắng, là nơi sanh lên của đức Phật, luôn cả thỉnh-văn và đức vua Chuyển-luân, thế rồi mỗi người bèn hoan-hỷ sẽ qui tụ về về Nam-Thiệm Bộ Châu cho nên cùng nhau theo đức vua Mandhātu bằng hàng không, do năng lực xe báu của vua, cho nên đến Nam-Thiệm Bộ Châu rồi an cư trong những nơi an vui, vì đức vua Mandhātu Ngài hiểu do vị thủ lĩnh quý báu nói rằng còn có nơi khác xinh đẹp hơn Nam-Thiệm bộ Châu này nữa đó là cõi trời Tứ-Đại Thiên Vương, tức thì Ngài cỡi xe báu luôn cả bốn hàng quân binh ngự lên hưởng quả trời ở trong cõi Tứ-Đại Thiên-Vương, thật là nơi vừa lòng và đến khi Ngài phán hỏi chư-thiên Tứ-Đại Thiên-Vương còn chỗ nào xinh đẹp hơn ấy, khi hiểu rằng còn có nữa tức là cõi trời Đao-Lợi, cho nên Ngài ngự lên đến tầng trời Đao-Lợi luôn cả bốn hàng quân binh nhưng ngự ra khỏi xe báu và tạm trú quân nơi cửa thiên-quốc. Khi ấy bèn thấu hiểu đến đức vua trời thiên-nhân (Sahassanetrāmaghavanā) mà có tên thông thường gọi rằng đức Đế-Thích và đức vua trời Đế-Thích đã ngự ra đón rước thỉnh vào trong cõi

Đao-Lợi rồi Ngài bèn chia quả vị trời dâng cho một nửa và nói rằng : Đức vua Mandhātu ngự vào đến cửa Thiên-quốc Ngài tức thì biến thành Thiên-tử, khi Ngài ngự ra nơi hội họp trên bảo tọa bằng đá (Pan-dukambala) mỗi vị cũng an-tọa trên mỗi bồ-Đoàn cùng đức Đế-Thích trước, sắc-tướng luôn đến hạnh-kiểm không hề sai khác đức Đế-Thích một chút nào, chỉ trừ có thể-trạng Ngài nháy mắt mà thôi, nhưng điều này những chư-thiên nữ luôn đến chư-thiên nam là những nhóm tùy-tùng ấy không thể nhận xét biết được do sự kỳ-diệu bằng ngọc-thê huy-hoàng của hai vị Đế-Thích. Nhưng Ngài hưởng quả vị Thiên-cung trong cõi trời Đao-Lợi ấy suốt thời gian dài kế tiếp hết 16 vị trời Đế-Thích, rồi Ngài mới hiểu được, bèn nghĩ đến sự không biết đầy đủ trong ngũ dục. Cho nên Ngài muốn bồ-túc Ba-La-Mật thế là Ngài ngự lên xe báu trở về lại Nam-Thiệm Bộ Châu, khi về đến vườn thượng-uyên của Ngài thì xuất gia làm Đạo-sĩ, duy trì tuổi thọ được 7 ngày rồi thăng-hà về xe báu cũng biến mất. Nhóm người đã lại từ 3 châu ấy cũng hết năng-lực trở về châu của mình buộc lòng phải ở trong Nam-Thiệm Bộ Châu. Về sau quốc-độ mà những người từ Đông-Thắng Thần-Châu (Pubbavidehadvīpa) lại trú ở thì được tên là quốc-độ VIDEHÀ. Quốc-độ là nơi ở của những người từ Tây-Ngưu-hóa-Châu (Amarago yānadvīpa) lại trú ở được gọi rằng quốc-độ (Aparanta). Về quốc-độ là nơi nương ở của những người từ Bắc-cu-lư-châu lại được gọi rằng quốc-độ KURU.

Tiếng nói rằng " Kammāsadhama " trong từ rằng " có xóm của những người Kuru tên là Kammāsadhama ấy " có giải thích 2 cách là :

Cách thứ nhất nói rằng biến thể chữ DHA thành chữ DA hợp lại thành Kammāsadhama dịch rằng nơi huấn luyện đức vua Kammāsāda tức là vua Porisāda, có ý nghĩa vắn tắt là đức Đại-Bồ-Tát cao-thượng có tên gọi là vua SUTASOMA Ngài đã huấn-luyện vua Porisāda trong nơi ấy, trước khi chưa có nhà cửa, câu chuyện có rõ rệt trong kinh Bôn-sanh SUTASOMA.

Một điều nữa vẫn là chữ DHA như trước do giải thích rằng nói về phong tục của những người KURU được ấn-định lên trong nơi vua KÀMMĀSĀDA cư-ngụ.

Điều mà Ngài nói tổng danh rằng : " có xóm của những người Kuru tên là Kammāsadhama ấy " ám-chỉ rằng đức Thế-Tôn và chư Tăng không phải ngụ trong xóm ấy chỉ là Ngài ngụ đi trì bình khất-thực rồi thì ngụ trở ra tạm trú trong rừng lớn là địa phận nơi xinh đẹp, đầy đủ bằng suối nước, bởi nhân này cho nên Ngài không nói cách chỉ chỗ rằng " trong xóm của những người Kuru có tên là Kammāsadhama ..

Tiếng nói rằng trong chỗ ấy, tức là trong rừng lớn là nói Phật an-ngụ gần xóm ấy ám-chỉ rằng Đức Thế-Tôn đã thuyết kinh Đại Tứ-Niệm-Xứ vậy đến chư Tỳ-khuru là lần đầu bằng cách rộng rãi trong nơi ấy.

Hỏi rằng bởi có lẽ nào Đức Thế-Tôn thuyết kinh có ý nghĩa sâu xa như thế này ?

— Đáp rằng : Bởi 2 nhân là : Cách thứ nhất những người Kuru có khả năng thu nhận sự thuyết sâu xa. Bởi chư Tỳ-khuru, Tỳ-khuru-ni, cận-sự nam cận sự nữ là dân cư xứ Kuru toàn là người có thân hình đầy đủ và tâm khí mở mang luôn khi, do nơi được thọ hưởng sự yên vui bằng khí hậu và vật dụng v.v...

Đức Thế-Tôn thuyết kinh giảng dạy bằng đề-mục (KAMMA-TTHĀNA) đến 12 cách toàn là Ngài sẽ đưa cho đến bậc A-La-Hán. Giống như người được cái bình vàng rồi khéo léo chung bày các thứ hoa quý vào, hoặc được cái rương vàng rồi đựng 7 thứ ngọc vào, như thế ấy, chẳng phải Ngài chỉ thuyết một kinh mà thôi, Ngài còn thuyết 6 kinh nữa, toàn là ý nghĩa sâu xa là :

1) MAHĀNĪDĀNASŪTRA trong Dīghanikāya.

Trong Majjhimanikāya, có 5 kinh nữa là :

— Sāropamasūtra.

— Rukkhupamasūtra.

— Ratthapàlasùtra.

— Māgandiyasùtra.

— Anenjasappāyasùtra.

Một điều nữa Tứ-chúng trong vùng Kuru ấy là những người thực hiện trong sự tiến hành Tứ-Niệm-Xứ rất thường xuyên. Bằng cách cuối cùng thậm chí người tôi tớ và người làm công và người sai sửa cũng chỉ nói chuyện với nhau về việc liên-hệ bằng Tứ-Niệm-Xứ cả thầy ấy, cho đến những nhóm đàn bà nói chuyện với nhau theo bến nước hoặc nơi dệt vải v.v.. cũng không nói chuyện vô ích. Nếu người nữ nào gặp bạn bè hỏi rằng : thưa cô ! Cô có tiến hành điều Niệm-Xứ nào ? Nếu đáp rằng "không" là phải bị chê trách và được dạy dỗ cho học một điều Tứ-Niệm-Xứ nào. Nếu đáp rằng tiến hành điều này điều kia rồi, thì được nhận sự hoan-hỷ do những lời lẽ rằng " sanh mạng của bạn là sanh mạng tốt " " Bạn được gọi rằng đến (đúng) ý nghĩa là người " " Đức Chánh-Đẳng Chánh-Giác được sanh lên đặng làm lợi ích đến với bạn " như thế này.

Chẳng phải người ta thôi đâu, là nơi chuyên tâm chú ý trong pháp Tứ-Niệm-Xứ, thậm chí những loài bàng-sanh (súc-vật biết tiếng người ta cũng kiểu-cách như thế ấy, như chuyện chim két (Suvapotaka) nương ở với chư Tỳ-khưu ni làm bằng, người muốn hiểu xin hãy xem trong chú-giải đoạn này để được phát sanh sự siêng năng làm cho mình tốt hơn chim.

Tiếng nói rằng " Ekāyanamagga " có dịch và giải nghĩa 4 cách là :

1) Dịch là đường đi một người giải rằng phải dứt sự lẫn lộn với phần đồng rồi đi thực hành chỉ một mình.

2) Dịch là đường đi của Đức Thế-Tôn độc nhất nói vì Ngài thuyết cho rõ-rệt lên do năng lực huệ minh của Ngài độc nhất không nương nhờ sự hiểu biết của ai.

3) Dịch là đường đi trong chỗ độc nhất, nói về chỉ có đặc biệt trong Phật giáo này.

4) Dịch là đường đi đến chỗ độc nhất, nói về đi đến Niết-Bàn nơi duy nhất.

Một điều nữa Ngài nói rằng không phải đường hai nẻo.

Vả lại con đường tức là Tứ-Niệm-Xứ này là con đường phía trước là đường thế-gian, chẳng phải xuất Thế-gian. Lời này các vị Đại-Tôn-Túc có sự biện luận với nhau rồi trong thời gian trước, tức là Tôn-giả Tipitakscullanàga nói rằng là con đường phía trước tức là con đường thế gian. Còn thầy của Ngài tên là Tipitakaculla-snmana cãi rằng không phải, chính là con đường phối hợp, nghĩa là con đường gồm cả Thế-gian và xuất Thế-gian, không đồng ý với nhau về sau vị tôn-giả là thầy mới tìm kiếm quan-sát ý nghĩa trong kinh này kể từ đầu trở đi mới được ý nghĩa trong lời cuối của bài kinh có ý nghĩa rằng "Này chư Tỳ-khuru, một người nào tiến-hành Tứ-Niệm-Xứ này trọn bảy năm thì được thấu triệt A-Na-Hàm hoặc A-La-Hán" như thế này mới nhận chịu rằng không phải xuất Thế-gian đạo, bởi xuất Thế-gian đạo khi phát sanh rồi không trú ở lâu đến 7 năm, nghĩa là vừa tiến hành được đạo thì phải đắc quả trong khi ấy, không phải chờ lâu, khi Ngài vững tâm như thế này rồi bèn bảo cho vị Thera là học trò hiểu trong khi sẽ thuyết pháp vào sáng mai, vị Thera là Đệ-tử bèn nghĩ rằng thậm chí trong hiện nay thầy của ta là bậc thông thuộc pháp học trọn cả Tam-Tạng mà còn sanh sự nhầm lẫn như thế này, về sau trong vị lại câu hỏi này sẽ sanh sự nhầm lẫn nhiều hơn, ta sẽ làm cho hết sự nhầm lẫn, khi Ngài suy nghĩ như thế này rồi lúc thuyết pháp vừa phải lẽ bèn đề cập câu hỏi này lên rồi đem những kinh khác lại làm bằng cho thấy rằng "Con đường tức là Tứ-Niệm-Xứ này" là Thế-gian đạo chắc hẳn, đoạn sau Ngài đem bài kệ rằng: "Maggànattangiko settho — pe — Dukkhasantam — Karissatha" Bài kệ này có trong pháp-cú kinh quyển 7.

Tiếng nói rằng "Đặng cho thấu triệt pháp nên Giác-ngộ, nói về đặng cho thấu triệt đường lối gồm có 8 chi sẽ thành Thánh mà khếp vào xuất Thế-gian đạo, bởi con đường tức là Tứ-Niệm-

Xứ là Thế gian này, người tiến hành rồi hằng làm nhân cho gặp con đường xuất Thế-gian.

Khi Đức Thế-Tôn thuyết rằng: "Ekàyanamagga này hằng tiến hành cho đặng sự thanh bạch của chúng-sanh" chỉ một lời bấy nhiêu đây, cũng có ý nghĩa vừa đủ rằng là điều hết sự phiền muộn v.v... Ngài không cần thuyết về oai-lực của con đường độc-lộ theo thứ-tự nữa thật, nhưng đến như thế ấy Ngài cũng thuyết, bởi Ngài thấy rằng người không thông-minh trong đường hướng Tôn-giáo, họ không hiểu rằng con đường này sẽ cho quả, đến Niết-Bàn. Điều mà Ngài thuyết thành thứ lớp như thế ấy bởi sự thanh-khiết sẽ có do sự thoát khỏi ưu-sầu (Soka) và than khóc (Parideva), sự thoát khỏi Soko và Parideva có được, do sự hết khờ-não (Dukkha) và sự trái ý (Domanassa) sự hết Dukkha và Domanassa có được do sự thấu triệt giác ngộ pháp (Nàyadhamma) sự thấu-triệt Nàya dhamma có được do sự làm cho tỏ ngộ Niết-Bàn (Nibbàna).

Điều mà Ngài thuyết đức tính của con đường nhứt lộ (Ekàyana-magga) thành thứ tự đến 7 cách ấy đặng cho phát sanh sự siêng năng học hỏi ghi nhớ, giải bày và thực hành theo đến cho đại-chúng nào được nghe trong những thời gian sau, ví như người bán vải gấm v.v... trình bày tính chất của vải gấm rằng gấm loại này tơ mịn nhuyễn có sự cảm xúc mềm mại, khi mọi người được nghe, kẻ có tiền vừa đủ thì mua, người không tiền cũng cần sự ngắm xem vậy.

Thế tại sao Ngài thuyết nơi trú của trí nhớ đến 4 cách thành số nhiều rằng: "Cattàro satipatthànà" như thế này?

Giải rằng bởi trí nhớ có nhiều tức là có nhiều theo cảnh giới, khi cảnh giới của trí nhớ có nhiều như thế ấy, thì tại sao thuyết con đường đi chỉ có một thành số ít rằng "Ekàyano Ayam-bhikkhave maggk" là sao?

Giải rằng dù đến cảnh giới của trí-nhớ có nhiều như thế nào chẳng hạn cũng gom lại thành một nghĩa là thành con đường đi đến Niết-Bàn một chỗ mà thôi.

Nói về Satipatthana này dịch rằng nơi trú của trí nhớ, tiếng SATI dịch rằng sự nhớ được, bởi tương chỉ có một cách, mà nói rằng có nhiều là nói theo cảnh giới, sở dĩ Ngài thuyết chỗ trú của trí nhớ có đến 4 cách do ấn-định không hơn không kém là bởi 3 nguyên-nhân như sau :

- a) Vừa hợp đến người nên dẫn-dắt.
- b) Vừa hợp đến sự dứt phiền não.
- c) Vừa hợp đến điều ví-dụ

Cái nói rằng vừa hợp đến người nên dẫn-dắt ấy có giải thích 2 cách là :

— Cách thứ nhất nói rằng do ái lực (Tanhà), tà-kiến (Ditthi) chỉ-tịnh (Samatha), quán minh hoặc minh-sát-tuệ (Vipassanà) nghĩa là người có ái-dục thô-thiền nên tiến hành điều Niệm-Xứ đầu, người có ái-dục vi tế nên tiến-hành điều 2. Người có tri-kiến thô-thiền nên tiến hành điều 3, người có tri-kiến vi-tế nên tiến hành điều 4 về người tiến-hành chỉ-tịnh và quán-minh cũng có hai cách non và giả mỗi cách có hai gom thành 4 vừa đủ với Tứ-Niệm-Xứ.

Một lẽ nữa vừa đủ tốt với người suy-nghĩ trong việc xinh đẹp việc an-vui, sự hiểu rằng thường, sự hiểu rằng ta, trong chúng-sanh, người và vật v.v..., không phải là đồ : thường, lực ngã, tịnh. Là người tiến hành pháp Niệm-Xứ điều thứ nhất sẽ dứt được sự hiểu rằng thấp-thể là vật tịnh hảo, người tiến hành điều thứ 2,3,4, sẽ dứt được sự hiểu sai rằng là an-vui, là thường còn, là của ta,

Điều nói rằng vừa hợp với sự dứt phiền-não ấy tức là vừa hợp với sự dứt các vật làm cho bợn như có những tên khác là trầm-luân (Ogha) đam trước (Yoga) lậu (Àsava), kiết-sử (gantha), chấp-thủ (Upàdàna), thiếu-vị (Agatì) bằng có mỗi cách 4 phẩm-mạo

Điều nói rằng hợp với điều ví dụ ấy nghĩa là Ngài ví-dụ Tứ-Niệm-Xứ bằng cả 4 cửa thành, do giải thích rằng người từ bốn phương lại hằng đi đến đô thành một chỗ với nhau như thế nào

(Veneyyani-kara) người thực hành trong Tứ-Niệm-Xứ này cũng hằng đi vào đến quốc độ tức là Niết-Bàn 1 chỗ như thế ấy.

Tiếng nói rằng "Kàya" có lời dịch và lời giải 2 cách là :

1) Dịch rằng: Hội-hợp, nói về hội-hợp của chi thể lớn nhỏ và hội-hợp của 32 thể-trực, nhưt là tóc... và hội-hợp của đất, nước, lửa, gió từ phần một, là chia đất, nước, lửa, gió ra thành từ phần gọi rằng hội-hợp của từ phần.

2) Dịch rằng: Nơi sanh của vật đáng nhòm nhất là tóc và lông v.v..

Ngài chia từ "Kàya" thành "Kuàya", Àya giải là: Uppattidesa bằng Vigaha rằng Kucchitānam àyoti kàyo.

Trong Pàli nói đến thân là 2 lần trùng nhau rằng "quán xét thân trong thân" ám-chỉ rằng quán-xét thấy phần bé nhỏ đặc biệt từ phần đã có trong phần lớn, tức là nói rằng trong "thân" ám-chỉ phần lớn, tiếng nói rằng quán-xét thấy thân ám-chỉ quán-xét thấy phần bé nhỏ không phải quán-xét thấy gồm chung nhau, ví như thấy đồ vật xe đặc biệt từ món đã có trong xe, không thấy gộp nhau rằng là chúng-sanh, là người, nam, nữ. Nếu thấy gộp nhau không gọi là quán-xét thấy thân trong thân. Điều này hợp với cổ nguồn rằng: Yam passati natam dittham.

Yam dittham tam na passati.

Apassam ba jjhate mulho Bajjhamāno na muccati. Người gặp vật nào không gọi rằng thấy vật ấy. Thấy vật nào không gọi rằng gặp vật ấy. Khi không gặp thì mãi mê dính, khi dính thì không giải thoát "

Về thân có lời dịch và lời giải như đã nói rồi đây có 4 cách thức quán-xét là :

1) Cần quán-xét là thân này không bền vững, không an-vui, không nằm trong thế-lực của ai, không tốt đẹp.

2) Cần chia sự quán-xét theo 6 phẩm-mạo là : 1) hơi thở, 2) oai nghi, 3) sự biết mình 4) thể-trực, 5) nguyên-chất, 6) bất-tịnh. Đã nói trong đoạn Niddesavāra.

3) Cần quán xét rằng không phải ta, không phải của ta, chỉ thành từ thế trạng bọc vào nhau thành cái thân riêng biệt.

4) Cần quán-xét rằng vô-thường, khô-não, vô-ngã, nên chán nản, nên hủy sự thường, nên diệt sự thường, nên dứt sự thường tức là sự vira lòng. Cách thức này gọi rằng 7 sự quán-xét (Anupassanà).

Tiếng nói rằng "quán-xét thấy THỌ trong các THỌ" ám-chỉ rằng quán-xét thấy THỌ từ phần đã có ở trong toàn phần THỌ tức là thấy rời thành từng phần và tiếng nói rằng Vedanà dịch theo phần đờng đĩ dịch rằng "Sự thọ cảnh-giới". Bằng dịch theo từ gốc hẳn thật thì dịch rằng "Sự biết" cả 2 cách này ám-chỉ một cách với nhau là nói đến sự thọ hoặc sự nhận biết rằng vui, khổ, không vui không khổ, trong một cách nào, là sự nhận biết của người và chúng-sanh.

Về thọ này có 3 cách quán-xét là :

1) Quán-xét rằng sự vui, hằng là sự không vui, nghĩa là phải biến dị thành cách khác chắc hẳn như nhận biết rằng vui do không bệnh-hoạn, phải nghĩ cho kỳ được rằng sẽ bị không vui do sẽ bị đau ốm trong một lúc nào. Nếu nhận biết không vui như đau ốm nên nghĩ rằng sự không vui này là mũi tên tức là vật đâm xoi thân thể này chẳng phải đâm ai khác. Nếu nhận biết sự thọ lơ-là, phải ngẫm nghĩ rằng sự lơ-là này là vật vô-thường tức là không ở nguyên vị được, không tồn tại được.

Khi đã quán cả 3 thọ như đã giải rồi kể rằng là sự quán-xét thấy đúng hợp theo kệ ngôn rằng :

- YO SUKKHAM DUKKHATO ADDHÀ.
- DUKKHAMADAKKHI SALLASTO.
- ADUKKHAMASUKKHAM SANTI.
- ADDAKKHI NAM ANICCATO.
- SA VE SAMMADDASO BHIKKHU
- UPASANTO. CARISSATI.

Dịch nghĩa :

— Tỳ-khuru nào thấy vui là khổ, thấy khổ là mũi tên, thấy sự không vui không khổ là vật vô-thường, Tỳ-khuru ấy gọi rằng Tỳ-khuru thấy đúng sẽ tịch-diệt được.

2) Cần phải quán-xét bằng 7 cách Anupassanà rằng thọ này vô-thường, khổ-não, vô-ngã, nên chán-nản, nên hủy sự vô-thường, nên diệt sự thương, nên dứt sự vừa lòng.

3) Nên quán-xét theo 9 phẩm-mạo của thọ sẽ giải thích tiếp theo trong Niddesavàra tức là đoạn chia về quán thọ Niệm-Xứ. Phía sau.

Tiếng nói rằng " Quán-xét thấy tâm trong tâm " nói về quán-xét thấy tâm đặc biệt từ phần đã có trong toàn bộ tâm. Tiếng nói rằng Citta này dịch là sự suy-nghĩ hoặc dịch để gọi rằng tâm, ý. Có 3 cách quán xét là :

1 — Quán-xét theo cảnh giới, có ý nghĩa là LỚN có ý nghĩa là sanh và diệt chung với cảnh giới là vật ràng buộc, TÂM tiến hành theo 4 tầng bậc (BHÙMI), TÂM là nghiệp (KAMMA), TÂM là quả (VIPÀKA), TÂM là hành (KIRIYÀ) nghĩa đại-khái là điều tính toán hoặc nhận biết như thế ấy v. v. ... theo tiếng Pàli là ÀRAMMANA, ADHIPATÌ, SAHAJÀTA, BHÙMI, KAMMA, VIPÀKA, KIRIYÀ (cách này sâu lắm).

2 — Cần quán-xét theo 7 cách ANUPASSANÀ như đã giải rồi.

3 — Cần quán-xét theo cả 16 cách thức sẽ giải tiếp theo trong NIDDESAVÀRA phía sau.

Tiếng nói rằng " Quán-xét thấy pháp trong các pháp " nói về quán-xét thấy pháp tức là từ trạng thái một có trong toàn bộ các pháp bằng cách thức chia chẻ sự quán-xét ra thành từng phần.

Và tiếng nói rằng " Dhamma " dịch là vật nâng đỡ (pháp), nghĩa là nói về có sự thường trực, luôn luôn, nói đến 3 cách quán-xét là :

1) Cần quán-xét do năng-lực của pháp, tức là sự rỗng không về tướng mạo của thân ta và tướng mạo phổ thông của các pháp.

2) Cần quán-xét do năng-lực của 7 cách Anupassanà nhưt là sự vô thường v.v..

3) Cần quán-xét do năng-lực phạm-mạo của pháp, sẽ nói trong đoạn sau (Niddèsavàra) về thân thọ tâm pháp theo như đã nói rồi toàn là thế gian.

Tiếng nói rằng " Có sự tinh-tấn, có sự biết tròn đủ, có sự ghi nhớ được " trong Pàli ấy ám-chỉ sự tinh-tấn, sự biết tròn đủ sự ghi nhớ được về phía đúng-đắn do giải thích rằng nếu không có 3 pháp này thì sẽ không thành tựu trong cách thức quán-xét và khi có 3 pháp này rồi cần dứt trừ ham muốn và trái ý được (Abhijjhà, domanassa).

Tiếng nói rằng " Abhijjhà " dịch rằng sự ham muốn, nói về sự thỏa-thích đúng theo Pàli trong Vibha-nga rằng " yo ràgo sàràgo-anunayo anurodho nandiràgo cittassa sàràgo ayam viccati abhijjhà " nghĩa là sự luyến ái, sự chiều theo cho lòng luyến ái, sự vừa lòng sự, thỏa thích, sự say đắm, sự luyến ái do năng lực của sự say đắm sự chiều theo do sự luyến-ái của tâm, các pháp như đã nói đây gọi là " Abhijjhà ".

Tiếng nói rằng " Domanassa " theo phần nhiều nói với nhau rằng ám chỉ về sự trái ý, chú giải nói rằng " nói về sự không hoan hỷ trong lòng, sự khổ trong lòng, sự thọ khổ tức là sự không hoan-hỷ đã sanh từ sự va chạm trong lòng " Dịch theo từ ngữ rằng " không vui lòng " tức là không vừa lòng đó vậy. Do nguyên nhân này tiếng nói rằng " Abhijjhà " và " Domanassa " cả hai điều này có ý nghĩa rằng nói đến sự vừa lòng và sự không vừa lòng đó thôi, nghĩa là phía trúng ý, hợp ý, vừa ý, thương thích, khẩn khít tâm, cần dùng tất cả khép về Abhijjhà về phía ngược lại khép về Domanassa.

Tiếng nói rằng "Loḥa" (1) Dịch rằng : rã tan mục nát, biến-đi, ám chỉ phở thông cả bên trong, nhưng trong kinh này đặc biệt ám chỉ Thế-gian tức là thân thọ tâm pháp đó thôi.

Tiếng nói rằng "Có thể dứt trừ" trong Pàli ấy ám-chỉ dứt trừ bằng Tadāṅgavinaya và vikham-bhanavineya tức là dứt trừ giai đoạn và lâu dài.

Bởi cố ấy tiếng nói rằng "Có sự tinh-tấn, có sự biết tròn đủ có sự ghi nhớ được mới có thể dứt trừ ham muốn và trái ý trong Thế gian" đã có trong Pàli dành cho cả bốn pháp. Niệm-Xứ ấy xin hãy hiểu theo lời giảng giải rồi đây. Đoạn cuối này sắp theo thứ-tự mới, không đúng với chú-giải lắm.

Dứt lời giải UDDESAVĀSA.

Gồm lời tổng quát phía sau.

Lời trong Niddesa sẽ giải tiếp theo có trùng nhau mỗi điều là Iti jhātam bahiddhā, ajjhātapahiddhā, samudāyadhammā, nupassī, vayadhammānupassī, samudāyavayadhammānupassī, sati paecupaṭṭhita hoti, yāvadeva nānamatāya, pātissatimattāya, anissito ca vihāra ti na ca kiñci loke upadiyati evaṃpi. Những tiếng Pàli trên đây có lời dịch và giải theo chú-giải như dưới đây :

"Iti" như thế này, nói về Evam : cách này.

"Ajjhātam" : phía trong, tức là của mình (Attano)

"Bahiddhā" : phía ngoài, tức là của người khác (parassa)

"Ajjhātabahiddhā" : phía trong hoặc phía ngoài tức là Attano kālena parassa của mình hoặc của người khác, theo thời, nói về trong khi tiến hành một điều nào về Tứ-Niệm-Xứ lão-luyện rồi có thể ấn-định quán-xét biết trạng-thái pháp của người khác được nữa.

(1) Trong Vi-Diệu-Pháp nói rằng : Kenatthena loka — tại sao gọi là Thế-gian? Palujjanatthena loko — gọi là thế-gian với ý nghĩa rằng rã tan, mục nát

" Samudayadhammānupassī " quán-xét thấy pháp tức là vật làm cho sanh. Dành cho điều nói về thân, ám-chỉ vô-minh, ái-dục, nghiệp vật-thực. Điều nói về thọ ám-chỉ cả 4 pháp này nhưng đòi lấy xúc thay vật thực. Điều nói về TÂM giống như điều nói về thân. Điều nói về pháp dành cho pháp cái (Nīvarana) ám-chỉ nhân làm cho những pháp cái ấy sinh lên. Dành cho ngũ-uẩn và 12 xứ (Āyatana) nói về cả 4 pháp giống như điều nói về thân và thọ.

Điều nói về Giác-chi (Bojjhaṅga) ám-chỉ pháp là nhân sanh dành cho những điều ấy.

Điều nói về Tứ-Diệu-Đế ám-chỉ sự sanh, sự chân thật tức là theo ý nghĩa tiến hành của những điều chân thật ấy.

" Vayadhammānupassī " quán-xét thấy pháp tức là sự diệt, nói về thấy rằng khi pháp là nhân cho sanh theo như đã trình bày rồi ấy diệt đi, những vật ấy cũng phải diệt.

" Samudayavayadhammānupassī " quán-xét thấy sự sanh hoặc sự diệt, ám-chỉ nhận định biết sự sanh diệt của pháp theo như đã nói ấy tùy thời.

" Sati paccupatthitā hoti " có trí nhớ đi vào ở yên đặc biệt tức là nhớ được luôn khi rằng cảnh của trí nhớ nhưt là thân biện-hữu ấy, nhưng không phải là chúng-sanh, người nam, nữ, thân ta có ở trong thân ta, ta, của ta, người khác, của người khác.

" Yāvadeva " chỉ có bấy nhiêu ấy, lời này là vật ấn-định chỉ dứt khoát câu chuyện thực hành.

" Nāṇamattāya " đặng làm nhân cho sự biết tức là đặng sự biết một cách nhiệm mầu kể kể lên.

" Paṭissatimattāya " đặng làm nhân cho sự nhớ được duy nhất tức là đặng cho có trí nhớ, sự biết mình, sự ức niệm, sự nhận thức được càng tốt lên.

" A sissito " không i lại nương nơi ái-dục và tà kiến.

" Naca kiñci loke upādiyati " không chấp cái gì trong Thế-gian, tức là không chấp sắc, thọ, tưởng, hành, thức một cái nào

có ở trong thế gian rằng là ta hoặc có ở trong ta.

" Evampi " dù như thế này hoặc như thế này chẳng, từ này ám-chỉ rằng phải hiểu Tứ-Diệu-Đế một cách rõ ràng thành thứ lớp lên cho suốt đến trọn 16 sự (Soḷasakicca) do thế-trạng tiến hành một điều Niệm-Xứ nào.

Và trong điều nói rằng do thân chia ra thành 14 cách tức là Sô-Tức-quan (Ānāpānasati) 4 oai-nghi (Iriyāpatha) biết mình (Sampajañña) 32 thế trước (Dvatinsākāra), nguyên chất (Dhātu), 9 loại tử-thi (Asubha) toàn là những ý nghĩa khác nhau, nhưng gom lại gọi rằng thân tất cả. Bởi có này tiếng nói rằng " Quán-xét thấy thân trong thân " ám-chỉ thấy 14 điều, riêng về một điều nào trong thân, tức là thuộc ở trong thân tất cả, như điều nói rằng do hơi thở cũng nói đến quán-xét thấy thân, tức là sô-tức-quán.

Điều nói rằng do oai-nghi cũng nói đến quán-xét thấy thân tức là oai-nghi, như thế này là điển-hình đến những điều khác và điều nói rằng do thọ tâm pháp cũng nên so-sánh với cách này, sẽ nói đặng làm tiêu-biểu chỉ trong câu nói rằng do hơi thở đấy thôi. Về những câu khác chú-giải cũng vẫn-tất giống nhau.

NIDDESA V À R A K A T H A
QUÁN THÂN NIỆM XỨ
(KÀ Y À N U P A S S A N À S A T I P A T T H À N A)

Điều nói về Sồ-Tức-Quan PÀLÌ (Ànàpànasati).

Trong pháp niệm-xứ này có ý nghĩa trong Pàlì rằng : như thế nào chư Tỳ-khuru ! mới gọi rằng Tỳ-khuru quán-xét thấy thân trong thân. Tỳ-khuru trong pháp luật này vào rừng hoặc dưới cội cây, hoặc chỗ không nhà, rồi ngồi kiết-già giữ thân cho thẳng, giữ trí nhớ cho tốt, có sự biết hơi thở ra, có sự biết hơi thở vào khi ta thở ra thở vào, dài hay ngắn cũng nhận biết được. Cần học rằng sẽ nhận định thân tất cả, rồi mới thở ra, thở vào. Sẽ diệt thân hành rồi mới thở ra, thở vào. Chư Tỳ-khuru người thợ tiện hoặc dụng-cụ của người thợ tiện khéo léo khi đập dây dài hoặc ngắn cũng biết được như thế nào. Chư tỳ-khuru khi thở ra thở vào dài hoặc ngắn cũng nhận biết được như thế ấy. Tỳ-khuru ấy cần học rằng : Ta sẽ nhận định thân tất cả, rồi mới thở ra, thở vào. Sẽ diệt thân hành rồi mới thở ra, thở vào, cách này đây gọi là Tỳ-khuru quán-xét thấy thân trong thân. Trong phía trong hoặc trong phía ngoài hoặc cả bên trong và bên ngoài, gọi rằng quán-xét thấy sự sanh hoặc sự diệt hoặc cả sự sanh, sự diệt trong thân, hoặc có trí- nhớ giữ vững rằng : thân hiện hữu chỉ để đặng sự biết, sự ghi nhớ được duy nhất. Và Tỳ-khuru ấy hằng không ý gì không chấp gì trong Thế-gian. Quả như thế này Chư Tỳ-khuru gọi rằng Tỳ-khuru quán-xét thấy thân. Dứt Pàlì điều nói về Sồ-Tức-Quan.

Chú-giải Atthakathà.

Bấy giờ Đức Thế-Tôn có ý muốn làm cho mọi người thấu đạt những pháp cao siêu do thuyết pháp Tứ-Niệm-Xứ Ngài mới chia một Chánh Niệm ra thành 4 cảnh giới theo cách trước nói

rằng “ Con đường đi độc lộ này tức là Tứ-Niệm-Xứ. Tứ-niệm-Xứ là những gì? Tỳ-khưu trong pháp luật này hằng là người quán xét trong thân ” như thế này. Điều này ví như người thợ mảnh sáo tinh xảo muốn làm những đồ dùng khác nhau, như chiếu tre, chiếu mây thô và nhuyễn hoặc cái bầu, cái bịch, oi, giỏ v.v... rồi chẻ một cây tre ra làm 4 miếng và sẽ làm cho thành đồ dùng khác nhau được, như thế ấy. Khi Đức Thế-Tôn chia chẻ pháp Niệm-Xứ ra thành từng điều thành Uddesa ấy, Ngài bèn đề cập thuyết về Niddesavàra bằng cách nhất là “ Như thế nào chư Tỳ-khưu ” Như thế này.

Tiếng nói rằng: “ Đi vào rừng — Pe — đi đến chỗ vắng nhà ” như thế này là vật chỉ đến chỗ ở thích hợp đến sự tiến hành sồ-tức-quan niệm xứ. Kế đây sẽ được trích từ bộ Thanh-Tịnh-đạo đặc biệt vấn-đề liên-quan đến hơi thở (Sồ-tức-quan).

Tiếng nói rằng “ Anàpànasati ” dịch rằng sự niệm hơi-thở. trong điều này việc nên biết có nhiều cách là:

- 1) Thứ loại của hơi thở.
- 2) Chỗ hơi thở đưng nhằm.
- 3) Sự nhận biết hơi thở.
- 4) Chỗ nên tiến-hành.
- 5) Cách thức tiến hành.

Thứ loại của hơi thở.

Hơi thở có 4 loại là . dài, ngắn, thô, tế, hơi thở dài và ngắn nói về hơi thở chậm và nhanh, hơi thở thô và tế ám-chỉ hơi thở theo thường, ám-chỉ hơi thở trong-khi khởi sự tiến hành sồ-tức-quan, tức là hơi thở bình thường thô hiền hơn hơi thở trong khi khởi sự tiến hành sồ-tức-quan, hơi thở khi khởi sự tiến hành thô hiền hơn khi tiến hành lâu rồi và hơi thở khi đắc cận-định, chánh định, khi đắc sơ thiên, nhị-thiền, tam-thiền, tứ-thiền về phía đề-mục chỉ-ệch “ Samathakamatthàna ” về phía đề-mục quán minh “ Vipassanàkammatthàna ” hơi thở khi quán xét đại sanh sắc (Mahabhūtarūpa), y-cứ-sắc (Upàdàyarūpa) sắc pháp danh pháp (Rūpad-

hammanamadhamma), tâm (Citta), tâm-sở (Cetasika) nhân làm cho sắc danh sanh diệt, khi thấy sắc danh là vô-thường, khổ não vô-ngã cách non nớt và cách dưng cảm, luôn đến hơi thở trong khi đắc Thánh đạo Thánh-quả hằng là hơi thở thô và tế hơn nhau thành tăng bậc theo cách như đã giải đây.

Chỗ hơi thở đụng nhằm.

Chỗ hơi thở đụng nhằm ấy có 2 cách là :

1 — Chót mũi — 2 — Môi trên.

Tùy theo người có mũi dài hay ngắn, nếu người mũi dài hơi thở đụng chót mũi, nếu người mũi ngắn hơi thở đụng môi trên.

Sự nhận biết hơi thở.

Sự nhận biết hơi thở ấy có 3 là :

Nhận biết đầu hơi thở, giữa hai thở, cuối hơi thở, nếu hơi thở ra, đầu hơi ở rún, giữa hơi ở tim, cuối hơi ở chót mũi. Nếu hơi thở vào, đầu hơi ở chót mũi, giữa hơi ở tim, cuối hơi ở rún.

Chỗ nên tiến-hành.

Chỗ nên tiến hành sò-tức-quan này tức là rừng, cội cây, nơi thanh vắng. Rừng, nói về rừng ở cách xa xóm nhà 500 khoảng tên (1.000 mét cội cây, nói về cội cây có bóng che tốt. Nơi thanh vắng, nói về nơi không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, sẽ có thể dẫn động tâm cho ưa thích, bất bình, tức là núi, kẻ núi, hang động, nơi tha-ma mộ-địa, giữa rừng thanh vắng, giữa khoảng trống thanh vắng, 7 chỗ này gọi là nơi thanh vắng (Suññàgàra).

CÁCH TIẾN HÀNH

Cách tiến hành ấy phải làm cho đúng với 3 tính (Carita) 3 mùa (Utu) 3 nguyên chất (Dhātu) là : Nếu người tính luyến-ái là người chất gió, thích hành trong chỗ vắng. Người tính sân là người chất có đằm, mặt nhiều, thích hành trong cội cây. Người tính si là người chất đằm thường thường thích tiến hành trong

rừng cho hợp với 3 mùa là : mùa nóng thích tiến hành trong rừng, mùa lạnh thích tiến hành trong cội cây, mùa mưa thích tiến hành trong 7 nơi như núi v.v... đã nói rồi. Khi được nơi hợp rồi, ngồi thiền-định giữ mình cho thẳng, duy-trì trí nhớ cho tốt, tức là chú tâm duy nhất nơi hơi thở đưng nhằm, khi tâm cho nhận-định hơi thở ra vào và hãy tập nhận xét đầu hơi, giữa hơi và cuối hơi hãy tập làm hơi thở thô-hiền cho thành hơi thở vi-tế điều nói rồi đây là cách thức sơ khởi của sự tiến hành đấy thôi.

Pàlì nói rằng " Như thế này gọi là quán-xét thấy thân trong thân, phía trong, hoặc quán-xét thấy thân trong thân phía ngoài, hoặc quán-xét thấy thân trong thân cả phía trong và phía ngoài ..

Chú-giải biện minh rằng : " Như thế này gọi là quán-xét thấy hơi thở trong toàn khối hơi thở, hơi thở ra hơi thở vào của mình hoặc của người khác hoặc cả của mình và cả của người khác trong những khi kế tiếp tức là trong sự tiến hành tinh thực rồi.

Pàlì nói rằng " Quán-xét thấy sự sanh lên trong thân, hoặc quán-xét thấy sự diệt đi trong thân, hoặc quán-xét thấy cả sự sanh lên và sự diệt đi trong thân, nói về sự quán-xét thấy thân lỗ-mũi và tâm rằng là nhân cho gió sanh như ống thụt của người thợ vàng, cán ống thụt, sức kéo thụt làm cho sanh gió như thế ấy và quán-xét thấy rằng khi 3 vật nhứt là thân diệt đi rồi gió cũng d ệt và quán-xét thấy cả 2 là vật làm cho gió sanh và vật làm cho gió diệt tùy thích hợp đến thời gian "

Pàlì nói rằng " Hoặc trí nhớ của Tỳ-khưu trú ở duy nhất rằng thân hiện hữu như thế này cũng chỉ là đề hiệu, chỉ là sự ghi nhớ duy nhất "

Chú-giải biện minh rằng " Nói về sự nghĩ rằng thân hiện có thật, nhưng chẳng phải chúng-sanh, chẳng phải người, chẳng phải nữ, chẳng phải nam, chẳng phải thân ta, chẳng phải là nơi trú của thân ta, chẳng phải ta, chẳng phải của ta, chẳng phải người khác chẳng phải của người khác. Sự suy nghĩ như thế này là

nhân cho được sự hiểu biết cao siêu, cho có trí nhớ biết mình một cách đầy đủ ”.

Pàlì nói rằng “ Tỳ-khuru ấy không ý lại vật gì, không chấp chắc vật gì trong thế gian ”.

Chú-giải nói rằng “ Nói về không ý lại ái-dục và tà-kiến, không chấp mật uẩn nào trong ngũ uẩn rằng là ta hoặc có ở trong ta ”.

Pàlì nói rằng “ Cách này đây chư Tỳ-khuru gọi rằng Tỳ-khuru quán-xét thấy thân trong thân ”

Chú giải biện minh rằng “ Nói về sự quán-xét thấy gió có ở trong toàn bộ gió bằng thể trạng như đã giải rồi phía trước ”.

Sự nghi, nhận định hơi thở ra vào gọi là khồ-đế, ái-dục củ làm cho hơi thở sanh lên gọi là tập đế. Cả hai vật ấy không tiến hành, gọi là diệt đế. Ảnh đạo tức là sự nhận định khồ và tập có diệt là cảnh giới gọi là đạo đế. Sự làm cho rõ về Tứ-Diệu-Đế này là tuần tự tiến lên cho đến A-La-Hán, hằng có đến Tỳ-khuru là người tiến hành sở-Tức-Quan như thế này đây.

Dứt điều nói về Sở-Tức-Quan.

ĐIỀU NÓI VỀ 4 OAI NGHI

Trong phép Niệm-Xứ, điều nói về tứ oai-nghi này :

Pàlì nói rằng “ Còn có một điều nữa là khi Tỳ-khuru đi cũng nhận biết rằng ta đi, khi đứng cũng nhận biết rằng ta đứng, khi ngồi cũng nhận biết rằng ta ngồi, khi nằm cũng nhận biết rằng ta nằm, hoặc là thân của Tỳ-khuru ấy trú ở bằng những thể trạng nào, ý cũng nhận biết thân ấy bằng những thể trạng ấy ” như thế.

Chú-giải biện minh rằng : Trong những lời khác nhau đó có trong Pàlì đem lại nói đây có giảng giải như sau :

Theo lẽ thường của những người luôn đến những chúng-sanh, nhất là chó rừng (chó sói) và chó chóc (chó làng) v.v... khi đi, đứng, ngồi, nằm cũng hằng nhận biết rằng ta đi, đứng, ngồi nằm cũng hằng nhận biết rằng ta đi, đứng ngồi, nằm, nhưng

sự nhận biết loại ấy còn chưa bỏ sự chấp rằng chúng-sanh, chưa dứt sự-quan-niệm rằng ta không khếp về đề-mục Thiền hoặc không kể là sự tiến hành Tứ-Niệm-Xứ. Về tiếng nói rằng "nhận biết" trong Pàli ấy ám-chỉ nhận biết về dứt sự chấp chắc quan niệm sai rằng ta, người, chúng-sanh, khếp về sự nhận biết trong sự tiến hành pháp Niệm-Xứ tức là nói đến sự nhận biết rằng không có chúng-sanh người, ta, kẻ khác gì cả, cái sẽ đi, đứng ngồi, nằm chỉ là thân thể tiến hành do năng-lực của chất gió được sanh từ hành động của tâm (Kiriya-citta). Tức là sự tiến hành của thân thể mà đời gọi rằng ta đi, đứng, ngồi, nằm ấy sự thật là khi nghĩ rằng ta sẽ đi, gió bèn dấy lên làm cho toàn thân đi về phía trước. Khi nghĩ rằng ta sẽ đứng, sự nghĩ ấy bèn làm cho gió sanh lên, gió loại này cũng làm cho toàn thân khởi lên. Khi nghĩ rằng ta sẽ ngồi, gió sanh từ sự nghĩ ấy bèn làm cho thân thể, phần dưới khuất cong vào, về phần trên phát nổi lên, khi nghĩ rằng ta sẽ nằm, loại gió đã sanh từ sự nghĩ ấy cũng làm cho thân duỗi xuống.

Khi thân thể chuyển động đi như đã nói rồi đây. Đời cũng hằng gọi với nhau rằng ta đi, đứng, ngồi, nằm và hiểu luôn rằng ta đi, đứng, ngồi, nằm hẳn thật, nhưng sự thật là sự hiểu sai, cái đúng không phải như thế ấy. Điều này nên hiểu bằng sự ví-dụ như sau đây.

Ở đời nói với nhau rằng cái xe bò đi, cái xe bò dừng, nhưng sự thật không phải cái xe đi, cái xe dừng nghĩa là người lái xe khôn khéo đem bò thắt vào xe rồi lái đi, riêng con bò đi, riêng con bò dừng, về cái xe ấy đi theo, dừng theo con bò, và con bò đi và dừng cũng do năng lực của người lái, người ấy cũng chỉ là lái như thế nào. Thân thể cũng ví như cái xe bởi chẳng nhận biết cái gì, gió phát sanh từ tâm của người suy nghĩ ví như bò thắt vào xe, tâm người suy nghĩ ví như người lái, khi tâm nghĩ lên rằng ta sẽ đi v.v. . . gió cũng sanh khởi lên thân thể cũng tiến hành do năng lực gió sanh từ tâm của người nghĩ, nếu chấp rằng ta đi thì không đúng, bởi tiếng nói rằng "TA"

tức là tâm được ví như người lái xe không phải là người đi, đứng, ngồi, nằm một cách nào cả, chỉ là người lái tức là làm cho gió cử động, gió ấy bèn làm cho thân ví như cái xe chuyển động đi nhưng người đời gọi với nhau rằng chúng-sanh, mình, kẻ khác đi đứng, ngồi, nằm do sự hiểu sai, có sự so-sánh như lời nói rằng cái xe đi cái xe dừng đó vậy.

Trong vấn-đề này chú-giải Sư đã soạn thành bài kệ đề thuyết-minh nhân duyên, cái làm cho thân thể chuyển động đi và diễn xuất ý nghĩa trong kệ ngôn ấy rằng " Chiếu thuyền buồm hằng lướt đi bởi sức mạnh gió, mũi tên hằng bắn đi được bởi sức mạnh dây cung như thế nào, thân thể có nghiệp tạo tác này cũng đi, đứng, ngồi nằm được bởi sức mạnh gió và sức mạnh dây tức là tâm đó vậy. Khi rời khỏi nhân duyên rồi sẽ không làm được gì theo năng lực của mình cả, bởi như thế hãy nên hiểu rằng sự mà Tỳ-khưu được đức Thế-Tôn đem lại thuyết rằng khi y đi, đứng, ngồi, nằm cũng nhận biết rằng mình đi, đứng, ngồi, nằm ấy, ám-chỉ rằng nhận biết cái mà thân-thể tiến hành do khả năng của nhân duyên theo cách đã giải rồi phía trước.

Pàlì nói rằng " hoặc là thân của Tỳ-khưu ấy trú ở do những thê-trạng nào y cũng nhận biết thân ấy do các thê-trạng ấy "

Pàlì điều này là tài liệu chỉ đến sự nhận biết đủ các oai-nghi.

CÁCH TIẾN HÀNH

Kế đây sẽ nói đến cách tiến hành và điều Niệm-Xứ này là khi đi, đứng, ngồi, nằm nên nghĩ rằng không phải ta đi, không phải ta đứng, không phải ta ngồi, không phải ta nằm, chỉ là thân-thể tiến-hành do năng-lực gió, riêng sanh từ tâm thôi, khi tập nghĩ như thế này luôn khi đủ mỗi oai-nghi có thể dứt sự quan-niệm sai rằng chúng-sanh, người, ta, kẻ khác đi được, đến dứt chưa được cũng sẽ cảm thấy giảm sự cố chấp xuống mỗi khi một ít, các sự khổ sầu khác và sự thương, sự ghét mà làm cho sanh sự muốn được v.v.. cũng sẽ từ từ giảm nhẹ xuống đi, tâm cũng

bình thân mát mẻ được an-vui lên.

Dứt điều nói về 4 oai nghi.

ĐIỀU NÓI VỀ 4 SỰ BIẾT MÌNH

Khi đức Thế-Tôn chia chẻ pháp quán thân bằng năng-lực oai-nghi xong rồi, Ngài có ý muốn thuyết bằng năng-lực 4 pháp biết mình cho nên phán rằng " Còn có điều nữa " v. v. . . . Gom ý nghĩa trong Pàli ấy rằng " Tỳ-khuru trong pháp luật này khi bước tới, bước lui, xem tới, xem lui, co vào, duỗi ra, thay y-phục, mặc y-phục, trì-bình, ăn, uống, nhai, nuốt, đại-tiện, tiểu-tiện, đi, đứng, ngồi, nằm, thức dậy, nói, nín tất cả điều này, một điều nào chẳng hạn cũng hằng có sự nhận biết được tốt luôn khi " như thế này (trong điều này được trích ngay ý nghĩa từ chú-giải).

Chú-giải A T T H A K A T H À

Tiếng nói rằng " Sự bước đi phía trước " nói về sự đi tới phía trước. Tiếng nói rằng " sự bước lui " nói về sự trở lui. Cả hai lời này hằng có được nơi cả 4 oai-nghi, là trong sự đi, khi đem thân đi tới trước, gọi là sự bước đi phía trước, khi trở mình gọi là bước lui, trong sự đứng, khi hướng thân đi phía trước gọi rằng bước đi phía trước, khi hướng thân lại phía sau, gọi rằng bước lui, trong sự ngồi, khi ngồi thân ngay thẳng, day mặt về phía trước của chỗ ngồi gọi rằng hướng tới trước, khi ngồi thân ngửa về phía sau gọi rằng hướng lui sau. Về trong sự nằm cũng nên so với cách đã nói rồi đây.

Tiếng nói rằng " xem đi " nói về sự liếc xem phía trước.

Tiếng nói rằng " xem lại " nói về sự liếc xem tùy hướng, nói đến sự liếc xem phía dưới, phía trên, phía sau cũng hằng có nhưng không khếp vào trong chỗ này. Vì trong chỗ này cần dùng đặc biệt hai-cách đó thôi, do khả-năng của sự phải lẽ, lại nữa khếp vào tất cả cũng được, nếu liếc xem cho thành sự phải lẽ của Sa-môn.

Tiếng nói rằng " Sự co vào đuôi ra " ám-chỉ co tay chân vào đuôi tay chân ra (ngoài điều này không có giải thích).

Tiếng nói rằng " Hằng làm sự nhận biết được tốt " là hằng có sự nhận biết được tốt, lại nữa hằng làm tất cả sự, do sự nhận biết được tốt, giải rằng : không xa lìa sự nhận biết tốt đủ mỗi cử động.

Tiếng nói rằng " Sự đi, đứng, ngồi nằm trong điều này rằng do oai-nghi " ấy gọi rằng " Addhānairiyāphatha " dịch là oai-nghi lâu (chậm) ám-chỉ nói đến sự đi lâu, đứng lâu, ngồi lâu, nằm lâu.

Tiếng nói rằng " Sự bước tới, bước lui, xem đi xem lại, co, đuôi " gọi là " Majjhaimairiyāpatha " dịch là oai-nghi bậc trung, ám-chỉ không lâu, tức là vừa bậc trung.

Tiếng nói rằng " đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nín, néi " gọi là " Khuddakacunnīyairiyāpatha " dịch là oai-nghi nhỏ, ám-chỉ không choáng thời gian lâu.

Tiếng nói rằng Sampajañña dịch là sự nhận biết tốt ấy có 4 cách là :

1 — Sāttakāsampajañña sự nhận biết tốt trong điều lợi ích.

2 — Sappāyasampajañña sự nhận biết tốt trong điều vui-vẻ.

3 — Gocarasampajañña sự nhận biết tốt tức là không bỏ cảnh giới, nói về đề-mục thiền mà mình thích, 1 đề-mục nào đã có trong 38 đề-mục.

4 — Asammohasampajañña Sự nhận biết tốt tức là sự không mê-muội.

Trong cả 4 cách nhận biết tốt hoặc biết mình này có giải-thích như tiếp theo là :

1 — Sự nhận-định biết rằng điều nào không lợi ích thì dứt bỏ, chỉ chấp trì điều nào lợi ích, gọi là biết rành trong điều lợi ích (Sāttakāsampajañña).

2 — Sự nhận-định biết rằng cách nào là nơi không vui lòng của mình sẽ làm cho tâm mình nóng nảy thì dứt lánh cách ấy, đi, chỉ chấp trì lấy cái nào làm cho phát sanh sự vui lòng gọi là sự biết mình trong điều vui vẻ (Sappāyasampajañña).

3 — Sự dứt cảnh-giới không hợp tính tình, không đúng với trình-độ tâm của mình, rồi chỉ lựa chấp trì lấy vật hợp với tâm mình, ám-chỉ lựa đề-mục thiền cho đúng với tính gọi là biết mình trong nơi nên đi đến (Gocarasampajañña).

4 — Sự không lầm-lẫn mê tâm trong những điều ấy là không hiểu theo giả-định (Sammati) có lời rằng "Ta bước đi phía trước" v.v... ám-chỉ hiểu theo thượng nghĩa (Paramattha) gọi là biết mình trong điều không mê-muội (Asammohasampajañña)

Tiếng nói rằng hằng làm sự nhận biết được tốt về tất cả câu trong Pàli ấy, thức giả nên hiểu ý-nghĩa do năng-lực của Sampajañña hợp với SATI (tức là có sự nhận biết được tốt cả 4 cách biết mình trong mỗi oai nghi, lời giải đã trình bày rồi đây cũng chưa đủ rõ có thể rõ được trong cách tiến hành, như sẽ giải tiếp theo sau đây :

CÁCH TIẾN-HÀNH

Dành cho sự bước tới và thối lui.

Khi tính sẽ đi đâu hãy nghĩ trước rằng sẽ được lợi ích chăng? sẽ có sự vui vẻ chăng? khi thấy rằng không được, không vui thì đừng đi, nếu thấy rằng được, vui sẽ đi, khi đi cũng chỉ nghĩ đến cảnh-giới lành, đừng lầm-lẫn hiểu quấy rằng ta đi v.v... hãy nghĩ riêng nguyên-chất (đất, nước, lửa, gió) đang đi.

SỰ LIẾC XEM

Khi liếc xem phía này, phía kia chẳng hạn hãy nghĩ rằng sẽ có lợi ích, có sự vui hay không, nếu thấy rằng không có thì hãy nghĩ đi, nếu thấy rằng có thì sẽ liếc xem, khi liếc xem cũng hãy nghĩ đến điều lành, đừng sanh sự hiểu quấy rằng ta liếc xem và đừng cho phát sanh sự thỏa-thích bất bình trong vật được thấy.

Đoạn này Ngài giải-thích sự biết mình trong điều không mê-muội có 2 cách nữa:

Cách thứ nhất có 2 điều là:

Điều 1 — Nói về sự không lăm-lạc trong cảnh giới như là người khách lại thăm và như vật mượn nơi người khác, chốc lát do sự ví-dụ cảnh-giới bên ngoài (lục-trần) nhất là SẮC v.v... ví như khách cảnh-giới bên trong (lục-căn) nhất là con mắt v.v... ví như cái nhà. Tâm đầu tiên, sự nghĩ, sự thấy, sự nhận các cảnh-giới ấy vào, sự kiểm soát, sự ấn-định, giòng tâm đang chạy, cả 7 điều này là chủ của cái nhà. Theo lẽ thường sự thỏa-thích và bất-bình hằng không có đến những chủ của cái nhà này, đến khi giòng tâm chạy đến 7 lần rồi thì mới có (cũng cả 7 điều này có thể trạng mau lẹ lắm, không phải người điều luyện tâm thì hiểu không được). Ngài gọi cả 7 điều này là VITHICTTA dịch là tâm đi theo thứ-tự lộ trình, vấn-đề này Ngài ví sẵn rằng khi khách lại kiểm đề xin một vật gì nếu chủ nhà làm mặt lạnh nhạt không nói năng giao-dịch, khách sẽ ép buộc không thích đáng như thế nào, khi khách tức là cảnh giới bên ngoài vào trong nhà tức là cảnh-giới bên trong về phần cả 7 chủ nhà không thỏa-thích bất-bình thì khách sẽ ép buộc cho làm việc gì không được như thế ấy.

Điều 2 — Là VITHICITTA có sự nhận định v.v... sanh lên rồi bèn diệt đi theo thứ tự, về cảnh-giới bên ngoài cũng giống như vật mượn khi người trong nhà chết hết, chỉ còn một người, và người sống sót cũng phải chết trong khi ấy, khi có như thế họ cũng không có sự nhận biết thỏa-thích, vui sướng như thế nào, khi tâm sanh theo thứ-tự, cả 6 cái cũng diệt rồi chỉ còn giòng tâm, giòng tâm đang chạy cũng sẽ phải diệt trong khi ấy họ cũng không nên thỏa-thích, bất-bình đến vật gì như thế ấy.

Cách thứ hai nói về sự quán-xét rằng ngũ-uẩn (Khandha), lục-căn lục-trần (Āyatana), nguyên-chất (dhātu) chỉ là duyên liếc-xem, chẳng phải ai liếc xem cả, cần tập nghĩ cho hiểu như thế

này, trong khi liếc xem gặp gỡ những gì, nhất là người ta.

SỰ CO VÀO DUỖI RA

Trong sự co vào duỗi ra của tay và chân cần chú ý sự lợi ích và sự vui-vẻ trước và khi co vào duỗi ra ấy cũng đừng bỏ sự nghĩ đến cảnh-giới lành và đừng hiểu sai rằng ta co vào duỗi ra, hãy nghĩ rằng không phải ta co duỗi gì cả, chỉ là tay và chân tiến hành giống như máy và họ điều khiển đó thôi.

SỰ CẦN DỪNG Y - BÁT

Trong sự dùng y Tăng-già-lê, y uất-đà-la-tăng (y vai trái) y an-đà-hội (y nội) và bát phải dùng bằng sự mong mỗi lợi ích đến thân thể đó thôi, đừng mong-mỗi sự xinh đẹp và hãy lựa đặc biệt sẽ làm cho sự vui-vẻ đến mình, khi cần dùng cũng đừng bỏ lơ cảnh giới lành và đừng lầm-lẫn hiểu sai, tức là hãy nghĩ rằng không phải ta dùng. Bởi những vật ấy không có tác-ý, thân cũng giống nhau, nghĩa là những vật ấy cũng không biết rằng dùng thân, về thân cũng không biết rằng dùng những vật ấy, chỉ là nguyên chất dùng nguyên chất đấy thôi, đừng cho sanh sự thỏa-thích bởi được vật tốt đừng cho sanh sự bất-bình bởi được vật xấu, làm cho giống như cây, ô-môi, và giống như cái gấp kẹp than lửa, giống như vải vắn mượt ghẻ không thỏa-thích, bất-bình đến vật gì, như thế ấy.

SỰ ĂN, UỐNG, NHAI, NÉM.

Trong sự ăn, sự uống, nhai, ném cũng nên ngẫm-nghĩ đến lợi ích rằng cách nào sẽ cho lợi và hại đến thân thể và khi ấy cũng hãy ngẫm-nghĩ đến vật tốt đừng cho sự hiểu sai sanh lên, tức là hãy nghĩ rằng sự làm miếng cơm chẳng hạn, sự đưa miếng cơm lên chẳng hạn, sự hạ miếng chẳng hạn là do năng-lực gió sanh từ tâm và răng trên cắn xuống răng dưới, có nước làm cho ngấm, tức là nước miếng nhồi cho nhuyễn rồi, gió bèn đưa xuống, thì lửa đốt, gió cũng đẩy ra do lỗ phía dưới. Đến sự uống, nhai, ném cũng nên nghĩ giống khi ăn, không phải chỉ nguyên nhân

bấy nhiêu đây, trong sự tìm kiếm cũng tìm bằng sự đúng pháp luật, khi kiếm được rồi cũng hãy thọ dụng vừa phải, đừng nên ít quá, nhiều quá, về trong oai-nghi ngoài ra đây tức là sự đại-tiện và tiểu-tiện, đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, nín cũng nên có sự nhận-định tốt rằng cách nào sẽ là lợi ích, làm cho sanh an-lạc, không hư hỏng cảnh-giới ức-niệm (SATTI), có sự lưu-hành kiên-định trong đường lối dứt giả-định cho thành ra thượng nghĩa (Paramattha) mỗi cách đi.

NÓI VỀ THÊ — TRƯỚC (PATIKŪLA).

Khi Đức Thế-Tôn chia quán-thân do năng-lực cả 4 cách biết mình (Sampajañña) như đã giảng giải rồi, Đức Phật có ý muốn thuyết do năng-lực sự dụng tâm trong vật Patikūla, tức là sự ngâm-nghi đến vật đáng nhòm ngắm, có ở trong thân thể để tiêu trừ sự thương mến cho hết dính mắc trong tâm, cho nên Ngài thuyết rằng " Còn có một điều nữa " v.v... Tỉnh-lực ý-nghĩa nói về sự quán-xét này đây, quán-xét bắt đầu từ bàn chân lên đến tóc, bắt đầu từ tóc xuống đến bàn chân, toàn có da bao bọc phía ngoài, về phía trong đầy những đồ dơ bẩn khác nhau, như là " vật có ở trong thân này là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy trong xương, thận, tim, gan, bầy-nhầy, bao-tử, phổi, ruột-già ruột non, vật thực mới, phần, óc, mật, đàm, mủ, máu, mồ-hôi, mỡ dặt, nước mắt mỡ lỏng, nước miếng, nước mũi, nhớt, nước tiểu " như thế này, có thường trực trong thân của người và các chúng-sanh khác và tập quán-xét cho thấy rõ ràng như người có mắt tốt thấy những vật đồ ra từ cái đũa ruột tượng có miệng hai đầu rồi quán-xét thấy hiển-hiện rằng : " thứ này là gạo Sàli (gạo ngon hoặc nếp) đây là lúa, đây là đậu xanh, đây là đậu nành, đây là mè, đây là gạo " như thế ấy.

CÁCH THỰC — HÀNH.

Về cách thực hành rộng-rãi Ngài đã có thuyết sẵn trong bộ Thanh-Tịnh-Đạo rồi. Trong chú-giải này Ngài chỉ nói bằng cách vắn-tắt, chỉ đem lại giải bày duy nhất câu Ngài ví dụ là thân thể gồm có 4 nguyên-chất, Ngài ví như cái đũa ruột tượng có hai

miệng Những thể-trạng nhất là tóc ví như những đồ lẫn nhau ở trong cái đây ấy.

Bạc hành-giả (người tu luyện về tâm) ví như người mắt tốt Điều mà hành-giả quán-xét thấy những thể-trạng ấy được rõ-rệt ví như thể-trạng mà người ấy thấy những vật đó được qua thuộc.

Dứt điều nói về Patikùla.

NÓI VỀ 4 NGUYÊN — CHẤT

Khi Đức Thế-Tôn chia chẻ quán-thân Niệm-Xứ nói về Patikùla dứt rồi Ngài bèn thuyết điều nói về sự dụng tâm trong vấn-đề nguyên-chất tiếp theo.

P À L Ì

Ý-nghĩa trong Pà-lì ấy rằng : “ Tỳ-khuru trong tôn-giáo này hằng quán-xét thân này, nơi trú ở như thế nào ? chỗ để ở rồi như thế nào ? Do nguyên-chất là nơi có ở trong thân này tức là chất đất, chất nước, chất gió, chất lửa quán-xét thấy giống như người giết bò hoặc dụng cụ của người giết bò, đã giết bò rồi đem đi xẻ bán ở nơi ngã tư đường lớn như thế ấy.

A T T H A K A T H À.

Điều này chú-giải sự thuyết diễn rằng người giết bò hoặc đồ dùng của người giết bò, giết bò rồi lóc thịt đem đi bán cho người từ bốn hướng lại ở trong ngã tư đường lớn, nói về giữa đường lớn như thế nào ? Tỳ-khuru trong pháp luật này cũng quán-xét thân nơi trú ở, và để ở trong ngã tư đường lớn tức là cả 4 oai-nghi lớn rằng chỗ có ở trong thân này cũng tức là 4 nguyên-chất đó vậy.

Ngài nói rộng lời ví-dụ cho rộng-rãi ra rằng “ Khi người giết bò họ nuôi giữ chẳng hạn, hoặc khi lừa bò đi đến chỗ giết chẳng hạn, khi lừa đến chỗ rồi cột bò vào với cái cọc hoặc cái trụ chỗ sẽ giết chẳng hạn, giết chết rồi nhưng chưa lóc ra chẳng hạn, họ cũng còn có sự hiểu rằng là con bò, nhưng khi mổ xẻ rồi

đem đi ngồi bán sẽ tiêu vong sự quan-niệm rằng “bò”, phát sanh sự thấy xác-định lên rằng “thịt”, họ không còn nghĩ rằng họ bán bò, khi mọi người mua đó, họ cũng không nghĩ rằng, những kẻ ấy mua bò đi, họ nghĩ chắc trong bụng rằng họ bán thịt, người mua thịt đi. Điều này như thế nào sự so-sánh cũng như thế ấy, nghĩa là trong khi Tỳ-khưu trong Phật giáo này hiện là phạm nơn đang hồi còn cư-sĩ tại-gia hoặc xuất-gia rồi chẳng hạn cũng còn có sự hiểu rằng : “Đấy là người, đấy là chúng-sanh”, nhưng khi được chia thân này ra quán-xét thấy chỉ là Dhātu, sẽ hết ngộ-tướng (Sāṅnavipalāsa) từ trước làm cho sự hiểu đúng-đắn phát sanh lên rằng “Cái có ở trong thân này chỉ có chất đất, chất nước, chất gió, chất lửa” ấy thôi.

CÁCH TIẾN — HÀNH.

Người muốn tiến-hành pháp Tứ-Niệm-Xứ điều này nên học thuộc 4 nguyên-chất cho biết đủ trong vấn-đề 4 nguyên chất cho tốt trước rằng tiếng nói rằng “Dhātu”, dịch là thế nào? Cái nói rằng chất đất, nước, gió, lửa thứ nào nói về cái gì? và thứ nào có bao nhiêu?

Khi học thuộc lòng chín-chấn rồi sẽ tập quán-xét thì mới thấy đặc-tính, không phải chỉ nhớ được vừa vấn-tất rằng chất đất, nước, gió, lửa chừng ấy thôi mà cần phải quán-xét cho hiểu vi-tế, rộng-rãi mới dùng được, khi được thấy người, chúng-sanh là đất, nước, gió, lửa chút ít đi trong đôi khi thì sẽ không phóng túng tham đặc đến người, chúng-sanh nhiều lắm, sẽ nhắc-nhở đến tâm không cho thương lắm, đến đôi phải đành dứt chém giết nhau, hoặc đến đôi lìa sanh-mạng mình bởi sự thương và khi sẽ rã tan chết cũng nghĩ được rằng, chẳng phải ta chết, chẳng phải họ chết, riêng biệt nguyên-chất rã tan, sẽ giảm thiểu ngăn-ngừa được sự sợ hãi, sự buồn rầu cho ít xuống.

Vả lại cách tiến-hành pháp Niệm-Xứ điều này Ngài thuyết rộng-rãi trong bộ Thanh-Tịnh-Đạo rồi, ở đây chỉ giải bằng cách vấn-tất.

Dứt điều nói về nguyên chất.

Điều nói về 9 thứ bất tịnh (Asubha)

Khi Đức Thế-Tôn chia chẻ quán thân Niệm-Xứ do năng-lực nguyên-chất dứt rồi, bây giờ Ngài phân tách bằng sự thuyết theo 9 thứ bất tịnh hoặc tử-thi (Asubha) cho nên có lời Phật-ngôn bố-thí pháp rằng " Còn một điều nữa chư Tỳ-khuru „ như thế này v.v... tóm lược ý nghĩa trong Pà-lì ấy rằng 9 thứ Asubha này là :

1 — Asubha vật bất-tịnh hoặc tử-thi chết 1 ngày hoặc 2 ngày hoặc 3 ngày đã sinh to có những màu xanh khác nhau (máu và mủ ứ lại) có nhiều mủ tươm chảy ra.

2 — Asubha có những loài thú khác nhau như quạ và kên kên v. v. . . cắn ăn rồi.

3 — Asubha còn có bộ xương, thịt, máu, gân đan chần-chịt

4 — Asubha không có thịt, chỉ còn bộ xương và gân chần-chịt lấm bằng máu.

5 — Asubha không có cả thịt và máu chỉ còn bộ xương và gân đan chần-chịt.

6 — Asubha không có thịt máu và gân chỉ có bộ xương rời-rời ở trong những nơi khác nhau.

7 — Asubha chỉ có xương trắng như xa-cừ.

8 — Asubha chỉ có đống xương nằm hăng năm.

9 — Asubha chỉ có xương mục thành bột rồi. Gồm thành 9 thứ với nhau, khi Tỳ-khuru thấy những Asubha này chỉ một thứ nào chẳng hạn cũng hướng nghĩ vào so-sánh với thân ta rằng " Thân ta cũng có như thế này là thường tình, sẽ phải là như thế này, không thoát sự này đi được „

Trong điều này Ngài cũng không thuyết rộng và điều khác biệt Pà-lì cũng chỉ có giải thích từ và đếm Asubha về ý nghĩa cũng có chút ít như nói rằng " Điều mà thân sẽ trở thành những Asubha ấy, cũng bởi hết 3 thứ là : Tuổi thọ, sự ấm-áp, tâm-thức đó thôi "

CÁCH TIÊN — HÀNH

Người mong mỗi sẽ tiến-hành Điều Tứ-Niệm-Xứ này là vật làm cho giảm bớt sự thương yêu vừa lòng trong thân-thể và sự say-đắm mê-muội trong sanh-mạng cho nhẹ nhàng bớt đi thì nên thực-hành như sau :

Khi biết rằng người chết hoặc thú chết, thấy cái hòm có tử-thi bên trong, thấy tử-thi mà họ đang đốt hoặc chôn hoặc tử-thi nổi trên nước, hoặc chỉ thấy xương hãy liền nhớ đến thân ta cũng phải như thế này không thoát sự như thế này được. Hãy có sự ghi nhớ như thế này luôn khi, mỗi khi được thấy Asubha, hoặc mỗi khi đi làm công việc liên-quan đến tử-thi như đi rảy nước tử-thi hoặc an-tán tử-thi hoặc đi tụng kinh cầu-siêu v.v... (Pansukùla) và khi được gặp thấy rồi hãy chú-ý cho tốt rằng tử-thi ấy như thế nào ? để đặng nghĩ đem lại quán-xét trong khi trở về chỗ ở của mình.

Nếu người tính sẽ tiến-hành cho đặc đến thiền nhập-định được đạo quả Niết-bàn thì hãy học hỏi thực hành theo bộ kinh VISUDDHI MAGGA cho đầy đủ.

Dứt điều nói về ASUBHA.

Thật sự 6 điều quán thân Niệm-Xứ này Ngài chia ra thành 14 điều

Trong 14 điều ấy cái chia thành đề-mục Sở - Tức - Quan có 2 là :

— Điều nói về hơi thở.

— Điều nói về thể - trước (Patikùla)

12 điều nữa Ngài nói về đề-mục cận-định.

Lẽ thường trong mỗi điều ấy ám-chỉ về nhân cho người tiến-hành đặc cận-định (Upasàrasamàdhi và Chánh-định Appanà-samàdhi) y như ý nguyện theo những pháp đã chỉ rồi ấy.

Dứt quán thân Niệm-Xứ.

QUÁN THỌ NIỆM XÚ

(VEDANÀNUPASSANÀSATIPATTHANA)

Trong điều niệm xứ này có ý nghĩa trong Pàli ấy rằng " Khi Tỳ-khuru được thọ cả 9 điều là — Sukhavedanà: Sự thọ vui.

— Dukkavedanà: Sự thọ khổ.

— Adukkhamasukhavedanà: Sự thọ không khổ không vui.

— Sàmisasukhavedanà: Sự thọ vui có vật chất.

— Niràmisasukhavedanà: Sự thọ vui không vật chất.

— Sàmisaadukkavedanà: Sự thọ khổ có vật chất.

— Niràmisaadukkavedanà: Sự thọ khổ không vật chất.

— Sàmisaadukkhamasukhavedanà: Sự thọ không khổ không vui có vật chất.

— Niràmisaadukkhamasukhavedanà: Sự thọ không khổ không vui không vật chất.

Một điều nào trong những điều này cũng phải biết liền rằng được thọ những điều ấy.

ATTHAKATHA

Khi Đức Thế-Tôn thuyết pháp về 14 điều quán thân niệm xứ xong rồi Ngài bèn thuyết 9 điều quán thọ niệm xứ này rằng: " Như thế nào chư Tỳ-khuru " điều gọi rằng Tỳ-khuru quán xét thấy thọ trong các thọ " như thế này v.v. . .

Trong những lời ấy tiếng nói rằng " hằng nhận biết hoặc là thọ đã có trong Pàli rằng: Khi tỳ-khuru được thọ vui hoặc thọ khổ hoặc thọ không vui không khổ v.v. . . thì hằng nhận biết rằng ta được thọ như thế ấy " điều này không ám-chỉ sự nhận biết theo giả định đâu, ám-chỉ nhận biết theo thực nghĩa mà thôi,

bởi sự nhận biết theo giả định ấy dù ai cũng có, dù trẻ thơ đang nằm ngửa trong nôi khi được thọ vui trong giờ uống sữa cũng hằng nhận biết được rằng là an-lạc. Tiếng nói rằng: "Nhận biết trong Pàli ấy không ám-chỉ sự nhận biết như sự nhận biết của trẻ con ấy, bởi sự nhận biết như sự nhận biết của trẻ con còn chưa dứt sự quan-niệm rằng người, chúng sanh không khép về đề-mục thiền hoặc sự tiến hành tứ-niệm-xứ đâu, về tiếng nói rằng: "hằng nhận biết" trong Pàli ấy ám-chỉ sự nhận biết phản nghĩa ngay với điều đã nói rồi tức là nói về sự nhận biết rằng "chẳng phải chúng-sanh người gì nhận biết, sự nhận biết này không phải là của ai Vedanà, lẽ thường là vật nhận biết hoặc thọ riêng biệt làm cho nhân của sự an-vui v.v... ấy thành cảnh giới rồi hằng nhận biết".

Khi đức Thế-Tôn thuyết về Đề-mục sắc (Rùpakammaṭṭhàna) tức là quán-thân niệm-xứ dứt rồi. Khi Ngài thuyết vô-sắc đề-mục (Arùpakammaṭṭhàna) Ngài bèn thuyết do năng-lực của Vedanà. Về 2 đề-mục thiền là sắc đề-mục và vô sắc đề-mục này bậc trí-tuệ cũng có gọi rằng Rùpapariggaha, Arùpapariggaha.

Trong cả hai đề mục thiền ấy, khi Đức Thế-Tôn thuyết về sắc đề-mục (Rùpakammaṭṭhàna) Ngài hằng thuyết sự nhận định 4 nguyên-chất do năng-lực của sự chú-ý bằng cách vẩn-tắt hoặc bằng cách rộng-rãi. Hai cách chú-ý (Manasikàra) ấy Ngài Buddhaghosa đã diễn-giải trong bộ Thanh-Tịnh-Đạo bằng nhiều thể-trạng rồi. Đến khi Ngài thuyết Arùpakammaṭṭhàna phần nhiều Ngài hằng thuyết do năng-lực của Vedanà. Về Abhinivesa tức là sự thực-hành trong vô-sắc đề-mục có 3 cách do năng-lực của xúc (Phassa), thọ (Vedanà), tâm (Citta). Điều này như thế nào? Như thế này là có người quán-xét Rùpakammaṭṭhàna bằng cách vẩn-tắt hoặc rộng-rãi, xúc sẽ sanh lên đúng với cảnh của đề-mục trong khi tâm và tâm sở đi vào duy nhất nơi đầu tiên (tức là sanh lên lần đầu tiên) trong cảnh ấy hằng rõ-rệt đến họ. Con người có thọ rõ-rệt, con người có thức rõ-rệt. Người nào có xúc rõ-rệt, người ấy hằng nhận định quán-xét các pháp có xúc là thứ 5 rằng không

phải sanh từ xúc, dù thọ nhận biết cảnh ấy chẳng hạn, tưởng nhớ cảnh giới ấy chẳng hạn, tác-ý, nghi-ngợi cảnh-giới ấy chẳng hạn, thực sự nhận biết cảnh giới ấy chẳng hạn cũng hàng đồng sanh lên với xúc ấy, người nào có thọ rõ-rệt người ấy hằng nhận-định quán xét pháp được tới 5 điều, có xúc là thứ 5 rằng : Chẳng phải chỉ thọ sanh lên mà thôi, đến xúc tưởng, tác-ý, thức cũng hằng sanh lên nữa. Người nào có thức rõ-rệt người ấy hằng nhận-định quán-xét pháp được đến 5 điều có xúc là thứ 5 rằng chẳng phải chỉ có thức sanh lên bấy nhiêu đấy, đến xúc, thọ, tưởng tác-ý cũng hằng sanh lên nữa. Khi nhận-định quán-xét được như thế này rồi nếu quán-xét thấy rằng các pháp có xúc là thứ 5 ấy nương nơi cái gì ? thì sẽ hiểu được rằng nương nơi vật tức là nhục thân (Karajakàya) do ý nghĩa tức là khi quán-xét về đại danh sắc (Mahàbhùtarùpa) và y cứ sắc (Upàdàyarùpa) gọi là quán-xét về pháp tức là danh và sắc đó vậy, nghĩa là pháp có xúc là thứ 5 gọi là danh, vật tức là nhục thân gọi là sắc. Và trong danh sắc này sắc uẩn gọi là sắc, 4 vô-sắc uẩn gọi là danh, gồm thành ngũ-uẩn thì ngũ-uẩn ngoài danh và sắc ra hoặc danh và sắc ngoài ngũ-uẩn ra thì không có. Khi quan-sát rằng cả ngũ-uẩn này nương gá cái gì ? thì sẽ hiểu được rằng nương nơi nhân nhứt là vô-minh (Avijjà) khi nhận-định biết như thế này rồi cũng sẽ thấy rằng chẳng có chúng-sanh, người chi cả, chỉ có toàn một khối của hành (Sankhàra) rồi đem danh và sắc cùng như với duyên lên đến 3 tướng quán-xét rằng vô thường khổ não vô-ngã như thế này đi bằng thứ-tự của quán minh hoặc minh-sát-tuệ (Vipassanà). Nếu được mùa (Utu), người (Puggala), vật-thực (Bhojana), nghe pháp (Dhammassavana) là nơi yên vui trong ngày mong đến sự giác-ngộ có thể được thấu triệt A-La-Hán quả trong khi đang ngồi quán-xét ấy. Khi Đức Thế-Tôn thuyết đề-mục thiên sẽ đưa cho đấng A-la-hán đến cả 3 nhóm người như cách-thức đã nói rồi đây. Nhưng trong điều Niệm-Xứ này khi Đức Thế-Tôn thuyết về Arùpakammatthàna Ngài thuyết do năng-lực của Vedanà. Bởi đề-mục về sắc mà Ngài thuyết do năng-lực của xúc và thức hằng không rõ-rệt giống như nơi tối, nhưng nếu Ngài thuyết do

năng-lực của thọ thì rõ-rệt lên được, bởi như thế nào? Bởi thọ sanh lên hằng rõ-rệt (về thọ rõ-rệt dễ thấy được tức là thọ vui hoặc thọ khổ còn thọ vô-ký thì khó thấy được), bởi khi an-lạc sanh lên toàn thân thể hằng thấm nhuần do sự thỏa-thích như có người cho uống bơ lỏng đã thảng cả trăm lần, như làm cho sự nóng-nực mất đi bằng cả trăm lu nước hằng làm cho phát ngôn rằng "an-vui thật, an-vui thật".

Khi khổ sanh lên (có thể-trạng phản nghĩa ngay) tức là làm cho toàn thân-thể thấm-nhuần do sự không vừa lòng, giống như lội xuống sông, rạch nước nóng, hoặc dội bằng nước đồng đang nóng sôi hoặc giống như quăng đuốc lửa vào trong rừng cỏ khô đó vậy, trong khi ấy hẳn sẽ nói rằng "khổ thật, khổ thật". Sự thọ vui và thọ khổ sanh lên hằng thấy được dễ như điều này, còn thọ không khổ không vui là vật khó thấy được bởi không rõ-rệt, chắc-chắn chỉ hiểu với nhau theo những cách là: sự thọ ở giữa của sự hoan-hỷ và bất bình làm cho sanh vui và khổ, điều này ví-dụ như thế nào? như người thợ săn khi rượt theo dấu con thú đã chạy trốn lên tảng đá, khi quan-sát không thấy dấu thú ở phía này phía kia thì biết theo cách rằng thú chạy theo giữa tảng đá như thế nào thì sự so-sánh cũng như thế ấy, nghĩa là sự thọ vui sanh lên ví như dấu chân thú chạy lên tảng đá, sự thọ khổ sanh lên ví như dấu chân thú chạy từ tảng đá xuống, nếu không có vui hoặc khổ thì chúng ta sẽ hiểu được rằng là thọ không vui không khổ hoặc gọi một cách khác là thọ vô-ký vậy.

Về cả ba thọ là vui, khổ, không vui không khổ, mỗi thứ sanh lên một lần, nghĩa là không sanh đồng nhau và là vật vô-thường, không tồn-tại, có sự biến đổi là thường tình, điều này đúng với lời Đức Thế-Tôn thuyết cho ông Bà-la-môn Aggivessana rằng "Chính đây! Aggivessana trong khi thọ vui sanh lên, hằng không có khổ hoặc sự không khổ không vui, trong khi thọ khổ sanh lên, hai thọ kia cũng không có hoặc trong khi sự thọ không khổ không vui sanh lên, cũng không có các thọ khác lẫn-lộn.

Và lại cả 3 thọ ấy toàn là vô-thường, toàn là có nhân tạo tác nương nơi nhân sanh lên, có sự diệt vong là thường tình, có sự hư-hoại là thường tình, có sự đứt bỏ là thường tình, có sự tịch-diệt là thường tình. Khi bậc thánh Thỉnh-văn thấy như thế này hằng chán nản trong những vấn-đề thọ ấy, khi chán nản thì dứt trừ sự thỏa-thích và bất bình khi dứt trừ rồi thì giải-thoát, khi giải-thoát cũng biết rõ rằng mình giải-thoát rồi, hết sự sanh rồi, thực-hành phạm-hạnh xong rồi, không cần phải làm gì nữa, để cho giải-thoát khỏi khổ, như thế này ».

Trong lời nói rằng « Sự thọ vui v.v... có giải thích như sau đây :

Thọ vừa ý (Somanassavedanà) nương nơi nhà (là cảnh giới giống như cái nhà) có 6 cảnh là sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp lọt vào vật chất là ngũ-dục (Pañcakāmaguṇa) gọi rằng thọ vui lẫn vật chất (Sāmisāsukha) thọ vừa ý về ngoài nhà (Nekkhamma) có 6 cách là sự thỏa-thích trong việc quán-xét thấy vô-thường, khổ-não trong 6 cảnh nhưt là sắc cảnh v.v... gọi là thọ vui ngoài nhà (Nirāmisāsukha).

Thọ trái ý (Domanassavedanà) nương nơi nhà có 6 cách là sự trái-ý trong 6 cảnh nhưt là sắc v.v... gọi là thọ khổ lẫn vật chất (Sāmisadukkha).

Thọ trái ý nương nơi xuất-gia 6 cách là sự trái ý trong việc không được đức tính cao-siêu xứng với điều mình quán-xét thấy sự vô-thường, sự khổ-não trong 6 cảnh nhưt là sắc ấy gọi là khổ không vật chất (Nirāmisadukkha).

Thọ vô-ký (Upekkhāvedanā) nương nơi nhà 6 cách là sự lơ-là trong 6 cảnh nhưt là sắc cảnh gọi là thọ vô-ký lẫn vật chất (Sāmisadukkhamasukha)

Thọ vô-ký nương nơi xuất-gia 6 cách là sự lơ-là, trong 6 cảnh nhưt là sắc đến mình thấy sự vô thường, khổ-não, gọi là thọ không khổ không vui không vật chất (Nirāmisadukkhamasukha).

Sự chia thọ bảy nhiều đây có trong Pàlì nơi Upasapannāsaka rồi vậy.

Dứt ý nghĩa trong chú-giải chỉ có bảy nhiều đây.

CÁCH TIẾN — HÀNH

Trong điều Niệm-Xứ này người cầu tiến-hành nên học cho hiểu đầy đủ cả 9 thọ như đã giải rồi cho hiểu tốt đã, rồi tập nhận xét rằng khi nào ta được thọ loại nào, khi nhận biết thứ loại chắc chắn rồi, tập nhận định bằng thượng nghĩa (Paramattha) là tập nghĩ rằng chẳng phải ta khổ hoặc vui, hoặc vô-ký, lẽ thường riêng cái có bốn phận biết, tự biết, điều quan-trọng cuối cùng là trong khi ly-biệt khỏi sự thương yêu làm cho sanh khổ hoặc khổ bởi sự tai họa hoặc đau ốm một cách nào, phải quán-xét như thế này hoặc quán-xét theo điều đã nói trong lời thuyết minh (Uddesa) đã nói đến cách quán-xét 3 sự thọ được nhiều hơn là điều tốt, bởi sẽ làm — cho tiêu trừ khổ được theo ý muốn.

Dứt quán thọ Niệm-Xứ.

QUÁN TÂM NIỆM XÚ⁹

(CITTANUPASSANĀSĀTIPATTHĀNA)

Trong điều niệm-sứ này có ý nghĩa trong Pàli rằng : « Những cách nào chư Tỷ-khuru ! cho nên gọi rằng Tỷ-khuru quán-xét thấy tâm trong tâm » như thế này là Tỷ-khuru trong pháp luật này hằng nhận biết tâm có luyện-ái hoặc xa lìa luyện-ái (Rāga) có sân-hận hoặc xa lìa sân-hận (Dosa) có si-mê hoặc xa lìa si-mê (Moha) hôn-trầm, hoặc phóng tâm, có cảnh giới tốt, hoặc có cảnh giới không tốt, còn có cái khác tốt hơn, hoặc không có cái khác sánh bằng, trú-vững hoặc không trú-vững, giải-thoát hoặc không giải-thoát, nghĩa điều này đủ cả 16 thứ.

Chú-giải (Atthakāthā) ý nghĩa trong chú-giải nói rằng khi Đức Thế-Tôn thuyết xong 9 điều quán thọ, bèn thuyết 16 thứ quán-Tâm tiếp theo lời thuyết minh của Pàli rằng (Những — cách nào chư Tỷ-khuru) như thế này v.v... trong cả 16 loại quán tâm ấy, có giảng-giải như sau đây :

1 — Sarāgāmcittam tâm có luyện-ái nói về tâm hợp với tám cách tham-lam (Lobha).

2 — Vitarāgāmcittam tâm xa lìa luyện-ái nói về tâm thiện và tâm vô-ký về phía thế-gian (Lokiya).

3 — Sadosāmcittam : Tâm có sân-hận nói về tâm hợp với hai cách trái ý (Domānassa).

4 — Vitadosāmcittam : Tâm xa lìa sân-hận nói về tâm thiện và tâm vô-ký về phía Thế-gian.

5 — Samohāmcittam : Tâm có si-mê nói về tâm hợp với hai cách là sự nghi ngờ và phóng túng.

6 — Vitandhamcittam : Tâm xa lìa si-mê nói về tâm thiện và tâm vô-ký về phía Thế-gian.

7 — Samkhittamcittam : Tâm có hôn-trầm nói về tâm buồn ngủ.

8 — Vikkhittamcittam : Tâm có phóng túng nói về tâm buông lung.

9 — Mahaggatamcittam : Tâm có cảnh lớn nói về tâm hành trình sắc giới và hành-trình vô-sắc giới.

10 — Amahaggatamcittam : Tâm không có cảnh lớn nói về tâm hành-trình trong dục-giới.

11 — Sauttaramcittam : Tâm có cái khác tốt hơn nói về tâm hành-trình trong dục-giới.

12 — Anuttaramcittam : Tâm không có cái khác sánh bằng, nói về tâm hành-trình trong sắc và hành-trình vô-sắc.

13 — Samàhitamcittam : Tâm trú-vững nói về tâm cận-định và nhập-định hoặc chánh-định

14 — Asamàhitamcittam : Tâm không trú-vững nói về tâm xa lìa cả hai định ấy.

15 — Vimuttamcittam : Tâm giải-thoát nói về tâm giải-thoát khỏi phiền-não, theo năng-lực của mình, hoặc theo năng-lực thiện, không ám-chỉ tâm giải-thoát một cách dứt khoát và giải-thoát một cách tịch diệt cũng là giải-thoát một cách ly thoát ra khỏi Thế-gian đâu.

16 — Àvimuttamcittam : Tâm không giải-thoát nói về tâm xa lìa cả hai sự giải-thoát đoạn trước và 3 sự giải-thoát đoạn sau.

Gom ý nghĩa rằng cả 16 tâm theo như đã giải đây toàn là còn Thế-gian tâm.

Dứt chú - giải

CÁCH TIÊN-HÀNH

Người có ý muốn tiên hành điều Niệm Xứ này nên tập nhận xét tâm của mình luôn khi, nghĩa là hãy nghĩ rằng : Thời này tâm của ta như thế nào ? thỏa-thích hay bất bình, tối mê hay minh mẫn, hôn trầm hoặc phóng tâm, là tâm dục giới hay sắc giới, vô sắc giới trú vững hay không vững, giải-thoát hay không giải thoát nghĩa là buông-trần-cảnh hay không buông, khi hiểu rằng là tâm loại nào rồi hãy nghĩ rằng tâm như thế này, cũng không phải là như thế này luôn khi, như tâm đang thương cái gì, cũng phải nghĩ rằng, nó không thương đều mỗi hơi thở nó cũng bỏ cái này đi thương cái khác hoặc đi ghét cái khác hoặc trở lại ghét cái này trong một thời gian nào chắc-chắn, hoặc khi khổ tâm cũng phải nghĩ rằng cũng không khổ tâm như thế này luôn khi, phải có khi hết khổ, hoặc khổ bởi vấn-đề gì chẳng hạn hãy nghĩ rằng cũng chẳng khổ như thế này luôn khi, phải có khi an-vui chắc-chắn, nếu thấy rằng tâm thiện một tầng bậc nào chẳng hạn, thấy rằng tâm vững chắc cách nào chẳng hạn, thấy rằng tâm giải-thoát khỏi sự dính mắc một cách nào chẳng hạn, phải giữ-gìn tâm ấy và hãy bồi dưỡng làm cho tuần-tự cao lên,

Khi nói một cách vắn-tắt nếu thấy rằng cái tâm nào không tốt kiếm cách mau chữa trị cho tâm tốt lên, đừng để cho tâm bệnh, bởi luôn khi tâm là bệnh, có thể cắt đứt lợi ích mà mình mong mỏi. Nếu thấy rằng tốt hay giữ cho còn và cố gắng làm cho tốt hơn lên mới có thể được thọ quả lành sanh do tâm, nghĩa là khi tâm tốt, tâm sẽ chỉ huy thân khẩu cho làm và nói và chỉ suy nghĩ điều tốt.

Cách sửa trị tâm xấu cho thành tâm tốt và làm cho tâm tốt càng tốt thêm lên ấy, liên quan điều nói về pháp chương ngại hoặc pháp cái (Nivarana).

Khi nói đến quả của sự tiến hành điều niệm xứ này có nhiều lắm đưa cho đến A-La-Hán. Chỉ tăng bậc tập nhận xét cho hiểu rằng là tâm loại nào, bấy nhiêu đấy cũng đã có quả tức là một sự vui lòng, và sẽ bắt tư thế của mình được, là khi tâm như thế này, thân và khẩu cũng là như thế này, kể sau sẽ xem người khác ra nữa, sẽ giúp cho thân cận người đúng-đắn, điều sẽ cho quả lành như sự xem sách và xem đồ vật ra vậy.

Xin đừng quên cách thức quán tâm và nói trong lời thuyết minh.

Dứt quán tâm niệm-xứ.

QUÁN PHÁP NIỆM XÚ

(DHAMMANUPASSANÀSATIPATTHANA)

Điều nói về pháp cái (Nivarana)

PÀ LÌ

Trong điều này gom ý nghĩa trong Pàlì rằng (Tỳ-khưu trong pháp tuật này hằng quán xét thấy pháp trong các pháp, nói về Niva-rana: (vật cản ngại điều lành nghĩa là ngăn cản không cho làm việc lành) có 5 điều là :

1) Kàmachanda : tình-dục, sự vừa lòng, thương thích trong ngũ-dục.

2) Byàpada bất bình, sự hủy-hại.

3) Thìnamiddha : Hôn-trầm, sự buồn ngủ và dãi-đãi.

4) Uddhacca Kukkucca : Phóng tâm, sự buông-lung và bực-bội.

5) Vicikicchà :hoài-nghi, sự lưỡng lự trong tâm.

(Các điều này cái này có trong mình hoặc không có và biết nguyên nhân sẽ làm cho Nivarana phát sanh lên và phương pháp để diệt tức là sửa trị điều Nivarana đã sanh lên rồi đừng cho sanh nữa) như thế.

Riêng về sân-hận (Dosa), điều Nivarana, Ngài không nói trong chú-giải, điều sẽ nói đoạn sau, bởi có ấy sẽ xin nói trong chỗ này một cách vắn tắt là :

Điều một : làm cho nóng, muốn được ngũ-dục, điều mình ưa-thích vừa lòng và khi được rồi thì làm cho mê mẩn, đắm say khi xa lìa khỏi điều mong muốn thì buồn rầu và có thể khiến cho tìm kiếm bằng đường lối quấy.

Điều hai : Làm cho mất thì giờ tìm kiếm điều tốt dành cho mình và làm cho nóng lòng cả trong khi suy-tính, trong buổi đầu, chận giữa và tiếp theo, nếu đã phá hoại kẻ khác vừa với sự mong mỏi của mình thì phải bị chịu tội tùy phải lẽ đến sự sai quấy, nghĩa là sự nóng lòng là điều bên trong và được nhận sự đền bù hoặc pháp luật là điều bên ngoài.

Điều ba : Làm cho hết sức suy tính và khả năng trong những công việc.

Điều bốn : Làm cho thành người tởi-bại, với cái gì cho thành điều hay lẽ phải không được.

Điều năm : Không làm cho dưng cảm làm việc lành cái chưa làm được, hoặc khiến cho dứt bỏ điều lành, cái đã làm rồi, điều này bao hàm ý nghĩ suốt mọi vấn-đề, cái còn trong sự nghi-ngờ, đúng với chỗ Đức Thế-Tôn phân tách trong Vi-Diệu-Pháp bộ Sangihà rằng nói về sự nghi ngờ có 8 cách là :

1. — Sự nghi ngờ trong Phật-Bảo.
2. — Sự nghi ngờ trong Pháp Bảo.
3. — Sự nghi ngờ trong Tăng-Bảo.
4. — Sự nghi-ngờ trong điều học (nghĩ rằng 4 điều này sẽ cao thượng thật chăng?).
5. — Sự nghi ngờ trong nơi cuối cùng phía trước.
6. — Sự nghi-ngờ trong nơi cuối cùng phía sau.
7. — Sự nghi ngờ trong nơi cuối cùng cả phía trước và phía sau (Nói về sự nghi ngờ trong sự tiến trình của mình trong quá khứ và vị-lai hoặc nghĩ rằng trong quá-khứ, vị-lai như thế nào?).
8. — Sự nghi-ngờ trong thập-nhị nhân-duyên Paticcasamup-pàda (là pháp liên quan với nhau thành sợi dây, nương gá với nhau sanh và diệt có 12 thể nhưt là vô-minh).

Chú-giải Atthakàthà điều mà Đức Thế-Tôn thuyết quán thân Niệm-Xứ ấy, là điều Ngài thuyết đến sự quán xét về sắc thời. Về

quán thọ Niệm-Xứ và quán tâm Niệm Xứ Ngài thuận thuyết đến sự quán-xét về vô-sắc. Còn quán pháp niệm-xứ gồm cả sắc và vô-sắc.

Lại nữa Ngài thuyết Quán-thân niệm-xứ, dạy bằng sự quán-xét sắc uẩn một cách thôi. Về quán-thọ niệm-xứ, dạy bằng thọ-uẩn. Quán tâm niệm-xứ, dạy bằng thức-uẩn. Quán pháp-niệm-xứ dạy bằng tướng-uẩn, (và hành uẩn) trong những từ có trong Pàli ấy đều nói rằng "CÓ" ám-chỉ rằng hiện đang sanh hoặc đang dậy lên.

Điều nói rằng "không có" tức là chưa sanh hoặc đang diệt, (về nhân sẽ làm cho Nivarana sanh diệt và dập tắt bằng cách dứt khoát ấy Đức Thế-Tôn đã thuyết trong những nơi khác rồi, mà các vị A-Xà-Lê chú giải gom-góp lại, trong chú-giải này có ý nghĩa như tiếp theo sau đây).

Nhân đề làm cho Kàmachanda sanh lên hoặc dậy lên, nói về sự suy tính bằng cách vô phương-pháp trong hiện tượng cho là tịnh (Subhanimittāyoniso manasikāra).

— Sự suy tính bằng cách không có phương-pháp (Anupāy-amanasikāra).

— Sự suy tính bằng cách không nhằm đấng nói về sự tính thấy cảnh vô-thường, không vui không phải ta, không tịnh rằng là vật thường, là vật làm cho sanh an-lạc, là ta, là vật tịnh (Uppathamanasi thường, là vật làm cho sanh an-lạc, là ta, vật là tịnh (Uppathmanasikāra).

Về nhân đề chữa trị Kàmachanda Ngài thuyết 2 cách là :

Cách thứ nhất nói về sự suy tính hoặc sự quán-xét phân nghĩa lại với những điều đã nói trên đây.

Cách thứ hai nói về 6 pháp là :

- 1) Asubhanimittāuggaha sự học về hiện tượng bất tịnh.
- 2) Asubhābhāvanānuyoga sự thực hiện trong cách tiến tu về bất tịnh.

- 3) Indriyaguttadvàratà chế ngự trong các căn
- 4) Bhojanamattaññutà biết tiết độ trong vật thực.
- 5) Kalyànamittatà sự có bạn lành.
- 6) Sappàyakathà chỉ nói điều vui vẻ.

— Tiếng nói rằng « Học về hiện-tượng bất tịnh và thực hiện trong điều tiến tu bất tịnh » nói về học và luôn tu chú ý trong 10 điều Asubha.

— Tiếng nói rằng “ Chế ngự trong các căn ” nghĩa là đóng cửa các căn (nói về thu-thúc lục-căn).

— Tiếng nói rằng “ Biết tiết độ trong vật-thực ” nói về sự biết trong khi thọ dụng rằng còn 4,5 miếng sê no thì ngưng, uống chừng 4,5 hớp nước để thay thế cho 4,5 miếng cơm. Đúng như ý nghĩa trong Phật ngôn rằng “ Bấy nhiêu đây là điều vừa ở được an-vui đến chư Tỳ-khuru người không ăn miếng cơm, còn 4,5 miếng nữa, ngưng để uống nước xong khởi sự thực-hiện tinh-tấn ”.

— Tiếng nói rằng “ Thân-cận bạn lành ” ý nghĩa mong muốn rằng chỉ gần với người thỏa-thích trong Asubhabhàvanà như Tôn-giả TISSA là người thực hiện trong đề-mục bất tịnh v.v

— Tiếng nói rằng “ Chỉ nói lời vui-vẻ ” ám-chỉ sự nói với nhau bằng 10 điều Asubha, sẽ ngăn ngừa không cho tâm dấy lên phá vỡ bằng vấn-đề thương.

Về nhân sẽ làm cho bỏ được dứt khoát tức là A-La-lián đạo.

Nhân sẽ làm cho sự hủy hoại sanh lên hoặc dấy lên, nói về Patighanimittàyonisomanasikàra sự suy tính bằng vô phương pháp trong điều trái ý làm cho sanh sự sân-hận (tức là nghĩ rằng người ấy, người này xem rẻ ta, chưởi mắng ta, đánh đập ta, lấn hiếp ta hoặc bần bề của ta, bằng không thích đáng đến nhân, hoặc họ làm vượt quá nhân ta sẽ phải trừng-trị cho kỳ được.

Nếu không như thế họ sẽ làm cho ta nặng hơn, người khác cũng sẽ dựa theo xem rẻ ta rằng là người ngu ngốc không trí-tuệ,

không xứng đáng với địa-vị của ta, như thế này).

Về nhân sẽ làm cho vắng-lặng Ngài có thuyết 2 cách là:

Cách thứ nhất *Mettacetovimutti yoniso manasikāra*: Sự nghĩ bằng phương-pháp xảo-diệu trong tâm từ và tâm giải-thoát.

Tiếng "Mettā" nói đến cận-định và nhập định được sanh từ sự tiến tu tâm từ.

Tiếng "Cetovimutti" nói đến tâm giải-thoát do nhập định.

Sự nghĩ bằng phương pháp xảo diệu có giải thích như cách đã nói rồi ấy.

Cách thứ hai nói đến 6 pháp là.

1. — *Mettānimitta uggaha*: Sự học về hiện tượng tâm TỪ.

2. — *Mettā bhāvanā nuyoga*: Sự quyết tâm hành METTĀ.

3. — *Kammassakāta paccavekkhanatā*: Sự quán xét đến nghiệp

4. — *Paṭi sankhāra bahulatā*: Sự quán-xét cho nhiều.

5. — *Kalyānamittatā*: Sự thân cận bạn lành.

6. — *Sappāyakathā* chỉ nói điều vui-vẻ.

Trong 6 pháp này, điều nói rằng "Sự học hiện tượng METTĀ" ấy nói đến sự tập rãi tâm từ một cách duy nhất hoặc không duy nhất và phổ-thông các hướng một cách nào".

Điều nói rằng "Sự quyết tâm hành METTĀ" nói đến sự quyết tâm rãi tâm từ, nghĩ sẽ làm cho người khác được an-vui, bằng cả 3 cách ấy, một cách nào.

Điều nói rằng "Sự quán-xét đến nghiệp, nói về sự quán-xét đến nghiệp của mình và kẻ khác, rằng tất cả chúng-sanh nghiệp là của mình, mình sẽ được tốt hoặc xấu cũng bởi nghiệp đã tạo, nghĩa là khi phát sanh sự hủy hoại hoặc sân-hận lên trong tâm rồi hãy mau nghĩ dạy chính mình rằng người sân họ người sẽ làm gì họ? Người có khả-năng phá hủy sự lành nhứt là giới của họ được chăng? Người sanh lại do nghiệp của người, người cũng sẽ đi

theo nghiệp của người không phải chăng? Sự sân kẻ khác cũng ví bằng nắm than đỏ hoặc cục sắc nung đỏ hoặc cục phân v.v... để liệng quăng kẻ khác.

Dù rằng họ sân đối với người cũng sẽ làm gì người, có thể phá hủy sự lành, nhất là giới của người được chăng? Họ sanh lại do nghiệp của họ họ cũng sẽ đi theo nghiệp của họ không phải chăng? sự sân sẽ làm cho có tội đến chính kẻ ấy, giống như vài cát bụi đi ngược gió, cát bụi ấy sẽ quật trở lại trúng người vài đó vậy.

Điều nói rằng "Sự quán-xét cho nhiều" nói đến quán-xét như cách đã nói đây cho nhiều lần luôn khi.

Điều nói rằng "Sự thân cận bạn lành" ám-chỉ thân-cận người hoan-hỷ trong sự tiến-tu METTA nghĩa là người có tâm từ bi thương xót nhìn xem kẻ khác luôn khi như Tôn-giả Assagutta là điển hình.

Điều nói rằng "Chỉ nói lời vui-vẻ" ám-chỉ nói vấn-đề METTA hoặc vấn-đề gì cũng tùy nhưng đừng làm cho thành vấn-đề gọi cho sân. Về nhân làm cho dứt được một cách dứt-khoát, nói đến bậc A-NA-Hàm đạo.

Nhân làm cho hôn-trầm phát sanh lên hoặc dậy lên có 5 cách là :

1. — Sự nghĩ không thiện-xảo trong sự chán-nản đến vật ấy.
2. — Sự nghĩ không thiện-xảo trong sự ưu-uất.
3. — Sự nghĩ không thiện-xảo trong sự nhọc thân mình.
4. — Sự nghĩ không thiện-xảo trong sự ngậy vật thực.
5. — Sự nghĩ không thiện-xảo trong vấn-đề tâm tươi vui.

Về nhân làm cho tịch-diệt, Ngài thuyết hai cách là :

Cách thứ nhất nói rằng sự ngấm-nghĩ đến 3 điều tinh-tấn là :

- 1) Sự tinh-tấn mới phát sanh.
- 2) Sự tinh-tấn đã sanh rồi nhưng chưa già dặn.

3 Sự tinh-tấn đã già-dạn có khả năng bước tới luôn khi.

Tiếng nói rằng sự nghĩ đến 3 điều tinh-tấn một cách thiện-xảo ấy, ám-chỉ rằng trong khi hôn-trầm, buồn ngủ, hãy nghĩ rằng ta phải bắt đầu sự tinh-tấn làm những điều ấy và lúc đầu ta phải tinh-tấn bằng cách non non đã, rồi sẽ làm cho già-dạn lên, cho đến những việc mà ta làm ấy sẽ thành tựu cho khởi tâm nghĩ như thế này, bởi khi nghĩ như thế này tâm sẽ cương nghị mạnh mẽ lên, sẽ không mềm yếu đến những công việc ấy, sẽ không đi ngủ trước khi đến giờ ngủ trước khi đến giờ nghĩ bởi có người làm việc chưa hoàn-thành và chưa đến giờ ngủ, vừa sanh buồn ngủ lên thì bỏ công việc trốn đi ngủ đã, bởi không có phương pháp là vật chữa trị sự buồn ngủ này hoặc thấy công việc khó thì lòng thối chuyễn mất, bởi không nghĩ dùng tâm như đã nói. bởi có ấy cho nên Ngài thuyết sự nghĩ đến 3 điều tinh-tấn bằng cách thiện-xảo để làm phương-pháp chữa trị sự buồn ngủ và chữa trị yếu mềm.

Cách thứ hai nói rằng nói đến 6 pháp là:

- 1) Atibhojananimittagaha: Sự không ăn vật-thực nhiều quá.
- 2) Iriyapathasamparivattanata: Sự thay đổi oai-nghi.
- 3) Alokasaññamanasikara: Sự nghĩ đến ánh sáng của mặt trăng mặt trời, đèn lửa.
- 4) Abbhokasavasa ở trong nơi trống, tức là nơi trống trải.
- 5) Kalyanamittata: Sự thân cận bạn lành, tức là người không hôn-mê một cách cao, như Ngài Mahakassappathera v.v. . .
- 6) Sappayakatha: Chỉ nói lời vui-vẻ, như nói vấn-đề làm những điều lành, nhất là hạnh đầu-đà (Dhutaṅga) v.v. . .

Nhân làm cho dứt được dứt thoát, tức là A-LA-Hán đạo.

Nhân làm cho Uddhaccakukkucca; tức là phóng túng và sự phiền muộn sanh lên hoặc dấy lên, tức là sự nghĩ bằng cách không thiện-xảo trong vấn-đề tâm không vắng-lặng. (Ceta avūpasamāyonisomanasikāra)

Cách thứ nhất nói đến sự phản nghĩa ngay với điều đã nói rồi.

Cách thứ hai nói đến 6 pháp là.

1 — Bahussuttà : là người đa-văn.

2 — Paripucchakattà : Sự hỏi han điều nghi ngờ hoặc chưa hiểu với bậc thông hiểu tốt.

3 — Vinaya pakataññutà : Là người không hiểu trong luật.

4 — Vuddhasevità : Sự thân cận người lớn, tức là bậc có tuổi-tác tạ lập và minh-hạnh tốt.

5 — Kalyāṇamittatà Sự thân-cận bạn lành.

6 — Samppāyakattà : Sự nói lời vui vẻ, tức là nói chỉ bày trong điều nên và không nên.

Nhân làm cho dứt phóng túng (Uddhacca) được dứt khoát, nói đến bậc đắc A-La-Hóa đạo.

Nhân làm cho dứt sự phiền muộn (Kukkucca) được dứt khoát nói đến bậc đắc A-Na-Hàm đạo.

Nhân làm cho hoại nghi (Vicikicchā) sanh lên hoặc dấy lên, nói đến sự không quá-xét một cách thiện-xảo cho nhiều trong vấn-đề mà mình nghi ngờ.

Về nhân làm cho dứt, nói đến sự nghi một cách thiện-xảo trong pháp thiện và bất thiện, điều có tội và không có tội, điều thân cận và không nên thân-cận. điều thấp hèn và điều cao-thượng, điều ví như vật đen và vật trắng.

Nhưng một lẽ nữa có 6 pháp là :

1. — Bahussuttà : Là người đa-văn.

2. — Paripucchakattà : Sự hỏi-han điều nghi ngờ với bậc thông hiểu tốt.

3 — Vinaya pakataññutà : Là người thông hiểu trong luật.

4 — Adhimokkhabàhulatà (1) : Sự có đức tin mạnh trong đường lành.

Về nhân làm cho hết nghi ngờ trong Tam-Bảo được đức khoát nói đến bậc đức Tu-Đề-hườn đạo.

Vả lại theo Pàli đã thuyết trong kinh rằng "Tỳ-khưu trong pháp luật này khi pháp cái có cũng biết rằng có, không có cũng biết rằng không có. Biết nhân sanh lên cùng nhân diệt đi và nhân làm cho không sanh tiếp nữa" ấy ám-chỉ rằng biết và thực hành như đã nói rồi từ đầu đến cuối.

ĐIỀU NÊN HÀNH

Người cần thực-hành tu luyện điều Niệm Xứ này, nên học cho hiểu rõ năm pháp cái và hãy quán-xét cho thấy tội luôn cả ghi nhớ các nhân theo như đã nêu rồi. Kế tiếp sẽ tập nhận-định quán-xét nghĩa là tập xem-xét rằng có pháp cái loại nào ở trong tâm ta chăng? Nếu thấy rằng có hãy nghĩ tìm kiếm nhân tức khắc, khi gặp rồi hãy tu sửa bằng cách dùng phương pháp — cách thức. Điều nói đến nhân cho diệt cả cách gọn và cách rộng rãi, khi tu-sửa được rồi là dứt hết một lần, nếu thấy rằng không có, hãy xem-xét rằng không có do nhân nào? khi thấy nhân rồi hãy giữ-gìn nhân ấy, nghĩa là làm theo cách-thức ấy luôn khi. Và cho nghĩ rằng sẽ không có nữa do nhân nào? Khi hiểu rồi hãy cố gắng thực hành theo cách dứt trừ non kém như đã nói đoạn trước, mãi cho đến thấu triệt nhân cao nhất sẽ làm cho diệt tận.

Dứt điều nói về 5 pháp cái.

Điều nói về ngũ-uẩn.

Trong điều này có ý nghĩ trong Pàli rằng "Tỳ-khưu" trong pháp luật này, hằng quán-xét thấy rằng:

Sắc như thế này, sự sanh của sắc như thế này, sự diệt của sắc như thế này.

(1). Tiếng (Adhimokka) chú-giải nói rằng Tìsuratanesukappanìyasa ddhà dịch rằng: Sự tin chôn chắc trong Tam-Bảo.

Thọ như thế này, sự sanh của thọ như thế này, sự diệt của thọ như thế này.

Tướng như thế này, sự sanh của tướng như thế này, sự diệt của tướng như thế này.

Hành như thế này, sự sanh của hành như thế này, sự diệt của hành như thế này.

Thức như thế này, sự sanh của thức như thế này, sự diệt của thức như thế này.

(Gom ý nghĩa rằng : Tỳ-khưu trong pháp luật này bằng quán-xét thấy 5 điều chấp thủ ngũ-uẩn (Upàdànakhandha) là sắc, thọ, tướng, hành thức, thấy sự sanh của Upàdànakhandha ấy, thấy sự diệt của Upàdànakhandha ấy nữa).

Chú giải Atthakathà.

Tiếng nói rằng " Upàdànakhandha " nói đến ngũ-uẩn của sự chấp thủ, giải rằng nói đến nhóm pháp Dhammapuñja và phần pháp Dhammaràsi là trợ nhân của chấp thủ. Đây là ý nghĩa vẫn tất trong vấn đề chấp-thủ ngũ-uẩn. Còn về vấn đề ngũ-uẩn một cách rộng rãi Đức A-Xà-Lê Buddhaghosa đã trình bày trong đoạn giải thích về ngũ-uẩn trong bộ Visuddhi magga rồi.

Tiếng nói rằng " Sắc như thế này " tức là cái này là sắc, sắc có bấy nhiêu đây, ngoài đây không có.

Dù trong thọ v. v. ... cũng giải-thích bằng cách này.

Tiếng nói rằng " Sự sanh của sắc như thế này " nói đến sự sanh lên của sắc do 5 thể-trạng, có sự sanh lên của vô-minh v. v. ...

Tiếng nói rằng " Sự diệt của sắc như thế này " Nói đến sự diệt của sắc bằng 5 thể-trạng (1) do năng-lực của sự diệt vô-minh v. v. ... Dù sanh diệt trong thọ v. v. ... cũng giải-thích

(1) Trong Visuddhimagga quyển 3 nói rằng " Kế sự sanh là một, và vô-minh, ái-đục, nghiệp, vật-thực, chung vào thành 5 thể-trạng. Về phía diệt cũng giống nhau ".

như cách này. Đây là ý nghĩa thu gọn trong vấn-đề này (tức là vấn-đề nói đến sự sanh và diệt của ngũ-uẩn).

Về ý-nghĩa rộng-rãi có giải-thích trong tuệ sanh diệt (Udayabbayaṇṇa) thuộc bộ Visuddhimagga rồi.

Dứt chú giải.

Kể đây sẽ trích lời giải trong bộ Visuddhimagga lại trình bày trong chỗ này bằng cách văn-tắt vừa làm nền tảng của người dục pháp.

Tiếng " Rùpa " khi dựa theo tướng mạo chỉ có một cách, tức là vật có sự tiêu vong do những điều tai hại như lạnh, nóng v.v... gom tất cả mọi thứ có tướng-mạo giống nhau như thế này gọi là sắc-uẩn (Rùpakhandha).

Vật có tướng-mạo cảm-giác vui, khổ, vô-ký tất cả gọi là thọ uẩn (Vedanàkhandha).

Vật có tướng mạo nhớ tất cả gọi là tướng - uẩn (Sa-nnàkhandha).

Vật có tướng-mạo tạo-tác tất cả gọi là hành uẩn (Sañ-khàrakhandha).

Vật có tướng-mạo nhận biết cảnh giới tất cả gọi là thức-uẩn (Viññānakhandha)

Dứt Visuddhimagga bấy nhiêu đây.

CÁCH HÀNH

Người cần hành điều Niệm-Xứ này nên nhận định cho biết rõ tướng của ngũ-uẩn rồi tập nhận xét rằng ngũ-uẩn vô-thường, là khổ, vô-ngã ấy như thế nào ?

Cách tập nhận xét ấy có nhiều cách, điều vừa làm được dễ, nghĩa là nhận xét thân của ta hoặc người khác từ hồi còn nhỏ cho đến bây giờ thân-thể vẫn như xưa chăng ? và chỉ là khổ não, hoặc chỉ là an vui, hay vô-ký và sẽ buộc cho thân-thể vẫn như trước hoặc buộc cho vui, khổ, vô-ký một cách duy-nhất có

thể được chăng? Thọ sự nhận cảnh giới, tưởng sự ghi nhớ, hành sự suy tính, thức sự biết. Tất cả đây vẫn ở yên một cách vui, khổ, vô-ký duy nhất được không? và buộc cho thọ cảnh giới, cho ghi nhớ, cho suy tính, cho biết đặc biệt vật mà mình ưa-thích sẽ được chăng?

Khi nhận biết và tính hỏi chính mình xem như thế này cũng sẽ thấy được rằng cả 5 uẩn toàn là vô-thường, toàn là khổ-não, toàn là bất ép không được, tức là vật biến-dị luôn khi, là vật khó-khăn do các nguyên nhân nhưt là bệnh-hoạn thường-trực, là sự thay đổi oai-nghi, sự đói và khát, sự đại-tiện và tiểu tiện, và khó-khăn do bệnh hoạn mệt-mỏi, bị quỵện đau ốm v.v... là thể-trạng rõ rệt của sự biến-dị khởi cơ-sở trước của ngũ-uẩn hoặc gọi là thân-thể và còn khó-khăn do vấn-đề không hiểu biết vừa đủ sự mong mỏi, hoặc cả sự bất ép cho tất cả những gì có trong thân-thể hãy nguyên-vị, tức là không cho thay đổi hoặc thay đổi rồi không cho tan vỡ, là cái không vừa với sự mong muốn của tất cả mọi người.

Tất cả đây bởi cái gì? bởi nhân là vật tạo-tác ngũ-uẩn cũng là vật vô-thường, khổ-não, vô-ngã, quả tức là ngũ-uẩn cũng là như nhân.

ĐIỀU NÓI VỀ ÀYATANA

Trong điều này có ý nghĩa trong Pàli rằng "Tỳ-khưu trong pháp luật này, hằng xét thấy pháp trong các pháp nói đến Àyatana bên trong (lục-căn) và Àyatana bên ngoài (lục-trần). Bên trong nói về nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Bên ngoài nói về sắc, thanh, hương, vị xúc, pháp và quán-xét pháp triển phược phát sanh bởi nương cả hai vật ấy tức là lục căn và lục-trần, nhân làm cho pháp triển-phược chưa sanh sanh lên, cái sanh lên rồi cho diệt đi, cái diệt rồi không cho sanh lên tiếp được nữa" như thế này.

CHÚ GIẢI — ATTHAKATHÀ.

Tiếng rằng "Biết Àyatana bên trong tức là con mắt" nói đến biết thần kinh mắt, tức là biết tống-mạo của mắt được rõ-rệt.

Tiếng nói rằng " Biết Āyatana bên ngoài tức là sắc " nói đến biết sắc, sanh bởi 4 nơi sanh bên ngoài (Samutthāna) 4 nơi sanh nói đến nghiệp (Kamma), mùa tiết (Utu), tâm (Citta), vật-thực (Āhāra) (và biết) theo tướng-mạo của sắc được một cách rõ-rệt.

Tiếng nói rằng " Biết pháp triển-nhược sanh bởi nương nơi cả hai vật tức là lục-căn và lục-trần " ấy nói đến sự hiểu rằng 10 triển-phược là Kāmarāga sự thương yêu trong trần-cảnh Paṭigha, sự bất-bình (Māna) sự ngã-chấp (ditthi tà-kiến, Vicikicchā hoài-nghi. Sīlabbataparāmāsa sự rờ-râm (cố-chấp) về giới và pháp hành (giới-cấm-thủ) Bhavarāga Hīru-luyến, sự ưu-thích trong cõi, Issā Sự ganh-tị tạt-đổ. Macchariya Sự bỗn-sén. Avijjā Vô-minh, sự không biết. Tất cả đây toàn sanh bởi nương cả hai vật là con mắt với sắc, và biết được một cách rõ-rệt. Về 10 pháp triển-phược ấy, sanh bởi nương nơi con mắt với sắc ấy thế nào? Như thế này là Kāmarāga hằng sanh đến người ưu thích thương yêu về sắc trần mà mình thấy. Nếu không thương yêu thì sanh bất bình. Nếu nghĩ rằng ngoài ta không ai có thể biết rõ sắc cảnh dù chỉ là một thứ, bèn sanh Māna. Nếu chấp rằng sắc cảnh là vật thường còn thì sanh Ditthi. Nếu nghi ngờ rằng sắc cảnh kể rằng là chúng-sanh, người hoặc là của chúng-sanh, của người cũng sanh Vicikicchā. Nếu mong muốn cõi tức là sắc rằng : Xin cho ta được sắc loại này bằng cách dễ dàng trong cõi sau, cũng sanh Bhavarāga. Nếu thọ trì giới và pháp hành bằng ý nghĩ rằng : Ta có thể được sắc như thế này trong kiếp sau bởi năng-lực giới và pháp hành như thế này, thì sanh Sīlabbataparāmāsa. Nếu ganh-tị với người khác tức là nghĩ rằng : xin đừng cho ai được sắc loại này cả, bèn sanh Issā Nếu chẳng giữ sắc cảnh mà mình được rồi, bèn sanh Macchariya. Nếu không biết vật sanh và diệt đồng thời với nhân và sắc do các điều kiện, bèn sanh Avijjā.

Tiếng nói rằng " Biết nhân làm cho Saññojana chưa phát sanh sanh lên " nói đến biết nhân làm cho 10 Saññojana dấy động lên

Tiếng nói rằng " Biết nhân làm cho dứt Saññojana đã sanh lên rồi " nói đến biết nhân làm cho mười Saññojana dấy động do năng-lực tiệt-trừ (Tadangapahāna) và tuyệt trừ (Vikkham-bhanapahāna).

Tiếng nói rằng " Biết nhân làm cho Saññojana mà mình dứt rồi không cho sanh tiếp nữa được " nói đến biết rằng 5 điều Saññojana là thân-kiến, hoài-ngại, giới cấm-thủ, ganh-tị và bôn-sẻn không sanh tiếp nữa do năng-lực Tu Đà-Hườn Đạo. Dục luyến, bất bình loại thô-hiền không sanh tiếp nữa do năng-lực Tư-Đà-Hàm Đạo loại vi-tế không sanh tiếp nữa do năng-lực A-Na-hàm Đạo - ngã-chấp, hữu-luyến, vô-minh, ba điều này không sanh tiếp nữa do năng-lực A-La-Hán đạo.

Về tiếng cần giải-thích trong Āyatana nên hiểu theo cách thức như đã nói rồi. Và lại vấn-đề Āyatana này có rộng-rãi trong bộ Thanh-tịnh-đạo đoạn nói về Āyatana rồi.

Trong điều này Đức Thế-Tôn không chỉ dạy đến pháp xuất Thế-gian đâu. Về phần nhân làm cho Āyatana sanh diệt giống như trong ngũ-uẩn.

Dứt chú-gải bấy nhiêu đây.

GIẢI THÍCH ĀYATANA

Tiếng nói rằng " Āyatana " dịch theo văn-tự rằng " cái giếng " có giải-thích theo bộ Thanh-tịnh-đạo quyển 3 rằng chỗ gọi là Āyatana bởi là nơi nương gá, là cái giếng hoặc cái mỏ, là nơi hội họp, là nơi sanh, là nhân gồm thành 5 thứ.

Tiếng " là nơi nương gá " giống như tiếng họ nói với nhau trong thế-gian, nhất là nói rằng là nơi nương của người lớn (Issarāyatana) Nơi nương của chư-thiên Vāsū (Vāsudevāyatana).

Tiếng " là cái mỏ " giống như tiếng nói rằng mỏ vàng (Suvanṇāyatana) mỏ ngọc (Ratanāyatana).

Tiếng " là nơi hội-hợp " giống như tiếng nói rằng nhóm Vihāga tức là các bậc thánh nhưo hăng hội-hợp trong tôn-giáo .

Là nơi hội-hợp hoan lạc (Sāsanaṃ vana manorame āyatanaṃ sevanti nam vihaṅgamā).

Tiếng là "nơi sanh" giống như tiếng nói rằng quốc-độ về mau nam là nơi sanh của những con bò (Dakkhiṇāpatho gunnam āyatanam).

Tiếng "Là nhân" giống như tiếng nói rằng khi Āyatana (tức là nhân) hiện-hữu người là kẻ làm chứng họ được trong những sự kiện (Tatra Tatreva sakkhibhabbatam pāpunāti sati sati āyatana).

Như những lời này v.v... do giải-thích rằng nhưt là con mắt hăng là nơi nương gá, là cái mỏ hoặc cái giếng, là nơi hội-hợp, là nơi sanh là nhân của các pháp tiến hành trong tâm và tâm sở.

Điều nói rằng 12 Āyatana do ám-chỉ cấu-môn và trần cảnh của thân có thức tức là chúng-sanh, người.

Dứt cách trong Thank - Tịnh - Đạo.

Giải - thích Saññojana.

Tiếng "Saññojana" dịch là vật triển-phược hoặc là vật dính-mắc. Giải-thích theo chú-giải kinh Mūlapariyāya và Itivuttaka có rõ-rệt trong Mangala dīpani quyển 3 rằng "cả 10 điều ấy hăng triển-phược dính-mắc — chúng-sanh ở trong cõi, hoặc hữu triển-phược dính-mắc ở với cõi", và trong tika kinh Mūlapariya có giải-thích rằng: điều sắp thứ-tự như cách đã nói rồi ấy, sắp theo Vi-Diệu tạng là cách thẳng (Nippariyāyanaya), trừ tiếng nói rằng sắc luyến (Rūparāga), Vô-sắc luyến (Arūparāga) ra, dùng tiếng nói rằng hữu-luyến (Bhavarāga) thay thế. Còn cách trong tạng Kinh thì sắp khác nhau, và không có tiếng hữu-luyến "Bhavarāga".

Điều nói về vô-minh,

Tiếng "Avijjā" Ngài giải-thích trong bộ Visuddhimagga một cách rộng-rãi như sau đây:

A — Do chú-giải ám-chỉ có 7 điều là:

1) Avindiyam Vindatiti avijjà : Gọi rằng vô-minh, bởi gặp cái không nên gặp.

Tiếng " gặp " tức là được. Tiếng " Cái không nên gặp " nói đến trước-hạnh (Duccarita) cái không nên làm.

2) Vindiyam na vindatiti avijjà : Gọi rằng vô-minh bởi không gặp vật nên gặp tức là không làm thanh-hạnh (Sucarita) cái nên làm.

3) Khandhanam Khandhattham — pe — Aviditam karotiti avijjà : gọi rằng vô-minh bởi làm không rõ ý nghĩa các pháp là (ngũ) uẩn, Àyatano, nguyên-chất (dhātu), căn (Īndriya), chân-thật (Sacca) tức là hiểu không thông-suốt.

4) Dukkhaḍḍanam — pe — Attham avidhitam karotiti avijjà : Gọi rằng vô-minh bởi làm không rõ ý nghĩa cả 4 điều là sự bức-bách về khổ-đế v.v... tức là hiểu ý nghĩa khổ của Tứ-Diệu Đế không thông suốt.

5) Antavirahite samsāre — pe — javāpetiti avijjà : Gọi rằng vô-minh bởi làm cho chúng-sanh đi nhanh trong sự sanh (jāti), lối đi (Gati), cõi (Bhava), thức-trụ (Viññāṇatthiti), nơi ở của chúng-sanh (Sattāvāsa), trong luân-hồi, xa lìa nơi cứu cánh.

6) Paramatthato avijjamānesu — pe — javatiti avijjà : Gọi rằng vô-minh bởi đi nhanh trong người nam và người nữ v.v... đều không hiện-hữu bằng thượng nghĩa (Paramattha).

7) Vijjamānesu khandhādisu na javatiti avijjà : Gọi rằng vô-minh bởi không đi nhanh đến trạng-thái pháp, nhất là ngũ-uẩn dù là hiện-hữu.

Một cách nữa điều gọi rằng vô-minh bởi che đậy các pháp, tức là che đậy trần cảnh là nơi phát xuất của 6 thứ, nhất là nhân-thức v.v... và che đậy các pháp sanh nương gá nhau thành sợi dây, tức là thập-nhị-nhân-duyên (Paṭiccasamuppāda).

Trong cả 7 điều trích-giải (Viggaha) ấy nên dịch theo trích giải mà Ngài nhắm vào từ trong những trích giải ấy lại thành câu

lý giải là tiếng nói rằng “ Vô-minh ” phải dịch như sau đây :

1 — Gặp điều không nên gặp.

2 — Không gặp điều nên gặp.

3 — Hiểu không rõ Khandha v.v...

4 — Hiểu không rõ ý nghĩa của Tứ-Diệu-Đế.

5 — Làm cho đi nhanh trong điều xa lìa nơi cứu cánh.

6 — Đi nhanh trong vật là nơi không có (nam, nữ v. v. . .).

7 — Không đi nhanh trong vật có.

B — Do tướng mạo v. v. . .

“ Aññānalakkanā avijjā ” vô-minh có sự không biết là tướng

“ Sammohanarasā ” có sự lầm-lẫn là vị.

“ Chādana paccupatthānā ” có sự che đậy là nơi hiện-diện.

“ Āsava padatthānā ” có lậu là nơi phát khởi.

C — Do loại theo thứ-tự.

Tiếng vô-minh do loại theo thứ-tự ấy là : Vô-minh 1, vô-minh 2 vô-minh 3, vô-minh 4, vô-minh 5, vô-minh 6 có đem lại giảng-giải như sau đây : vô-minh 1 nói đến sự không biết, hoặc không thấy hoặc sự mê-muội một cách nào v. v. . .

Vô-minh 2 nói đến sự không thực hành, sự thực hành sai.

Vô-minh 3 nói đến vô-minh không hợp với 3 thọ (Vedanā).

Vô-minh 4 nói đến sự không thấu triệt Tứ-Diệu-Đế.

Vô-minh 5 nói đến sự che đậy tội, tức là không cho thấy tội trong ngũ thú (Pañcagati) (tức là địa-ngục, ngạ-qui, súc-sanh, người, trời).

Vô-minh 6 nói đến vô-minh hành-trình trong 6 cửa và 6 trần - cảnh.

D — Do chí (Añga).

Khi chia thành chí tức là chi phần của hữu luân (Bhavaca-

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn

kkā hoặc đồ ráp với xe đặng đi nhanh trong cõi có một cách duy nhất tức là kể thành một chi trong thập nhị-nhân-duyên.

E — Do phạm-mạo.

Khi nói do phạm-mạo có 8 cách như sự không biết khở-đế v.v.. mà gọi rằng 8 vô-minh tức là do cách trong tạng kinh nói đến sự không biết trong lý Tứ-Diệu-Đế, theo cách trong tạng Vi-Diệu pháp nói đến sự không biết nơi cuối cùng và khởi đầu v.v...

Nói rộng ý nghĩa rằng 8 vô-minh ấy là

- 1 — Không biết khở.
- 2 — Không biết nhân của khở.
- 3 — Không biết sự diệt khở.
- 4 — Không biết đường đến sự diệt khở.
- 5 — Không biết Paṭiccasamūppāda.
- 6 — Không biết ban-sơ.
- 7 — Không biết cuối cùng.
- 8 — Không biết cả trước và sau.

CÁCH HÀNH

Người cầu tiến-tu điều Niệm-xứ này nên hiểu Ayatana (sanh xứ) và Saññojana (triền-phược) là như thế nào, rồi từ từ xét xem trong tâm của mình rằng thứ nào có hoặc không có? Nếu thấy rằng có, nên nghĩ tu sửa, nghĩa là dứt bỏ hoặc làm cho giảm thiểu xuống. Đừng cho phát động lên bằng cách thức quán-xét tội của vật thúc-phược tức là 10 pháp triền-phược là vật thúc-phược kết-hợp chằng-chịt tâm của mình cho dính ở trong Tam-giới tức là những cảnh-giới. Nếu thấy rằng không có, hãy nghĩ thấy rằng không có do nguyên nhân nào? Khi hiểu rồi hãy làm theo nhân ấy. Và hãy nghĩ thấy rằng sẽ ngăn không cho sanh lên, hoặc cái sanh lên rồi không cho phát động được do phương pháp nào? cái dứt bỏ rồi sẽ làm thế nào không cho sanh lên nữa. Như đã bàn nhiều hoặc

làm cho buồn bã trong tâm nhiều, làm thế nào đừng có như thế ấy, nữa? Khi hiểu rồi nên cẩn-thận do phương-thức thu-thúc (Sanvara), và nên dứt bỏ do phương-cách dứt bỏ (Pahana), theo phải lẽ đến sự cần dùng của mình, khi làm được như thế này gọi là tiên-tu Niệm-xứ điều này.

Dứt câu nói về Āyatana.

Điều nói về giác-chi

Trong điều này Đức Thế-Tôn thuyết bằng Pāli có nghĩa rằng "Tỳ-khưu trong pháp luật này, hằng biết được rằng 7 điều giác-chi là :

- Niệm Giác-chi, sự nhớ được.
- Trạch-pháp Giác-chi, sự lựa chọn pháp.
- Tấn giác-chi sự tinh-tấn.
- Hỷ-mãn Giác-chi (lạc giác-chi) sự no vui thâu tâm.
- Tĩnh Giác-chi, sự vắng-lặng tâm.
- Định Giác-chi, sự trú tâm vững.
- Xả Giác-chi, sự lơ-là vô-ký.

Những điều này cái nào có, trong mình hoặc không và biết nguyên nhân sẽ làm cho những giác chi ấy chưa sanh cho sanh lên **oái** đã sanh lên rồi cho tròn đầy " như thế này.

ATTAKATHA

Tiếng nói rằng "Bojjhanga" nói về chi của người sẽ Giác-ngộ tức là hành-giả (Yogāvacara).

Tiếng nói rằng "Sambojjhanga" Nói đến chi của người sẽ giác-ngộ tốt.

Pháp Samaggi là vật giác-ngộ tốt.

Là vật thức tỉnh khỏi giấc ngủ phiền-não (Kilesanidra).

Là vật suốt thông Tứ-Diệu-Đế.

(Nhưng nôm ý nghĩa chỉ có một cách là "Biết tốt trong

đường lối tốt” bấy nhiêu đây. Tiếng nói rằng “Anga” dịch là vật nhận định. Tiếng nói rằng “Có” tức là “Được” Tiếng nói rằng “Không có” tức là “Không được” và nhân sẽ làm cho Giác-chi sanh lên hoặc tiến-triển lên, Ngài dạy rằng hoặc giống nhau, khác nhau. Cái giống nhau là “Yonisomanasikàra” sự chú ý bằng phương-pháp cho nhiều trong những giác-chi ấy và nhân sẽ làm cho đầy đủ nói đến A-La-Hán Đạo.

Tiếng nói rằng (nói đến Yonisomanasikàra) là Phật-ngôn sẽ đem lại đặng cho giác-chi điều đầu tiên vừa làm tiêu-chuẩn, bởi so-sánh được mọi điều, dành cho điều đầu tiên có ý nghĩa rằng “Chư tỳ-khuru các pháp là nơi cư trú của niệm giác-chi hiện có sự làm cho nhiều trong Yonisomanasikàra, trong các pháp ấy là điều tiến triển đặng cho niệm giác chi chưa sanh được sanh lên hoặc tiến-triển thêm” như thế này về nhân khác nhau như sau đây : Nhân làm cho niệm-giác-chi sanh lên hoặc tiến-triển lên có 4 điều là :

- 1) Trí nhớ và biết mình,
- 2) Không thân-cận người hay quên lẫn.
- 3) Chỉ thân-cận người có trí nhớ vững-chắc.
- 4) Hướng tâm đi trong trí nhớ ấy

Trong cả 4 điều này điều thứ nhất giải-ràng đi đến trí nhớ và biết mình trong cả 7 chỗ, có sự ửi đến trước v.v... (được gọi là oai-nghi tế-hạnh).

Điều thứ nhì nói đến lánh xa khỏi người hay quên lẫn, như con quạ gặp cục cơm hoặc miếng vật thực.

Điều thứ ba nói đến thân-cận người có trí nhớ vững chắc, có sự ghi nhớ rạch ròi như Ngài Tissa Thera và Ngài Abhaya Thera.

Điều 4 nói đến có tâm hướng di chuyển đi, nặng đi, đặng, cho sanh trí- nhớ mỗi oai nghi.

Nhân làm cho trạch pháp giác chi sanh lên hoặc tiến-triền lên có 7 điều là.

- 1) Sự hỏi han.
- 2) Sự làm cho sạch-sẽ.
- 3) Sự làm cho các căn bằng nhau.
- 4) Sự không thân-cận người không có trí-tuệ.
- 5) Chỉ thân-cận người có trí-tuệ.
- 6) Quán-xét về sự tiến-hành của huệ trong pháp sâu xa.
- 7) Sự hướng tâm đi trong trạch pháp giác-chi ấy có giải-thích như tiếp theo là.

Điều một nói đến sự hỏi han, liên-quan về ý nghĩa của ngũ-uẩn (Khandhà) nguyên-chất (dhātu), sanh-xứ (Āyatana), ngũ-căn (Indriya) ngũ-lực (Bala), Giác-chi (Bojjhanga) Đạo (Magga) chỉ-thiền, chỉ-tịnh, quán-minh.

Điều hai nói về sự làm vật bên trong cho sạch tức là cắt móng tay, móng chân, cạo tóc, cạo râu, làm cho thân thể ít bệnh bằng sự dùng thuốc trị và ngừa, tắm rửa thân-thể cho sạch và làm vật bên ngoài cho sạch là nói đến giặt nhuộm y dơ cũ có mùi hôi và đốt chùi bát, quét dọn chỗ ở, bởi khi các vật bên trong và bên ngoài không sạch sẽ khiến cho tâm và các tâm sở sanh rồi, dù huệ cũng không sạch-sẽ, ví như ánh đèn sanh lên bởi nưong nơi đồ đựng và tim dầu không sạch, ánh đèn ấy cũng không sáng tốt đến khi vật bên trong và bên ngoài sạch sẽ khiến cho tâm và tâm sở sanh lên rồi, dù huệ tức là sự biết cũng sẽ được sạch sẽ nghĩa là cũng sạch hiểu sáng-suốt tốt ví như ánh đèn chói-lọi tốt bởi nưong nơi 3 vật sạch tốt đó vậy.

Điều ba nói đến sự làm cho ngũ-căn tức là tín, tấn, niệm, định, huệ, bằng nhau, bởi khi một căn già hơn, căn khác non hơn cũng không thể làm chức năng của mình được. Bởi thế khi thấy rằng căn nào già dặn nhiều hơn phải giảm căn ấy xuống Cách

giảm ấy là hãy nghiệm xem rằng điều đó già dặn do nhân nào khi hiểu rồi cho bỏ nhân ấy đi, như tín-căn già-dặn hơn bốn căn khác, cho giảm đức tin xuống bằng sự quán-xét trạng-thái pháp hoặc bằng sự không nghĩ tới nhân làm cho đức tin già-dặn.

Nếu tinh-tấn già-dặn cho giảm xuống bằng cách nghĩ yên-lặng v.v. ...

Trong các căn không giải-thích cũng nên hiểu bằng cách này.

Vả lại trong ngũ-căn ấy các bậc trí-tuệ hằng khen ngợi sự bằng nhau của đức-tin và trí-tuệ và sự bằng nhau của định và tấn. Bởi người có đức tin già trí-tuệ non sẽ trong-sạch gương-mặt trong vật không đáng trong sạch gương mặt. Người có trí-tuệ già đức tin non hằng có tâm nghiêng đi trong đường sai, khó sửa trị được như bệnh bị phạm thuốc, sẽ chấp trì sự làm phước bằng tâm thôi, không liên-quan sự làm phước bằng thân nhất là bố thí v.v. ... khi cả tin ngũ-uẩn hằng sanh trong địa-ngục. Khi đức tin và trí-tuệ bằng nhau mới trong sạch gương-mặt trong vật đáng trong sạch gương mặt. Nếu định già, tấn non sự lười biếng sẽ đề nén được, bởi định là bên lười biếng. Nếu tấn già định non sự phóng-túng sẽ đề nén, bởi tấn là bên phóng-túng. Bởi thế dần làm cho hai pháp này bằng nhau, bởi khi bằng nhau sẽ nhập định được (Appanāsamādhī).

Một điều nữa người tiến tu thiền tức là chỉ-tịnh đề-mục sẽ có đức tin già cũng nên, bởi sẽ làm cho đắc đến Appanāsmādhī, và trong phần định với huệ người tiến tu định sẽ có nhất hành (Ekaggatā) tức là cảnh-giới duy nhất già dặn cũng nên, bởi sẽ đắc đến Appanāsamādhī. Người tiến tu minh-sát (Vipassanā) sẽ có trí-tuệ già-dặn cũng nên bởi sẽ làm cho hiểu rõ suốt thông-tướng mạo của các pháp khác được, nhưng khi định và huệ bằng nhau ấy sẽ là Appanāsamādhī hoàn-toàn, tức là sẽ được sự chặt-chẽ chắc hẳn lớn.

Phần trí nhớ non làm cho có sức mạnh già dặn trong mọi nơi bởi sẽ giữ tâm không cho phóng-túng, ấy là do năng-lực, đức

tin, tinh-tấn, trí tuệ mà phép về bên phóng-túg và sẽ ngăn không cho tâm lười biếng, ấy là do năng-lực định, khép về bên lười biếng. Bởi thế nên có trí nhớ bảo trì các pháp như muối hoặc vật có vị mặn, họ hằng gia vị trong tất cả vật-thực và ví như ông quan là người làm việc nước bắt buộc phải giữ gìn trong mọi việc của nước. Do nhân này Đức Thế-Tôn thuyết rằng " Bởi nhân có nào tâm phải nương trí nhớ và phải có trí nhớ là vật giữ gìn? Bởi nhân rằng khi không có trí nhớ sẽ nâng cử tâm hoặc đè nén tâm không được".

Trong kinh Sammohavinodani nói rằng điều mà Đức Thế-Tôn thuyết niệm giác chi đầu tiên, bởi niệm là vật ủng-hộ đến tất cả giác-chi khác, do Phật ngôn y chỉ rằng " Tesu satiñca khvàham bhikkhave sabbatthikam vadāmi — dịch rằng: Chư Tỷ-khưu trong 7 giác-chi này Như-Lai thuyết rằng niệm có lợi ích phổ-thông như thế này (xem trang 404 kinh Sammohavinodani).

Điều 4 nói đến sự lánh xa người không có trí-tuệ tức là người không thông hiểu trong pháp sâu xa nhất là ngũ-uẩn v.v. . .

Điều 5 nói đến thân-cận người có trí-tuệ tức là hiệu sự sanh và sự diệt của những trạng-thái pháp khác được.

Điều 6 nói đến sự quán-xét phạm-mạo của trí-tuệ sâu xa điều liên-quan đến sự hiệu trạng-thái pháp nhất là ngũ-uẩn v.v. . . được khép vào pháp sâu xa.

Điều 7 nói đến sự có tâm hướng đi, chuyển đi, nặng đi trong đường lối sẽ làm cho tấn giác chi sanh lên mỗi sai-người.

Nhân làm cho tấn giác-chi sanh lên hoặc tiến-triển lên có 12 điều là :

- 1) Sự quán-xét sợ trong 4 đường ác đạo (Abhaya bhūmi).
- 2) Sự quán-xét quả báo của sự tinh-tấn.
- 3) Sự quán-xét đến đường lối tiên-hành.
- 4) Sự cung-kính đến pháp trì-bình khát-thực (Pindapāta).
- 5) Sự quán-xét đến di-sản lớn.

- 6) Sự quán-xét đến Đức Bồn-Sư cao thượng.
- 7) Sự quán-xét đến kiếp sống cao-quí.
- 8) Sự quán-xét đến bạn phạm-hạnh bậc cao.
- 9) Sự không thân-cận kẻ lười biếng.
- 10) Sự thân-cận người siêng-năng.
- 11) Sự hướng tâm đi trong tấn-giác-chi ấy.

Có giải-thích như sau đây.

Điều 1 nói đến sự quán-xét đến khổ to lớn như bị 5 thứ giam cầm.

- 1) Nhứt là trong địa-ngục.
- 2) Quán-xét đến sự đói khát, vô-vạn đói khát suốt thời gian lâu hằng có đến cho loài ngựa quỉ.
- 3) Quán-xét đến sự thọ khổ do gió và nắng v.v..., có ở trong loài A-tu-La tức là có nhóm ngựa quỉ có thân hình cao độ 30 mét, 40 mét, có thân hình gầy ốm lắm, chỉ còn da bọc xương đầy thối.
- 4) Quán-xét đến sự khó khổ, nhứt là sự bị giết và bị đánh v.v... trong kiếp sống loài bàn-sanh.
- 5) Rồi nghĩ xem rằng nếu ta đi sanh thành những loài như thế ta sẽ không thể hành tinh-tấn tốt như thế này được đâu và nếu ta không hành tinh-tấn cho tốt thì ta sẽ đi sanh như thế ấy trong một thời nào chắc-chắn.

Điều hai nói đến quán-xét thấy rằng " Người lười biếng không thể đắc 9 pháp xuất Thế-gian đâu, chỉ trừ một nhóm người tinh-tấn mới có thể thấu triệt được "

Điều Ba nói đến sự quán-xét thấy rằng " Người lười biếng không thể đi con đường mà đức Phật Toàn-Giác, Phật Độc-Giác luôn đến Chư Thinh-văn-Giác đã đi qua rồi "

Điều Bốn nói đến sự quán-xét thấy rằng " Những người dâng vật-thực Pindapata đến cho ta v.v..., họ không phải thân quyến, bạn bè hoặc tôi tớ công nhân của ta, họ dâng cúng do mong

quả báo to lớn riêng biệt. Và Đức Bôn-sur cũng không cho phép tứ vật-dụng dành cho Tỳ-khuru lười biếng thọ dụng đâu, Ngài cho phép đến Tỳ-khuru siêng năng trong việc bồ-túc sa-môn pháp đặng cho thoát khỏi khổ luân hồi riêng biệt, nhưng bây giờ đây ta là người lười biếng không gọi rằng cung kính đến Pindapàta, bởi người siêng năng mới đáng gọi rằng người cung kính đến Pindapàta ” (Đoạn này Ngài dẫn chuyện Đức Mahàmitta Thera, người muốn hiểu xin hãy xem Atthakathà của đoạn này).

Điều năm nói đến sự quán-xét thấy rằng “ Di sản to lớn là nói đến thất Thánh tài (Bảy báu nhà Phật), là vật Đức Thế-tôn trao đến cho người siêng năng làm theo lời Giáo-huấn, như cha mẹ trao di sản đến cho con trai, con gái là người thực hành theo Giáo-huấn của mình ” và nghĩ rằng : “ Ta là người lười biếng như thế này sẽ không được di-sản tức là Thánh-tài to lớn này đâu, sẽ được đến khi ta tinh-tấn ”.

Điều sáu nói đến sự quán-xét thấy rằng “ Đức Bôn-sur là bậc Cao-thượng vô cùng dù 10 ngàn Thế-giới (Lokadhātu) to lớn cũng rung chuyển trong khi Ngài cầu sanh (Patisandhi) đản-sanh, giác-ngộ, Ngài thuyết pháp chuyển Pháp Luân, Ngài Hóa thần thông phép lạ (Yamakà pàtihàriya), Ngài ngự từ cung trời xuống tuyên-bố xã thọ trong khi Ngài nhập Niết-Bàn ” và nghĩ rằng (ta tu trong giáo-pháp của Đức Bôn-sur là bậc cao-thượng như thế này, không nên lười biếng).

Điều bảy nói đến sự quán-xét thấy rằng “ Bây giờ đây nói đến kiếp hoặc giòng (Jāti) ta không phải giòng thấp thỏi đâu, bởi khi ta xuất-gia rồi kể là sanh trong giòng đức vua Okkaka kế-truyền lại do vị MAHÀSAMMATIVANSA, kể là cháu của đức vua Tịnh-Phạn và bà Hoàng-Hậu MA-HÀ MÀYÀ kể là em của Đức Ra-Hầu-La, chính ta là con của Đức Phật Thích-Ca như thế này không nên lười biếng đâu ”.

Điều tám nói đến sự quán-xét thấy rằng “ Bạn phạm-hạnh to lớn tức là Đức Xá-Lợi-Phất và Đức Mục-Kiền-Liên cùng 80 vị Đại Thỉnh-văn toàn là đấng Pháp xuất-Thế-Gian do sự tinh

lần hết thấy, phần ta sẽ đi theo gương-mẫu hay không ? ”

Điều chín nói đến sự lánh xa người lười biếng, vì dứt bỏ sự siêng-năng theo đường lối thân, đường lối tâm, là nói ăn rồi ngủ như con trắng vậy.

Điều mười nói đến sự thân-cận người siêng-năng thật sự chỉ mong điều giác-ngộ.

Điều mười một nói đến tâm hướng đi, chuyển đi, nặng đi cho phát sanh sự tinh-tấn mỗi oai-nghi.

Nhân làm cho hi-mãn giác-chi sanh lên hoặc tiến-triền lên có 11 điều là :

1 — Buddhà nussati : Niệm Phật thường ức-niệm đến điều lành của Đức Phật.

2 — Dhammā nussati : Niệm pháp, thường ức-niệm đến điều tốt của Pháp Bảo.

3 — Saṅghā nussati : Niệm Tăng, thường ức-niệm điều tốt của Tăng.

4 — Sīlā nussati : Niệm giới, hằng ức-niệm giới mà mình đã giữ theo phải lẽ đến mình là tại-gia hoặc xuất-gia.

5 — Cāgā nussati : Niệm Bố-thí, hằng ức-niệm đến sự thí mà mình đã dứt bỏ, nghĩa là đã dâng vật-thực đến bậc có giới dứt, theo phải lẽ đến mình là tại-gia hoặc xuất-gia.

6 — Devatā nussati : Niệm Chư-thiên, hằng ức-niệm đến đức tính làm cho người thành Chư-thiên được do đức tính nào, đức tính ấy cũng có trong mình ta rồi.

7 — Upasamā nussati : Niệm sự vắng lặng, nghĩa là ức-niệm đến phiền-não đã vắng-lặng do năng-lực nhập-định rằng những phiền-não này hằng không dấy động cả 60 năm, 70 năm.

8 — Không thân-cận người bợn-nhơ, nghĩa là người không trong-sạch gương-mộ thương-thích trong Tam-Bảo, đã rõ-rệt được do thể-trạng mà họ không cung-kính Bảo-tháp, cây Đại Bồ-

và đến bậc Tôn-Trưởng (Thera) v. v. .

9 — Chỉ thân-cận người trong-sạch gương-mộ, nghĩa là người trong-sạch, hoan-hỷ, kính-cần đến Tam-Bảo

10 — Quán-xét Kinh làm cho sanh sự trong sạch gương mộ, tức là kinh giải-thích đức tính của Tam-Bảo.

11 — Nói đến tâm hướng đi, chuyển đi, nặng đi, trong đường lối làm cho phát sanh hỷ-mãn giác-chỉ mỗi oai-nghi.

Nhân làm cho tịch-tĩnh giác-chỉ sanh lên hoặc tiến-triển lên có 7 điều là :

1) Sự dùng vật-thực tốt, tức là nói đến sự ăn vật-thực là nơi yên vui, không làm cho sanh sự lach-ach, hoặc yếu đuối, hoặc phiền-não.

2) Sự dùng mùa tiết là nơi yên vui, nghĩa là được hưởng không khí yên vui.

3) Sự dùng oai-nghi là nơi yên-vui, nghĩa là đứng, đi, ngồi, nằm được sự yên-vui và tránh xa nghịch cảnh (Visabhā gāramṇa). Trong mùa tiết và oai-nghi này không lựa chọn thì chỉ người được kiếp đại-nhân nghĩa là người có thân hình đầy đủ, có ít bệnh tật, hằng thích hợp đến tất cả mùa tiết và oai-nghi, về phần người không phải kiếp đại nhân cần lựa chọn đặc biệt phần làm cho phát sanh sự yên-vui.

4) Sự thực-hiện điều trung-dung nghĩa là quán-xét đến nghiệp của mình và kẻ khác rằng mỗi người hằng tiến-hành theo nghiệp của riêng mình.

5) Sự không thân-cận người không vắng lặng, nghĩa là người xa lân-hiếp kẻ khác bằng cục đất hoặc khúc gỗ v. v. .

6) Chỉ thân-cận người vắng-lặng, nghĩa là người cẩn-thận tay, chân do không lân-hiếp kẻ khác.

7) Có tâm hướng đi, chuyển đi, nặng đi trong đường lối sẽ phát sanh tịch-tĩnh giác-chỉ mỗi oai-nghi.

Nhân làm cho định giác-chi sanh lên hoặc tiến triển lên có 11 điều là :

1 — Sự làm vật bên trong và bên ngoài cho sạch sẽ như đã giải rồi.

2 — Sự làm cho các căn bằng nhau, như cách trước.

3 — Sự rành-rẽ trong hiện-tượng, nghĩa là rành-rẽ nắm lấy hiện-tượng của công-án (Kasiṇa).

4 — Sự biết cử tâm, nghĩa là nâng cử tâm bị lui sút do nhân làm cho non kém quá đổi v. v. . . cách này phải huân-tu trạch-pháp tinh-tấn, hỷ mãn cho sanh lên.

5 — Sự đè nén tâm bị phóng túng do nhân tinh-tấn quá đổi v. v. . . cách này phải huân-tu tịnh, định, xả cho sanh lên.

6 — Sự làm cho tâm phẩn chấn nghĩa là nếu tâm khô héo do nguyên nhân thực hiện trí-tuệ non kém hoặc do nguyên nhân không được nhận sự vui-vẻ mà sanh từ sự vắng-lặng, hoặc nếu tâm không tiêu-toái đi do quán-xét tám điều kinh-cảm (Sanvega vatthu) nghĩa là quán sự sanh, già, đau, chết, khổ trong ác-đạo, khổ trong quá-khứ, khổ trong vị lai, khổ trong hiện tại là liên-quan đến sự kiếm vật-thực nuôi mạng sống. Phải làm cho tâm phẩn-chấn do sự niệm đến ân-đức Tam-Bảo.

7 — Sự lơ là, nói đến sự thấy rằng tâm không hôn-trầm, không phóng-túng, không tiêu-toái đi, vững-vàng tốt trong cảnh-giới, đi đúng đường lối chỉ tịnh tốt rồi thì không cần hăng-hái trong sự cử lên và dần xuống và làm cho phẩn-chấn một cách nào cả, hãy nhìn xem lơ là làm như kẻ xa-phu lái xe ngựa trong khi ngựa đi tốt họ cũng nhìn xem lơ là như thế ấy.

8 — Không thân cận người có tâm không trú-vững, là chừng cận-định hoặc nhập định, ám-chỉ người có tâm vọng động.

9 — Chỉ thân-cận người có tâm trú-vững là bậc cận-định hoặc nhập - định.

10 — Quán-xét thiền và giải-thoát (Vimokkha).

11 — Có tâm hướng đi, chuyển đi, nặng đi trong đường lối sẽ làm cho sanh định mỗi oai-nghi.

Nhân làm cha xả giác-chi sanh lên hoặc tiến-triền lên có 5 điều là :

- 1) Sự vô-ký trong chúng-sanh và người.
- 2) Sự vô-ký trong hành (Sankhàra).
- 3) Sự không thân-cận người là nơi thương yêu gìn-giữ trong chúng - sanh và hành.
- 4) Chỉ thân-cận người vô-ký trong chúng-sanh và hành.
- 5) Hướng tâm đi trong xả giác - chi ấy.

Có giải - thích như thế này :

Điều một hằng thành-tựu được do hai cách là quán về nghiệp rằng : " Ta sanh lại do nghiệp của ta, cũng sẽ phải đi do nghiệp của ta, dù kẻ khác cũng giống nhau " Đây là một cách. Cách nữa là sự quán đến điều không có chúng-sanh, người, là nói đến quán rằng : " Khi nói bằng thương nghĩa thì không có chúng-sanh, người, mình kẻ khác đâu. Sẽ phải thương yêu gìn giữ cái gì ? ".

Điều hai thành-tựu được do hai cách là quán đến điều không có ai là chủ của những đồ vật khác nhau như y-phục v. v. . . do nghĩ rằng " Y-phục này hằng hoại sắc và cũ rách thành giẻ chùi chân luôn đến phải liệng bỏ, nếu như có chủ thì không nên cho thành như thế ấy ". Đây là một cách. Cách khác nữa là sự quán là vật nhứt thời của những đồ đạc khác nhau như y-phục là điển-hình rằng " y-phục này cũng là vật không bền chắc đến đâu cả " v. v. . .

Điều ba nói đến sự không thân-cận người thực-hành cho dính ở trong người hoặc các vật (hành), nghĩa là người nào dính ở trong môn-sinh (Antevàsika), đệ-tử (Saddhi vibhàrika), và người cùng một Hòa-thượng v. v. . . bằng sự thương-mến thật-sự, dù không thấy chỉ trong chốc lát cũng kêu gọi kiếm, trong

khi có người lại cậy cho đi giúp làm những việc riêng cũng không chịu cho đi, bằng viện lẽ rằng mình cũng có việc thường-trực, bảo họ rằng khi người này kẻ nọ đi rồi tôi bị khó khăn bởi có việc phải làm luôn khi.

Người này gọi là thực hành mình cho dính trong người khác.

Về phần người nào thương thích dính tâm trong đồ vật cần dùng như y, bát, Bhattana, và cái gậy v. v. . . thậm chí không muốn cho kẻ khác sờ tay, dù họ xin mượn chốc lát cũng không cho do viện lẽ rằng tôi thương vật này lắm không cho mượn được, người hạng này gọi là dính trong hành tức là đồ vật. Dù phía tại-gia cũng nên so-sánh bằng cách này.

Ngài bảo hãy bỏ hai hạng người này đi mới thành-tựu được trong điều thứ ba này.

Điều bốn nói đến sự thân cận người có tâm vô-ký, tức là không thương, không ghét, không buộc ràng trong người hoặc vật gì không thành kiểu người như đã giải rồi trong điều ba. Do điều họ quán thấy rằng toàn là hành-trình theo nghiệp, toàn là không có bản ngã, toàn là vật nhất thời hoặc quán cách nào cũng tùy. chỉ làm cho người không dính trong PUGGALA hoặc SANKHARA cho đến hiện rõ diện mục là người thân cận được, bởi sẽ làm thành mô-phạm đến người thân cận.

Điều 5. Nói đến hướng tâm đi Tức là hoan hỷ điều làm cho sanh Xā (UPEKKHÀ) mỗi oai nghi.

Thật ra TỶ-KHUU mà đức Thế-Tôn gọi rằng (biết), theo chỗ nói trong PÀLÌ ấy ám-chỉ rằng biết như oai đã giảng giải rồi đây.

Dứt ý nghĩa theo chú giải bấy nhiêu đây.

CÁCH HÀNH

Người cầu hành điều niệm xứ này nên học hỏi cho hiểu rằng, Bảy pháp Giác-Chi là những gì ? rồi hãy soát xem trong

tâm của mình, rằng điều nào có hoặc không có nếu thấy rằng không có thì làm cho có lên, nếu thấy rằng hiện có chưa đầy đủ hoặc chưa già-dạn thì hãy cố gắng bằng cách thức sẽ làm cho những điều Giác-Chi ấy sanh lên hoặc già dạn lên, theo cách thức vắng gọn hoặc rộng rãi đã nói rồi đoạn trước.

Dứt điều nói về Giác Chi

ĐIỀU NÓI VỀ TỨ ĐIỀU ĐỀ

Trong điều này có ý nghĩ rằng (Tỳ Khuru trong pháp luật này hiểu hăng theo ý nghĩa về lẽ thật rằng : Đây khổ, đây nhân sanh khổ, đây sự diệt khổ, đây con đường đi đến sự diệt khổ).

Chư tỳ khuru gọi khổ nói đến cái gì, nói đến sự sanh, già, đau, chết, buồn sầu, khốc than, kể lể, không vui, trái ý, uất ức trong lòng, gặp những nhân vật không thương, xa lìa nhân vật thương yêu, mong muốn không được, gom gọn lại nói đến 5 điều chấp thủ ngũ uẩn.

(Về sự sanh) nói đến sự sanh lên, sự sanh lên đều, đủ, sự bước xuống, sự sanh có, sự sanh có chi thể lớn-lên, sự rõ rệt của ngũ uẩn, được cách sanh xứ (ĀYATANA) trong những chúng sanh ấy.

" Sự già " nói đến sự biến-dị đi, tư-cách biến-dị đi, là người có răng rụng, tóc râu bạc, da nhăn, giảm tuổi thọ các căn già nua trong những chúng sanh ấy.

" Sự đau " nói đến tất cả bệnh hoạn đau ốm của thân thể chúng sanh.

" Sự chết " nói đến sự mất, tư-cách mất, sự rã tan, sự mất đi, sự tử, sự chết, đáo kỳ, sự rã tan ngũ-uẩn, sự rời bỏ thi-thề, sự chấm dứt mạng-căn khỏi những chúng-sanh ấy.

" Sự buồn rầu " nói đến sự khô tâm, sự héo tâm, tư-cách buồn rầu, sự ưu-tư, sự phiền-muộn của người chịu sự hư-hỏng hoặc một nỗi khổ đau nào :

" Sự khốc than kể-lẽ " nói đến điều khốc la, sự khốc la, sự

kề lè, sự ràm ràm của người gặp một sự khổ nào,

“ Sự không vui ” nói đến sự không vui thân, không mát thân sự cảm thấy không vui không mát đã sanh từ sự va chạm nơi thân.

“ Sự trái ý ” nói đến sự không vui tâm, không mát tâm, sự cảm thấy không vui, không mát đã sanh từ sự đụng chạm nơi tâm.

“ Sự uất-ức trong lòng ” nói đến sự hẹp tâm, sự đè nén tâm, là người hẹp tâm, là người đè nén tâm.

“ Gặp những nhân, vật không thương ” nói đến sự đi gặp, sự gặp người lại đến, sự hồi-hộp, sự gặp gỡ sắc, thính, hương, vị, xúc mà ta không mong mỏi, thương yêu, vừa lòng hoặc gặp gỡ người mong làm điều tai hại, làm những cái không lợi ích, không phải là sự khoái-lạc, không thái bình an-lạc đến cho mình, hoặc đến cho người liên-quan đến mình.

“ Sự xa lìa nhân, vật thương yêu ” nói đến sự rời sắc, thính, hương, vị, xúc là nơi mong mỏi thương yêu, vừa lòng hoặc sự xa rời người có sự mưu cầu đến cho mình những điều lợi ích, giúp đỡ, ở yên, thái-bình, tức là cha, mẹ, anh em trai, chị em gái, bạn bè thân bằng quyến thuộc,

“ Sự mong muốn không được ” nói đến không vừa ý muốn trong đường lối không muốn sanh, không muốn già, không muốn đau, không muốn chết, không muốn buồn rầu, không muốn khóc than kể lè không muốn khổ thân, không muốn khổ tâm, không muốn uất-ức,

“ Khổ một cách vắn-tắt là chấp thủ ngũ-uẩn ” nói đến khổ đã sanh từ sắc, thọ, tưởng, hành, thức cả 5 uẩn mà người đời chấp chắc rằng ta, kẻ khác.

“ Nhân làm cho sanh khổ ” nói đến sự muốn nhiều, lẽ thường làm cho sanh nữa, lẽ thường gồm có sự thỏa-thích, nghĩa là sự hôn hờ trong những vật hoặc trong các nơi ấy, lẽ thường loại này nói đến điều muốn nhiều trong sự thương,

điều muốn nhiều trong sự có sự thành, điều muốn nhiều trong sự không có không thành,

Về cả ba điều muốn nhiều loại này hằng sanh trong Piya-rù-pa, Sàtarùpa, nghĩa là vật thương yêu vira lòng có 60 điều là :

— Sanh-xứ bên trong (lục-căn).

— Sanh-xứ bên ngoài (lục-trần).

— Thức, xúc, thọ (5 thứ này ám-chỉ phần nương gá sanh xứ bên trong),

— Tưởng, tác ý (Sañcetanà), ái-dục, tư-duy, quán-sát (5 thứ này ám-chỉ nương gá sanh xứ bên ngoài).

Các pháp này có mỗi thứ là 6 cho nên cộng thành 60.

“ Sự diệt-khổ ” nói đến sự diệt điều muốn nhiều, nghĩa là sự tiêu trừ đi một cách không dư sót, sự xả bỏ, sự đình-chỉ, sự thả trôi, sự không dính liểu điều muốn nhiều, nghĩa là điều muốn nhiều tắt đi trong cả 60 pháp là nơi thương yêu vira lòng ấy.

“ Con đường đi đến sự diệt khổ ” nói đến con đường có 8 chi là con đường Chánh-đáng tức là sự thấy đúng, nghĩ đúng, nói đúng, làm đúng, nuôi mạng đúng, tinh-tấn đúng, ức-niệm đúng, định tâm đúng.

* “ Sự thấy đúng ” nói đến biết khổ, biết nhân sanh khổ, biết điều diệt khổ, biết con đường đi đến diệt khổ.

* “ Nghĩ đúng ” nói đến suy-nghĩ ra khỏi sự thương, suy-nghĩ không hủy-hại, suy-nghĩ không lẫn hiếp.

* “ Nói đúng ” nói đến sự chừa cái, nói dối, nói đâm-thọc, nói độc ác, nói vô ích.

* “ Làm đúng ” nói đến sự lánh xa sát sanh, trộm cắp, tà dâm.

* “ Nuôi mạng đúng ” nói đến sự dứt bỏ, sự nuôi mạng theo đường tà, rồi nuôi mạng trong đường chánh.

* “ Tinh-tấn đúng ” nói đến sự tinh-tấn cẩn-thận, không cho

điều xấu-xa sanh lên, tinh-tấn dứt điều xấu-xa đã sanh lên rồi, tinh-tấn làm điều lành cho sanh lên, tinh-tấn gìn-giữ điều lành đã sanh lên rồi.

* “Ức niệm đúng” nói đến sự niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp.

* “Định tâm đúng” nói đến sự trú tâm vững đúng như trong tứ-thiền ấy.

DỨT PÀ LÌ

ATTHAKATHÀ.

Đức Thế-Tôn đã thuyết về Tứ-Diệu-Đế này khởi đầu rằng “Hằng biết rõ khổ theo lẽ thật” như thế này có ý nghĩa là nói đến sự hiểu rằng trừ ái-dục và pháp trong Tam-giới ra, đây là khổ. Ái-dục của cái làm cho khổ ấy sanh lên v. v. . . là nhân sanh khổ. Sự không tiến hành tức là sự dứt tất khổ và nhân sanh khổ ấy gọi rằng điều diệt khổ. Thánh-đạo tuệ là sự biết đầy đủ vấn-đề khổ và nhân sanh khổ, làm cho rõ-rệt điều diệt khổ gọi rằng đường đi đến sự diệt khổ theo trạng-thái như thế này (theo sự tự thành).

Vấn-đề Diệu-Đế này có rộng-rãi trong bộ Thanh-tịnh-đạo rồi.

Dứt điều nói về Tứ-Diệu-Đế.

ĐOẠN QUẢ BÁO SAU CHÓT.

Trong đoạn sau của đại Tứ-Niệm-Xứ kinh này có ý-nghĩa trong Pàlì rằng : “Này Chư Tỳ-khưu, bất luận người nào tiến-tu cả bốn pháp Tứ-Niệm-Xứ này suốt một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày hoặc một tháng, hai tháng, ba tháng, bốn tháng, năm tháng, sáu tháng, bảy tháng hoặc một năm, hai năm, ba năm, bốn năm, năm năm, sáu năm, bảy năm hẳn sẽ được một trong hai thứ quả (A-Na-Hàm, A-La-Hán) tức là pháp mà người khác không giác-ngộ được (tiếng nói rằng : “người khác” ám-chỉ người ngoài hai-hặc đã đắc) hoặc khi Upàdisesa hãy còn nên hy-vọng đắc A-Na-Hàm.

Phật ngôn thuyết trở lại đoạn sau rằng " Này Chư Tỳ-khưu, con đường là lối đi độc nhất này hằng đi cho được sự thanh-khiết của tất cả chúng-sanh đặng diệt tận sự buồn rầu và bất-bình, đặng diệt tận sự khổ và trái-ý, đặng suốt thông pháp nên biết, đặng làm cho tỏ ngộ Niết-Bàn, con đường này tức là Tứ-Niệm-Xứ " như thế này.

Lời Đức A-Nan-Đa nói phụ sau kinh này rằng : Khi Đức Thế-Tôn thuyết kinh này vừa xong, Chư Tỳ-khưu được nghe trong chỗ ấy mỗi người bèn hớn hở tươi-vui hoan-hỷ với chơn-ngôn của Đức Thế-Tôn " như thế này nữa.

Dứt Pàli.

CHÚ — GIẢI

Có ý-nghĩa trong chú-giải rằng : Đức Thế-tôn thuyết đề-mục THIÊN trong kinh này có 21 cách là số Tứ-Quan (Ānāpānasati), bốn oai-nghi, bốn pháp biết mình, 32 thể-trước, bốn nguyên-chất, chín tử-thi, sự quán thấy thọ, tâm, pháp-cái, ngũ-uẩn, Āyatana, giác-chi, Diệu-Đế theo thứ-tự lời thuyết ra có chừng độ bấy nhiêu đây. (Tử-thi kê là 9, ngoài ấy ra kê là một cho nên gom thành 21 điều).

Trong 21 đề-mục thiên này gom gọn có 2 là : Sở-Tứ-Quan. 32 thể-trước, 9 loại tử-thi gom thành 11 điều chia làm đề-mục Appanā.

Nhưng Ngài Mahāsiva là bậc lão-luyện trong trường bộ nói rằng : " 9 loại tử-thi ấy Đức Thế-Tôn thuyết do năng-lực của sự quán thấy tội lỗi của ngũ-uẩn (Ādīnavāpupassanā) rồi " như thế này. Nếu chấp-nhận theo ý-kiến của Ngài thì chỉ khép 2 đề-mục Appanā là điều nói về Sở-Tứ-Quan và điều nói về 32 thể-trước mà thôi, ngoài đó ra là đề-mục cận-định tất cả. Sự tiến-hành trong cách-thức đề-mục Thiên — (Ābhinivesa) hằng không phát sanh trong điều nói về oai-nghi, biết-mình, pháp-cái, giác-chi, nhưng nếu chấp trì theo ý-kiến của Ngài Mahāsiva nói

rằng phát sanh được trong cả 21 đề-mục do nguyên-nhân mà Ngài Y cứ rằng "Bậc hành-giả hằng quán thấy rằng : bốn oai-nghi bốn sự biết mình, năm pháp cái, bảy giác-chi điều nào của ta có hoặc không" như thế này.

Tiếng nói rằng "Bất-luận người nào" nghĩa là không nói Tỳ-khuru, Tỳ khuru-Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di một người nào.

Tiếng nói rằng "Nên tiến tu như thế này" nghĩa là nên tiến-tu theo những điều mà Tỳ-khuru tiến-tu trong Tứ-Niệm-Xứ ấy.

Tiếng nói rằng "Cần mong-mỏi được" nghĩa là cần làm cho phát sanh được một cách chắc-chắn.

Tiếng nói rằng "người khác" nghĩa là pháp mà người khác biết không được, ám-chỉ bậc A-La-Hán.

Tiếng nói rằng "Khi còn có Upàdisesa" nghĩa là khi sự định liễu trong ngũ-uẩn còn dư-sót. Điều mà Ngài thuyết ấn-định thời-gian như thế này là bởi nhằm vào chúng-sanh nên tế-độ có trí-tuệ bậc trung.

Về phần Phật-ngôn mà Ngài thuyết trong chỗ khác rằng : "Người được nhận lời giáo-huấn trong buổi sáng sẽ đắc thành trong buổi chiều người được nhận lời giáo-huấn trong buổi chiều sẽ đắc thành trong ngày mai" như thế này, nhằm vào người có trí-tuệ già-dạn. Có nghĩa rằng lời giáo-huấn của Đức Thế-Tôn toàn là đem đến nơi cuối cùng tức là bậc A-La-Hán.

(Về phần tiếng nói thêm phía sau và lời của Đức Ànanda không có lời nào khó hiểu)

Dứt chú-giải của kinh Đại Tứ-Niệm-Xứ mà có tên rằng Papançasudani trong Mùla Paṇṇāsaka trung-bộ và trích dẫn nhiều nơi khác luôn cả ý-kiến của mình giải thích chỉ có bấy nhiêu đây, nhưng lời giải trong vấn-đề Tứ-Diệu-Đế có trong chú-giải của kinh này vẫn gọn lỏm và Ngài chỉ cho rằng có rộng rãi trong bộ Thanh-Tịnh-Đạo, đoạn nói về Tứ-Diệu-Đế.

Bởi cơ ấy sẽ bổ túc theo bộ Thanh-Tịnh-Đạo tiếp sau đây
nhưng phần nhiều sẽ tránh các bài kệ bót.

Trong bộ kinh Thanh-Tịnh-Đạo.

VIBHÀGATO NIBBACANA
LAKKHANÀDIPPABHEDATO
ATTHATTHUDDHÀRATO — CEVA
ANUNÀDHIKATO TATHÀ
KATAMO JÀTI ÀDÌNAM
NICCHAYÀ NÀNAKICCATO
ANTOGATÀNAM PABHEDÀ
UPAMÀTO CATUKKATO
SUÑÑATEKAVIDHÀDÌHI
SABHÀGAVISABHÀGATO
VINICCHAYO VEDITABBO
VIÑÑUNÀ SÀSANAKKAMETI

Khi Đức BUDDHAGHOSA giải-thích Tứ-Diệu-Đế, Ngài
khởi điem bằng trước-tác bài kệ như đã chép ở phía trên, rồi
bắt đầu giải-thích theo yếu-diem mà Ngài đã nêu ấy và trong bài
kệ đó định được ý nghĩa rằng: Người thức-giả trong Tôn-giáo
nên biết xét đoán về Tứ-Niệm-Xứ.

1. — Bằng Vibhàga
2. — Bằng Nibbacana
3. — Bằng Phẩm-mạo có tướng v.v. . .
4. — Bằng ý-nghĩa.
5. — Bằng tái hưng ý-nghĩa
6. — Bằng không dùn, không thẳng.
7. — Bằng thứ-tự.
8. — Bằng xét đoán sự sanh v.v. . .

9. — Bằng sự của huệ.
10. — Bằng Phạm-mạo của các pháp bên trong.
11. — Bằng ví-dụ.
12. — Bằng nhóm bốn.
13. — Bằng sự không.
14. — Bằng chủng loại.
15. — Bằng SABHÀGA và VISABHÀGA " như thế này

Kể đây là lời mà Ngài giải theo cơ-sở đoán-xét cả 15 cách ấy.

1) Bằng VIBHÀGA nghĩa là bằng sự chia ý-nghĩa của Tứ-Diệu-Đế mỗi cách có 4 điều là :

— Khổ-Đế có 4 ý-nghĩa nói đến sự bức-bách, sự bị tạo-tác, sự nóng-nảy, sự biến-đổi.

— Tập-Đế có bốn : nói đến sự huân-tập tại, sự là nguyên-nhân đầu tiên, sự phối hợp, sự vướng bận

— Diệt-Đế có bốn : nói đến sự tách ra, sự vắng-lặng, không có gì tạo-tác, không chết.

— Đạo-Đế có bốn : nói đến sự dẫn ra, là nhân, sự thấy sự lớn.

2) Bằng NIBBACANA nghĩa là bằng sự chia danh-từ, nói đến sự chia bằng cách-thức như sau đây :

Tiếng nói rằng " Dukkha " chia ra làm hai là " DU " và " KHA " " ĐU " dịch là ghét, xấu, như mọi người gọi con đáng ghét là con xấu " KHA " dịch là rỗng không, như họ gọi hư-không, chỗ trống là chỗ rỗng không. Do sự nhu-cầu rằng nơi có tên là nơi đáng ghét, bởi là nơi của vật không mong mỏi có nhiều sự chẳng lành v.v. ...

Chỗ có tên là rỗng không, bởi xa lìa sự trường-tồn, sự xinh-đẹp, sự vui, sự ngã mà người ngu-si hay chấp trước.

Gom vào thành một tiếng là " DUKKHA „ Dịch rằng là nơi đáng ghét và trống-rỗng.

Tiếng nói rằng "SAMUDAYA" cũng chia thành 3 là "SAM" dịch là đều đủ. — «UDA» dịch là sanh. — «AYA» dịch là nhân. Do giải-thích rằng: Khi đều đủ bằng duyên có thừa rồi, thì làm cho khổ sanh lên. Gom thành một tiếng rằng: «SAMUDAYA» dịch rằng khi đều đầy đủ nhân thì sanh khổ.

Tiếng nói rằng «NIRODHA» cũng chia thành 2 giống nhau «NI» dịch không có. «RODHA» dịch là đạo đi. Nói đến sự đạo đi của khổ nghĩa là sự đạo đi trong luân-hồi, Gom thành một tiếng rằng: «DUKKHANIRODHA» dịch là không có sự đạo đi của khổ hoặc sự diệt khổ,

Tiếng nói rằng «DUKKHANIRODHA GÀMINI PATIPADÀ» chia thành 6 tiếng nhưng không khác gì với điều không chia, do nhân có ý-nghĩa giống nhau là con đường đến sự không có, sự đạo đi của khổ. Bởi hướng diện đặc biệt đến sự diệt khổ ấy, tức là làm điều diệt khổ cho thành nơi miên-trường.

Tiếng nói rằng «ARIYASACCA» Dịch theo điều Ngài chia rằng:

- 1) Sự thật mà bậc Thánh-nhân thấu-triệt.
- 2) Sự thật của bậc Thánh-nhơn.
- 3) Sự thật là nơi làm cho thành-tựu bậc thánh-nhơn.
- 4) Sự thật một cách đúng đắn

Gom thành 4 cách là:

1. — Pàli nói rằng: "ETÀNI BUDDHÀDAYO ARIYA PAT VIJJHATI" „

2. — Pàli nói rằng: "ARIYASSA SACCANI" „

3. — Pàli nói rằng «ARIYABHÀVA SIDDHITO SACCANI „

4. — Pàli nói rằng: «ARIYÀNI SACANI»

ARIYÀNÌTÌ TATHÀNÌ AVITTHÀNÌ AVISAMVÀDAKÀNÌTÌ-
ATTHO.

Gom cả bốn cách thành Tứ-Điệu-Đế như đã dịch rồi.

3) **Bằng phạm-mạo** có tướng v.v. . . nghĩa là điều nói rằng :
« DUKKHA » có sự lẩn hiếp là tướng, có sự nóng nảy là vị, có sự tiến hành là vật rõ-rệt.

“ SAMUDAYA „ Tập có sự thành cảnh-giới sanh là tướng, có sự cắt không đứt là vị, có sự bận rộn là vật rõ-rệt.

“ NIRODHÀ „ Diệt có sự vắng lặng là tướng, có sự không di động là vị, có sự không có vật làm dấu là vật rõ-rệt,

“ MAGGA „ Đạo có sự dẫn ra là tướng, có sự dứt phiền-não là vị, có sự ra là vật rõ-rệt.

Lại nữa có hai cách là :

Cách thứ nhất rằng cả tứ diệu-Đế theo thứ-tự, có sự tiến hành vật tiến-hành, sự nghĩ, vật nghĩ là tướng.

Cách thứ hai rằng : Có sự bị tạo-tác, sự muốn nhiều, sự không bị tạo-tác, sự thấy là tướng.

4) **Bằng ATTHA** nghĩa là bằng ý-nghĩa nói đến vật chắc thật của Thánh nhân, giải rằng là vật không biến-dị không trở thành thay đổi hằng là nơi đạo đi bằng huệ của Thánh nhân hẳn thật, bằng cách nói rằng khổ thì chính là khổ đúng vậy, không trở thành cách khác, đến Tập Diệt, Đạo, cũng như thế.

5) **Bằng tái hưng ý nghĩa**, tức là do thoát ý của tiếng nói rằng :

“ SACCA „ dịch là sự thật, tiếng này có ý nghĩa nhiều lắm, có tên gọi khác nhau tùy-theo tiếng phụ thêm ở phía trước, nói đến những tiếng « VĀCĀSACCA » lời nói chân thật, chơn ngôn, “ VIRATISACCA » Chừa cái chơn-thật “ DITṬHISACCA „ Hiểu thấy chơn - thật, “ PARAMATTHASACCA ” Thượng - nghĩa chơn-thật. Siêu - lý chơn-thật, “ ARIYASACCA ” Chơn - thật của bậc Thánh, Diệu - Đế.

6) **Bằng không non và không già**, Đức Thế-Tôn thuyết Diệu-Đế có bốn không thiếu, không thừa, người nào chê rằng thiếu rồi thêm vào, người nào chê rằng thừa rồi bỏ bớt ra không

được đâu. Hoặc chê rằng sự sanh v.v... không phải khổ cũng chẳng được.

Cả hai điều này toàn là có Phật ngôn là vật y cứ, ý-nghĩa rằng "Chư-Tỳ-khưu, bất luận sa-môn hoặc bà-la-môn một người nào dám nói lên rằng điều Diệu-Đế thứ nhất tức là khổ mà Đức Sa-môn Cồ-Đàm thuyết không đúng, ta hiểu diệu-đế đầu là khổ này ta sẽ ấn định Diệu-Đế đầu tức là khổ cách khác- như thế này điều này không thể tiến-hành được" như thế này v.v...

Lại nữa điều Ngài thuyết bốn do có bốn điều mong mỏi của Phật là :

1) Đặng Ngài chỉ cho thấy rằng sự khổ tiến-hành gồm bằng nhân và sự không tiến-hành của khổ gồm bằng phương-pháp.

2) Đặng Ngài chỉ cho thấy rằng: khổ là vật nên biết cho chu-đáo, nhân làm cho sanh khổ là vật nên dứt bỏ sự diệt khổ là vật nên biết cho rõ-rệt, đường diệt khổ là vật nên làm cho sanh lên.

3) Đặng Ngài chỉ cho thấy rằng khổ là nơi trú của ái-dục, tập chính là ái-dục, diệt khổ tức là sự diệt ái-dục, đạo thực hành để diệt khổ tức là phương-pháp diệt ái-dục.

4) Đặng Ngài chỉ cho thấy rằng khổ là lưu-luyến (Àlaya), tập chính là thỏa-thích trong Àlaya, sự diệt khổ chính là nhổ bỏ Àlaya, đường đi đến sự diệt khổ chính là phương-pháp nhổ bỏ Àlaya.

(Tiếng "Àlaya" dịch-rằng lưu-luyến hoặc dịch-rằng nương-gá)

7) Bằng thứ tự, nghĩa là bằng thứ-tự của sự diễn-thuyết, giải rằng điều mà Ngài thuyết khổ-đế trước bởi khổ là vật dễ hiểu được, bởi nhân là vật thô-hiền và là vật có phổ-thông đến tất cả chúng-sanh rồi Ngài thuyết Tập là thứ nhì đặng cho trông thấy nhân sanh khổ.

Diệt là thứ ba đặng cho hiểu rằng sẽ diệt quả được bởi diệt nhân

Đạo Diệu-Đế là thứ tư bởi Ngài cho nhìn thấy phương-pháp là vật thấu-triệt sự diệt khổ.

Lại nữa điều ngài thuyết khổ trước đặng cho sanh cảm-động tâm đến chúng-sanh là người ưa-thích sự an-vui trong tam-giới (Bhavasukha). Rồi Ngài thuyết tập là thứ nhì đặng cho trông thấy rằng các sự thống-khổ không sanh lại từ vật khác, nhưt là Isavaranaramita v.v... chính sanh lại từ ái-dục này. Diệt là điều thứ ba đặng cho phát sanh sự vui lòng đến ai là người mong lánh khỏi khổ. Đạo là điều thứ tư đặng cho thấu-triệt điều diệt khổ ấy là hợp với ý nguyện.

DUKKHANIDDESA

8) Bằng sự đoán-xét sanh khổ v.v... Ngài đã biểu-lộ sự thấy trong vấn-đề Tứ-Diệu-Đế trước như sau đây :

Ngài chỉ rằng DUKKHANIDDESA Đức Thế-Tôn thuyết pháp có 12 điều (khổ) là sự sanh v.v... khổ bằng cách vấn gọn tức là chấp-thủ ngũ-uẩn (xem 12 khổ đoạn trước).

Trong SAMUDAYA NIDDESA Ngài nói 3 điều ái-dục, nhưt là sự muốn nhiều trong vật là nơi thương yêu v.v...

Trong NIRODHA NIDDESA Ngài thuyết 5 pháp nhưng với ý nghĩa nói đến Niết bàn một cách giống nhau cả 5 điều.

Trong MAGGA NIDDESA Ngài thuyết 8 pháp nhưt là sự hiểu thấy chơn chánh v.v...

Rồi trở lại xét-đoán sanh khổ v.v... tiếp theo có ý nghĩa rằng :
Tiếng " Jhāti " ám-chỉ nhiều cách là :

- 1) " Ám-chỉ cõi " như tiếng nói rằng nhớ kiếp được.
- 2) " Ám chỉ những chúng-sanh sanh khác nhau ".
- 3) " Ám-chỉ hữu-vi tướng " (Saṅkhāta lakkhana) tức là pháp có sự bị tạo-tác là tướng.
- 4) " Ám-chỉ cấu-sanh " (Paṭisaṅdhi) tức là tâm hoặc thức, cái sanh đầu tiên.

5) "Am-chỉ sanh ra" tức là sự lọt lòng khỏi bụng mẹ.

6) "Am-chỉ dòng-họ" như tiếng nói rằng nói động cập đến giòng họ.

7) "Am-chỉ giới của bậc Thánh" như tiếng nói rằng sanh do dòng của Thánh-nhơn.

Về tiếng nói rằng "Sanh khổ" trong Diệu-Đế này ám-chỉ sự sanh của ngũ-uẩn kể từ cấu sanh trở đi cho đến lọt lòng của những chúng-sanh thuộc về thai-sanh và sự sanh của uẩn do tâm cấu sanh của loại chúng-sanh khác nữa. Điều nói rồi đây là phần trình bày.

Phần không trình bày, tiếng "Jhāti" nói đến sự sanh rõ-rệt kể từ đầu trở đi của uẩn (Khandha) của những chúng-sanh sanh trong các cõi ấy.

Và tiếng "Jhāti" này có sự sanh đặc biệt là tướng, có sự lọt lòng là vị, có sự hiện lên khỏi cõi trước lại rõ-rệt trong cõi này là vật rõ-rệt.

Lại nữa có sự tụ tập đi với khổ là tướng.

Có lời hỏi rằng: Sự sanh là khổ như thế nào?

Đáp rằng: Khổ như thế này, nghĩa là các sự khổ khác toàn là nương nơi khổ sanh tất cả.

Về các khổ khác như thế nào?

— Nói đến khổ đau, khổ biến đổi, khổ Sankhara, khổ che đây; khổ không che đây, khổ phụ, khổ chính.

Trong các sự khổ này có sự giải-thích như sau:

Sự nhận biết không vui thân và tâm gọi là "khổ đau" bởi là khổ do trạng-thái và do tên.

Sự nhận biết vui gọi là "khổ biến-dị" bởi sự nhận biết vui ấy hằng biến-dị trở thành khổ nữa, không tồn tại một chỗ được.

Sự nhận biết lơ-là với Sankhara cả ba cõi, gọi là "khổ Sankhara" bởi bị sự sanh và sự diệt ép bức luôn khi.

Sự đau thân nhứt là đau lỗ tai và răng v.v... khép về "khổ che đây" bởi cần hỏi người đau trước có thể biết được và bởi sự chuyên tâm không rō rệt.

Sự đau do đó có sự bị làm dữ, 32 thể-trạng v.v... là nơi phát-sanh (Samutthāna) khép về "khổ không che đây". Bởi không cần hỏi cũng biết được và bởi sự chuyên tâm rō-rệt.

Tất cả khổ nhứt là khổ sanh, mà Đức Thế-Tôn thuyết trong khổ để phân-tích, trừ "khổ đau" ra khép về « khổ phụ » bởi là nhân của những khổ ấy.

Về phần "khổ đau" khép về "khổ chính" bởi là khổ một cách chính thức, là khổ theo trạng thái và theo tên đó vậy.

Trong 12 thứ khổ ấy, cái gọi rằng sự sanh là khổ bởi là nơi trú của khổ trong ác đạo và khổ trong cõi người thiện thú, nhứt là khổ khi ở trong thai-bào v.v... nói rằng người sanh trong thai-bào của người phải chịu khổ như sau đây :

1) "Khổ phải ở trong thai bào" là nơi chật hẹp lắm, đen tối lắm, đầy đầy bằng những tử thi khác, tràn ngập bằng những mùi hôi hám dữ dội đáng nhờm gớm lắm, nóng do sức ấm áp có trong lòng mẹ, bị nấu như cháo như, và bị chưng như bột, duỗi thẳng tay chân v.v... không được (ngồi chồm hồm đưa cả hai tay lên đỡ cằm, ôm đầu gối của mình, day lưng ra phía bụng của mẹ, day mặt vào phía lưng của mẹ mà mỏng bao bọc thân-thề luôn khi) trên đây phụ thêm.

2) "Khổ sanh từ sự kém chăm sóc thai" nghĩa là khi bà mẹ lơ té xuống, đi, đứng, ngồi, nằm (thiếu cẩn thận) hài nhi ấy có thân chệch đi lại cảm thấy giựt mình khiếp sợ, giống như nai con ở trong bàn tay của người say rượu và giống như con rắn ở trong tay người thợ rắn và bị sự lạnh, nóng, chua, mặn v.v... cũng cảm thấy lạnh lắm, nóng lắm, rất lắm.

3) "Nói đến khổ khi sanh" phải bị người mẹ kéo lôi hoặc cắt chi thể trong trường hợp sanh khó.

4) " Nói đến khổ khi đang ra từ lòng mẹ do sản môn chật hẹp " do giỗ sanh từ nghiệp quạt cho cái đầu xuống thấp như người rơi xuống trong hố sâu cảm thấy giựt mình nhiều lắm vừa rơi đến chỗ sanh thì cảm thấy khó khăn nhiều lắm như bị kẹp bằng máy và như chúng sanh địa ngục bị ép bằng núi.

5) " Khổ khi sanh xong rồi " nghĩa là khi nắm tay vào và tắm rửa lau chùi v. v. . . làm cho đau giống như bị châm bằng kim hoặc lóc bằng dao cạo.

6) " Nói đến khổ phát sanh từ sự làm của chính mình " như tự sát mình hoặc chấp chắc bên ngoài nhưt là chấp tự không mặc y phục v. v. . . hoặc nóng nảy đến đời không ăn vật thực hoặc tâm vùng vằng do sự nóng nảy.

7) " Nói đến khổ phát sanh từ sự làm của kẻ khác " nhưt là sự bị giết và bị giam cầm v. v. . .

Tiếng nói rằng " Sự già " có hai cách là :

1) " Già che đậy " nói đến già mãi mãi.

2) " Già phơi bày " nói đến già rõ rệt như răng rụng v. v. . .

Trong khổ Diệu-Đế này ám-chỉ điều sau :

Và sự già này có sự già của ngũ uẩn là tướng. Có sự đi gần vào kiếm sự chết là vị. Có sự mất phẩm mạo trẻ trung là vật rõ rệt. Điều gọi là khổ bởi là khổ của Saṅkhàra và là nhân làm cho sanh khổ. Tiếng nói rằng " Sự chết " có hai là :

1) " Chết che đậy " nói đến chết mãi mãi.

2) " Chết phơi bày " nói đến dứt mạng-căn hết hơi thở.

Trong khổ Diệu-Đế này ám-chỉ điều sau :

Sự chết này có sự mất đi là tướng, có sự xa lìa là vị, có sự bỏ hành trình (Gati) là vật rõ rệt gọi là khổ bởi là nhân làm cho sanh khổ.

Tiếng nói rằng " Sự buồn rầu " nói đến sự ưu sầu do những nhân khác, nhưt là mất thân quyến v. v. . . sự buồn rầu

này có sự thiêu đốt nóng, nghĩa là nghĩ nóng nảy trong tâm là tướng, có sự an bài là vị có sự buồn rầu là thể trạng rõ rệt.

Điều gọi rằng khổ cũng bởi là khổ đau và là nhân làm cho sanh khổ.

Tiếng nói rằng " Sự khốc than " nói đến sự kể lể bằng miệng do các nhân khác nhưt là mất thân quyến v. v. . . có sự kể lể là tướng, có sự nghĩ đến đức tính và tội lỗi là vị, có sự hỗn loạn là thể trạng rõ rệt.

Điều gọi rằng khổ cũng bởi khổ của hành (Saṅkhàra) và là nhân làm cho sanh khổ.

Tiếng nói rằng " Sự khổ " nói đến sự không vui thân. Có sự lẩn hiếp thân là tướng, có sự trái ý là vị, có sự đau thân là thể trạng rõ rệt. Điều gọi là khổ cũng bởi là khổ đau và bởi làm cho tâm khổ nữa.

Tiếng nói rằng " Sự trái ý " nói đến sự không vui tâm, có sự ép bức quả tim là tướng, có sự nghịch ý là vị, có sự đau lòng là thể trạng rõ rệt.

Điều gọi rằng khổ bởi là khổ đau và bởi làm cho thân khổ nữa. Do nói rằng người khổ tâm nặng nề, hằng xả tóc khốc than kể lể, hoặc đâm ngực, đập đầu hoặc uống thuốc độc hoặc thất cổ v. v. . .

Tiếng nói rằng " Sự uất ức " nói đến sự uất ức đầy dẫy bằng khổ tâm một cách cao độ, do các nhân khác nhưt là mất thân quyến v. v. . .

Có sự nóng nảy tâm là tướng, có sự thờ dài là vị, có sự vọ vàng là vật rõ rệt.

Điều gọi là khổ bởi là khổ của Saṅkhàra và bởi sự nóng nảy tâm bởi làm cho thân thể gãy còm.

Tiếng nói rằng " sự gặp nhân vật không thương " nói đến sự gặp gỡ người không thích nhau hoặc vật không vừa lòng, có sự trùng phùng với người hoặc vật không cần mong mới là

tướng, có sự hận lòng là vị, có sự không tiến hóa là vật rõ rệt.

Điều gọi rằng khổ bởi là nhân làm cho sanh khổ.

Tiếng nói rằng " Sự xa lìa nhân, vật là nơi thương yêu " nói đến sự lìa người là nơi thích nhau hoặc vật là nơi vừa lòng, có sự xa lìa vật cần mong mới là tướng, có sự làm cho điều buồn rầu phát sanh là vị, có sự tiêu điều là vật rõ cho chắc chắn.

Điều gọi rằng khổ bởi là nhân làm cho khổ tức là sự buồn rầu.

Tiếng nói rằng " Sự mong cầu không được " nói đến sự không như nguyện trong đường hướng không muốn sanh lên v. v. . . có sự mong muốn cái không nên được là tướng, có sự kiếm vật ấy là vị, có sự không tiến hành theo ý muốn là vật rõ rệt

Điều gọi rằng khổ bởi là nhân cho sanh khổ.

Tiếng nói rằng " Khổ bằng cách vẫn tất " nói đến chấp thủ ngũ uẩn tức là những khổ khác có trong chấp thủ ngũ uẩn nhiều lắm, nên Đức Thế Tôn nêu lên thuyết từ điều như Ngài nêu sự sanh v. v. . . nêu lên thuyết hằng nhiều kiếp cũng không cùng tận, cho nên Ngài gom vào trong Upadana khandha rõ rệt (đoạn này Ngài giải thích bắt đầu từ sanh khổ luôn đến khổ mong cầu không được, rồi gom vào trong khổ bằng cách vẫn gọn tức là khổ sanh từ chấp thủ ngũ uẩn).

Thuyết về tập SAMUDAYANIDDESA.

Trong Samudayaniddesa này Ngài dùng cả ba tiếng đã có ở trong Pàli ấy lại chia thành trích giải (Viggha) khi dịch theo Ngài cũng có ý nghĩa như sau đây :

(Ponobbhavikà) dịch rằng làm cõi nã, có thường tình làm cõi nã. (nandiràgasehagatà) dịch rằng gồm có sự hoan hỷ do năng lực của sự thỏa thích.

(Tatràbhinandinì) dịch rằng : Sự thỏa thích đặc biệt trong cõi những nơi mình sanh ấy.

(Theo chỗ dịch này cũng không khác gì với điều đã dịch trong Pàli đoạn trước, về phần tiếng Pàli của người khác nhau và ba ái dục ấy Ngài bảo rằng có rộng rãi ở trong đoạn nói về Thập nhị nhân duyên, được xem xét rồi thấy rằng không khác điều Ngài giải thích là phần nhiều, cho nên không đem lại trong chỗ này, và Ngài nói rằng cả 3 ái dục ấy cũng làm cho sanh khổ giống nhau cả, cho nên gọi rằng "Tập-Đế".

Thuyết về Diệt-khổ DUKKHANIRODHANIDDESA, trong diệt khổ này Ngài đặt thành câu hỏi rằng "Bởi tại sao lời đầu tiên lại nói rằng diệt khổ, lời sau nói rằng diệt ái-dục ?

Đáp rằng bởi khổ hằng diệt đi do ái-dục, không phải diệt do nhân khác".

Rồi y-cứ vào kệ-ngôn có ý nghĩa rằng "lẽ thường cây khi rễ còn vững chắc, thậm chí bị đốn cây cũng còn mọc được nữa như thế nào, khi còn chưa dứt ái-dục thù-miên (Tanhànusaya) khổ cũng còn sanh tiếp-tục như thế ấy".

Rồi thuyết tiếp rằng "Lẽ thường các Đức Như-Lai khi diệt khổ và thuyết sự diệt khổ. Ngài hằng thực hành trong nhân, Ngài không thực hành trong quả".

Rồi giải thích cả 5 tiếng là Phật ngôn ấy rằng: Tiếng "Viràga" ám chỉ đạo một cách, ám chỉ sự dứt bỏ một cách và cả 5 tiếng ấy là "Nibbàna" tức là tiếng thay đổi nhau rồi chia tiếng "Ase-saviràganirodha" ra thành hai phần, dịch phần thứ nhất rằng: sự diệt ái dục do vật dứt trừ bằng cách không dư sót. Phần thứ hai rằng: Sự tiêu trừ ái dục và diệt ái dục bằng cách không dư sót.

Nếu giữ theo cách thứ hai này phải thành ra 6 tiếng và không hợp với tiếng giải thích tiếp theo, nghĩa là có tiếng giải thích rằng sẽ diệt, sẽ bỏ, sẽ thôi, sẽ không dính mắc bởi ái dục bằng cách không dư sót theo những bậc ấy được, cũng bởi vật dứt trừ tức là thánh đạo đeo níu Niết-Bàn.

Tiếng nói rằng "Niết-Bàn" có sự vắng lặng là tướng, có

sự không chuyển đi là vị, lại nữa có sự làm cho bậc Thánh nhân hoan-hỷ là vị, có sự không có vật biểu hiện hoặc sự không có vật chậm chạp là vật rõ-rệt.

Thuyết về đạo (Magganiddesa) trong Magganiddesa này Ngài nói rằng tôi sẽ thuyết cả 8 pháp đặng cho hiểu sự khác nhau của các pháp ấy sẽ có trong sát-na giống nhau như sau đây :

Khi nói bằng cách vắn tắt là :

1) Con mắt nói đến trí-tuệ sẽ diệt vô-minh thường trực của tâm có Niết-bàn là cảnh giới của người thực-hành đặng làm cho suốt thông cả 4 lẽ thật gọi là sự thấy đúng (Chánh-kiến), có sự thấy là tướng, có sự tuyên bố vật-thực là vị, có sự hủy diệt tối tức là vô minh là vật rõ cho biết.

2) Sự cử lên đến đường Niết-Bàn mà giết sự suy nghĩ quấy một cách dứt khoát hợp với sự thấy đúng của người thấy đúng gọi là suy nghĩ đúng (Chánh-tư), có sự cử tâm lên đúng là tướng, có sự mật thiết là vị, có sự dứt điều suy-nghĩ bậy là vật làm cho rõ-rệt.

3) Sự chữa cải khỏi sự nói quấy là dứt trừ khẩu-trước hạnh hợp với sự suy nghĩ đúng của người thấy đúng, nghĩ đúng gọi là sự nói đúng (chánh-ngữ), có sự ấn-định là tướng, có sự chữa cải là vị, có sự dứt lời nói sai là vật rõ-rệt.

4) Sự chữa cải điều sát sinh v.v... là dứt đường làm quấy cho sạch hợp với sự nói đúng của người chữa cải như thế ấy gọi rằng hành động đúng (chánh-nghiệp), có sự dứt điều làm quấy là vật rõ-rệt.

5) Sự chữa cải nuôi mạng quấy là dứt đường gian đoạt kẻ khác v.v... cho dứt khoát hợp với sự làm đúng là điều trong sạch của sự nói đúng làm đúng gọi là sự nuôi mạng đúng (chánh mạng) có sự trong sạch là tướng, có sự tiến trình trong đường lối nuôi mạng đúng là vị, có sự dứt bỏ điều nuôi mạng quấy là vật rõ-rệt.

6) Sự khởi điều tinh-tấn là dứt sự lười biếng được dứt khoát hợp với sự nuôi mạng đúng phải lẽ đến sự nuôi mạng đúng

của người trú ở trong giới tức là nói đúng, làm đúng, nuôi mạng đúng gọi là sự tinh-tấn đúng (chánh-cần), có sự khởi lên điều sẽ làm là tướng có sự không cho bất thiện chưa sanh, sanh lên v.v... là vị. có sự dứt bỏ tà tinh-tấn là vật rõ-rệt.

7) Sự có tâm không lẫn lộn và dứt trừ sự tà niệm hợp với điều tinh-tấn đúng của người tinh-tấn, như thế ấy gọi là sự ức-niệm đúng (Chánh-niệm), có sự rõ-rệt lên trong tâm là tướng, có sự không quên lẫn là vị, có sự dứt điều tà niệm là vật rõ-rệt.

8) Sự mà tâm có cảnh-giới duy nhất là dứt trừ điều chú tâm quấy, hợp với điều ức niệm đúng của người gìn giữ tâm bằng sự ức niệm một cách eao quý gọi là sự trú tâm đúng (Chánh-định), có sự không phóng túng là tướng, có sự trú ở đúng là vị, có sự dứt điều tà định là vật rõ-rệt.

9) Bằng sự của Huệ, tiếng nói rằng "Sự" (Kicca) là trách nhiệm "Huệ" là sự biết. Trong chỗ này ám chỉ trách nhiệm của sự biết trong vấn đề chọn thật, sự biết có trách nhiệm làm thế nào? sự biết của lẽ thật có hai cách: một biết theo, hai biết suốt. Trong hai cách này sự biết theo khép về thế-gian, nghĩa là chỉ biết trong đạo và diệt do sự nghe từ người khác v.v... về sự biết suốt khép về xuất Thế-gian có Niết-Bàn là cảnh-giới rồi hiểu lẽ thật một cách rộng rãi tròn đủ cả bốn điều, đúng theo ý nghĩa trong Phật-ngôn rằng: "Khi hiểu một cách nào suốt rồi là hiểu hết cả bốn". Trách nhiệm của sự hiểu suốt này Ngài đã thuyết trong tuệ kiến Thanh-tịnh (nānadassanavisuddhi) (không thuyết trong chỗ này phần này chỉ thuyết trách nhiệm của sự biết trong thế-gian) nghĩa là sự biết khổ có trách nhiệm ngăn cấm thân kiến (Sakkāyadiṭṭhi) là sự dấy động một cách mãnh liệt. Sự biết nhân làm cho sanh khổ, ngừa sự thấy rằng hoài-vọng. Sự biết diệt khổ, ngừa sự thấy rằng tồn tại. Sự biết đạo ngừa sự thấy rằng không cần làm, nghĩa là ngừa không cho thấy rằng không có tội phước.

Một lẽ nữa sự biết khổ ngừa không cho hiểu quấy trong quả tức là ngũ-uẩn rằng tồn tại, xinh đẹp, an vui, là ta.

Sự biết nhân cho sanh khổ ngừa không cho hiểu quấy trong

vấn đề nhân, nghĩa là giữa không cho thấy rằng thế-gian có lên được do vị sáng chế (Isavara) hoặc có lên tùy theo thời tiết v.v. .

Sự hiểu điều diệt khổ giữa không cho hiểu quấy rằng khổ hằng diệt trong thế-gian cao tốt tức là Phạm-thiên vô-sắc.

Sự biết con đường diệt khổ giữa không cho đi con đường quấy tức là con đường dính theo ái dục (Kāmasukhallikānuyoga) và con đường dính mắc khổ hạnh (Attakilamathānuyoga).

Bởi có ấy Đức Thế-Tôn thuyết kệ ngôn rằng :

“LOKE LOKAPPABHAVE
LOKATTHANGAME SIVE CA
TADUPAYE SAMMUYHATI TAVA
NARO NA VIJÀNÀTI YÀVA SACCANI ”

Dịch rằng : “ Tất cả người chưa hiểu sự thật đến đâu, cũng hằng mê muội trong thế-gian, nhân cho sanh thế gian, sự diệt thế gian là nơi thái bình và phương pháp là tài liệu diệt Thế-gian chừng ấy ”

10) Bảng Phạm-mạo của các Pháp ở bốn trong, tức là bảng sự khép đều pháp cho vào thành từng phần là :

Trong khổ đế trừ ái-dục và pháp không có lậu (Āsava) tức là không có vật trăm nịch, ngoài ấy tất cả khép vào trong phần khổ.

Ba mươi sáu ái dục Vicarita, khép vào trong tập đế.

Diệt đế không có pháp khép vào được.

Trong Đạo-Đế

1) Khép huệ thân-túc, huệ-căn, huệ-lực, trạch pháp giác-chi vào với sự thấy đúng.

2) Khép cả 3 tư duy : là suy nghĩ lánh xa tình dục, (xuất gia) suy nghĩ sự không hủy hại — suy nghĩ điều không lẫn hiếp vào chung với chánh tư duy.

3) Khép 4 khẩu thanh hạnh vào với sự chánh ngữ.

4) Khép 3 thân thanh hạnh vào với sự chánh nghiệp.

5) Khép sự thiêu dục, sự tri-túc, tín căn, tín lực, dục thần túc vào với sự nuôi mạng đúng.

Sự khép tín căn, tín lực, dục thần túc vào với sự nuôi mạng đúng bởi sự nói đúng, làm đúng, sự nuôi mạng đúng kể là thánh hỷ giới (Ariyakantasila), mà phải nhận bằng tay tức là đức tin và phải có sự muốn bảo trì mới có thể thành tựu.

6) Khép 4 pháp Chánh tinh tấn, tấn thần túc, tấn căn, tấn lực tấn giác chi vào với sự tinh tấn đúng.

7) Khép Tứ Niệm Xứ : Niệm căn, niệm lực, niệm giác chi vào với sự ức niệm đúng.

8) Khép 3 cách định nhứt là định có tư duy và quán sát v. v. . . Tâm định, định căn, định lực, hỷ mãn, tịch tịnh, định, xả giác chi vào với sự Chánh định.

Trong Mahàtikà nói rằng " Tâm định nói đến tâm thần túc "

11) Bảng ví dụ (Upamà) tức là bảng thể trạng so sánh của cả bốn lẽ thật ấy có 7 cách là :

1 — Khở để ví như vật nặng.

Tập để ví như sự nắm vật nặng.

Diệt để ví như sự để xuống vật nặng.

Đạo để ví như phương pháp để vật nặng xuống.

2 — Khở để như bệnh — Tập để như nguyên nhân của bệnh — Diệt để như sự hết bệnh — Đạo để như thuốc trị bệnh.

3 — Khở để như thời kỳ gạo kém — Tập để như đại hạn — Diệt để như thời kỳ đầy đủ — Đạo để như mưa tốt.

4 — Nên hiểu sự ví dụ 4 lẽ thật như người có oan trái, nhân oan trái, diệt oan trái, phương pháp diệt oan trái.

5 — Như trái cây có độc, rễ cây có độc, sự cắt rễ cây có độc, phương pháp cắt rễ cây có độc.

6 — Như sợ hãi, nhân sợ hãi, sự không có sợ hãi, phương pháp không có sợ hãi.

7 — Như bờ sông bên này, sông lớn, bờ bên kia, phương pháp đến bờ bên kia.

12) Bảng nhóm bốn. Nghĩa là chia Tứ-Diệu-Đế ra thành từng nhóm bốn là :

1) Khổ không phải diệt đế cũng có, nói đến pháp hợp với đạo và Sa-môn quả. Hai pháp này kể là khổ bởi là khổ Saṅkhāra do nhân vô thường, bởi có Pālì trong tập bộ phần ngũ-uẩn nói rằng « Cái gì vô thường cái ấy là khổ, cái gì là khổ cái ấy là vô ngã » như thế này nhưng loại khổ này không khép vào khổ diệu đế.

2) Diệu đế không phải khổ nói đến diệt, tức là diệt diệu đế, nhưng không phải là khổ. Hai Diệu đế khác tức là tập và đạo cũng đáng là khổ diệu đế bởi là khổ do nhân vô thường giống nhau, nhưng không phải. Bởi loại khổ mà người thực hành phạm hạnh trong Phật Giáo sẽ phải nhận biết phải là khổ thật sự.

3) Điều là khổ và là diệu đế. Nói đến cả 5 điều chấp thủ ngũ uẩn trừ ái dục ra. MAHÀTĪKA nói rằng : Khi nói đến chấp thủ ngũ uẩn thì nên nói đến ái dục nữa, Ngài sợ hiểu như thế này cho nên ngăn cấm bằng tiếng nói rằng “ trừ ái dục ra ”

4) Không phải là khổ và không phải là diệu đế, nói đến pháp hợp với đạo và sa-môn quả, bởi loại khổ mà người thực hành phạm hạnh trong Phật giáo phải nhận biết phải là khổ thật sự.

Trong ba diệu đế khác cũng chia và giải thích bằng tương đồng với diệu đế trước:

Mahātīkā giải - thích như sau đây :

— Dành cho Tập - đế.

1) Tập không phải diệu đế cũng có, nói đến các pháp có

phiền-não như thường v. v. . . là nhân cho sanh quả nhưng không khếp vào tập đế.

2) Diệu đế không phải tập nói đến diệt diệu đế và hai diệu đế nữa là khổ và đạo cũng nên cho là tập diệu đế bởi là nơi khởi của duyên của mỗi điều nhưng không phải, do nhân loại tập mà người thực hành phạm hạnh trong Phật-giáo sẽ phải dứt phải là tập thật sự.

3) Cái là tập và diệu đế cũng có, nói đến ái-dục.

4) Cái không phải là tập và diệu đế cũng có, nói đến pháp hợp với đạo và Sa-môn quả, bởi loại tập mà người thực hành phạm hạnh trong Phật-giáo sẽ phải dứt phải là tập thật sự.

(Về hai diệu đế là diệt và đạo, Ngài không chia thành, nhưng giải thích vừa hiểu suốt thông bởi có ấy sẽ chia luôn để cho hiểu lời giải thích rõ lên) là :

Dành cho diệt.

1) Diệt không phải diệu đế cũng có, nói đến hành diệt, sự diệt định (Nirodha samāpatti) tức là sự nhập diệt thọ tướng-định

2) Diệu đế không phải diệt cũng có, nói đến tập đế và hai đế khác là khổ và đạo cũng đáng là diệt diệu đế bởi có sự diệt từ sát-na nhưng không phải, bởi diệt mà người thực hành phạm hạnh trong Phật-giáo sẽ phải làm cho tỏ ngộ, phải là diệt thật sự.

3) Là diệt và là diệu đế cũng có, nói đến vô-vi chất nghĩa là chất không có vật gì tạo-tác ám chỉ Niết-bàn chất (Nibbānadhātu).

4) Cái không phải là diệt và không phải là diệu đế nói đến pháp hợp với đạo và sa-môn quả, bởi loại diệt mà người thực hành phạm hạnh trong Phật giáo sẽ phải làm cho tỏ ngộ, phải là diệt thật sự.

— Dành cho đạo.

1) Đạo không phải là diệu đế cũng có, nói đến con đường ngoài Bát-Chánh-Đạo.

2) Diệu đố không phải đạo cũng có, nói đến diệt diệu đố và hai đố khác là khổ và tập cũng đáng gọi là đạo diệu đố bởi là con đường đi đến cõi nhưng không phải, bởi con đường mà người thực hành phạm hạnh trong Phật-giáo sẽ phải làm cho sanh nghĩa là đi, phải là con đường thật sự.

3) Cái là đạo và là diệu đố cũng có, nói đến con đường đi đến sự diệt khổ hợp với 8 chi tức là Bát-Chánh-Đạo.

4) Cái không phải là đạo và diệu đố cũng có, nói đến pháp hợp đạo và sa-môn quả bởi đạo mà người thực hành phạm hạnh trong Phật-giáo sẽ phải làm cho sanh tức là hành-trình, phải là đạo thật sự.

Dứt MAHÀTÌKÀ

13) Bằng không, nghĩa là bằng sự trống rỗng, điều này Ngài chỉ dạy như sau đây : Khi nói bằng thượng nghĩa thì bậc trí tuệ nên hiểu rằng tất cả sự thật là vật rỗng không, nghĩa là không có người thọ khổ, người làm khổ, người diệt khổ, người đi con đường diệt khổ đúng như kệ ngôn rằng :

Dukkhamēva hi na koci dukkhitō kāraṇo na kīriyāva vijjati
atthi nibbuti na nibbuto puṇaṃ maggamaññi gamako na vijjati.

Khổ hiện có nhưng không có kẻ tạo thọ khổ, tư cách làm hiện có nhưng không có người làm, sự diệt hiện có nhưng không có người diệt, con đường hiện có nhưng không có người đi.

MAHÀTÌKÀ Giải thích rằng : Điều nói rằng " Khổ có nhưng không có người thọ khổ ấy " nghĩa là khi nói bằng thượng nghĩa thì không có chúng sanh, người, mình, kẻ khác một kẻ nào thọ khổ cả, chỉ là khi khổ tiến hành theo nhân-duyên cũng hằng có tiếng nói với nhau rằng : người ấy, người này thọ khổ bấy nhiêu đấy.

Điều nói rằng : " Tư cách làm có nhưng người làm không có " nghĩa là ái dục làm cho khổ phát sanh hiện có nhưng không có chúng sanh, người là kẻ làm, chỉ là khi ái dục tiến hành

theo nhân duyên cũng hằng có tiếng nói với nhau rằng : người ấy, người này làm cho khổ phát sanh.

Điều nói rằng : Sự diệt hiện có nhưng không có người diệt ” nghĩa là Niết-bàn là nơi diệt phiền-não và sự khổ nhưng không có chúng-sanh, người, mình, kẻ khác mà gọi rằng là người diệt, nghĩa là nói rằng : người ấy, người này diệt không được, bởi cái diệt ấy không phải người, chúng sanh mà ái dục diệt riêng biệt.

Điều nói rằng “ Con đường hiện có nhưng không có người đi ” ám-chỉ rằng con đường nơi làm cho đến sự diệt khổ thì có, nhưng không có chúng sanh, người, mình, kẻ khác mà kẻ là người đi, nghĩa là lẽ thường một loại mà gọi rằng tâm, ý riêng biệt, là người hành trình nhưng khi rõ rệt ra nơi thân khẩu thì thế gian cũng gọi với nhau rằng : người ấy, người này hành trình hoặc thực hành (ý mình thêm vào)

Lại nữa Ngài gọi lẽ thật là vật không ấy bằng sự giải thích như sau đây :

1) SACCA Điều một và hai là vật rỗng không khởi sự trường-tồn sự an-lạc sự xinh đẹp, sự là ta.

Lẽ thật điều ba rỗng không khởi sự là ta một cách duy-nhất.

Lẽ thật điều Bốn rỗng không khởi sự trường tồn, sự an-lạc, sự là ta.

2) Cả ba lẽ thật rỗng không khởi diệt, phần diệt cũng rỗng không khởi cả ba lẽ thật kia.

3) Nhân rỗng không khởi quả, bởi sự không có khổ ở trong tập và bởi sự không có diệt ở trong đạo, tức là nhân không gồm với quả.

4) Quả cũng rỗng không khởi nhân, bởi khổ và tập, diệt và đạo, mỗi cái cũng không gồm chung một chỗ, tức là quả không gồm chung với nhân, hợp với kệ ngôn rằng :

TAYAMIDHA NIRODHASUNÑAM

TAYENA TENÀPI NIBBUTI SUÑÑÀ SUÑÑO
PHALENA HETU — PHALAMPI
TAM HETUNÀ SUÑÑAM

Bốn lẽ thật ấy nhân rỗng không khỏi quả thậm chí quả cũng rỗng không khỏi nhân như thế này.

Có giải-thích theo MAHÀTĪKÀ Rằng:

1) Tiếng nói rằng: “Đế thứ ba rỗng không khỏi sự là ta”, tức là diệt khếp về vô ngã.

“Đế thứ tư rỗng không khỏi sự trường tồn, sự vui, sự là ta” ấy tức là khi nói bằng sự giảng-giải thì đạo cũng là vật vô-thường khờ-não, vô-ngã.

2) Tiếng nói rằng “Cả ba đế rỗng không khỏi diệt, diệt cũng rỗng không khỏi cả ba đế”, ấy ám-chỉ rằng cả ba đế ấy với diệt không liên-quan với nhau. Liên-quan đặc biệt chỉ ba đế ấy là khờ tập đạo mỗi cái cũng nương với nhau.

3) Tiếng nói rằng “Nhân rỗng không phải quả”, nghĩa là nhân không hỗn hợp ở trong quả. Tiếng nói rằng “Bởi không có khờ ở trong tập”, nghĩa là bởi không có sự sanh nữa. Ở trong ái dục cái làm cho sanh tử luân hồi, thậm chí khờ hợp với tập cũng không khếp vào tập.

Tiếng nói rằng “Bởi không có diệt ở trong đạo”, cũng hàm ý giống nhau.

4) Tiếng nói rằng “Về quả cũng rỗng không khỏi nhân”, nghĩa là quả không dính với nhân, gồm ý nghĩa trong điều ba, điều bốn là nhân và quả khác thành từng phần riêng biệt, không hàm ý rằng: khi có nhân rồi sẽ khiếm-khuyết khỏi quả hoặc quả không sanh được từ nhân. Về những tiếng ngoài các điều đã nói ấy có ý nghĩa rõ-rệt rồi.

14) Bằng loại, tức là trong tứ-diệu-đế khi mở rộng Phạm mạo ra theo thứ tư tiếng đề bệi lên thành từ lớp từ từng có như sau đây:

KHỒ

Khồ một, hồ hai, hồ ba, hồ bốn, hồ năm.

— Hồ 1 nói đến sự tiến-hành của sự luân-hồi tức là sanh tử v.v. . . .

— Hồ 2, nói đến bằng danh về sắc, tức là hồ của danh và sắc.

— Hồ 3, nói đến bằng cõi là nơi sanh, tức là dục giới, sắc giới, vô-sắc-giới ám-chỉ hồ trong tam-giới.

— Hồ 4, nói đến do 4 vật thực, ám-chỉ hồ liên hệ 4 loại vật thực.

— Hồ 5, nói về 5 chấp thủ ngũ-uẩn, ám-chỉ hồ sanh do ngũ-uẩn mà người chấp chắc rằng là ta.

TẬP

Tập có từ một đến sáu là :

Tập một, nói đến sự tiến-hành của hồ, tức là nhân làm cho hồ sanh.

Tập hai nói đến ái-dục hợp với tà-kiến và không hợp với tà-kiến, ám-chỉ loại ái-dục có sự thấy quấy và không có sự thấy quấy thường-trực với.

Tập ba, nói đến dục-ái, hữu-ái, phi hữu-ái,

Tập bốn, nói đến ái-dục phải dứt bằng bốn đạo.

Tập năm, nói đến ái-dục có ở trong năm trần-cảnh, nhất là sắc cảnh v.v. . . .

Tập sáu, nói đến nhóm sáu ái-dục nhất là sắc-dục v.v. . .

DIỆT

Diệt gồm có từ một đến sáu là :

Diệt một, nói đến chất không tạo-tác, tức là chất không có vật gì tạo-tác,

Diệt hai, nói đến hữu-dục (Saupàdisesa) và Vô-dục Niết-Bàn (Anu-pàdisesanibbàna).

Diệt ba, nói đến vắng bặt Tam-giới, tức là diệt khỏi Tam-giới

Diệt bốn, nói đến diệt phải thấu triệt do 4 đạo

Diệt năm, nói đến sự vắng bặt ngũ-uẩn.

Diệt sáu, nói đến sự diệt lục-dục.

ĐẠO

Phần đạo có từ một đến bốn là :

Đạo một, nói đến pháp nên làm cho có,

Đạo hai, nói đến chỉ-tĩnh và quán-minh hoặc sự tiến-tu và sự thấy tức là sự làm cho pháp sanh.

Đạo ba, nói đến đạo mà trích-lục do ba khối (Khandha), có ý-nghĩa theo điều mà Tôn-nữ Dhammadiñña thuyết đến ông cận-sự Nam Visàkha trong trung-bộ đọa Mùlàpappàsaka rằng : " Ông Visàkha Đức-Thế-Tôn Ngài không trích-lục ba khối bằng Bát Chánh-Đạo, Ngài lại trích-lục Bát Chánh-Đạo bằng ba khối riêng biệt. Nói đến sự trích-lục Chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh mạng bằng khối giới (Sìlakhandha). Sự trích-lục chánh Tinh-tấn, chánh-niệm và chánh-định bằng khối định. Sự trích-lục chánh-kiến, chánh tư-duy bằng khối HUỆ " như thế này.

Sự trích-lục cả ba pháp bằng khối giới bởi có sanh bằng nhau.

Sự trích-lục ba pháp nữa bằng khối định, bởi năng lực định hằng không đến Appanà, tức là sự định chắc, do sự vững vàng trong cảnh giới được. Đến khi có sự tinh-tấn, sự ức-niệm giúp đỡ mới có thể thành-tựu Appanà được. Ví như ba người nam bê hoa (vấn-đề-này sẽ vấn tắt về ý-nghĩa) tức là ba người ấy khi đứng trên mặt đất với tay bê hoa không tới, người thứ nhất phải cúi xuống cho người thứ hai đứng trên lưng người thứ ba đứng phía trước của người cúi đặng cho người đứng trên lưng nắm sẽ ngửa được thân rung sợ, rồi thì với tay bê hoa như thế nào.

cảnh giới như hoa, sự tinh-tấn như người thứ nhất, sự ức-niệm như người thứ hai, sự định tâm như người thứ ba, khi định có sự hỗ trợ như thế này mới đến Appanà được, bởi có ấy cho nên có ý-nghĩa rằng: Sự trích-lục do khối định ấy bởi có sanh bằng nhau.

Sự trích-lục Chánh tinh-tấn và Chánh-niệm vào với được là bởi tư cách làm.

Theo năng-lực trí-tuệ hằng không thể giải quyết cảnh giới rằng là vật vô-thường, khổ-não, vô-ngã được, Đến khi có tư-duy giúp mới có thể được như người xem đồng bạc cho biết chắc bằng một mình con mắt không được, phải nhờ tay sờ xem, lật xem bên này, bên kia mới có thể hiểu chắc được. Bởi có ấy cho nên trích-lục sự thấy đúng bằng khối huệ do có sanh bằng nhau. Về sự suy nghĩ đúng cũng trích lục vào với bởi tư cách làm. Đoạn hằng đến sự trích-lục cho ba khối bằng ba thể trạng này cho nên gọi rằng đạo ba, do ý-nghĩa chia chẻ của ba khối, như trong đoạn trước.

Đạo bốn, nói đến Tu-Đà-Hườn đạo v.v...

Một lē nưà dù tất cả đố (Sacca) gọi rằng chỉ có một loại, bởi toàn là vật không lầm-lẫn hoặc toàn là vật nên biết cho càng cao-thượng lên đi. Gọi rằng có hai, bởi là thế-gian, và xuất thế-gian, bởi là hữu-vi (Saṅkhata) và vô-vi (Asaṅkhata).

Gọi là có ba, tức là do sự là vật nên dứt bỏ và không nên dứt bỏ do sự thấy và sự tiến-tu.

Gọi rằng có bốn, tức là do sự là vật nên nhận-định biết nên dứt bỏ, nên làm cho pháp sanh, nên làm cho tỏ ngộ.

Trong điều này sẽ thêm một ít Mahāṭṭikā dành cho số-lượng cái đã làm ấy.

1 — Điều nói rằng “Đạo hai, nói đến chỉ tịnh và quán-minh hoặc sự thấy và sự tiến-tu” ấy nhằm vào ý-nghĩ sự thấy đúng, sự suy-nghĩ đúng khép về quán-minh, ngoài hai điều

ra khép về chỉ-tịnh.

2 — « Sự trích-lục cả ba pháp bằng khối giới bởi có sanh bằng nhau » ấy là nói đến loại giới giống nhau,

3 — “ Bởi làm phải lẽ đến định bởi nhân này cho nên khép tứ-niệm xứ là ấn-chứng của định, tứ chánh-cần là tùy-tùng của định.

4 — Tiếng nói rằng “ Bởi là vật nên biết cho càng cao-quý lên đi ” điều này chấp trì theo Phật-ngôn trong kinh tập bộ phần Salà-yatana và trong Vibhanga rằng “ Các Tỳ-khuru, tất cả để nên biết cho cao-quý ” như thế này. Tiếng nói đến sanh (jāti), và tư-cách (Kiriya) đã không giải-thích, hãy so-sánh xem đi.

5 — Trong chú-giải Sammohavinodani có lời nói rằng là vật nên dứt bỏ cũng không phải (phụ thêm thành ba).

15 — Bằng SABHÀGA và VISABHÀGA tức là bằng thể-trạng giống nhau và khác nhau có 5 cách là:

1) Tất cả SACCA toàn là giống nhau bởi mỗi cái là vật không sai biệt, là vật rộng không khởi sự là ta, là vật khó biết thông-suốt. Điều nói rằng là vật khó biết thông-suốt này có Phật-ngôn là tài-liệu y-cứ với ý-nghĩa rằng “ Này Ananda, sự bắn mũi tên đi do lỗ khuôn cửa, ở trong chỗ xa và sự lấy ngọn của sợi lông thú đã xé ra thành bảy phần rồi cụng vào nhau khó hơn sự bắn mũi tên đi do lỗ khuôn cửa ở trong nơi xa ” rồi Ngài phán tiếp rằng: “ Ananda sự hiểu tứ diệu-đế này suốt-thông tức là tỏ-tường theo lẽ thật, khó hơn sự lấy ngọn lông thú đã xé thành bảy phần rồi cụng vào nhau ấy ” Phật-ngôn này có rõ-rệt trong SAM-YUTTANIKÀYA phần MAHÀVÀRAVAGGA.

Khi nói bằng tướng của diệu-đế ấy thì khác nhau.

2) Hai SACCA phần trước, gọi rằng giống nhau là vật sâu khó có thể trắc-lượng được và bởi là thế-gian, bởi có Àsava, gọi rằng khác nhau bởi khổ là quả, tập là nhân và khổ là vật nên biết cho chu-đáo tập là vật nên dứt bỏ.

3) Hai SACCA phía sau, gọi rằng giống nhau bởi trắc lượng khó hiểu được, do ý nghĩa là vật sâu và bởi là xuất-thế-gian, bởi ý-nghĩa là vật không có Àsava khác nhau bởi ý-nghĩa là trình-độ (Visa-ya) và có Visaya, và bởi ý-nghĩa là vật nên làm cho tỏ ngộ và nên tiến-tu.

4 — SACCA điều một điều ba giống nhau bằng ý-nghĩa là quả, khác nhau bằng ý-nghĩa là vật phối-hợp, và không phải phối hợp.

SACCA Điều hai điều bốn giống nhau do ý-nghĩa là nhân, khác nhau có ý-nghĩa bất thiện và thiện,

5 — SACCA điều một và ba giống nhau do phải phối hợp, khác nhau bởi là thế-gian và xuất thế-gian.

SACCA điều hai và ba giống nhau do ý-nghĩa là Nevasekkhàna sekkha, khác nhau do có cảnh giới và không có cảnh-giới.

Vả lại Đức Buddhaghosa đã nói trong đoạn chót này rằng bậc-trí-thức là người sáng-suốt nên hiểu sự đoán xét cả Tứ-đế bằng điều khoản này đi, theo thứ-tự kể từ đầu suốt đến cuối. Tôi là Buddhaghosa đã trình bày điều khoản thứ 16 có tên rằng Indriya sacca niddesa trong đoạn nói bằng sự huân-tu trí-tuệ (Bhàvanàvidhì) trong bộ Thanh-Tịnh-đạo đặng cho phát sanh hoan-hỷ vui mừng đến các thiện-nhơn như thế này.

Dứt Tứ-Niệm-Xứ kinh.

LỜI NÓI KỂ

Đúng ra thì đoạn trước chấm dứt là xong, nhưng còn có đoạn sau này là vì muốn cho quý vị thân thập một phần lợi ích nữa, nghĩa là cách-thức trình bày tứ-niệm-xứ kinh như thế là đầy đủ cho độ-giả lắm rồi, từ đây còn có một đoạn về Tứ-niệm xứ.

Theo lối thực hành, tức là sự áp dụng về phương-pháp thực hành nếu ta xem qua kinh tứ-niệm-xứ rồi quán hoặc niệm tổng quát đúng như ý nghĩa trong kinh đã dạy cũng đủ tốt rồi, song các trường thiền bên Miến-Điện đem ra áp-dụng bằng lối thực hành hợp với bốn oai-nghi, làm cho trở thành một phương pháp "Thiền-Tứ-niệm-Xứ Minh-sát-tuệ" rất rõ ràng thiết-thực và rất dễ cho mọi người hành được cả chứ không phải như có một số ông sư xứ ta đã nói rằng Tứ-Niệm-xứ không phải dễ hành v.v... qua kinh-nghiệm bản thân và đã dạy cho hành-giả xuất-gia và tại gia khá nhiều người họ đều khen pháp này hành rất dễ và rất mau có kết quả, dù chỉ là kết quả sơ-khởi chẳng hạn, có nhiều người lại nói pháp Tứ-niệm-xứ rất mạnh. Đúng như vậy, pháp mà chưa Phật Toàn Giác như Đức Bôn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni, chư Phật Độc-Giác, chư Thinh-Văn-Giác đều đi qua con đường Tứ-niệm-xứ này cả. Bởi có sao vậy? Bởi Tứ-niệm-xứ vừa là Samatha và vừa là Vipassanà. Chúng-sanh hầu hết mê chấp thân ngũ-uẩn sắc thọ, tưởng, hành thức là tốt xinh, bền vững, an vui, của ta. Đức Phật dạy cho ta tám muôn bốn ngàn pháp môn cũng đều khai minh cho chúng ta đừng mê tối cố-chấp, nhưng riêng tứ-niệm-xứ thân, thọ, tâm pháp nó rất gần và rất rõ để cho hành-giả dễ-dàng phá tan cái tư-tưởng cho là đẹp nổi liền vui, một khối. Vì lẽ niệm thân hay quán thân

là nhận định biết rõ về sắc, niệm thọ hay quán thọ tức là nhận định biết rõ về thọ, niệm tâm hoặc quán tâm tức là nhận định biết rõ về thức, niệm pháp hay quán pháp tức là nhận định biết rõ về tướng và hành.

Chữ Sallakkhita dịch là nhận định biết rõ, suy xét, chú ý tới
Chúng ta nhận-định biết rõ cái gì? và nhận định hoặc chú ý như thế nào? Ta đang hành Tứ-niệm-xứ đương nhiên ta chú ý vào thân thọ tâm pháp tức là ta đã chú-ý vào ngũ-uẩn rồi đó vậy. Và nhận định biết rõ về thân thọ tâm pháp đều là vô-thường khổ-não vô-ngã. Thế là minh-sát hoặc là quán minh rồi chứ gì nữa, không chỉ bấy nhiêu đó, lại còn tiếp-tục chính-thức quán-minh ngay các pháp Vipassanà nữa, nhờ đó mới đắc đạo quả

Mong thay,

Hòa-Thượng: GIỚI — NGHIÊM

TỨ NIỆM XỨ THỰC HÀNH

Pháp Tứ niệm xứ của Phật-giáo có rất nhiều lợi ích đặc biệt, cho nên tất cả Phật-giáo đồ, cả Nam-Tông và Bắc-Tông đều có chú-ý đến và có quán-niệm hằng ngày, như Phật-giáo Bắc-Tông thường quán-niệm rằng : “ Quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã ”.

Còn bên Phật-Giáo Nam-Tông dạy rằng : “ Thân, thọ, tâm, pháp đều là vô thường, khổ não, vô ngã và bất tịnh cả ”.

Trong các kinh điển đều có diễn tả và khen ngợi phương pháp tu tứ-niệm-xứ, như trong kinh chữ Thái có câu : “ Chỉ có Tứ-Niệm-Xứ là pháp chặt chẽ hơn hết ”

Khi xem thấy các kinh có sự khen ngợi pháp Tứ-Niệm-Xứ, cho nên chúng tôi lấy làm chú-ý đặc biệt, song chú-ý chừng nào lại càng bị bế tắc chừng nấy, trong thời gian chờ đợi, tôi phải một mặt chăm học đạo lý về pháp học, còn một mặt cố gắng gia công tìm tòi nghiên cứu và thực tập ít nhiều về thiền định những ngày đang tu học Phật pháp và Pàlì tại Cao-miên và Thái-Lan cũng không lơ là pháp thiền định nhưng có kết quả rất ít, trái lại khi qua Miến-Điện dự lễ Kết-Tập Tam-Tạng xong, vào trường thiền do sự đặt trọn tâm trí vào trong lối học vô văn tự này nghĩa là không học chữ nghĩa văn-chương gì cả ngày đêm chăm-chú hành-đạo tham-thiền chuyên nhất về pháp Tứ-Niệm-Xứ, bởi các trường thiền ở Miến-Điện nhất là trường Tha Tha Na yei tha một ngôi trường Quốc-Tế đến nay trên 50 năm, Phật-tử khắp năm châu đến tu thiền ở đó.

Chương-trình hành-đạo ở đó rất tinh-tấn, lúc chúng tôi còn tu học Phật-giáo Bắc-Tông thấy kinh dạy rằng : “ Canh đầu và canh cuối thức để tham-thiền niệm Phật, canh giữa ngủ nghỉ ”.

Khi đến thọ giáo tại trường thiền ấy mới thấy họ cho áp dụng thì giờ rất đúng, nghĩa là từ hai giờ thức dậy tu niệm mãi cho đến 22 giờ mới ngủ, đúng là canh giữa ngủ nghỉ, theo chương trình này khi thức dậy rồi là chăm lo tiếp nối liên-tục hành-đạo không cho ngủ lại một lần nào cả, được như vậy thiền mới mau có kết quả. Từ ngày về xứ đến nay tôi cũng áp dụng thì giờ như trên đã dạy cho chư hành-giả, là 2 giờ khuya thức dậy làm các việc vệ-sinh nhỏ xong rồi, lễ cúng Tam-Bảo tụng-kinh rãi tâm từ-bi, kể là đi kinh hành độ nửa giờ, vào ngồi 1 thời thiền đúng một giờ, xă ra đi kinh hành 1 giờ, rồi lại ngồi một giờ, cứ như thế liên-tục đến 10 giờ đêm, (đó là dành cho hành-giả sơ-cơ). Không cho ngủ trưa để có nhiều thì giờ năm lâu-đề-mục thế mới mau, còn có một số hành-giả họ cứ lên ngủ thì thiền của họ không tiến lắm.

Pháp này đoạn trước có nói rồi nhưng đây chúng tôi xin nói lại một lần nữa bằng lối thực-hành, có nghĩa là ở đây không những quán-xét tổng-quát như trước mà có ấn-định cách-thức cho hành-giả căn-cứ vào đó mà thực-hành cho có ấn-chứng phát sanh lên và từ đó các hành-giả sẽ nương nơi các ấn-chứng ấy mà tin-tưởng mạnh trong pháp thiền của nhà Phật, rồi từ đó dũng-mãnh trên bước đường hành đạo.

Tứ Niệm Xứ (Catusati patthana) tiếng Satipatthana dịch là nơi trú vững của trí thức, hoặc nơi trú vững chủ yếu của sự niệm, hoặc nơi trú yên của trí nhớ, ví như nơi đứng yên của voi, nơi đứng yên của ngựa v.v... có bốn điều như sau :

- 1) Kàvànupassanà satipatthana : Quán thân niệm xứ.
- 2) Vedanànupassanà satipatthana : Quán thọ niệm xứ.
- 3) Cittànupassanàsatipatthana : Quán tâm niệm xứ.
- 4) Dhammànupassanàsatipatthana : Quán pháp niệm xứ.

Quán thân niệm xứ, hành giả ở rừng thanh vắng, ở dưới cội cây, ở chỗ hoang vắng cách xa nhà, ở hang đá, ở ụ rơm, ở tịnh thất thiền đường v.v... ngồi ngay thẳng, gom trí nhớ

quán niệm thân vô thường, khổ não, vô ngã và bất tịnh. Các kinh nào cũng dạy ta niệm hoặc quán tổng quát đại khái là như thế, giống như đoạn trước cũng đã dịch đúng theo Pàli và chú giải đều có nói đến các pháp như đã giải rồi. Riêng đoạn này tôi cần nêu thêm những pháp có trong kinh 37 pháp trợ bồ đề do Ngài Mahà Ses đã định có giải cho ta thấy rằng quán thân niệm xứ trong chỗ này đặc chỉ 6 pháp như sau :

- 1) Đặc chỉ về hơi thở ra vào (Ànàpànassati).
- 2) Đặc chỉ về 4 oai nghi (Caturiyàpatha).
- 3) Đặc chỉ về tất cả sự (Sabbakieca).
- 4) Đặc chỉ về 31 hoặc 32 thế trược (Dvattimsàkàrapatìkùla)
- 5) Đặc chỉ về 4 nguyên chất hoặc tứ đại (Càtuthàtu).
- 6) Đặc chỉ về 9 thứ tử thi (Asubha).

GIẢNG GIẢI

— Niệm thân đặc chỉ về hơi thở ra vào, Tỷ khuru trong Phật pháp khi đã ở trong nơi thanh vắng, nhận định biết rõ hơi thở ra vào. Hơi thở ra dài cũng biết rõ hơi thở ra dài, hơi thở vô dài cũng biết rõ vô dài, hơi thở ra ngắn cũng biết rõ ra ngắn, hơi thở vô ngắn cũng biết rõ vô ngắn v. v. . . nằm trong chân lý vô thường, khổ não vô ngã.

— Niệm thân đặc chỉ về bốn oai nghi. Tỷ khuru trong Phật pháp, khi đã ở trong nơi thanh vắng nhận định biết rõ đi, đứng, ngồi, nằm trong chân lý vô thường, khổ não, vô ngã.

— Niệm thân đặc chỉ về tất cả sự, Tỷ khuru trong Phật pháp khi đã ở trong nơi thanh vắng, nhận định biết rõ mọi việc như bước tới trước, thối lui sau, ngó xiên, ngó thẳng, co tay, chân vào, duỗi tay chân ra, mặc y phục, thay y phục, ăn, uống, nhai, nuốt, đại tiện, tiểu tiện, nói, nín, cái bụng phồng, cái bụng xẹp, cái đít ngồi, tay chân đứng, đóng cửa, mở cửa v. v. . . nằm trong chân lý vô thường, khổ não, vô ngã.

— Niệm thân đặc chỉ về 31 hoặc 32 thể trước.

Tỳ khưu trong Phật pháp khi đã ở trong nơi thanh vắng, nhận định biết rõ trong thân gồm có : Tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy trong xương, thận, tim, gan, bầy nhầy, bao tử, phổi, ruột già, ruột non, vật thực mới, phân, óc, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ đặc, nước mắt, mở lỗ, nước miếng, nước mũi, nhớt, nước tiểu, toàn là vật bất tịnh đáng nhòm gớm, nằm trong chân lý vô thường khổ não, vô ngã.

— Niệm thân đặc chỉ về bốn nguyên chất.

Tỳ khưu trong Phật pháp khi đã ở trong nơi thanh vắng, nhận định biết rõ rằng thân này chỉ là bốn nguyên chất là chất đất chất nước, chất lửa, chất gió, nằm trong chân lý vô thường, khổ não, vô ngã.

— Niệm thân đặc chỉ về 9 thứ bất tịnh hoặc tử thi (Asubha). Tỳ khưu trong Phật pháp khi đã ở trong nơi thanh vắng nhận định biết rõ 9 thứ bất tịnh hoặc tử thi mà họ bỏ nơi tha ma mộ địa, chín loại tử thi là :

- 1) Tử thi chết 2-3 ngày sinh lên có sắc xanh, mủ chảy ra.
- 2) Tử thi mà quạ quạ, kên kên đang mổ xé làm vật thực.
- 3) Tử thi mà bộ xương có thịt, máu, gân, dính theo.
- 4) Tử thi còn bộ xương, không có thịt, nhưng có máu lấm và gân dính theo.
- 5) Tử thi còn bộ xương, không có thịt, không có máu, nhưng có gân dính theo.
- 6) Tử thi chỉ còn bộ xương không, rời rạc khắp mọi nơi.
- 7) Tử thi chỉ còn xương không, có màu trắng như xa cừ.
- 8) Tử thi chỉ còn đồng xương trải qua một năm rồi.
- 9) Tử thi chỉ còn xương mục-nát vụn-vàng nhỏ.

Cả 9 loại tử thi này phải quan sát xem coi cho rõ rệt, rồi so sánh với thân mình rằng : thân ta đây cũng như tử thi kia

vậy ” nằm trong chân lý vô thường, khổ não, vô ngã.

BÍ CHÚ : Các điều niệm thân trên đây không khác gì đoạn trước mấy chỉ có khác điều thứ ba “ Niệm thân đặc chỉ về tất cả sự ” đoạn trước thì nói “ Niệm thân nói về sự biết mình ” (Sampajañña) nhưng cũng chỉ có khác về danh từ thôi, kỳ thật nội dung cũng dạy cho nhận biết tất cả sự, bởi vì cả hai đoạn cũng nói đến các điều chi tiết nhỏ như đưa tay ra, co tay vào thay y phục, mặc y phục, ăn uống v. v. . .

Niệm thân khi ngồi

Trước khi niệm bài một phải chấp tay lên tụng : Nam-mô Phật, Nam-mô Pháp, Nam-mô Tăng. Kế tụng :

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMÀSAMBUDDHASSA. (3 lần).

Mỗi lần ngồi thiền phải niệm bài ấy.

Bài một : Khi ngồi niệm “ phòng à, xẹp à ” (để ý biết nơi da bụng phồng lên và xẹp xuống, khi hơi thở vô và thở ra mà niệm hoặc nhận định biết rõ).

Bài hai : Thực hành theo bài một độ một tuần, khi thấy đều đặn rõ ràng rồi thì tiếp tục niệm « phòng à, xẹp à, ngồi à, đứng à ” (để ý biết nơi lỗ rún, dưới bàn tọa, hai tay đứng nhau). Khi thở vào ta biết rõ “ Phòng à ” khi thở ra phải niệm 3 cái “ xẹp à, ngồi à, đứng à ”

Niệm thân khi đi

Bài 1 : Khi đi niệm “ đạp à ” chân phải, “ đạp à ” chân trái. (để ý biết nơi chân mặt hoặc chân trái đạp xuống đất).

Trường hợp đi mau cũng dùng cách này khi trời mưa, đi đường xa v. v. . .

Bài 2 : Khi đi niệm “ Dỡ à,, đạp à ” chân phải, “ dỡ à, đạp à,, ” chân trái (để ý nơi hai cử động của chân là khi dỡ lên và khi đạp xuống trúng đất).

Bài 3 : Khi đi niệm “ dờ à, bước à, đạp à „ chên phải, “ dờ à, bước à, đạp à „ chên trái, (để ý biết nơi 3 cử-động của chên là dờ lên bước tới, đạp xuống). Chỉ niệm cho gọn và biết cho chính-xác ngay nơi 3 cử-động của chên chứ không phải chỉ đọc suông, đi càng chậm càng rõ, trừ khi có hôn trầm thì phải đi hơi nhanh Về sau thường niệm theo cách thứ ba, ngoại trừ khi đi mau, đi đường xa thì dùng cách thứ nhất.

Niệm-thân khi đứng

Bài 1 : Sau khi ngồi một thời thiền xong, đứng lên phải niệm “ Đứng à „ chừng 5, 6 tiếng rồi đi kinh-hành.

Bài 2 : Khi đi kinh-hành đến hết con đường thì dừng lại niệm “ đứng à „ chừng 5, 6 tiếng rồi trở lui niệm “ trở à ” chừng 5, 6 tiếng, xong tiếp-tục đi niệm “ Dờ à, bước à, đạp à „ cứ như vậy đi cả giờ hoặc ít lắm cũng 45 phút, nửa giờ. Thật ra oai-nghi đứng không có bao nhiêu nhưng nó cũng chung trong oai-nghi đi rồi.

Niệm-thân khi nằm

Bài 1 : Hành-giả mới niệm 2 đề trong khi ngồi “ phồng à, xẹp à ” thì trong khi nằm cũng chỉ niệm “ phồng à, xẹp à „ mà thôi.

Bài 2 : Khi ngồi hành-giả niệm 4 đề là “ Phồng à, xẹp à, ngồi à, dựng à ” thì khi nằm phải niệm 4 đề là “ phồng à, xẹp à, nằm à, dựng à ” Người hành-thiền nên nằm nghiêng bên phải, vậy khi ta để ý biết thì nên biết “ nằm à ” bên hông phải, và biết “ dựng à ” nơi hai chên dựng nhau. Nếu nằm ngửa thì niệm “ nằm à ” để ý biết ở sau lưng. Thế là khi hành-giả ngồi quá lâu không thể ngồi được nữa, đứng dậy đi kinh-hành cũng mỏi quá rồi không còn đi được nữa, thì ta nằm niệm, nhưng không nằm lâu quá, chỉ nằm độ 15, 20 phút mà thôi, vì nằm lâu nó sẽ ngủ mê, mà nếu ngủ mê thì sẽ bị gián-đoạn thiền, làm cho kết quả chậm. Tóm lại nằm mà niệm chứ không cho ngủ, cứ niệm “ phồng à, xẹp à, nằm à, dựng à ” phồng, xẹp thì vẫn biết ở da bụng nơi lỗ rốn, nằm thì biết bên

hông phải hoặc sau lưng, đứng thì biết nơi đôi chân đứng nhau, nhau, để ý chặn 2 mắt cá.

Trong cả 4 oai-nghi là đi đứng, ngồi nằm đều hành-thiền được tốt cả, nhưng có thể nói đi thì tươi tỉnh hơn hết nhưng lại có sự xóc-xáo hơn cho nên khó có pháp, còn oai-nghi nằm thì có hơi yên-tĩnh nhiều cho nên có phần hơi dễ ngủ, còn oai-nghi đứng thì đứng lâu không tiện cho lắm, nên trong kinh cũng nói và qua sự kinh-nghiệm thì thấy rằng trong 4 oai-nghi đều dùng để hành thiền tốt cả song ta phải công nhận rằng ngồi dễ có pháp hơn, vì ngồi được tươi-tĩnh yên-tĩnh và không xóc-xáo lắm, cho nên có thể nói dễ hoặc mau cho kết-quả hơn 3 oai-nghi kia đây chỉ nói cho hành-giả sơ-cơ vậy thôi, còn hành-giả đã quen rồi thì cũng tùy, có khi ngồi ít có pháp mà đi hoặc nằm lại có ấn-chứng rõ-rệt cũng cứ có, hơn nữa người mới tập thiền thì phải chia giờ ra mà dùng oai-nghi cho đều, có nghĩa là ta đi kinh-hành 1 giờ, ngồi niệm 1 giờ, xả ra đi kinh-hành 1 giờ, cứ thế tiếp-tục làm, khi nào quá mỗi mệt, không ngồi và đi được nữa, thì có quyền nằm niệm, không ngủ, bởi ngủ nó quên đi rồi nó cứ đòi ngủ hoài làm cho trở ngại công phu hành đạo của mình. Lại nữa ta cần thay đổi oai-nghi và nhất là siêng đi kinh-hành gần cốt chuyển đều, máu me chạy đều, nhờ đó mà ta hành-đạo được bền bỉ dẻo dai ít bệnh, nhất là đau lưng và tê chân v.v... cho đến khi có pháp tốt thì ngồi bao lâu là tùy sở thích không có gì trở ngại, nhất là khi có Piti mạnh rồi, hoặc nhập-định được rồi thì ngồi mấy được mấy và không còn sợ phải mang bệnh, tuy vậy cũng không nên bỏ qua sự đi kinh-hành mà chỉ chăm-chú ngồi thôi, nghĩa là hành-giả mới thì cho chương-trình ngồi một giờ, đi 1 giờ, còn hành-giả lâu rồi thì có thể ngồi 3, 4 giờ xả ra đi 1 giờ cũng tốt. Khi có pháp tốt và đi quên thì thấy nhẹ như đi trên tờ giấy mà không đứt vậy, đi cả giờ mà tưởng như 15, 20 phút thôi.

QUÁN THỌ NIỆM XỨ

Hành-giả ở rừng thanh-vắng, ở dưới cội cây, ở chỗ hoang-vắng cách xa nhà, ở hang đá, ở ụ-rơm, ở tịnh-thất, thiền-đường v.v... ngồi ngay thẳng, gom trí nhớ, quán-thọ niệm-xứ, là lấy sự thọ vui, thọ khổ, thọ vô-ký làm cảnh-giới đề niệm, hầu hết hành-giả sơ-cơ phải chịu các điều thọ khổ khó khăn. sau một khoảng thời gian không chán-nản và do năng-lực tiến-tu (Bhàvanà) liên-tục không bao lâu sẽ phát sanh phỉ-lạc (hỉ-mãn) lên, thì không còn thọ khổ nhiều nữa, mà phần lớn được thọ vui, đến khi đắc định rồi thì phần nhiều là thọ vô-ký (không khổ không vui) trong Phật giáo chia 3 sự thọ này ra làm hai phần thành có 6 sự thọ là :

- Thọ khổ trong nhà.
- Thọ khổ ngoài nhà.
- Thọ vui trong nhà.
- Thọ vui ngoài nhà.
- Thọ vô ký trong nhà.
- Thọ vô ký ngoài nhà.

Tiếng nói trong nhà và ngoài nhà có nghĩa là tại thế và xuất-thế hoặc tại-gia và xuất-gia, cũng có nghĩa là ác và thiện. Ví-dụ : Kẻ trộm ngồi rình trong buổi đêm để vào nhà lấy của, trong khi ngồi rình là thọ khổ, lấy được của về ăn hưởng là thọ vui, sau khi ăn hưởng rồi đi chơi hoặc nằm chơi không bị ai bắt bớ gì cả, sống một khoảng đời thung-dung tự-tại, ấy là thọ vô-ký. Cả ba thứ thọ trên đây là thọ trong nhà.

Lại có 1 hành-giả đang ngồi chăm-chú tham-thiền, lúc đầu chưa có pháp phát sanh cho nên ngồi lâu bị mỏi, mệt, nóng, đau lưng, tê-chân v. v... ấy là thọ khổ, khi có pháp thiền phát sanh làm cho thân tâm nhẹ nhàng no vui mát mẻ, ngồi không thấy mệt mỏi chi cả ấy là thọ vui, lúc nhập định được rồi tâm của hành-giả tự-tại vô-ký. Cả ba thứ thọ trên là thọ ngoài nhà.

Nói tóm lại khi hành-giả đang thọ khổ cũng biết rõ thọ khổ, thọ vui cũng biết rõ thọ vui, thọ không khổ không vui cũng biết rõ thọ không khổ không vui.

GIẢNG GIẢI

Thế nên khi ngồi niệm " phồng à, xẹp à, ngồi à, đưng à " nếu có tê chân nào, đề trí biết vào chân ấy niệm hoặc nhận định biết rõ " tê à " và đau lưng hoặc đau xương mông cũng ngưng 4 đề mục kia, đề trí ngay sau lưng hoặc dưới xương mông niệm " đau à ", nghe ngứa hoặc châm chích khó chịu trong nơi nào thì đề trí biết ngay nơi ấy nhứt là nơi mặt và niệm " ngứa à " hoặc " châm à " các điều ấy gọi là thọ khổ, phải niệm độ nín 1 hơi thở, rồi niệm " phồng xẹp ngồi đưng " trở lại nếu thấy tê đau nữa thì niệm nữa, cứ thế niệm mãi lần lần sự thọ khổ giảm nhẹ, sự thọ vui bắt đầu có chút ít, đại-khái như ta đang ngồi thấy có ánh sáng, có rần rần trong người, nhẹ nhàng khoan-khoái, có khi vui vui tự cười 1 mình, trái lại cũng có người khi pháp ấy phát sanh lên thì họ tự chảy nước mắt ra, hoặc khóc có tiếng rõ rệt, lại có người nó làm như tốt, còn có người thì rùng mình, có khi lại giựt mình đến nhồm cả người như điện giật, lại có người ngáp, tất cả trạng-thái trên chư hành-giả chẳng nên nao-núng khiếp sợ chi cả, trái lại phải biết kịp thời niệm " sáng à " " ngáp à " v.v... quý-vị nên để ý xem trong khi các pháp ấy khởi phát rõ-rệt, chư hành-giả chú tâm niệm thì các pháp ấy một số tiêu mất, còn số khác càng rõ-rệt thêm như ánh sáng chẳng hạn, sự thọ vui của quý-vị lúc bấy giờ càng đầy tràn cả thân tâm tuy vậy cũng phải niệm cho nó qua đi nếu không thì cứ bám dính vào cái vui nhỏ mà không đạt đến cái vui lớn, nghĩa là nó sẽ trở ngại con đường tiến hành trong thiền-định.

Giải-thích trong thọ khổ và thọ vui như thế, còn sự thọ không khổ không vui (thọ vô ký) thì chờ khi đắc được tứ-thiền mới thật rõ-rệt.

Niệm Thọ Khổ

Trong bốn oai-nghi đi, đứng, ngồi, nằm đều hành thiền được cả nhưng riêng oai-nghi ngồi thì có phần tươi tỉnh dễ niệm hơn hết, có thể nói dễ có kết quả an-vui rõ-rệt mau lẹ hơn các oai-nghi kia, vì thế cho nên đang ngồi niệm "phồng à, xẹp à, ngồi à, đứng à" tự nhiên nghe có trạng-thái (ngứa, rên, nhức, mỏi, nóng, đau lưng, bủn-rủn, bức-rức v.v....) phát sanh lên rõ-rệt, nhất là ngứa nơi mặt hoặc tê chân, liền để ý vào chỗ ngứa, chỗ tê niệm "ngứa à" "tê à" chỉ niệm độ nửa một hơi thở, sau đó cũng niệm trở lại "phồng à, xẹp à, ngồi à, đứng à," nếu có ngứa, tê v.v... trở lại thì niệm nữa nên nhớ tất cả sự ngứa, tê, nóng, mỏi, mệt, đau lưng, bủn-rủn, khó chịu đều là thọ khổ, mỗi trạng-thái pháp phát sanh như thế nào, cần niệm hoặc cần nhận-định biết rõ như thế ấy. (Lấy tay gãi cũng hết nhưng nó động và dễ sanh trở lại, cho nên để trí biết vào ngay chỗ đó mà niệm thôi).

Niệm Thọ Vui

Khi hành-giả đã niệm cho vượt qua hết các thọ khổ rồi, nay ngồi vào niệm 1 chặp nó lại thọ vui, như mát mẻ, nhẹ nhàng, rần rần nổi óc, có lác chuyễn, nhẹ hồng người lên nghe dường như bay cao lên được v.v... đương nhiên trong khi ấy hành-giả cảm thấy vui, nhất là có trạng-thái tỏa khắp cả châu-thân làm cho hành-giả ngồi cảm thấy sung sướng, không biết mỏi mệt, không đói, không khát, không buồn ngủ v.v... mỗi trạng-thái phát sanh ta đều phải niệm cả, như mát ta niệm "mát à" như lác chuyễn thì niệm "lác à", như bông nhẹ thì niệm "bông à" v.v. . .

Thọ vô-ký thường thì không niệm. Bởi lẽ thọ vô-ký ít có sự tác hại hoặc trở ngại đến thiền-định, như thọ khổ và thọ vui, cho nên hành-giả ít niệm vô-ký thọ.

Thọ tức là sự cảm giác, sự thấu nạp cảnh-giới, như đoạn trước đã nói thọ có khổ có vui, có vô-ký thế là nó sẽ làm cho

tâm ta thay đổi theo hoàn-cảnh mà tâm ta đang thọ ấy, dù khổ hay vui ta cũng hằng nhận chịu với sự cảm-giác rất tốt dốt, thọ khổ thì khóc, thọ vui thì cười, thọ vô-ký thì lơ-là, vì ta chấp giả cho là thật cho nên phải khóc, cười v. v. . .

Khi hành-giả ngồi niệm thiền có một cảnh khổ, hoặc cảnh vui nào mà ta đang thọ, nếu ta chỉ chú ý sơ sài, hoặc chỉ quán tổng-quát sơ qua, thì nó không rõ và không thấm-thía. Do đó các Ngài thiền sư bên Miến-Điện dạy ta phải dùng bỏ các đề-mục kia mà niệm ngay sự thọ khổ vui ấy, ví-dụ đau lưng, tê chân, ngứa, châm-chích, nóng v. v. . . thì ta phải chú-ý ngay vào đó để nhận-định biết rõ hoặc niệm "đau à" (để trí sau lưng) "Tê à" (để trí nơi chân nào tê) "ngứa à" nơi mặt hoặc chỗ nào đang bị ngứa v. v. . . tức thì khi ấy nó hết hoặc nó bớt đau, tê, ngứa v. v. . . rất rõ-rệt, chắc chắn trong khi đó ta trực nhận được sự vô-thường vì đang đau đó là hết hoặc bớt đau, tê, ngứa v. v. . . đồng thời trong khi ấy ta cũng cảm thấy đau là khổ, tê là khổ v. v. . . khi ta nhận ra lẽ khổ và lẽ vô-thường rồi, chắc hẳn ta cũng rõ biết cái chân lý vô-ngã một phần nào, dù chưa rõ-rệt lắm, miễn là ta chuyên-cần Bhàvanà mãi mãi về thọ, nhất là thọ khổ. Hiện nay tuy ta đang dùng trí để niệm nhưng kèm theo đó nó đã tự quán cho thấy cái ý nghĩa sâu xa của sự thọ, mà không có người thọ. Có thể nói đất, nước, lửa, gió thọ. Àyatana thọ, ngũ-uẩn thọ thì rõ lẽ hơn. Chính đấy là vô-ngã rồi vậy.

QUÁN TÂM NIỆM XÚ

Hành-giả ở rừng thanh-vắng, ở dưới cội cây, ở chỗ hoang vắng cách xa nhà, ở hang đá, ở ụ rơm, ở tịnh-thất, thiền-đường v. v. . . ngồi ngay thẳng gom trí nhớ, quán tâm niệm xứ, là hành-giả phải nhớ biết kịp thời trong khi tâm đang niệm 4 đề-mục trên mà nó không chú-tâm yên đề niệm, trái lại nó chạy theo một cảnh-giới khác, có nghĩa là tâm bỏ đề mục mà lo nghĩ một điều khác hoặc thiện hoặc ác, nhưng tâm suy-nghĩ một vấn-đề

rõ-rệt, vậy khi ấy ta bỏ "phồng... đung", mà niệm "suy-nghi à" độ nín một hơi thở, kể bắt niệm "phồng à" trở lại, nếu có suy-nghi nữa thì niệm nữa, bởi vì chữ tâm ở đây do chữ CITTA dịch là sự suy-nghi, trạng-thái suy-nghi.

GIẢNG GIẢI

Tỳ-khuru trong Phật-pháp, khi đã ở trong nơi thanh-vắng, nhận-định biết rõ :

- Tâm có tham-luyến.
- Tâm không tham-luyến.
- Tâm có sân-hận.
- Tâm không sân-hận.
- Tâm có si-mê.
- Tâm không si-mê.

Tâm hành-trình trong dục-giới, tâm hành-trình trong sắc-giới, tâm hành-trình trong vô-sắc-giới, tâm thế-gian, tâm xuất-thế-gian, tâm giải-thoát khỏi mọi thứ triền-phược thấy đều biết rõ. Trong Pháp Cú Kinh có ghi lời Phật dạy rằng : "Tâm là cái khó dạy nhất, nếu người nào dạy được tâm mình cho tốt rồi, đó là điều quý-báu nhất". Tâm hằng đắm say theo ngũ-dục hoặc lục-dục sắc, thanh, hương, vị, xúc, và pháp khi hành giả thấy sắc thì niệm "Thấy à", nghe tiếng thì niệm "nghe à", ví dụ : nghe tiếng chó sủa, tiếng người nói cười v. v. . . ta nên đề trí biết vào nơi lỗ tai mà niệm "nghe à", nếu đề ý vào nơi con chó thì ắt sẽ ghét giận nó chẳng sai. Ngửi mùi, nếm vị, xúc-đụng, biết pháp cũng phải niệm cả, trong các thứ dục này pháp trần là cái làm cho tâm của hành giả rối rắm nhất, vọng động nhất, quý-vị đừng chán-nản và cũng chớ xem thường nó, khi nào một trong sáu trần cảnh ấy phát sanh như : sắc tốt, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, sự đụng chạm êm-dịu và pháp trần phát sanh lên ta phải niệm nghe à, thơm à, ngon à, êm-dịu à, vừa lòng à".

Xin nhắc kỹ 1 lần nữa TÂM ở đây ám-chỉ " sự suy nghĩ " vậy ta nghĩ đến điều chi phải nhận-định biết rõ điều ấy, vì lẽ tâm phàm như thiếu trí nhớ, sự ức-niệm non kém, cho nên cần phải chú tâm niệm, chánh-niệm, cho đến khi đắc thành Thánh quả nhất là bậc A-La-Hán thì đầy đủ trí nhớ luôn khi, dù các Ngài không niệm cũng xem như đã niệm rồi vậy.

Riêng phàm như chẳng những niệm để được đầy đủ trí nhớ mà còn làm cho mở mang trí-tuệ nữa.

— *Niệm tâm ác.*

Hành-giả đang ngồi tu-niệm, bỗng nhiên tâm ác phát sanh lên suy nghĩ điều ác thì ta phải niệm " Suy-nghĩ à " đó là niệm tâm, xong ta trở lại niệm thân tức là " phòng à ... " Nếu có suy nghĩ ác nữa thì niệm nữa (lâu độ nín hơi thở).

— *Niệm tâm thiện.*

Hành-giả đang ngồi tu-niệm, bỗng nhiên tâm thiện phát sanh lên suy-nghĩ điều lành, ta cũng phải niệm " suy-nghĩ à " cố nín 1 hơi thở rồi niệm " phòng à ... " trở lại, nếu có suy nghĩ nữa thì niệm nữa. Tóm lại dù thiện hay ác khi tâm tư của hành-giả phát lên với trạng thái suy nghĩ thì cũng phải niệm " suy-nghĩ à " để diệt nó đi không cho có sự suy-tư dài dòng có thể làm cho ta không nhất tâm được, hơn nữa sự tư-duy này khép vào niệm tâm nó cũng hơi tương-đồng ý nghĩa với sự phóng tâm, nhưng phóng tâm thì nó phóng lung tung mà không có vấn đề gì rõ rệt còn sự suy nghĩ ở đây nó có vấn đề ác, thiện rõ rệt, còn tâm vô-ký hoặc sự suy nghĩ không thiện không-ác, ở đây không thấy giải-thích (có lẽ không quan yếu).

QUÁN PHÁP NIỆM XÚ

Hành-giả ở rừng thanh vắng, ở dưới cội cây, ở chỗ hoang vắng cách xa nhà, ở hang đá, ở ụ rơm, ở tịnh-thất thiền-đường v.v... Ngồi ngay thẳng gom trí nhớ, quán pháp niệm xứ, là nhận định biết rõ về pháp ác và pháp thiện, (thường thường tâm của

hành-giả sơ-cơ hay có pháp ác phát sanh trước, pháp thiện phát sanh sau, trái lại khi hành-giả đã tọa-thiền nhiều rồi thì ngược lại).

Pháp trong chỗ này ám-chỉ về 5 nhóm :

- 1) NĪVARANA Pháp chướng ngại (pháp cái).
- 2) Upādānakkhandha : chấp-thủ ngũ-uẩn.
- 3) Āyatana : Sanh xứ (lục-căn lục-trần)
- 4) Bojjhanga : (Thất) Giác-chi.
- 5) Ariyasacca : Thánh-thiết (Tứ Diệu-Đế).

GIẢNG - GIẢI

-- Pháp ám chỉ về NĪVARANA có 5 là :

1) Kāmachanda : Tình-dục, sự mong muốn, sự thương yêu, vira lòng trong ái-dục.

2) Byāpāda : Bất-bình, sự làm cho tiêu hoại tài sản, sanh mạng và điều lợi ích an-vui của kẻ khác, (hủy-hại).

3) Thīnamiddha : Hôn-trầm, dài-dài trong thân tâm hoặc là sự lười biếng.

4) Uddhacca kukkucā : Phóng tâm, nóng nảy hoặc là sự bức rức, bủn rủn.

5) Vicikicchā : Hoài-nghi, sự nghi ngờ bất nhất trong tâm.

Tỳ-khưu trong tôn giáo này khi tâm mình có tình-dục, có bất bình cũng biết rõ có bất bình, có hôn trầm dài-dài, có phóng tâm nóng nảy cũng biết rõ có phóng tâm nóng nảy, có hoài nghi cũng biết rõ có hoài nghi.

Năm pháp này có tên là pháp cái hoặc là pháp chướng ngại, nó có tới hai cái nghĩa nhưng tựu trung chỉ có một ý mà thôi, chữ cái có nghĩa là cái lọng nhưng thường dùng chung với chữ cái tráp hoặc cái phước dịch nghĩa là che lấp, che đậy. Còn chữ chướng ngại có nghĩa sự ngăn trở, sự trở ngại làm cho hành-giả

khó đạt đến thiền định hoặc khó đạt đến đạo quả một cách hành-thông suôn suốt dễ dàng, 5 chỉ thiền hay bị trở ngại khó thành tựu được do 5 pháp cái hoặc 5 pháp chướng ngại ví lẽ trong tâm phàm không có thiền, chỉ có 5 pháp Nivarana tính-dục, bất bình, hôn-trầm, phóng tâm boài-nghi. Trong tâm của người phàm hoặc bậc thánh có sơ-thiền thì có 5 chỉ là : tư-duy quán-sát, hỷ-mãn, an lạc, nhất hành. Nhị thiền thì có 3 chỉ là : nhất hành và thêm xả.

Trong cách tu Tứ-Niệm-Xứ có dạy cho hành-giả đang trong lúc ngồi thiền nếu có tình dục phát sanh rõ rệt thì niệm "tình-dục à," cũng niệm ít tiếng độ năm 1 hơi thở thì tự nhiên lắng dịu xuống liền,

Khi có sự bất-bình, ghét, sân cũng niệm "bất bình à", "ghét à" "sân à" v.v... cũng hết sân liền.

Khi có hôn trầm hoặc dãi-dãi cũng niệm "hôn-trầm à" trong khi đang ngủ gục ta không hay không biết nhưng khi gục xuống thì ta biết liền khi ấy ta phải niệm "ngủ à" hay niệm "hôn trầm à" cũng được, cứ bao nhiêu lần ngủ là niệm bấy nhiêu lần.

Khi có phóng tâm thì niệm "phóng à" có khi rõ không phóng nữa mà nó lại làm như nóng nẩy, bức-rức bủn rủn thì niệm "nóng à" "bức rức à" v.v... bằng không thì nó làm như khó chịu lắm tự ý nó bung tay ra, dờ chân thẳng ra và mở mắt ra không thích ngồi nữa đó là trạng thái của sự nóng nẩy hoặc bức rức bủn rủn ta cố gắng trấn áp mãi để ngồi thiền, nhưng đến giai đoạn như vậy thì không nên ép nữa, mà ta nên nghĩ rằng ngồi không giỏi thì ta cố gắng đi kinh-hành và sau đó trở vào ngồi lại nó sẽ tốt và dễ dàng hơn trước, tưởng cũng nói rõ về sự phóng tâm có khác với sự suy nghĩ trong quán tâm niệm xứ kia, sự phóng tâm ở đây là nó phóng lung tung, không có vấn đề gì rõ rệt cả, ta chỉ cần niệm rằng "phóng à" là có thể lắng xuống và niệm đề-mục thiền "phòng à, xep à v.v..." để trở lại, tuy vậy trong sự tu thiền cái khó nhất là phóng tâm, nó dai dẳng lắm, thậm chí có khi nó phóng quá cỡ không làm cách nào

mà giữ đề mục trú yên trong tâm được một đôi phút, trong những lúc ấy ta phải niệm "đụng" tới năm chỗ hoặc nhiều hơn là :

1 — Phồng à, xẹp à, ngồi à, đụng à (biết đụng nơi hai bàn tay chông lên nhau).

2 — Phồng à, xẹp à, ngồi à, đụng à (biết y-phục đụng nơi đầu gối phải).

3 — Phồng à, xẹp à, ngồi à, đụng à (biết y-phục đụng nơi nách hoặc vai phải).

4 — Phồng à, xẹp à, ngồi à, đụng à (biết y-phục đụng nơi vai trái).

5 — Phồng à, xẹp à, ngồi à, đụng à (biết y-phục đụng nơi đầu gối trái).

Nhớ niệm vòng vòng như trên trong vài vòng là sự phóng tâm dữ dội kia tự khắc nó không còn làm cho ta khó niệm thiền như trước nữa, trái lại nó có thể dính bắt đề-mục niệm dễ hơn. Trong khi niệm vòng vòng ấy có thể lộn hoặc quên, thì ta bắt mới nơi số 1, xin đặc biệt lưu ý các hành-giả khi có sự phóng tâm quá lắm mới niệm cái đụng cho nhiều cho nhiều chỗ như thế, còn nếu tâm lâu lâu mới phóng đôi chút thì chỉ niệm "phồng à" đủ rồi.

Khi có nghi ngờ thì niệm "ngồi à", tâm của hành-giả đang niệm thiền tốt, tự nhiên nó đâm ra hoài nghi bất nhất trong tâm tự phát ra nhiều sự nghi vấn, không biết ngồi thiền có kết quả gì chẳng? đạo quả Niết-Pàn có thiệt không? Phật pháp Tăng cao thượng thật sao: có thật không? nghiệp nhân và nghiệp quả có ảnh hưởng gì với đời ta không? v.v... tức thì ta phải niệm "ngồi à"

Trong cả 5 pháp trên ai cũng có, nhưng người nặng điều này kẻ nặng cái kia, mặc dù sự nặng nhẹ có khác nhau chút ít song khi đã có phát sanh trong tâm thì cũng nhận định biết rõ với ý niệm cho nó qua đi, diệt đi. Bởi nó cũng nằm trong chân lý vô-thường, khổ-não vô ngã.

Pháp ám-chỉ về chấp thủ ngũ-uẩn (Upàdànakkhanda) là : Ngũ-uẩn là cảnh-giới của sự chấp-thủ, ngũ-uẩn hành trình trong dục-giới, sắc giới, vô-sắc-giới, bằng sự thương yêu triu mến và quý trọng cho là của ta, gọi là chấp thủ ngũ-uẩn.

Ngũ-uẩn là : sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, và thức-uẩn.

Giải - giải.

Tỳ-khưu trong tôn giáo này, thấy rõ sắc, thọ, tưởng, hành thức ấy tiêu-diệt như thế này.

Hành-giả quán-tưởng kỹ càng chắc chắn, cũng như nhận định biết rõ sự sanh và sự diệt của ngũ-uẩn như thế gọi là đề phá tan sự ngộ tưởng về một khối (Ghana sañña), kỳ-thật nó nằm trong chân-lý vô-thường, khô-não, vô-ngã.

— Pháp ám-chỉ về sanh xứ (Āyatana) là quán về lục-căn, lục-trần tức là quán-niệm 6 Āyatana bên trong và 6 Āyatana bên ngoài. Tiếng Āyatana dịch là sanh xứ chỗ trú, cái giếng, cái mỏ vàng, thau v.v...) chỗ tụ-hội, sở nhân thường gọi là căn, trần.

Sanh xứ là nương nơi căn và trần nên nảy sanh ra thức, nhất là nhãn thức.

— Chỗ trú là nương nơi căn và trần làm chỗ trú cho thức, nhất là nhãn thức.

— Cái giếng hoặc cái mỏ là nương nơi căn và trần mà phát khởi thức, nhất là nhãn thức.

— Chỗ tụ-hội là nương nơi căn và trần khiến cho tụ-hội thức, nhất là nhãn-thức

Āyatana bên trong (lục-căn) là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân ý.

Āyatana bên ngoài (lục-trần) là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp (Pháp ở đây nói về 52 tâm sở (CETASIKA), 16 vi-tế sắc (Sukhuma rūpa) và 1 Niết-Bàn (Nibbàna) cộng là 69 pháp.

Giảng - giải.

Tỳ-khưu trong tôn-giáo này, nhận-định biết rõ về con mắt, biết rõ về sắc, biết rõ về dây triển-phược (Saṅgōjana) phát sanh lên, bởi vì nương nơi nhãn và sắc ấy hội-hợp nhau, biết rõ về nhân khiến cho phát sanh dây triển-phược, biết rõ về nhân khiến cho diệt dây triển-phược, biết rõ về nhân khiến không cho dây triển-phược tiếp-tục phát-sanh được nữa.

Biết rõ về tai, biết rõ về tiếng.

Biết rõ về mũi, biết rõ về mùi.

Biết rõ về lưỡi, biết rõ về vị.

Biết rõ về thân, biết rõ về xúc.

Biết rõ về tâm, biết rõ về pháp.

Biết rõ về dây triển-phược phát sanh bởi nương nơi tâm và pháp ấy hội-hợp nhau, biết rõ về nhân khiến cho diệt dây triển-phược.

Biết rõ về nhân khiến không cho dây triển-phược tiếp-tục phát sanh được nữa.

Sự quán, niệm hoặc sự nhận định biết rõ trong 12 pháp Āyatana này gọi là quán pháp niệm-xứ, cũng nằm trong chân-lý vô-thường, khổ-não, vô-ngã.

— Pháp ám-chỉ về giác-chi (Bojjhanga) có 7 pháp nên thường gọi thất giác-chi, có khi gọi 7 nhân sanh quả Bồ-đề. Bojjhanga dịch là giác-chi tức là pháp làm nhân cho giác-ngộ chân-lý Tứ-Diệu-Đế.

Pháp giác-chi có 7 điều là :

1) Niệm giác-chi, sự ức niệm là nhân của bậc giác-ngộ tứ-thánh-thiệt.

2) Huệ-trạch giác-chi, trí-tuệ là nhân của bậc giác-ngộ tứ-thánh-thiệt.

3) Tấn giác-chi, sự tinh tấn là nhân của bậc giác-ngộ-tứ thánh-thiệt.

4) Hỷ-mãn giác-chi, sự no vui thân tâm là nhân của bậc giác-ngộ tứ-thánh-thiệt.

5) Tịch-tĩnh giác-chi, sự vắng lặng thân-tâm là nhân của bậc giác-ngộ tứ-thánh-thiệt.

6) Định-giác-chi, sự định tam là nhân của bậc giác-ngộ tứ thánh-thiệt.

7) Xả-giác-chi, sự vô-ký hoặc trung-lập là nhân của bậc giác-ngộ tứ thánh-thiệt.

Giải - giảng,

Tỳ-khâu trong tôn giáo này, nhận định biết rõ rằng,

— Niệm giác-chi có trong tâm cũng biết rõ niệm giác-chi có ở trong tâm.

— Niệm giác-chi không có trong tâm, cũng biết rõ niệm giác-chi không có ở trong tâm.

— Biết rõ về nhân khiến cho niệm giác-chi phát sanh.

— Biết rõ về nhân khiến cho niệm giác-chi đã phát sanh rồi được đầy đủ hơn, do sự tiến-tu.

— Huệ-trạch pháp giác-chi có trong tâm, cũng biết rõ huệ trạch pháp giác-chi có ở trong tâm.

— Huệ trạch-pháp giác-chi không có trong tâm, cũng biết rõ huệ trạch pháp giác-chi không có ở trong tâm.

— Biết rõ về nhân khiến cho huệ trạch pháp giác-chi phát sanh.

— Biết rõ về nhân khiến cho huệ trạch pháp giác-chi đã phát sanh được đầy đủ hơn do sự tiến-tu,

— Tấn giác-chi có trong tâm, cũng biết rõ tấn giác-chi có ở trong tâm.

— Tấn giác-chi không có trong tâm cũng biết rõ tấn giác-chi không có ở trong tâm.

— Biết rõ về nhân khiến cho tấn giác-chi phát sanh.

— Biết rõ về nhân khiến cho tấn giác-chi đã phát sanh được đầy đủ hơn do sự tiến-tu.

— Hỉ-mãn giác-chi có trong tâm, cũng biết rõ hỉ-mãn giác-chi có ở trong tâm.

— Hỉ-mãn giác-chi không có trong tâm, cũng biết rõ hỉ-mãn giác-chi không có ở trong tâm.

— Biết rõ về nhân khiến cho hỉ-mãn giác-chi phát sanh.

— Biết rõ về nhân khiến cho hỉ-mãn giác-chi đã phát sanh được đầy đủ hơn do sự tiến-tu.

— Tịch-tịnh giác-chi có trong tâm, cũng biết rõ tịch-tịnh giác-chi có ở trong tâm.

— Tịch-tịnh giác-chi không có trong tâm, cũng biết rõ tịch-tịnh giác-chi không có ở trong tâm.

— Biết rõ về nhân khiến cho tịch-tịnh giác-chi phát sanh.

— Biết rõ về nhân khiến cho tịch-tịnh giác-chi đã phát sanh được đầy đủ hơn do sự tiến-tu.

— Định giác-chi có trong tâm, cũng biết rõ định giác-chi có ở trong tâm.

— Định giác-chi không có trong tâm, cũng biết rõ định giác-chi không có ở trong tâm.

— Biết rõ về nhân khiến cho định giác-chi phát sanh.

— Biết rõ về nhân khiến cho định giác-chi đã phát sanh được đầy đủ hơn do sự tiến-tu.

— Xả giác-chi có trong tâm, cũng biết rõ xả giác-chi có ở trong tâm.

— Xả giác-chi không có trong tâm, cũng biết rõ xả giác-chi không có ở trong tâm.

— Biết rõ về nhân khiến cho xả giác chi phát sanh.

— Biết rõ về nhân khiến cho xả giác-chi đã phát sanh được đầy đủ hơn do sự tiến-tu.

Sự nhận-định biết rõ hoặc sự quán niệm cho biết rõ về 7 giác chi này gọi là quán pháp niệm xứ, cũng nằm trong chân lý vô-thường khổ não vô ngã.

— Pháp ám-chỉ về Thánh-thiệt (Tứ-diệu-Đế) có 4 là,

1) DUKKHA ARIYÀ SACCA : Khổ-Diệu-Đế, sự khổ là pháp thiệt của bậc Thánh Nhơn.

2) DUKKHA SAMUDAYA ARIYASACCA : Tập khổ diệu-đế, ái-dục làm nhân cho sanh khổ, là pháp thiệt của bậc Thánh Nhơn.

3) DUKKHA NIRODHA ARIYASACCA : Diệt khổ diệu-đế, Niết-Bàn nơi diệt khổ là pháp thiệt của bậc thánh Nhơn.

4) DUKKHA NIRODHA GÀMINÌ PATIPADÀ ARIYASACCA : Đạo diệt khổ diệu-đế, sự thực hành để đến diệt khổ là pháp thiệt của bậc thánh Nhơn.

Giải - giải.

Tỳ-khưu trong tôn giáo này nhận định biết rõ chân lý rằng :

— Đây là khổ.

— Đây là ái-dục nhân sanh khổ.

— Đây là diệt khổ, tức là Niết-Bàn.

— Đây là con đường đi đến nơi diệt khổ.

GIẢI VỀ KHO DIỆU-ĐẾ.

Đức Thế-Tôn thuyết khổ-đế có 12 điều đại-khái như sau :

1. Jāti dukkha : Sanh khổ.

2. Jarà dukkha : Già khổ.

3. Byàdhi dukkha : Bệnh khổ.

4. Marana dukkha : Chết khổ.

5. Soka dukkha : Ưu-sầu khổ (sự thương tiếc trong tâm, nhất là khi có thân quyến chết hoặc mất của bị cảm-xúc với sự thương tha thiết).

6. Parideva dukkha : Sự khóc than kẻ lẽ là khổ.

7. Dukkha dukkha : Khổ khổ, sự nhọc thân khổ tâm (là khổ dồn dập).

8. Domanassa dukkha : Sự trái ý là khổ.

9. Upàyāsa dukkha : Sự bức tức, uất ức trong tâm là khổ.

10. Appiyehi sampayoga dukkha : Oán tắng hội khổ, sự gặp gỡ chúng sanh và vật mà ta không thương mến là khổ.

11. Piyehi vippayoga dukkha : Ái biệt ly khổ, xa lìa chúng sanh và vật mà ta thương mến là khổ.

12. Yampiēcham na labhati dukkha : Cầu bất đắc khổ, mong muốn vật nào không được là khổ.

Nếu nói một cách vắn-tắt cho gọn gàng thì cả 5 điều "chấp thủ ngũ-uẩn" là khổ (Upādānakhandha).

Giải về tập diệu đế.

Đức Thế-Tôn thuyết 3 điều ái-dục và 12 điều ái-dục như vậy : Ba điều ái-dục là :

1) Kāmatanhā : Dục-ái, sự mong muốn trong ái-dục, nói về luyện-ái (Rāgo) nghĩa là sự thỏa-thích dính theo ngũ-dục.

2) Bhavatānhā : Hữu-ái, sự mong muốn trong điều có nói về luyện ái tức là sự thỏa thích trong sắc giới và vô-sắc-giới, là thứ luyện ái phát sanh lên do thế lực của tâm mong mỏi về sự có và sự luyện ái dính với thường kiến (Sassata ditthi) cũng gọi là hữu ái, vả lại sự quyến-luyến trong thiền-na (Jhāna) cũng gọi là hữu-ái

3) Vibhava tanhā : Phi-hữu-ái, sự mong muốn trong điều không có nói về ái-dục dính với đoạn kiến (Uccheda ditthi)

nghĩa là muốn rằng chết rồi thì mất tuyệt, không còn tái sinh trong cõi nào cả.

12 Điều Ái Dục là :

1 — Cakkhutanhà : Nhãn-ái, sự thương mến sự vui thích đối với con mắt, tung trọng cho rằng của mình, nhận định cho là tốt tươi như cửa sổ bằng ngọc Mani mà người mở trong cái đèn đài bằng vàng.

2 — Sotatanhà : Nhĩ ái, sự thương mến, sự vui thích đối với lỗ tai, tung trọng cho rằng của mình, nhận định cho là tốt tươi như cái ống bằng bạc và dây bằng quý giá (cái nịt choàng treo trước ngực sau lưng).

3 — Ghāna tanhà : Tỷ ái, sự thương mến, sự vui thích đối với lỗ mũi tung trọng cho rằng của mình, nhận định cho là tốt tươi, như sợi dây bằng đá mà người ta đánh sẵn để dành.

4 — Jāna tanhà : Thiệt ái, sự thương mến, sự vui thích đối với lưỡi tung trọng cho rằng của mình, nhận định cho là tốt tươi như thừa gấm màu đỏ (Kambala).

5 — Kāyatānhà : Thân ái, sự thương mến, sự vui thích đối với thân tung trọng cho rằng của mình, nhận định cho là tốt tươi như cây cột bằng lõi cây hoặc trụ ngò làm bằng vàng.

6 — Mano tanhà : Ý ái, sự thương mến sự vui thích đối với tâm, tung trọng cho rằng của mình, nhận định cho rằng tâm mình cao quý hơn tâm của kẻ khác.

7 — Rūpatānhà : Sắc ái, sự thương mến, sự vui thích đối với sắc cảnh nhận định cho là tốt đẹp như hoa Kannikāla bằng vàng mà mình đã thấy được thật là xinh đẹp kẻ khác không thể thấy được như ta.

8 — Sadda tanhà : Thính ái, sự thương mến, sự vui thích đối với thính cảnh nhận định cho là hay ho như giọng con Karavika hoặc giọng kêu của ngọc Mani mà người ta thối rất

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn

hay, mà mình đã được nghe thiệt là lạnh-lót, kẻ khác không thể được nghe như ta.

9 — Gandha tanhà : Hương ái, sự thương mến, sự vui thích đối với hương cảnh, nhận định cho là thơm tho như chiên-đàn, trầm hương hoặc như mùi thơm trên thiên-cung mà mình đã được ngửi, kẻ khác không được ngửi như ta.

10 — Rasa tanhà : Vị ái, sự thương mến, sự vui thích đối với vị-cảnh, nhận-định cho là ngon như các hương vị của chư-thiên.

11 — Photthabba tanhà : Xúc ái, sự thương mến, sự vui thích đối với xúc cảnh, nhận-định cho là xúc cảnh mà mình đã được thật là êm-dịu kẻ khác không thể có được như ta.

12 — Dhamma tanhà : Pháp ái, sự thương mến, sự vui thích đối với pháp cảnh, nhận-định cho là pháp cảnh mà mình đã được thật là vừa ý, kẻ khác không thể có được như ta.

12 điều ái-dục này đem nhân với 3 ái-dục trước thành ra 36 ái dục, nhân cho quá khứ 36, vị lai 36, hiện tại 36 thành 108 ái dục vậy.

Giải về diệt diệu - đế

Đức Thế-Tôn thuyết rằng : Sự làm cho tiêu diệt hoặc tiêu hoại ái dục, sự đoạn tuyệt hoặc dứt bỏ ái-dục, sự thoát khỏi ái-dục, sự không luyến tiếc trong ái-dục nữa, gọi là diệt khổ Thánh-thiệt (Niết-Bàn)

GIẢI VỀ ĐẠO DIỆU ĐẾ

Đức Thế-Tôn dạy sự thực hành theo đường lối đi đến Niết-Bàn là khí cụ diệt khổ, là Thánh-thiệt (Đạo-Diệu-Đế), nói về đạo cao-thượng gồm có 8 chi là :

- 1 — SAMMÀ DITTHI : Sự hiểu thấy đúng (Chánh-kiến).
- 2 — SAMMÀ SANKAPPO : Sự suy-nghĩ đúng (Chánh tư-duy)
- 3 — SAMMÀ VĀCĀ : Sự nói năng đúng (Chánh ngữ).

4 — SAMMÀ KAMMANTO : Sự làm lụng đúng (Chánh-nghiệp).

5 — SAMMÀ AJIVO : Sự nuôi mạng đúng (Chánh-mạng).

6 — SAMMÀ VAYÀMO : Sự tinh-tấn đúng (Chánh tinh-tấn)

7 — SAMMÀ SATI : Sự ghi nhớ đúng (Chánh-niệm).

8 — SAMMÀ SAMÀDHI . Sự định tâm đúng (Chánh-định).

Quán hoặc niệm tức là sự ni-ậu-định biết rõ về tứ Diệu-đế như thế gọi là quán pháp niệm xứ.

NIỆM PHÁP ÁC

Hành-giả đang ngồi niệm tự nhiên có 1 trong 5 pháp chướng-ngại phát sanh lên như tình-dục, bất-bình, hôn-trầm, phóng-tâm và hoài-nghi, tức thì phải niệm cho nó qua đi là niệm rằng : " tình-dục à ", " bất-bình à ", " hôn-trầm à ", " phóng-tâm à ", " hoài-nghi à " đương nhiên nó không phải đồng-thời phát, mà mỗi lần phát 1 pháp, ấy gọi là ác pháp mà ta phải niệm cho nên gọi là quán pháp niệm-xứ. Ác pháp có rất nhiều song phần lớn chỉ gom vào gọn trong 5 pháp đó, bởi tình-dục tức là tham, bất-bình tức là sân, còn hôn-trầm, phóng-tâm và hoài nghi tức là si đó vậy. Có khi nó biến thể có trạng thái khác nhau như tình-dục nó lại đổi qua thương, thì cũng niệm : " thương à ".

Còn bất bình thì nó lại đổi thành ghét hoặc sân thì ta niệm : " ghét à ", " sân à ".

Hôn trầm nó đổi thành dãi dãi thì niệm " dãi-dãi à " hoặc " làm biếng à ".

Phóng tâm khi chế ngự kỹ quá thì nó không phóng được, nó lại xây ra nóng nảy, bức rức bức-rùn thì cũng theo đó mà niệm " nóng à " v. v. . . .

Trạng thái phóng túng này hơi giống với trạng thái suy-nghĩ ở đoạn niệm tâm nhưng nó có khác là ở đây nó phóng dữ-dội vậy đó nhưng không có vấn-đề gì rõ rệt.

Hoài nghi không những nó đơn thuần nghi ngờ thôi đâu, nó còn có nhiều mưu mô lá lay qui-quyết là nó biến ra nhiều cách nghi vấn như ngồi thiền có lợi ích gì? đạo-quả Niết-bàn ra sao? Phật Pháp Tăng cao quý thật không? v. v. . . ? v. v. . . ? tức thì phải niệm cho hết nghi đi là niệm " nghi à ".

Năm pháp trên là pháp cái hay dùng với chữ cái trấp hoặc cái phúc nghĩa là che lấp hoặc che đậy, không thì dùng cho ý nghĩa là pháp chướng-ngại tức là các pháp ấy nó làm cho ngăn-ngại hoặc cản trở làm cho thiện pháp khó phát sanh, nhất là ngăn trở làm cho thêm khó đắc nhập thế nên nếu có một pháp nào trong 5 pháp ấy đã phát sanh trong tâm thì phải mau mau niệm cho nó tan biến mất đi.

NIỆM PHÁP THIỆN

Nói cho đúng là niệm các ấn-chứng thuộc về thiện pháp đã phát sanh lên, lẽ thường bất cứ ai khi đã niệm cho các ác pháp kia qua hết, từ từ " do năng lực tiến tu (Bhàvanà) tốt đến đâu, thiền-định tốt đến đó " và chắc chắn các hiện tượng lành sẽ phát hiện rõ-rệt, như thấy ánh sáng thì cũng niệm " sáng à " và thấy nhiều nhiều nữa, tùy theo duyên của mỗi người mà sự thấy có khác nhau ví-dụ ánh sáng có người thấy rất nhiều và thật rõ, có người thì chỉ thấy sáng sơ sơ mà thôi, hoặc có người thấy Đức Phật bay ngang qua rõ rệt có người thấy chư-Tăng đi ngang qua hoặc bay qua cả đoàn có vẻ trang nghiêm lắm hoặc có kẻ khác đi xa xa và cao tận mây xanh rồi có người lại thấy vô số kỳ-hoa dị-thảo đẹp ơi là đẹp, có kẻ thấy cảnh tiên, khi hành giả thấy các cảnh vật ấy tức là pháp lành cũng phải niệm cho nó qua đi niệm " thấy à ". Chắc hẳn nó sẽ mất cũng có cái chẳng những không mất nhưng nó lại càng rõ hơn (đó là do căn duyên riêng của người ấy) nhưng nếu y hiểu được cái lý (Nhất thiết pháp đều là vô ngã (Sabbe dhammà anattàti) " thì tự khắc nó phải qua đi thôi, ấy là ta " không chấp pháp ". Trái lại kẻ ngoại đạo cho các cảnh như trên là thật cho nên có chuyện xuất

hơn đi thượng-giới v.v... lâu lâu trở thành chấp cảnh và đi theo cách giới, có thể trở thành lãng-trí và cuối cùng điên loạn, thì phải nói rằng có hại vô cùng, cố mà giữ cho thật đúng Chánh thiện hoặc Chánh định ấy mới là cao siêu tuyệt diệu theo chơn truyền Chánh-Pháp của Đức Phật Thích-Ca.

Ở đây xin nói rõ có 2 ý làm mẫu-chốt vững vàng căn bản nhất các hành giả nên cố nhớ và hành theo cho tốt.

Một ta niệm " thấy à " chẳng những nó không càng thấy thêm, bám dính thêm, mà nó sẽ mất đi, thế mới tiến lên cao siêu được.

Hai ta biết nó đẹp, nó hay thuộc về thiện pháp, nhưng ta không dính mắc say đắm với pháp thiện còn thấp ấy, chính ý nguyện ta là muốn đạt đến pháp cao siêu hơn, tức là Niết-Bàn, không chấp một pháp nào trong thế-gian này cả.

Ngoài đó ra ta niệm ở đây còn nhiều pháp lành khác nữa như 37 pháp trợ Bồ-Đề, nhất là thất-giác-chi v.v... Nói tắt cho gọn dễ nhớ là Niệm, Huệ, Tấn, lạc, tịnh, định, xả. Hoặc là niệm ân-đức Phật, ân-đức Pháp, ân-đức Tăng, niệm giới, ức niệm đến sự bố thí làm phước nào mà mình đã tạo.

Còn niệm tâm-từ, tâm-bi, tâm hỷ, tâm xả, niệm sự chết v.v..

Nói tóm lại cả ác pháp và thiện pháp đều nằm trong chơn-lý vô thường, khổ não, vô ngã cả thấy.

TỨ NIỆM XỨ TỔNG KẾT

Hành giả khi xem qua cũng như học hỏi kinh Tứ niệm xứ về lý thuyết xong, bắt tay vào thực hành niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp cho phối hợp nhịp nhàng chứ không phải chỉ niệm một pháp nào trong 4 pháp ấy, nghĩa là khi ta ngồi vào trước hết niệm thân tức là niệm “phồng à, xẹp à, ngồi à, đứng à” tự nhiên nghe có các trạng thái thuộc về niệm thọ như tê ngứa v. v. . . thì niệm “tê à” “ngứa à” xong rồi niệm thân trở lại, kể có sự suy tư việc gì đó thuộc về niệm tâm thì liền niệm “suy nghĩ à” sau đó lại niệm thân tức là niệm “phồng à, xẹp à, ngồi à, đứng à” Nếu có các pháp nào dù thiện hay ác phát sanh thì hành giả phải niệm pháp ngay, có nghĩa là thường tình người tu thiền bởi tâm lúc đầu còn thế tục lắm cho nên các ác pháp nó phát sanh trước, nhất là 5 pháp Nivara-na tình-dục, bất-bình, PHÓNG TÂM, hôn-trầm, hoài nghi có cái nào thì niệm « Tình-dục à », “bất-bình à” v. v. . .

Sau một thời gian chuyên cần tu niệm thì những ác pháp được lắng dịu, các thiện pháp sẽ phát sanh rõ rệt lên như 5 chi thiền bắt đầu phát sanh lên là :

1. — VITAKKO : Tư duy.
2. — VICÀRO : Quán-xét.
3. — PÌTI : Hỷ-mãn.
4. — SUKHAM : An-lạc.
5. — EKAGGATÀ : Nhất-hành.

— Tư-duy là nghĩ-ngợi đến đề-mục hoặc chú-ý tới đề-mục, có nghĩa là tâm hướng đến đề-mục, bởi vì từ đầu ta cố-gắng ngồi niệm song tâm nó không chịu dính với đề-mục, có vẻ như lơ-

lãng tách rời không rõ đề-mục, không thân thiết với đề-mục, nay bắt đầu nó rất rõ và rất khẩn-khít tìm tới và thấy rõ đề-mục.

— Quán-xét là xét kỹ đề-mục, tâm vừa niệm vừa chăm-chú nhận xét đề-mục mà mình đang niệm, do đó cho nên trong giai đoạn này tâm của hành-giả niệm rất rõ và đi đều dễ chịu lắm.

— Hỉ-mãn là no vui cả thân và tâm, riêng chi thiền thứ 3 này chia làm 5 pháp khác nhau là :

a) Khuddakà pīti : Hỉ-mãn từ đốm nhỏ, có nghĩa là hành-giả niệm tốt sẽ có pháp này làm cho no vui mát mẻ nhất là có nổi ốc trên đầu, rần rần mát mẻ nơi vai, sau lưng, có khi ra nước mắt v.v...

b) Khanikà pīti : Hỉ-mãn ánh sáng, pháp này tùy, có người ít có người nhiều, trước hết như tòa mây bạc đi qua, như chút lửa xẹt qua, như sao chớp băng ngang qua, xẹt tới xẹt lui nhiều lần, hoặc như ngọn đèn thường, ngọn đèn pha chiếu ngay vào, thấy mặt trời sáng rực lên, hoặc như mặt trăng rằm chiếu ngay vào mặt v.v...

c) Okantikà pīti : Hỉ-mãn pháp sanh làm cho rung-mình, hoặc như sóng đập vào mình, đưa tới đưa lui, gục xuống gục lên.

d) Ubengà pīti : Hỉ-mãn phát sanh làm cho thân mình nhẹ nhàng, lớn người ra, hồng hồng bay lên không trung, có khi bay được cả thân.

g) Phàranà pīti : Hỉ-mãn thấm nhuần khắp châu thân, làm cho mát mẻ, tủa tủa từ đầu xuống hoặc rần rần từ dưới lên khắp cả châu thân.

— An-lạc là sự yên-vui thắm thắm và vui khỏe bên trong, có đôi khi tự thấy như no sầu, không biết đói khát gì cả, có an-lạc làm cho hành-giả ngồi niệm chừng nào càng không hề có phóng tâm.

— Nhất-hành là tâm của hành-giả đi một mục. Như cái máy tự động thế cho nên có vị dịch là nhất tâm. Nhờ có nhất-hành này, mới có cận định, nhập định.

Cả năm chi của thiền ta có thể nhận biết đó là chánh thiền hoặc chánh định, bằng không thì sẽ lạc về tà thiền hoặc tà định, bởi lẽ năm chi ấy có khả năng làm nhiệm vụ của mình rất tốt, để làm cho kẻ hành thiền tiến tới bậc cao hơn có vài ví dụ cụ thể như thế này;

* Một con ong đi tìm hoa để hút mật và lấy nhụy, từ xa nhìn thấy có hoa thì chú tâm tìm bay tới giống như tâm của hành giả nghĩ ngợi tới đề mục thiền (có vị dịch là tầm). Khi con ong bay gần đến cái hoa nó phải bay lượn quanh cái hoa để xem xét kỹ có phải cái hoa có nhụy không và chỗ nào là chính chỗ có nhụy, nó mới đậu vào ngay chỗ đó để hút mật lấy nhụy, khi nó xem xét kỹ đó gọi là quán xét đến hồi hút mật hoặc lấy được nhụy đầy đủ no nê rồi, ấy là thời gian hỷ mãn, tức là no vui thân tâm (có vị dịch phi lạc). Sau khi có hỷ mãn rồi con ong được sự an vui mát mẻ (sukha), kể đó nó nằm yên một chút ấy là nhất hành (ekaggatà).

* Một người đi đường xa vừa đói vừa khát ở trong rừng, khi quá khát, không biết đâu có nước, liền ngó lên trên trời thấy các loài ong bay nhanh từ hướng kia lại, thế là tin rằng trong hướng ấy chắc chắn có nước, bèn nghĩ ngợi hoặc tìm về hướng đó, khi tới gần thấy có hoa sen lá sen và bùn nước rơi dính theo đường trông thấy có hồ nước ở trước mặt, ấy là Vitsakka. Đến hồ nước người ấy xem xét kỹ coi nước có trong không? chỗ nào xuống được để uống nước uống, ấy là Vicāra Khi được uống nước, lại được tắm mát, còn hái trái sen ăn no, bẻ hoa sen ngửi thơm, lá sen che mát, ấy là Pīti. Rồi kiếm bóng cây nằm nghỉ mát được an vui ấy là Sukka. Kể đó ngủ một giấc ngon lành ấy là Ekaggatà.

Cả năm điều trên đây giống như năm chi thiền mà hành giả tinh tấn tu đúng đắn tốt đẹp rồi nó sẽ có theo thứ tự như thế đó, cũng do có năm chi như thế mới gọi là đắc sơ thiền. Có sơ thiền rồi tâm lại xem thường sơ thiền mà hướng lên nhị thiền, thế là mỗi lần ngồi nhàm là hai chi đầu là đắc nhị thiền, sau đó cũng

là bỏ chi thứ ba để đắc tam thiền, là chi thứ tư để đắc tứ thiền, hoặc đổi an lạc của chi thứ tư để nhập xả vào với nhất hành thể là tứ thiền có hai chi. Đó là theo cách tứ thiền còn theo cách ngũ thiền thì sơ thiền có năm chi, nhị thiền bốn chi, tam thiền ba chi, tứ thiền có hai chi, ngũ thiền cũng có hai chi (như tứ thiền), còn trừ diệt 5 pháp cái một cách tận-tuyệt.

Tư-duy trừ diệt hôn-trầm.

Quán-sát trừ diệt hoài-nghi.

Hỉ-mãn trừ diệt bất-bình.

An-lạc trừ diệt phóng tâm.

Nhất-hành trừ diệt tình-dục.

Trong khoảng thời gian tiến-tu tiếp tục nhờ năng-lực ấy khiến cho hành-giả khi đã có đủ cả 5 chi thiền và đã có khả năng trừ diệt 5 nghịch pháp ấy xong rồi, hành-giả tự nhận biết mình có thể đến cận định và nhập định hoặc chánh định.

Trong khoảng thời gian từ chi thiền thứ tư an-lạc cho đến chi thiền thứ năm là nhất-hành, thân tâm của hành-giả sẽ có 12 pháp mà trong vị-diệu tạng đã nói sẽ phát sanh lên rõ rệt làm cho tâm của hành-giả lúc bấy giờ đẹp lắm, quý báu lắm.

12 pháp ấy là :

- 1) KÀYA PASSADDHI : Thân tịch-tịch.
- 2) CITTA PASSADDHI : Tâm tịch-tịnh.
- 3) KÀYA LAHUTÀ : Thân nhẹ-nhàng.
- 4) CITTA LAHUTÀ : Tâm nhẹ-nhàng.
- 5) KÀYA MUDITÀ : Thân mềm mại.
- 6) CITTA MUDITÀ : Tâm mềm mại.
- 7) KAYÀ KAMMAÑÑATÀ : Thân thích đáng đến công việc.
- 8) CITTA KAMMAÑÑATÀ : Tâm thích đáng đến công việc.
- 9) KÀYA PÀGUÑÑATÀ : Thân rành rẽ,

- 10) CITTA PÀGUÑÑATÀ : Tâm rành rẽ.
 11) KÀYUJUKATÀ : Thân ngay thẳng.
 12) CITTUJUKATÀ : Tâm ngay thẳng.

GIẢNG - GIẢI

— Thân, tâm tịch-tĩnh có hiện tượng bên trong mát lạnh, bên ngoài có hào quang đỏ bầm như môi son, thêm vào đó nữa thường khi ta ở đâu vắng vẻ quá thì đâm ra rùng rợn khiếp sợ, trái lại khi có sự vắng lặng thân tâm một cách phi thường như thế thì cảm thấy càng ưng được trạng thái vắng vẻ ấy nhiều hơn, khi ấy giống như ta được ở trong nơi hoàn toàn không bị đè nặng và không một chút gì ồn ào, hoàn toàn không hay biết gì bên ngoài cả, nhưng bên trong biết rất rõ và cảm thấy rất sung sướng.

— Thân, tâm nhẹ nhàng có hiện tượng bên trong nhẹ nhàng như ngồi giữa hư không, hoặc ngồi trên bông, trên nước, bên ngoài có hào quang sáng xanh đẹp lắm thấy từ cực, từ về.

— Thân, tâm mềm-mại, có hiện tượng bên trong mềm-mại dễ chịu, khi ấy thấy ta có một sự nhu thuận dễ mến lắm, bên ngoài có hào quang sáng trắng chiếu vào đẹp lắm.

Thân, tâm thích đáng đến công việc, có hiện tượng bên trong tốt đẹp vui vẻ có thể tự phát lên cười một mình, bên ngoài hào quang đỏ và vàng tươi thắm xinh đẹp lắm.

— Thân, tâm rành rẽ, có hiện tượng bên trong có thể nghe như nở phồng lên, làm cho như không còn sự khổ, bên ngoài hào quang như màu xanh da trời tươi đẹp lắm.

— Thân, tâm ngay thẳng, có hiện tượng bên trong như sừng cứng ngắt cả người, bên ngoài hào quang vàng như cái hoa vàng mới nhuộm.

Cả 6 cặp pháp trên đây khi có được làm cho thân tâm của hành-giả trở nên đặc biệt, cho nên có những thứ ánh sáng tốt tươi lạ thường, tưởng cũng nên nói đến các loại ánh sáng mà người tu thiền hay thấy được là : ánh sáng của đèn lửa, ánh sáng mặt

trời, ánh sáng mặt trăng, ánh sáng như ngọc. Đẹp lắm nhưng rồi cũng phải niệm cho nó qua đi, đừng có chấp bởi vì "Tất cả pháp đều là vô ngã" ta chỉ cần có một thứ ánh sáng duy nhất là ánh sáng của trí-tuệ mà thôi, bởi thứ ánh sáng đó có thể soi thấy rõ chân-lý đặng cho ta giác-ngộ đạo-quả đúng như câu : "Ma-ha Bát-nhã Ba la mật đa, thời chiếu kiến ngũ-uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách".

Nghĩa là Dùng đại trí-tuệ đến bờ kia, khi nào soi thấy ngũ uẩn đều là không (vô-ngã) mới độ thoát (cứu độ khỏi) tất cả khổ ách "

Tuy nói như thế nhưng ta cũng đi theo thứ tự «nhơn giới sanh định, nhơn định phát huệ» tuần tự nhi tiến.

Sau khi ta tu niệm tinh-tấn chuyên cần đã có các chi thiền cũng như có các pháp như đã giải trên, cộng thêm ít điều trợ nhơn nữa thì ta sẽ có khả-năng cận định, nhập định.

Định theo trong bộ kinh VISUDDHI MAGGA có dạy 3 cách định là :

- 1 — KHANĪKA SAMĀDHI : Phiến-thời định.
- 2 — UPACĀRA SAMĀDHI : Cận-định.
- 3 — APPANĀ SAMĀDHI : Nhập định, chánh định

Giải giảng.

— Phiến-thời định, có vị dịch là tạm định, tức là sự định trong chốc lát hành-giả đang tọa thiền, có hỉ mãn tốt, hoặc có tịch-tĩnh tốt, đang tưới tinh niệm đề-mục thoát nhiên lịm mất đi một phút, nửa phút, không biết mình đang ngồi ban ngày hay ban đêm, trở mặt về hướng nào, ngồi trên giường hay dưới đất, một chút xiu thì rõ biết trở lại, lúc đầu hành-giả tưởng mình ngủ gục, nhưng sau lại do có nhiều lần thì tự biết rằng không phải hôn-trầm vì nó tưới tỉnh không hề có chuyện buồn ngủ chi cả.

— Cận định tức là có trạng-thái gần vào định, sau khi hành-giả tinh-tấn tu niệm đã có đủ cả 5 chi thiền, nghĩa là có thể phát

sanh sau EKAGGATÀ, trong trạng-thái cận-định nó làm như người nằm êm chợp chợp muốn ngủ mà chưa ngủ được, lịm mắt đi độ 5, 3 phút rồi rõ biết trở lại, cứ như thế hành-giả quyết chí rằng ta cố gắng tối đa về sự hành-đạo, còn ta phải giảm-thiểu một cách tối thiểu về sự lo lắng bận rộn những gì bên ngoài, nhất là những thụ-thức, không ham nói chuyện và nghe chuyện vui, buồn v.v... Bởi lẽ các vị thiên-sư qua kinh nghiệm cho nên các Ngài nói có 3 giai đoạn khó là :

a) Khó trong giai-đoạn PARIKAMMA có nghĩa là từ lúc bắt đầu niệm đến khi chăm chú niệm cho dính bắt được đề-mục là một điều khó.

b) Khi đã nắm bắt được đề-mục xem như đã vượt qua một đoạn khó từ đó tiến tu tiến hành đạt cho được 5 thứ hỉ-mãn là một điều khó.

c) Khi có hỉ-mãn, an-lạc và nhất-hành rồi bắt đầu có cận-định và từ đó phát sanh chánh-định hoặc từ cận-định vượt lên nhập-định là một giai đoạn khó.

Chúng ta biết chắc chắn trong kinh Phật có dạy rằng : " Duyên của cận định từ 6 tầng trời dục giới trở xuống đến cõi người. Còn duyên của chánh định hoặc nhập định là cõi phạm-thiên sắc-giới cả 16 tầng. Hơn nữa chúng ta cũng biết rõ rằng khi đã nhập định thuộc về người có pháp cao nhân, còn theo các đạo bần thì họ xem đó là Thánh-thai, thế nên phải nuôi dưỡng thánh-thai, cũng như bà mẹ biết trong bụng mình có thai nghén phải cẩn thận mọi mặt đúng theo cách dưỡng thai vậy.

Đến đây hành-giả tự biết rõ mình không hề có sự buồn ngủ, nhưng nó cứ làm như thể buồn ngủ, cứ chợp chợp 5, 3 phút rồi làm như không ngủ được, thế là biết rất rõ rằng ta không phải mê ngủ chắc-chắn đó là trạng-thái của cận định-vậy, Bắt đầu từ đó mỗi thời ngồi ta phải chú nguyện. Trước khi nguyện ta phải lễ bái Tam-Bảo hoặc chấp tay thành-kính Phật pháp Tăng mà tụng.

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMÀ SAMBUDDHASSA (3 lần).

Lời phát nguyện như vậy : " Kính nhờ hồng-ân Tam-Bảo chứng minh, xin cho pháp cao-siêu đã mất mát đó, hãy phát sanh cho được rõ rệt và lâu độ 15 phút ".

Mỗi lần ngồi đều mất độ 15 phút rõ rệt. Từ rõ rệt ở đây có nghĩa là khi gần mất cũng biết rõ, khi biết lại cũng sáng suốt biết rõ. Ta lại nguyện như trên nhưng các lần này nửa giờ, một giờ hoặc lâu hơn, càng lâu càng tốt.

Nguyện đề nhờ oai đức Tam-Bảo chứng minh, coi như nhờ thêm một phần tha-lực còn cái mà ta phát nguyện tức là ta phải tăng cường công sức hành-đạo thuộc về tự-lực của ta là chính cứ như thế tiến tu cho tốt chắc chắn sẽ nhập định cả giờ, 2 giờ, 3 giờ, suốt đêm, ngày v.v...

Nhập định hoặc chánh định có nghĩa là tâm của hành-giả khi ấy đã nhập vào trạng thái thanh-tịnh, đúng với câu " ngoại vô sắc tướng thị vi thiên, nội vô tán-loạn thị vi định " do nguyên văn Pàli chữ SAMÀDHI dịch là định, dịch là tâm trú vững nơi một cảnh-giới duy nhất.

Người hành-đạo luôn khi phải cầu tiến phải hướng thượng mãi cho đến khi đắc thành đạo quả Niết-Bàn mới thôi. Vậy khi có 5 chi thiên và khi có trạng thái cận định, chánh định rồi cũng chỉ mới được sơ thiên, ta còn phải tiến tu thêm và gồm có một ý niệm rằng dù sao 2 chi đầu tức là tư duy và quán sát nó cũng chỉ là pháp còn thô hiển, sự lợi ích của 2 pháp ấy không nhiệm mầu lắm, coi đó như một điều bất lợi. Thế rồi mỗi khi ngồi thiền hành giả phải tác ý muốn buông bỏ 2 chi ấy, tự nhiên ngồi vào niệm chỉ thấy hỷ mãn phát sanh rõ rệt và 2 chi sau, ấy là đã tiến lên nhị thiên và kế tiếp xem nhẹ chi thứ 3 tức là hỷ mãn, rồi mỗi lần ngồi vào niệm chỉ thấy an lạc phát sanh chung với nhất hành thì hành-giả tự nhận biết mình đã đạt lên tam thiên rồi, kế sau cũng với ý niệm đó ta tự biết xả bỏ an lạc hoặc đổi bỏ an lạc thành ra

xả hay vô ký, tức là hi ta ngồi vào là không phát sanh an lạc nữa mà chỉ thấy tâm thanh tịnh và đi EKAGGATÀ rồi định, như thế là bậc thiền này chỉ còn có một chi Nhất-hành và cộng thêm một pháp xả nữa thành ra tứ thiền có hai chi.

Hành-giả có tứ thiền hữu sắc rồi tiếp tục hành qua minh sát tuệ nhưng ở đây chúng tôi chưa giải về minh sát tuệ mà xin nói qua thiền vô sắc và nói ít cách luyện thần thông.

Thiền vô-sắc là :

Lấy tứ thiền làm nền tảng rồi từ đó niệm không vô biên xứ thiền là niệm " Hư không-vô cùng tột " hoặc " Hư-không vô bờ mé ", " Hư-không vô-tận ". Niệm mãi như thế sẽ đắc bậc thiền này.

Lấy không vô-biên xứ làm nền tảng rồi niệm " Thức không cùng tột " hoặc " thức vô-tận " cứ niệm mãi như thế sẽ đắc bậc thiền này.

Lấy thức vô-biên xứ làm nền tảng rồi niệm " Vật chi chút ít cũng không có " hoặc niệm " không có chi cả " cứ niệm mãi như vậy là đắc bậc thiền này.

Cuối sau là niệm " Phi tướng phi phi tướng xứ thiền " cứ như thế niệm sẽ đắc bậc thiền chót vô-sắc này.

Trong tứ-thiền vô-sắc này Phật có dạy nhưng cũng không khuyến khích lắm trong khoảng thời gian chưa đắc quả Thánh nếu có ý tu-luyện cho đắc cũng tốt nhưng không bắt buộc lắm, còn như tứ-thiền hữu-sắc thì cần có, bởi nếu không có thì nó khó đắc pháp cao-siêu khác một cách dễ dàng, vì tứ-thiền làm nền tảng tốt đẹp nhất.

ABHIÑÑĀ KATHĀ NÓI VỀ LỤC THÔNG

Kể đây sẽ giải thích về lục thông là một quả báo của thiền-định bằng cách vắn-tắt tiếp theo đặng làm cho hành-giả là người tham thiền càng có sự mãn nguyện nhiều thêm lên do được thấy quả báo phi thường đáng mong mỏi.

Abhiññā dịch là trí tuệ thông hiểu đặc biệt (thông-tuệ) trong chỗ khác Ngài giải thích cả phần thế gian và xuất thế gian thành 6 cách nhưng trong chỗ này ngài chỉ giải-thích 5 cách bởi Ngài ám-chỉ ngũ-thông Thế-gian là quả báo của thiền-định mà thôi.

Còn ABHIÑÑĀ là xuất-thế-gian có giải-thích nơi đoạn VIPASSANĀ bởi là quả báo của thiền Minh-sát (Thế-gian thông tuệ có 5 xuất thế-gian thông tuệ có một, gọi là lục-thông).

Ngũ-Thông Thế-Gian Là :

1) IDDHI VIDHĀÑĀNA : Thần-thông, Huệ có thể biến-hóa thần-thông mọi cách được.

2) DIBBASOTA DHĀTUÑĀNA : Thiên-nhĩ thông, huệ có thể nghe biết được tiếng của người và tiếng của chư-thiên do thiên-nhĩ rõ rệt.

3) CETOPARIYAÑĀNA : Tha-tâm-thông, huệ có thể ấn-định biết được tâm niệm của người khác,

4) PUBBENIVĀSĀNUSSATIÑĀNA : Túc-mạng-thông, huệ có thể nhớ được về (ngũ) uẩn đã từng nương gá trong các kiếp trước.

5) SATTĀNAM CUTUPAPĀTĀÑĀNA : Sanh-tử thông (thiên-nhân thông) huệ có thể biết được sự tử và sự cấu-sanh của chúng-sanh.

ABHIÑÑÀ thứ sáu là xuất-thế-gian mà Ngài không đem vào giảng-giải trong phạm thiên-định này là :

ÀSAVAKKHAYANĀNA : Lậu-tận thông. huệ có thể làm cho hết lậu (Àsava) nhưng lậu-tận thông này chỉ đem lại trình bày sơ cho thấy vậy thôi kể sau không giải-thích trong chỗ này. Chỉ giải-thích ngũ-thông là thế gian đoạn trước vậy thôi.

Giảng - giải.

IDDHI VIDHANĀ : Trong thần-thông số 1 này khi hành-giả đắc rồi có thể hóa hiện những thần-thông khác được. Dù hành-giả chỉ có một mình rồi hóa thành nhiều người, hàng trăm ngàn người. Toàn là đề-cập những sự việc khác nhau, có kẻ đề-cập đề hỏi, những câu hỏi, có kẻ đề-cập đề trả lời những câu đáp v.v... bằng không nhiều người hóa hiện mình cho thành một người cũng được. Chẳng những vậy dù hành-giả ấy có ý muốn độn thổ, đi trên nước, bay theo hư-không, hóa hiện cho thấy là voi, ngựa, đoàn quân v.v... giữa hư-không cũng có thể làm được như ý muốn tất cả.

Hành-giả là người sơ-cơ (Ādikammika) nếu có ý muốn hóa thần thông kiểu nào như đã nói cần làm cho bất định sanh lên trong cả 8 công-án (Kasina), nhất là Kasina đất v.v... cho đến Kasina màu trắng, tập luyện cho tâm thuần-thục rước đã, rồi hãy chú-nguyện (ADHITTHĀNA) về thần-thông theo mình muốn ấy, mới có thể thành-tựu như sự mong muốn được.

Phải tập luyện như thế nào.

Phải tập luyện bằng 14 thể-trạng như thế này :

1) KASINĀNULOMA : Phải nhập thiền xuôi, đi theo thứ-tự của 8 KASINA như đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng.

2) KASINĀPATILOMA : Phải nhập thiền ngược trở lại, theo thứ-tự của 8 KASINA là trắng, đỏ, vàng, xanh, gió lửa, nước, đất.

3) KASINĀNULOMAPATILOMA : Phải nhập thiền xuôi theo thứ-tự của 8 KASINA rồi nhập ngược trở lại.

4) JHĀNĀNULOMA : Phải nhập thiền xuôi theo thứ-tự của tứ-thiền hữu sắc và Tứ-thiền vô-sắc.

5) JHĀNAPATILOMA : Phải nhập thiền ngược trở lại, từ bát thiền đến sơ thiền.

6) JHĀNĀNULOMAPATILOMA : Phải nhập thiền xuôi theo thứ-tự của bát thiền rồi nhập ngược trở lại.

7) JHĀNUKKANTA : Phải nhập thiền cách khoảng, nhưng trong Kasina nguyên vị, tức là nhập sơ thiền trong kasina đất, rồi nhảy cách nhập tam thiền nhưng cũng Kasina đất như cũ, khai KASINA đất nhập vào không-vô-biên-xứ, rồi nhảy cách nhập vào vô-sở-hữu-xứ. phải nhập thiền nhảy cách như thế này đủ cả 8 KASINA.

8) KASINUKKANTA : Phải nhập thiền như cũ, nhưng nhảy cách KASINA : nghĩa là nhập sơ-thiền trong KASINA đất, rồi nhảy cách đến KASINA lửa, KASINA xanh, KASINA đỏ, nhưng chỉ nhập sơ thiền như cũ. Nếu nhập nhị thiền v.v... cũng phải nhảy cách KASINA kiểu này giống nhau.

9) JHĀNAKASINUKKANTAKA : Phải nhập nhảy cách cả thiền và KASINA nghĩa là phải nhập sơ-thiền trong KASINA đất, tam-thiền trong KASINA lửa, khai KASINA xanh, nhập vào không-vô-biên-xứ. Rồi nhập vô-sở-hữu-xứ trước KASINA đỏ.

10) ANGASĀNKANTIKA : Phải thực hành qua những chi, tức là phải nhập thiền theo thứ thứ-tự, nhất là sơ-thiền v.v... nhưng trong từ điều KASINA.

11) ARAMMANĀNKANTIKA : Phải thực-hành qua những cảnh-giới, nghĩa là phải nhập từng thiền một cho đủ cả 8 KASINA.

12) ANGĀRAMMANĀNKANTIKA : Phải thực-hành qua các chi, các cảnh giới, nghĩa là phải nhập sơ-thiền trong KASINA đất, nhập nhị-thiền trong KASINA nước, nhập tam-thiền trong

KASINA lửa, nhập tứ-thiền trong KASINA gió, khai KASINA xanh, nhập không-vô-biên-xứ, nhập thức-vô-biên-xứ, phía trước KASINA vàng, nhập vô-sở-hữu-xứ, phía trước KASINA đỏ, nhập phi-tướng phi-phi-tướng xứ phía trước KASINA trắng.

13) ANĠAVAVATTHĀPANA : Phải nhận định về chi, tức là phải nhận định cho biết rằng (sơ-thiền có 5 chi, nhị thiền có 3 chi, tam thiền có 2 chi và tứ-thiền luôn cả 4 bậc thiền vô-sắc cũng có 2 chi giống nhau).

14) ĀRAMMAṆAVATTHĀPANA : Phải ấn-định về cảnh-giới, tức là phải ấn-định cho biết rằng (Cách này KASINA đất cách này KASINA nước v.v... Khi hành-giả đã tập luyện tâm cho thuần-thục bằng cả 14 thẻ trạng này rồi nếu có ý muốn hướng tâm đi đến một thần-thông nào cũng có thể làm cho thần-thông ấy sanh lên được chắc-chắn.

Cái gì Ngài gọi thần-thông? có mấy cách? là những gì? trong IDDHIVIDHĀNA gây Ngài ám-chỉ mấy cách thần-thông?

Lẽ thường được thành-tựu như ý muốn, Ngài gọi rằng Thần-thông (IDDHI), thần-thông này nếu lấy 1 cách gom gọn có tất cả 10 điều là.

1 — ADHITTHĀNĀNA IDDHI : Thần-thông thành-tựu do chú-nguyện, nghĩa là thân hành-giả chỉ một người rồi chú-nguyện cho thành ngàn người được v.v... !

2 — VIKUBBĀNA IDDHI : Thần-thông có thể đổi phẩm-mạo thường-tình cho thành phẩm-mạo khác được, nghĩa là nếu hành-giả có ý muốn hóa thành trẻ nhỏ, thành rồng, thành đại-bàng, thành đoàn quân v.v... cũng hóa được.

3 — MANOMAYĀ IDDHI : Như ý thần-thông là thần-thông biến-thể của tâm, nghĩa là nếu hành-giả có ý muốn chú nguyện tâm cho thành hữu-sắc, có thể chú-nguyện thân thường tình cho trở thành lỗ trống, rồi chú-nguyện tâm cho thành thân khác xuất ra từ thân thường-tình giống như con rắn bò ra từ cái chai v.v... cũng được.

4 — NĀNAVIPPHÀRÀ IDDHI : Thần-thông rải ra từ A-LA-Hán-đạo-tuệ của chúng-sanh đã sanh trong kiếp chót, nghĩa là duyên lành của Bạc A-La-hán có ở trong tâm của chúng-sanh nào, cũng có thể ngăn-ngừa sanh-mạng chúng-sanh ấy, không cho tai hại do nhiều nhân khác, như Đức SANKICCA.

5 — SAMĀDHI VIPPHÀRÀ IDDHI : Thần-thông rải ra từ định của bậc nhập-định, có thể ngăn ngừa tai hại do nhiều nhân khác được. Như Đức Xá Lợi-Phất v.v. . .

6 — ARIYÀ IDDHI : Thần-thông chỉ sanh đặc biệt bậc Thánh-nhơn Ngài-đã đến trạng-thái thuần-thực trong tâm có thể rải tâm từ phạm trú (Metta Brahmavihāra) hoặc chú ý trong tâm rằng là nguyên-chất (dhātu) trong vật đáng nhờm gồm cho trở thành vật không đáng nhờm gồm được, bằng không, rải bất tịnh-tướng (Asubhasāṇṇā) hoặc chú-ý trong tâm rằng vô-thường trong vật không đáng nhờm gồm cho trở thành vật đáng nhờm gồm được.

7 — KAMMAVIPĀKAJÀ IDDHI : Thần-thông sanh từ nghiệp quả có thể làm cho bay bổng đi trên hư-không được, không cần có thiên nhập định gì cả, như tất cả loài có cánh tất cả chư-thiên, người trong sơ-kiếp (Pathama kappa), và một số chúng-sanh phải chịu sự đau khổ trong ác-đạo (VINIPĀTIKA).

8 — PUÑÑAVĀTO IDDHI : Thần-thông của người có phước có thể làm cho hành-trình theo hư-không v.v. . . như vua chuyển-luân Ngài chỉ dùng đôi giày bằng vàng, có thể bay trên hư không được luôn cả 4 hạng quân binh. Không thì như thần-thông của ông bá-hộ JOJIKÀ v.v. . .

9 — VIJĀMAYÀ IDDHI : Thần-thông thành-tựu từ pháp thuật, như thần-thông của người nâng đỡ pháp thuật. Chỉ là hóa phép có thể bay lên hư-không biểu-thị cáo thấy thành voi, thành ngựa, thành đoàn quân v.v. . .

10. — TATTHATAIHA SAMMĀPAYOGAPACCAYÀ IJJHARATTHENA IDDHI : Thần-thông thành-tựu bởi duyên đã thực-hiện tinh-tấn tốt, trong những công việc vẽ mỹ-thuật (SIPPAKAMA) và

về Y-đạo (VEJJAKAMA) mà người đã thực-hiện cố-gắng tốt bằng không, như người học ba Phệ-Đà, học Tam-Tạng hoặc thậm chí là học cây-bùa v.v... cũng có thể làm cho lợi ích được thành-tựu theo mọi người cả 10 thần-thông này, thần-thông mà người ám-chỉ trong cách thứ nhất của lục-thông chỉ dùng 3 thần-thông là :

- 1) Thần-thông chú-nguyện.
- 2) Thần-thông đòi phẩm-mạo.
- 3) Thần-thông như ý.

Các thần-thông ngoài ra Ngài không kể rằng : thông-tuệ (Abhiññā)

Thế thì trong cả 3 thần-thông này điều một thần-thông chú-nguyện, có nghĩa rằng hành-giả chỉ một mình có thể chú-nguyện cho thành nhiều người đến trăm người, ngàn người cũng được, hoặc nhiên người chú nguyện cho trở thành một người phải chú nguyện như thế nào ?

Trước nhất phải làm cho 4 pháp là cơ-sở (Bhùmi) của thần-thông Bốn chơn của thần-thông. 8 bước của thần-thông và 16 căn-nguyên (Mùla) của thần-thông, cho thành tựu trước đã, rồi mới chú nguyện bằng huệ sau, mới có thể thành-tựu thần-thông như ý nguyện được.

Bốn pháp cơ-sở của thần-thông là :

1) PATHAMAJJHÀNA : Sơ-thiền gọi rằng VIVEKAJABHÙMI tức là cơ-sở sanh từ thân vắng-lặng và tâm vắng-lặng.

2) DUTIYAJJHÀNA : Nhị-thiền gọi rằng PĪTISUKHABHÙMI nghĩa là cơ-sở có từ hỷ-mãn và an-lạc.

3) TATIYAJJHÀNA : Tam-thiền gọi rằng UPEKHÀSUKKABHÙMI là cơ-sở có từ xả và an lạc.

4) CATUTHAJJHÀNA : Tứ thiền gọi rằng ADUKKHAMA-SUKHABHÙMI nghĩa là cơ sở không có cả thọ khổ và thọ lạc.

Bốn pháp chơn của thần-thông là :

1) CIINDASAMÀDHI : Định có dục là chủ, nghĩa là định mà hành-giả tiến tu được do nhờ lấy dục làm lớn.

2) VIRIYASAMÀDHI : Định có tấn là chủ, nghĩa là định mà hành-giả tiến tu được bởi nhờ lấy tấn làm lớn.

3) CITTASAMÀDHI : Định có tâm là chủ, nghĩa là định mà hành-giả tiến tu được bởi lấy tâm làm lớn.

4) VIMAMSÀSAMÀDHI : Định có huệ là chủ, nghĩa là định mà hành-giả tiến tu được bởi nhờ lấy huệ làm lớn.

8 bước của thần-thông ấy Ngài chia thành từ cặp như thế này :

1 — 2 : Dục và định là một cặp

3 — 4 : Tấn và định là một cặp.

5 — 6 : Tâm và định là một cặp.

7 — 8 : Huệ và định là một cặp.

Gồm tất cả là 8 gọi là (bước của thần-thông).

16 căn-nguyên (Mùla) của thần-thông là :

1 — ANONATAM CITTAM : Tâm không cúi xuống do tư-đời biếng.

2 — ANUNNATAM CITTAM : Tâm không cao lên do phóng-tướng.

3 — ABHINATAM CITTAM : Tâm không khom xuống do luyến-ái (1),

4 — ANUPANATAMCITTAM Tâm không rời ra do hủy-hại

5 — ANISSITAM CITTAM : Tâm không nương ở do tà kiến

6 — APPATIVATTHAM CITTAM : Tâm không bó-buộc do dục-luyến (2).

(1), (2) Ràga và chandaràga : Là một loại phiền-não, nhưng phiền-não Ràga mỏng manh chỉ vừa dính ở trong cảnh-giới đã lại đến rồi bấy nhiêu thôi, còn phiền não chandaràga là thứ dày dặn có thể dính ở trong cảnh giới trong nơi xa được.

7 — VIPPAYUTTAM CITTAM : Tâm thoát khỏi dục-luyến.

8 — VISAMUTTAM CITTAM : Tâm thoát khỏi phiền não pháp (Sankilesadhamma) và đām-trước pháp (Yogadhamma).

9 — VIMARIYÀ DIKATAM CITTAM : Tâm mà hành-giả thực-hành không cho có chỗ đề ngăn tức là phiền-não dù chỉ chút ít.

10 — EKATTAGATAM CITTAM : Tâm đến trạng-thái chỉ một mình, nghĩa là tâm trú vững không loạn-động bởi phiền-não có nhiều trạng-thái khác nhau.

11 — SADDHÀYAPARIGGAHITAM CITTAM : Tâm mà hành-giả quản-thủ đức tin không vọng động bằng vô tín.

12 — VIRIYENAPARIGGAHITAM CITTAM : Tâm mà hành-giả quản-thủ bằng tinh-tấn không vọng động bằng lười biếng

13 — SATIYAPARIGGAHITAM CITTAM : Tâm mà hành-giả quản-thủ bằng trí nhớ không vọng động bằng sự dễ-duôi.

14 — SAMÀDHINÀPARIGGAHITAM CITTAM : Tâm mà hành-giả quản-thủ bằng định không vọng-động bằng phóng-dật.

15 — PAÑÑÀYAPARIGGAHITAM CITTAM : Tâm mà hành-giả quản-thủ bằng trí-tuệ không vọng-động bằng vô-minh.

16 — OBHÀSAGATAM CITTAM : Tâm đến trạng-thái sáng-suốt không vọng động bằng tối tăm.

Khi hành-giả đã làm cho pháp là cơ-sở (Bhùmi), là chơn, là bước, là căn-nguyên của tất cả thần-thông ấy cho thành-tựu đầy đủ rồi, đến khi nhập tứ-thiền, xả ra trở lại, nếu muốn chú-nguyện một mình cho thành trăm người, ngàn người, cần niệm rằng (Sataṃ homi satam homi : ta trở thành 100 người, ta trở thành 100 người), hoặc niệm rằng : (Sahassam homi sahassam homi : Ta trở thành 1.000 người, 1.000 người) như thế này rồi nhập tứ-thiền một lần nữa, xả trở ra lại, cần ADHITTHÀNA cho trở thành 100 hoặc 1.000 người do huệ chính là lục-thông

(ABHINĀNA) kể đó thân hình 100 người hoặc 1.000 người bèn sanh lên chung với tâm đã chú nguyện ấy.

Cách chú nguyện làm cho nhiều thân thể ít trở lại, làm những vật không che đậy cho che đậy mất, vật che đậy không cho che đậy, cái rõ rệt làm cho không rõ rệt, cái không rõ-rệt làm cho rõ rệt, đi xuyên qua tường, xuyên qua thành, xuyên qua núi không bị cản trở độn thổ, đi trên nước, mỗi mình đi trên hư không đang xếp bằng, đang nằm, đang ngồi, chú nguyện cho mặt trăng, mặt trời lại ở trong tầm tay rồi sờ rấm bằng tay, bay lên cõi trời hoặc cõi phạm thiên cả thân hình, chú nguyện chỗ xa cho gần, chỗ gần cho xa, làm luồng nước và luồng lửa cho tiến hành song song (1) v. v. . .

Cũng có cách tương đương với nhau chỉ khác nhau cách dùng KASINA mà thôi vậy.

Ngay cách nói rằng (bay đến cõi trời và cõi Phạm thiên cả thân được) ấy là bay bằng cách nào ? ngay điều này đáng cho nghi ngờ lắm ?

Ờ ! đáng nghi ngờ thật vậy, bởi trong thời này không từng thấy tận mắt, nhưng phải nói rằng đây chính là căn cơ trình độ của người có thần thông, lẽ thường người có thần thông có thể bay đi đến các phương nào và thân rõ rệt đến con mắt mỗi người thấy được cũng có, không rõ rệt đến con mắt của mọi người cũng có. Khi nào Ngài có ý muốn bay đi cả thân thể rõ rệt đến con mắt mọi người Ngài hướng tâm cho vào trong năng lực thân, cử tâm thiên đề trong thân, làm hành trình tâm có chậm chạp theo thân, rồi Ngài vào trú an lạc tướng (sukhasānā), tương hợp với xả và kình tướng (Lahusañña) thoát khỏi pháp chướng ngại và pháp nghịch (Paccanika) nhất là tư duy v. v. . . đã đồng sanh với tâm hợp với thần thông của Ngài, kể đó thân

(1) Cách ADHITTHANA làm luồng nước và luồng lửa cho tiến hành song song này chỉ đặc biệt Đức Phật làm được, không phù thông đến thỉnh văn khác.

của Ngài cũng nhẹ như bông gòn, rồi Ngài có thể bay đi được, như bông gòn mà gió cất lên, do nhập KÀSINA gió, bằng không Ngài nhập KASINA đất hiện thành con đường nơi hư không rồi ngự đi bằng hai chân cũng được. Khi nào Ngài có ý muốn bay đi cả thân nhưng không rõ rệt đến con mắt của mọi người ấy, Ngài hướng thân cho vào theo năng lực tâm, rồi thân dính đi trong tâm, làm cho thân có hành-trình mau theo tâm, rồi Ngài vào SUKHASANNÀ và LAHUSANNÀ đã đồng sanh với tâm hợp với thần thông, kể đó Ngài bèn có thể bay đi một cách mau theo hành-trình tâm không rõ rệt đến con mắt của mọi người đâu.

Sự đoán xét lại đây vẫn tất lắm không đủ đoạn diệt sự hoài nghi của người nhiều bằng sự nghi ngờ ấy được đâu, nhưng cũng có hy vọng đến con đường đã có rõ rệt kể từ đâu cho đến nơi cuối cùng này, chắc chắn không khỏi có người hành trình đi đến xứ trong nơi cuối cùng con đường ấy, hoặc nếu không được đến cũng gần vừa biết tỉ-tức rõ rệt lại được chẳng sai. Thế nếu không đi chỉ cứ nghi ngờ e không có xứ ở trong nơi cuối cùng đường ấy, thì sẽ ra sao? thần thông đã nói trong đoạn trên bao nhiêu, toàn là thần thông ADHITTHANA tất cả.

Thần - thông thứ hai VIKUBBANÀ.

Và thần-thông thứ ba MANOMAYÀ, trước khi chú-nguyện thần-thông cũng phải tập luyện tâm bằng cả 14 thể trạng làm cho pháp là BHÙMI của thần-thông v. v. . . cho thành tựu giống như trong thần-thông thứ nhất (Adhitthana) chỉ khác nhau cách chú nguyện thần-thông đó thôi, như thế thì phải chú nguyện như thế nào?

Trong thần-thông thứ hai VIKUBBANÀ nếu hành giả có ý muốn đổi phẩm-mạo thường tình cho trở thành trẻ nhỏ, thành rồng, thành đại bàng v. v. . . cần nhập tứ thiền như đã nói rồi, đến khi xả ra lại, phải niệm rằng (ta thành trẻ nhỏ, thành rồng, thành đại bàng v. v. . .) như thế vậy rồi nhập trở lại, đến khi xả ra một lần nữa, phải chú nguyện thần thông theo thể cách mà

mình mong muốn ấy, cũng sẽ được thành tựu như ý nguyện một cách chắc chắn.

Trong thân thông thứ ba MANOMAYÀ nếu hành giả có ý muốn chú nguyện tâm cho trở thành một thân khác với thân thường tình, cũng phải nhập tư thiền giống nhau, đến ra lại phải chú nguyện thân thường tình cho có lỗ trống rồi nghĩ tìm trong lỗ ấy, niệm theo cách đã nói rồi kể đó thân khác do biến thể của tâm cũng sanh lên giống như rắn bò ra từ cái chai v. v. ...

Cả ba thân thông như đã trình bày đây, Ngài khép về thông huệ thứ nhất gọi là (IDDHIVIDHAÑĀNA),

Giải-thích trong thông-tuệ thứ hai là huệ chất thiên nhĩ thông (DIBBASOTA DHĀTUÑĀNA),

Lẽ thường cái gì gọi là DIBBASOTA DHĀTUÑĀNA ?

Tuệ có thể làm cho nghe tiếng của chư-thiên và tiếng của mọi người được không dư sót, rõ rệt như thiên nhĩ gọi rằng huệ chất thiên-nhĩ

Thế nào là thiên-nhĩ chất ?

Nhĩ chất thần kinh của chư thiên sanh từ thanh hạnh nghiệp không lấm bởi mật óam và máu v. v. ... thoát khỏi hẳn vật bất tịnh có thể thấu nhận thính trần trong nơi xa được gọi là chất thiên nhĩ (DIBBASOTA DHĀTU).

Nếu chất nhĩ thần kinh của chư thiên sanh từ thanh-hạnh nghiệp (SUCARITAKAMMA). Vậy chất nhĩ thần kinh của hành-giả này cũng rõ rệt giống như chất nhĩ-thần-kinh ấy, vậy sanh từ đức tính gì ?

Huệ chất thiên-nhĩ của hành-giả này sanh từ thiện-tiến tu (KUSALA BHAVANĀ) mà Ngài đề cập bằng sức mạnh của sự tinh-tấn một cách vững-chắc.

Nếu như thế hành-giả phải làm cho ÑĀNASOTADHĀTU mà gọi rằng huệ chất thiên nhĩ sanh lên được với điều khoản như thế nào ?

Trước tiên phải nhập tứ-thiền là nơi trú của thông-tuệ (ABHIÑÑÀ) trước đã, đến khi xuất ra phải bắt đầu niệm định tâm (1), nghĩ trăm ngàn kiểm âm-thinh thô-hiền đến thần-kinh của lỗ tai là thông thường, nếu ở trong rừng có tiếng của sứt v.v... nếu ở trong chùa có tiếng chuông và tiếng trống v.v... phải nghĩ kiểm tiếng rất nhỏ xuống theo thứ-tự luôn đến tiếng tỳ-khưu, sa-di tụng niệm thường-tình, tiếng chim, tiếng gió, tiếng chân đi, tiếng nước sôi, tiếng lá thổi-nốt khô do gặp trời nắng và tiếng lao xao của kiến đen kiến vàng là nơi cuối cùng, phải chú-ý trong tâm về hiện-tượng tiếng khắp cả 10 hướng nhất là hướng đông v.v... kể từ tiếng thô-hiền luôn đến tiếng vi-tế như đã nói. Các tiếng này đừng nói đến sự niệm tâm định dù chỉ là tầm thường tình cũng rõ rệt đến được.

Nếu khi hành-giả đã chú-ý trong tâm về hiện-tượng tiếng mãi mãi như thế này. Kế đó, MANODVÀRAVAJJANA tâm bên nắm lấy các tiếng ấy một tiếng nào lại làm cảnh-giới với hy-vọng rằng (Thiên-nhĩ sẽ phát sanh bây giờ đây) rồi sanh lên đến MANODVÀRAVAJJANA tâm ấy tắt trở lại kế tiếp 4 hoặc 5 tốc-lực (Javana) cũng vụt đi theo thứ tự với nhau, tùy phải lẽ đến người có trí-tuệ già hoặc trí-tuệ non, trong các JAVANA ấy ba hoặc bốn JAVANA phía trước là hành-trình trong dục-giới có tên rằng niệm tốc-lực (PARIKAMMAJAVANA) v.v... Còn JAVANA thứ tư hoặc thứ năm phía sau cùng là tâm nhập định (Appanà-Citta) hợp với tứ-thiền, huệ sanh lên một lượt với tâm nhập định ấy chính là thiên-nhĩ chất, kế sau đó thiên-nhĩ chất cũng rơi vào đến cái vòng của nhĩ-thần-kinh, thiên-nhĩ huệ chất này hành-giả cần làm, cho phát sanh lên do điều khoản như thế này đây :

Kế tiếp hành-giả phải cố gắng tiến tu làm cho càng có sức mạnh lên theo thứ tự, bước tiến phải ấn định chỗ độ chừng một

(1) Tâm trú vững bằng phiến thời định (KHANIKASAMÀDHI) hành-trình do năng-lực của sự niệm PARIKAMMA hoặc UPACÀRA của huệ thiên nhĩ thông.

ngón tay, rồi nghĩ rằng (Ta sẽ nghe tiếng trong khoảng này) kể nửa phải ấn-định chỗ độ chừng 2 ngón tay, 4 ngón tay, 8 ngón tay, 1 gang 1 hắc (Hattha) ấn định lên mỗi lần một chút; luôn đến đầy cả sa-bà thế-giới hoặc phi thường hơn đó nữa.

Hành-giả đặc thiên nhĩ chất như thế này rồi có thể sẽ được nghe tiếng của người và tiếng của chư thiên trong không gian ấn định ấy được tất cả cho đến cõi Phạm thiên là nơi cuối cùng, dù các tiếng ấy thô hiển và vi-tế, ở trong nơi gần hoặc xa, ít hoặc nhiều ồn ào chung với nhau đến bao nhiêu cũng có thể ấn định biết một cách riêng biệt với nhau rằng (đây tiếng này, đây tiếng kia), không lẫn lộn nhau được.

Giải-thích trong ABHIÑÑÀ điều ba huệ tha tâm thông (CETOPARIYAÑĀNA).

Lẽ thường cái gì gọi rằng CETOPARIYAÑĀNA.

Huệ ấn định biết tâm của kẻ khác bằng tâm của mình gọi là huệ tha tâm thông.

Huệ tha tâm thông này hành-giả có thể làm cho phát sanh lên được bằng điều khoản như thế này?

Theo thật sự huệ tha tâm thông này được thành tựu từ thiên-nhân bởi có ấy bậc hành-giả có ý mong mỗi đặng làm cho phát sanh lên căn tiến tu rai ánh sáng của KASINA (1) rọi sáng soi thấy màu sắc máu nương ở trong tim của người khác bằng thiên-nhân rồi hy vọng tìm kiếm tâm là sau.

Tâm cũng có hình-sắc chăng? cho nên hành-giả mới có thể rọi ánh sáng xem thấy bằng thiên-nhân rồi tìm kiếm tâm (kẻ khác) được.

Không phải như thế đâu nhưng Ngài có thể ấn định biết được do thấy màu sắc máu nương ở trong tim bấy nhiêu thôi, bởi khi tâm vừa ý tiến hành máu có màu sắc đỏ rõ-rệt như trái

(1) Xem trong Abhiññà điều 5 phía sau

dừa chín, tâm trái ý tiến hành máu có màu sắc đen rõ-rệt như trái trám chín, tâm vô-ký tiến hành máu trong rõ-rệt như dầu mè bởi có ấy Ngài mới có thể ấn định biết được như thế này. Không phải chỉ bấy nhiêu thôi, Ngài có thể ấn định biết được luôn cả đến sắc bên ngoài nữa rằng (sắc này có vừa ý căn là nơi sanh, sắc này có trái ý căn là nơi sanh, sắc này có xã căn là nơi sanh) Huệ tha Tâm thông này hành giả có thể làm cho phát sanh lên bằng điều khéo như thế này đây.

Nếu khi hành-giả đã làm cho huệ tha tâm thông phát sanh lên như thế này rồi cần tiến tu làm cho càng có sức mạnh lên theo tuần tự luôn đến ấn định biết được về tâm hành-trình trong dục giới, tâm hành-trình trong sắc giới, tâm hành-trình trong vô sắc giới tất cả.

Dù cho không cần thấy màu sắc của máu nương ở trong tim ấy nữa. Vậy nếu hành-giả có ý muốn ấn định biết tâm của người khác trong cõi vô sắc, chứ Ngài thấy tim của ai? Nhìn xem về căn (INDRIYA) biến-thể của người vào?

Ngài không cần thấy về tim, không cần nhìn xem về INDRIYA biến thể có một người nào cả, đây chính là trình độ của người có thần-thông, lẽ thường người có thần-thông nếu khi nghĩ kiếm tâm trong một nơi nào cũng có thể biết tâm cả 16 phẩm-mạo.

Cả 16 phẩm-mạo của tâm ấy là:

1) SARÀGAM CITTAM : Tâm có luyến-ái, nói đến 8 tâm đi chung với tham.

2) VĪTARÀGAM CITTAM : Tâm xa lìa luyến-ái, nói đến thiện tâm và vô ký tâm hành-trình trong 4 cõi (Bhùmi),

3) SADOSAMCITTAM : Tâm có sân, nói đến 2 tâm trái ý.

4) VĪTADOSAM CITTAM : Tâm xa lìa sân, nói đến tâm thiện và tâm vô ký hành-trình trong 4 cõi (Bhùmi).

5) SAMOHAM CITTAM: Tâm có si, nói đến cả 2 tâm đi chung với hoài nghi và đi chung với phóng túng. Một cách nữa nói rằng cả 12 tâm bất thiện gọi là tâm hợp với si tất cả, bởi vì si sanh phổ thông trong tất cả tâm bất thiện.

6) VITAMOHAM CITTAM: Tâm xa lìa si, nói đến tâm ngoài 12 tâm bất thiện.

7) SAMKHITTAM CITTAM: Tâm rụi rề, nói đến tâm do hôn trầm đè nén.

8) VIKKHITTAM CITTAM: Tâm rời rạc, nói đến tâm do phóng túng đè nén.

9) MAHAGGATAMCITTAM: Tâm đến trạng thái là lớn, nói đến tâm hành trình trong sắc giới và tâm hành trình trong vô sắc giới.

10) AMAHAGGATAM CITTAM: Tâm không đến trạng-thái là lớn: nói đến tâm hành trình trong dục-giới.

11) SAUTTARAM CITTAM: Tâm có tâm khác cao thượng hơn, nói đến tất cả tâm hành trình trong tam-giới.

12) ANUTTARAM CITTAM: Tâm không có tâm khác cao thượng hơn, nói đến tâm xuất-thế-gian.

13) SAMAHITAM CITTAM: Tâm trú vững, nói đến tâm cận-định và tâm nhập định.

14) ASAMAHITAM CITTAM: Tâm không trú-vững, nói đến tâm không tới 2 bậc định,

15) VIMUTTAM CITTAM: Tâm giải-thoát nói đến tâm được giải thoát cả 5 cách (1).

16) AVIMUTTAM CITTAM: Tâm không giải-thoát, nói đến chưa tới cả 5 cách giải-thoát.

(1) Giải-thoát có 5 cách là,

a./ Vikkhambhana vimutti: Giải-thoát khỏi 5 pháp CÁI do đè nén được, nói đến cả bát định.

Hành-giả đặc huệ tha-tâm-thông này rồi bèn có thể nhận định biết tâm đủ mọi điều được như đã nói ấy, nhưng nếu hành-giả đó là phàm-nhơn nhận định biết tâm của Thánh-nhơn không được đâu, dù cho Thánh-nhơn giống nhau nhưng bậc thấp cũng không thể nhận biết tâm của Thánh-nhơn bậc cao hơn mình được,

Giải-thích trong ABHINNÀ điều 4. Huệ tức-mạng-thông (Pubbenivāsānussati ñāṇa).

Vậy nhớ thấy như thế nào? nhớ đến chừng nào.

Thân tâm được kể vào trong mỗi cõi có cấu sanh (Paṭisaṇḍhi) là gốc có tử-biệt (Cutī) là cuối cùng có thể trạng màu sắc tốt xấu như thế nào, thọ vui, khổ như thế nào, có tuổi thọ nhiều ít như thế nào, có sự nuôi mạng thế nào, có vật thực để dùng như thế nào, sanh trong loại sanh nào, hành trình nào, tâm-thức trú ở hạng nào, nơi ở của chúng-sanh nào, chúng sanh loại nào, có tên và họ ra sao, cũng nhớ thấy được tất cả, kể từ một kiếp, 2 kiếp luôn đến những kiếp sanh ở trong kiếp hoại (SAMVATTAKAPPA) và kiếp hành (VIVATTAKAPPA) vô-lượng kiếp phải làm cho huệ này phát sanh lên do điều kiện như thế nào.

Nếu hành-giả là cơ-sở (Ādikammika) đến khi sau giờ ngộ phải đi vào kiếm nơi thanh-vắng khỏi các trần-cảnh, rồi nhập 4 bậc thiền từ sơ thiền lên đến tứ-thiền, trở ra lại phải ngẫm-nghi kiểm sự việc mà mình làm qua trong ngày ấy kể từ khi ngồi là phía sau cùng trở lên theo thứ-tự cho đến công việc đã làm rồi trong buổi sáng sớm canh giữa, canh đầu, luôn đến sự việc đã

b./ Tadangavimutti : Giải-thoát khỏi thường tưởng v.v.,... do nhận định về chi là những nghịch pháp ấy, nói đến cả pháp quán-tưởng (Anupassanā).

c./ SAMucchedavimutti : Giải-thoát khỏi phiền-não dứt hẳn do chính mình, nói đến 4 đạo,

d./ Patipassaddhi vimutti : Giải-thoát khỏi phiền-não sanh lên trong nơi cuối cùng của phiền-não mà đạo diệt được xong rồi, nói đến 4 quả.

e./ Nissaraṇavimutti : Giải-thoát khỏi phiền-não do phải giữ ra nói đến Niết-Bàn.

làm rồi hết 1 ngày 1 đêm tất cả sự việc này đừng nói đến tâm niệm thiên-định, thậm-chí tâm thường-tình cũng rõ rệt đến được.

Nếu khi hành-giả ngẫm-nghĩ kiểm sự việc đã làm qua rồi như thế này nếu có sự việc nào không rõ rệt phải nhập tứ-thiền rồi xuất trở ra ngẫm-nghĩ kiểm thêm nữa, mãi đến rõ rệt lên được kế tiếp phải ngẫm-nghĩ kiểm sự việc đã làm qua rồi trong ngày thứ hai thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ 10, nửa tháng, một năm, 10 năm, 20 năm cho đến hồi cấu sanh (PATISANDHI) trong cõi này, rồi khai (PATISANDHI) trong cõi này ngẫm-nghĩ kiểm danh và sắc đã hành trình trong sát-na tử-biệt (Cutikkhana) trong cõi trước, phải ngẫm-nghĩ kiểm như thế này đừng nên buông bỏ trọng-trách mà thôi nghĩ nếu cái nào che ngăn không rõ-rệt phải siêng năng nhập tứ thiền cho đều đều đến khi trở ra phải ngẫm-nghĩ kiểm cái này mãi cho rõ-rệt lên được.

Tuệ nắm lấy sự ngồi là phía sau cùng, luôn đến cấu sanh trong cõi này lại làm thành cảnh giới ấy không gọi rằng : Huệ-túc-mạng-giác, nghĩa là có tên rằng huệ niệm thiên-định (PARIKAMMASAMÀDHINÀNA) mãi đến (Manodvārāvajjana citta — Vượt qua sự cấu sanh trong cõi này nắm lấy danh và sắc trong sát-na tử-biệt (Cutikkhana) trong cõi trước lại làm cảnh-giới rồi sanh lên 1 phiến-thời (Khana) diệt trở lại, kế sau 4 hoặc 5 tốc-lực (Javana) nắm lấy danh và sắc này như củ lại làm cảnh-giới rồi lướt đi sắp theo thứ-tự với nhau 3 hoặc 4 (Javana) phía trước là hành trình trong dục-giới có tên là niệm tốc-lực (Parikammajavana) v.v... như đã nói rồi javana thứ tự hoặc như nắm phía sau cùng là hành trình trong sắc giới tức là tâm nhập định hợp với tứ-thiền, huệ sanh lên chung vượt tâm nhập định ấy, mới được gọi rằng Huệ-túc-mạng thông (Pubbenivāsānussatināna) dù nhớ được phi-thường hơn đây theo thứ tự cho đến hoại kiếp, thành kiếp vô số kiếp cũng có cách thức giống như cách thức này vậy, bậc hành-giả phải làm cho huệ túc mạng-thông sanh lên bằng điều khoảng như thế này đây.

Người được nhớ kiếp trước như thế này có bao nhiêu nhóm những ai,

Người đắc túc-mạng-thông này có nhóm là :

- 1) Nhóm ngoại đạo (TĪTHIYÀ).
- 2) Nhóm Thinh-văn thường (Pakatisāvaka).
- 3) Nhóm 80 Đại-Thinh-Văn (Mahāsāvaka).
- 4) Nhóm 2 vị Tối-Thượng-Thinh-văn (Aggasāvaka).
- 5) Chư Phật Độc-giác (PaccekaBuddha),
- 7) Chư Phật Toàn-Giác (SabbāṇuBuddha),

Cả 6 nhóm này biết được bằng nhau phải không ? Bởi có sao ?

Không phải bằng nhau tất cả đâu bởi cả 6 nhóm này có Trí-tuệ và nguyện-vọng tu-niệm (Abhinīhāra) khác nhau.

GIẢI RẰNG.

— TĪTHIYÀ hoặc đạo-sĩ, có nhóm là chủ thuyết-nghiệp (Kammavādi)

Chủ-thuyết hành (Kiriya-vādi) người đắc huệ-túc mạng thông một cách nhiều nhất chừng 40 kiếp (Kappa) bởi nhóm này có trí-tuệ non do không nhận định về danh và sắc được.

Thinh-văn thường nhớ được 100 (Kappa) hoặc 1.000 (Kappa) bởi Ngài có trí-tuệ nhiều do ấn định về danh sắc được.

— Tám chục vị Đại-thinh-văn nhớ được 1 ức kiếp.

— Cả 2 vị Tối-thượng thinh-văn nhớ được 1 A-Tăng-kỳ (Asaṅkheyya) và 1 ức kiếp.

— Chư Phật Độc Giác nhớ được 2 A-Tăng-kỳ (Asaṅkheyya) và 1 ức kiếp, bởi nguyện vọng tu niệm Abhinīhāra của cả ba nhóm này chỉ chừng độ bấy nhiêu ấy.

Còn Đức Phật Toàn-Giác nhớ đến hết thời gian không ấn định được, bởi trí tuệ của Ngài không có cái gì ngăn cản được cả.

Sự khác biệt của tư-cách nhớ được về tức-mạng-thông của cả 6 nhóm này còn có nhiều nữa nhưng không đem lại giải-thích trong chỗ này cho đầy đủ được.

Giải-thích trong Abhiññā điều 5, huệ sash-tử thông (Sattānam Cutūpapātañāna).

Lẽ thường cái gì gọi là huệ biết sự sanh tử của chúng-sanh nói đến cái gì?

Huệ biết được về tử biệt (Cutī) và cấu sanh (Paṭisaṅgī) của tất cả chúng-sanh gọi là (Sattānamcutūpapātañāna) nói đến huệ thiên nhãn. Và cái gì gọi rằng huệ thiên-nhãn (Dibbacakkhūnāna)?

Huệ nhãn đã sanh từ tiến tu về thiện (Kusalabhāvanā), hành-giả đồ cập do năng-lực của sự tinh-tấn một cách vững-chắc có thể làm cho thành tựu sự việc về phía xem thấy CUTI và PATISAṅGHI của chúng-sanh được, hoặc có thể xem thấy sắc là trình độ của người và sắc là trình độ của chư-thiên được, dù cho sắc ấy thô-hiện ở trong nơi gần hoặc xa, trong nơi rỗng hoặc gần che đến bao nhiêu chẳng hạn cũng có thể xem thấy tất cả, rõ rệt như thiên nhãn sanh từ thanh-hạnh nghiệp (Sucarītakamma) của chư-thiên, mà không lấm bưng mặt đăm và máu v. v. . . thoát khỏi hẳn vật bất-tịch có thể thấy như cảnh-giới ở trong nơi xa được gọi rằng huệ-thiên-nhãn thông (Dibbacakkhūnāna).

Chúng-sanh hạng nào đắc thiên nhãn rồi có thể thấy cả CUTI và PATISAṅGHI của chúng-sanh được?

Người đắc thiên nhãn mà có thể thấy cả CUTI và PATISAṅGHI của chúng-sanh được chỉ đặc biệt cho Phật tử, tức là nhóm Thinh-văn đệ-tử Phật mà thôi. Còn những người ngoại đạo không thể thấy cả CUTI và PATISAṅGHI như thế ấy được đâu. Có kẻ chỉ thấy được CUTI, có kẻ chỉ thấy được PATISAṅGHI, bởi lẽ thấy được cả 2 cách chỉ là bậc có tri-kiến rất thanh-tịnh (Ditthivísuddhī), có lời truyền rằng :

Người nào chỉ thấy CUTI một cách, không thấy PATISANDHI nữa, người ấy sẽ chấp đoạn-kiến, bởi không thấy có chúng-sanh sanh nữa. Người nào chỉ thấy PATISANDHI một cách, không thấy CUTI nữa, người ấy sẽ chấp rằng tất cả chúng-sanh sanh lên rõ rệt toàn là chúng sanh mới (NAVASATTAPÀTUBHÀVASASSATADITTHI bởi không thấy có chúng sanh tử-biệt từ những cõi nào lại sanh.

Còn những Thinh-văn đệ-tử của Phật, các Ngài có thể thấy được 2 cách bởi Ngài có tri-kiến rất thanh tịnh thoát khỏi cả 2 loại tà kiến ấy.

Trình bày lại đây như là chỉ đặc biệt thinh-văn đệ-tử Phật mới có thể thấy cả CUTI và PATISANDHI của tất cả chúng-sanh được. Nếu thế chư-Phật không thể thấy được sao ?

Ồ ! Chỉ là Thinh-văn đệ-tử của Ngài cũng có thể thấy được rồi, đợi gì nói đến Phật, Ngài là bậc thượng-đỉnh trong thế-gian không có một ai sánh bằng, sở dĩ nói đây là chỉ cho thấy người có tri-kiến rất trong sạch đó thôi.

Vậy Ngài thấy CUTI và PATISANDHI ấy là thấy trong khi chúng-sanh tử-biệt, trong khi chúng-sanh cấu sanh phải không ?

Không phải như thế đâu, Ngài không thể thấy bằng thiên nhãn trong khi chúng-sanh CUTI và trong khi chúng-sanh PATISANDHI, Ngài có thể chỉ thấy được khi chúng-sanh gần CUTI và khi chúng sanh nắm lấy PATISANDHI xong rồi đó vậy, bởi tướng của thiên nhãn này có thể chỉ thấy được vật hữu sắc, nếu vô sắc cũng không thể thấy được đâu, nhưng nếu Ngài thấy chúng-sanh nào gần CUTI Ngài có thể biết được rằng : (chúng-sanh này sẽ CUTI bây giờ đây rồi đi sanh trong cõi này thọ lạc hoặc thọ khổ như thế này) Nếu thấy chúng sanh nào đã nắm lấy (PATISANDHI) xong rồi, dù thấp-thỏi hoặc cao-sang có màu sắc xinh đẹp hoặc xấu, có của cải giàu có hoặc nghèo khổ, Ngài cũng có thể biết được rằng (chúng sanh này có quả báo của pháp này, chúng-sanh này hưởng quả của nghiệp này).

Trong huệ thiên-nhân-thông tức là huệ thấy sự sanh sự tử của chúng-sanh này, có huệ làm phụ thuộc (PARIBHĀṆḌA) 2 điều là :

1 — ANĀGATAMSAÑĀNA : Huệ biết được trong phần vị - lai.

2 — YATHĀKAMMU PAGAÑĀNA : Huệ biết được chúng sanh phải vào sanh phải lẽ đến nghiệp.

Giải rằng : Ngay điều hành-giả rải ánh sáng của KASINA rọi chiếu sáng xem thấy chúng sanh đang thọ khổ một cách mãnh liệt trong địa-ngục, hoặc đang hưởng quả đầy đủ rất cao thượng trong cõi trời v.v... là sự của huệ thiên nhân, ngay điều hành-giả thấy chúng-sanh thực hành những trược hạnh hoặc thanh-hạnh trong kiếp hiện tại này rồi có thể biết được về phía vị-lai rằng " chúng-sanh thực hành nghiệp như thế này, đến rồi tan ngũ-uẩn sẽ đi sanh trong cõi này, cách như thế này. Chúng-sanh ấy thực hành nghiệp như thế ấy đến rồi tan ngũ uẩn sẽ đi sanh trong cõi ấy cách như thế ấy ". Như thế này gọi rằng ANĀGATAMSAÑĀNA ngay điều hành-giả thấy chúng-sanh đang thọ khổ trong địa-ngục hoặc hưởng quả đầy đủ trong cõi trời v.v... rồi chú-ý trong tâm rằng : Chúng-sanh sẽ dĩ lại chịu khổ hoặc thọ quả đầy đủ như thế này là bởi tạo nghiệp như thế nào ư ?

Kế đó huệ nắm lấy nghiệp mà chúng-sanh đã làm ấy lại làm thành cảnh-giới như thế này (bởi tạo những nghiệp này), rồi sanh lên, huệ biết được như thế này gọi rằng YATHĀKAMMUPAÑĀNA.

Huệ thiên-nhân-thông này hành-giả có thể tiến tu cho phát sanh lên được do điều khoản như thế nào ?

Nếu hành-giả là ĀDIKAMMIKA cần làm cho tứ-thiền thành nơi trú của thông tuệ (Abhiññā) có cả 8 Kasina là cảnh-giới cho thích đáng đến tư cách sanh lên của thiên nhân bằng 14 ĀKĀRA v.v... rồi dùng Kasina lửa, Kasina trắng và Kasina ánh

sáng cả 3 công án này (1) một công án nào lại dựa cho sát rồi cần tiến tu về Kasiṇa cảnh ấy cho thuần thục ở bậc cận định, đừng cho nhập định phát sanh lên trong Kasiṇa cảnh ấy sẽ trở thành nơi nương của căn bản thiền PĀDAKAJJHĀNA), không phải là nơi nương của sự niệm (PARIKAMMA). Bởi lẽ tất cả thông tuệ (Abhiññā) không thành tựu đến hành giả mà không hành PARIKAMMA ấy được đâu.

Bởi có ấy, hành giả phải tiến tu về Kasiṇa cảnh ấy ngăn chặn chỉ cho ở chứng bậc cận định mà thôi, rải ánh sáng cho càng có sức mạnh lên mỗi lần một chút, rồi ngấm xem về sắc đã trú ở trong khoảng đã chiếu ánh sáng đến ấy, nhưng nếu hành giả đang ngấm xem những sắc ấy rồi dịp tốt của sự niệm (Parikamma) lướt qua đi, ánh sáng cũng mất nữa. Cần phải nhập căn bản thiền (Pādakajjhāna) cho đều đều đến khi xuất ra phải rải ánh sáng cho càng có sức mạnh lên theo thứ tự luôn đến hành giả có thể nhập định cho ánh sáng phát sanh lên trong nơi nào, ánh sáng cũng rải đi trú ở trong nơi ấy, rồi ngồi ngấm xem về sắc trọn một ngày được.

Trong khi nào mà sắc thuộc loại che đậy không vào được trong vòng của mắt thịt, như sắc ở trong bụng, nương ở trong quả tim, nương ở phía dưới quả đất, bên kia núi, ngoài thành, ở trong sa-hà thế giới khác, tất cả sắc ấy cũng lại nằm trong vòng huệ nhãn của hành giả ấy, giống như rõ rệt đến nhục nhãn, khi ấy phải hiểu rằng "Thiên nhãn sanh lên rồi". Chính thiên nhãn ấy có thể thấy sắc được, tâm là phần trước không thể thấy sắc được. Nhưng thiên nhãn ấy là kẻ nghịch của phàm nhãn

Bởi có sao thiên nhãn ấy lại là kẻ nghịch của phàm nhãn ?

Bởi rằng nếu hành giả ADHICĀTHĀNA cho ánh sáng sanh lên trong những chỗ nào. Những chỗ ấy dù vượt qua địa cầu vượt qua biển, vượt qua núi, cũng có ánh sáng chiếu rọi chung nhau cả, và nếu hành giả nhìn xem thấy hình sắc dạ-xoa, hình

(1) Trong cả 3 Kasiṇa này, thì Kasiṇa ánh sáng cao quý hơn tất cả

sắc Ma-Da ở nước v. v. . . rất to tướng đáng sợ ở trong những chỗ ấy, sự sợ hãi chắc sẽ sanh lên, nếu như thế hành giả ấy có khi loạn tâm đến trạng thái điên do năng lực của thiền cũng có thể có, có ấy hành giả không nên dễ-duôi trong cách thức xem những sắc ấy, cần tiến tu về VIPASSANÀ tiếp theo.

Tuần tự sanh lên của thiên-nhân-thông ấy như thế này, đầu tiên tâm MANODVÀRAVAJJANA với lấy sắc như đã nói. Ấy lại làm thành cảnh giới cho sanh lên rồi diệt đi (liền đó) 4 hoặc 5 Javana nắm lấy sắc ấy như củ, lại làm thành cảnh giới cho sanh lên sắc theo thứ-tự nhau, như cách thức đã nói trong đoạn trước, tâm là phần đầu hành trình trong dục-giới còn có tư-duy và quán-sát, là tâm làm cho lớn thành-tựu lợi ích được (Atthasādhakacitta) phía sau cùng là tâm hành trình trong sắc giới hợp với tứ-thiền. Huệ phát sanh chung với tâm ATTHASĀDHAKA ấy Ngài gọi rằng huệ biết sự sanh sự diệt của chúng sanh (SATTĀNAMCUTUPAPĀTĀNĀNA) như thế này cũng được, hoặc gọi rằng huệ thiên-nhân (Dibbacakkhūñāna) như thế này cũng được.

Huệ thấy sự sanh sự diệt của chúng sanh hoặc huệ-thiên-nhân này hành giả có thể tiến tu cho phát sanh lên bằng điều khoản như thế này đây.

Lục-thông đã giải-thích theo thứ-tự chỉ có 5 cách nhưng Ngài đem hai huệ phụ thuộc của thiên-nhân thêm vào nữa và thông-huệ thứ sáu cũng có nói vắn-tắt.

Dứt lục-thông

Chúng tôi xin góp đôi ý vào về vấn đề thông tuệ, hoặc thần thông. Trong Phật giáo có huệ thông biểu đặc biệt, có thần thông phép lạ rất phi thường, như đoạn trước đã nói, cũng không riêng gì Phật giáo, mà các đạo khác cũng có và cũng đề cập đến khá nhiều, thiệt cũng có, giả cũng có, nhất là người đời ưa nghe ngóng tìm tòi, mong cho có các nhà tu hành có nhiều thần-thông phép lạ lắm, nhất là mong cho có ai hiểu được chuyện

kẻ khác khó hiểu được, đó cũng bởi cái tánh tò mò, hơn đó nữa còn có sự mong được lợi riêng cho mình là nhờ các vị ấy nói chuyện gia-sự cho mình thử xem ra sao. Một vị nào chỉ biết sơ sơ nói trúng một đôi chuyện thông thường mà phần đông đã khen rầm rầm. Nếu quả thật có một vị chơn tu nào đặc đạo, tối thiểu cũng đặc tứ thiên hay 8 thiên và gồm có thần thông nữa thì thôi quý vô cùng. Trong kinh ghi rõ hồi Phật còn có rất nhiều vị xuất gia tu có thần thông, số đệ tử của Phật có nhiều vị pháp thuật cao cường nhất là Đức Đại Mục-Kiền-Liên thần thông đệ nhất ngoài Đức Thế-Tôn ra chỉ có Đức Đại Mục-Kiền-Liên là ưu hạng về thần-thông, hầu hết các vị Tỳ-khưu Thánh-tăng nguyên trước kia các Ngài tu theo ngoại-đạo đã chăm lo về tham-thiền và luyện phép hoặc đề tâm chuyên nhất về một đề mục nào đã quen, các vị ấy tuy tu theo ngoại đạo nhưng toàn là bậc có chánh kiến mong gặp Phật, Pháp, Tăng, khi gặp rồi phần lớn là đặc đạo quả cao siêu, nhất là đặc quả A-La-Hán có lục thông, có 4 tuệ minh-triết.

Nhân của sự tu thiền-định thuộc về chỉ-tịnh đề-mục sẽ có kết quả thánh lại kèm thêm thần thông phép lạ.

Nhân của sự tu thiền quán thuộc về quán minh đề mục, hoặc minh sát-tuệ đề-mục sẽ có kết quả Thánh-diệt tận phiền não.

A-La-Hán có 3 bậc :

- 1) A-La-Hán diệt phiền não.
- 2) A-La-Hán diệt phiền não có lục thông.
- 3) A-La-Hán diệt phiền não, có lục thông, có 4 tuệ minh triết

Như đoạn 1 đã nói thì ta cũng đủ thấy rằng thần-thông phép lạ thật 1 pháp cao siêu và cũng là một pháp rất khó đạt được, thậm chí bậc Thánh mà cũng không có thần-thông chỉ diệt phiền-não hoàn toàn trong sạch khi mãn thọ chết kiếp chót là Niết-Bàn, còn trong khi tại tiền thì đi đâu cũng phải đi bộ thôi. Riêng thần-thông phép lạ thật thì nó rất có lợi trong sự hoằng pháp độ

sinh trong cõi đời này, sau khi Niết-Bàn rồi thì không còn ảnh hưởng gì cả, thế cho nên có càng tốt, nhưng nếu không có thì không sao cả, vẫn diệt tận diệt phiền-não tam nghiệp được hoàn toàn trong sạch lên ngôi Niết-Bàn vẫn không thua ai, chỉ có trong hiện tại các vị có thần thông bay hiện dễ dàng còn mình thì phải đi bộ, cũng do nhân mà ra cả nhân ưng tu cho mau, đặt hết tâm trí vào đề mục quán minh sát tuệ cho sớm diệt tận gốc rễ phiền-não, còn các vị kia khi gieo nhân thì chịu khó tham thiền ngày đêm không kể mệt mỏi đau lưng tức ngực gì cả, đến hồi kết quả có khác nhau như thế, người học Phật nên vô tư trên vấn đề, tùy ai có duyên hành hoặc chí tu và nghị lực tu như thế nào cũng tốt cả. Riêng về Thần-thông Phật dạy rất kỹ cách thức cho tu luyện như đoạn trước có nói đơn sơ, đó, tùy vậy Ngài không bắt buộc các hàng đệ tử phải nhất thiết có tu thần-thông bay nhất thiết không tu thần-thông, nhưng Ngài bảo phải tu cho đúng theo đường lối Giới định huệ để diệt trừ phiền-não, đắc đạo quả và khỏi vòng luân hồi sanh tử.

Dạy thì Ngài có dạy, bắt buộc thì Ngài không bắt buộc, nhưng có một đoạn Ngài cấm không cho đệ tử hóa pháp thần-thông cho người ta xem, nghĩa là Ngài cấm biểu diễn thần-thông, chứ Ngài không cấm tu luyện về thần-thông đâu.

Có câu chuyện liên hệ đến vấn đề này trong pháp cú kinh ghi như vậy,

Một hôm các quân lính của vua cùng nhau đi chài cá về cho quân lính ăn, bất ngờ chài dính 1 cục gỗ Chiên-Đàn, đó là cái mắt nằm ở dưới sông. Hằng lâu ngày do nước trôi lăn làm cho cục gỗ tròn như trái banh, có mùi thơm rất quý, đem về dâng cho vua, vị vua trông thấy và ngửi thấy thơm bèn nghĩ rằng ta cho tiện làm thành một cái bình bát bằng trầm-hương và ta sẽ cột 60 cây tre bề cao ta tôn trí cái bình bát ở trên đầu cây tre đó, rồi rao truyền ai là bậc A-La-Hán thật thì cứ bay lên lấy được cái bát xuống đây cho Trầm thấy, từ đó Trầm và tất cả trong thân

tộc cùng các quan quân nào hữu duyên cũng khuyến khích quy-y làm đệ tử vị ấy, bởi vì chính đó mới thật là bậc A-La-Hán. Còn xưa nay ai cũng tự xưng hoặc do kẻ khác xưng tụng rằng chính họ hoặc thầy của họ là bậc A-La-Hán song chẳng biết ai thiệt ai giả. Khi nghe tin rao truyền của vua các thầy trò ngoại đạo vốn xưa nay hay khoe-khoang rằng mình đắc A-La-Hán v.v... bèn bố cáo cho mọi người hay rằng thầy của chúng tôi sẽ lập đàn tràng cúng lễ 7 ngày đêm xong sẽ bay lên lấy cái bát Chiên-đàn, đến ngày thứ 7 ai nấy đồ xô đến xem thầy ngoại đạo hóa-phép lạ thần-thông bay lên lấy cái bát. Từ sáng đến trưa dân chúng quá đông xúm lại trông chờ mãi mà không thấy thầy hoặc trò ai bay lên cả thầy bệ ông thầy tuyên bố và tỏ ra xăm-rám muốn nhún nhún làm như dợm bay lên thì các đệ-tử chạy lại nắm y-phục kéo lại và nói rằng thưa thầy chúng đệ tử xin can, thầy đừng bay như vậy làm nhẹ thè của thầy đi, một mặt khác cho người tai mắt đến ngoại giao với vua rằng : xin đại vương đừng để thầy tôi bay lên lấy như thế làm cho Đại-vương mất phước đi, bởi vì thầy của chúng tôi là người đắc A-La-Hán đạo cao đức trọng không nên để cho người phải khổ nhọc bay lên lấy cái bát bằng gỗ như vậy không nên, Vua không nghe lời, nhất quyết phải làm như vậy mới biết ai là A-La-Hán thiệt, ai giả.

Trong ngày ấy hai vị đệ-tử giỏi về thần-thông của Đức Phật là Đại Đức Mục-Kiền-Liên và Đức LAKKHANA cùng đi trì-bình khát-thực ngang qua gần đó, tất cả vua quan dân chúng trong chờ để xem từ sáng sớm, hầu như không còn tin rằng thầy trò của mấy thầy ngoại đạo bay được cho nên đồ xô về 2 vị, có người nói à đây rồi không chừng 2 ông học trò của Sa-môn Cồ-Đàm sẽ có thần-thông bay lên lấy bình bát trăm hương và sẽ thắng cuộc chẳng sai, sau khi đi trì-bình khát thực vừa đủ, 2 vị vào nơi cụm rừng có bóng mát gần 1 quả núi đồi nhỏ, không xa nơi hội chúng. Sau khi cả 2 vị thọ thực xong bèn hỏi nhau ai lên lấy Đức Đại Mục-Kiền-Liên bảo sư lên lấy đi, thế là Đức LAKKHANA bay liệng 3 vòng trên đám đông rồi bay lên lấy cái bình bát xuống ai nấy

đều thấy rõ, sau đem lại dâng cho Ngài Đại Mục-Kiền-Liên xem, kể đó Đức Đại Mục-Kiền-Liên dùng thần-thông kẹp một viên đá to bằng cái nhà bay lên trên đám đông người, ai có chánh-kiến và tâm đạo lành thì thấy đó như một cái gì đẹp và vui mắt lắm, còn thấy trò nhóm ngoại đạo vì tâm không lành và giả dối cho nên vô cùng hoảng sợ mạnh thầy thầy rúc xuống bàn thờ mà trốn mạnh trò chen lấn làm cho đổ cả bàn ghế và đồ thờ. Đức Đại Mục-Kiền-Liên từ bi tội nghiệp đem tảng đá bỏ lại chỗ cũ khi về tới chùa tường thuật sự đó cho huynh-đệ nghe còn thấy trò ngoại đạo một phen hết vía mất hồn. nhưng họ chưa chịu thua đâu, sau đó họ cho tín đồ loan ra một lời rằng.

Sá gì một cái bình bát gỗ, mà các thầy Tỳ-khưu đệ tử của thầy Cồ-đàm lại đem thần-thông phép lạ ra biểu diễn cho thiên hạ coi chơi thật là nhẹ thể và quá tham-vọng v.v... thấu tai đến Đức Thế-Tôn Ngài bèn gọi 2 vị Tỳ-khưu đó lại hỏi có đúng là bay lên lấy bình-bát và biểu diễn cho phần đông xem phải không? Dạ có!

Phật ra lệnh cấm không cho tỳ-khưu biểu-diễn thần-thông cho mọi người xem.

Nhóm ngoại-đạo sau khi nghe tin Phật cấm không cho chư-Tăng hóa phép lạ thần-thông, thì họ bàn tính với nhau rằng: Các Sa-môn đệ-tử của Sa-môn Cồ-Đàm họ trung-thành với thầy họ lắm, hễ ông ấy cấm như thế nào là tất cả nghe theo răm-rắp không một ai dám sai phạm cả, đây là một dịp tốt, chúng mới đánh trống khua chuông rao truyền cho ai nấy đều biết thầy của họ sẽ hóa phép lạ thần thông cho mọi người xem.

Làm cho Đức vua Tần-Bà-Sa lấy làm lo, bèn vào chùa lễ Phật tỏ nỗi lo-lắng của mình rằng: Kính bạch Đức Thế-Tôn sau khi nghe tin Ngài cấm chư-Tăng không cho biểu-diễn thần-thông phép lạ, thì ngoại đạo tuyên-bố rằng, như thế chư-tăng không dám làm sai phạm lời cấm của Ngài, còn phía họ chỉ cần hóa-liện một phép gì sơ sơ thế là họ đã ăn đứt ta rồi, ấy thế là cơ hội rất tốt cho họ vậy, vì lẽ ấy khiến đệ-tử phát lo cho sự suy tàn của đạo Phật

Tâu Đại-vương khỏi lo, như Đại-vương vào thăm chơi trong vườn thượng-uyển thấy có cây xoài ăn rất thơm, Đại-vương ra lệnh cấm không ai được hái ăn, nhưng nếu Đại-vương muốn hái ăn có được không ?

Kính bạch Đức Thế-Tôn được chứ !

Như Lai cũng vậy, cấm chur đệ-tử chứ đâu có cấm Như-Lai, gần đây Như-Lai sẽ hóa phép lạ thần-thông, vua rất lấy làm an-tâm ra về tin này được chính vua Tần-Bà-Sa loan ra cho dân chúng biết thầy trò ngoại-đạo nghe được tin này họ rất sốt ruột lo lắng không biết học trò mà ta chịu không nổi đến phiên thầy Cồ-Đàm hóa phép thì thầy trò ta đối phó cách nào đây ? Thế là họ âm mưu phá hoại cho người dò hỏi Phật sẽ hóa phép tại đâu Ngài phán rằng Như-Lai sẽ hóa phép trên ngọn cây xoài, họ tin rằng Phật không khi nào nói dối, tất cả thầy trò đi tìm bất cứ ở đâu có cây xoài dù cây con họ cũng cho đốn phá hết, thậm-chí bao nhiêu vườn xoài của đồng bào đều xin mua làm củi hết. Tưởng là như thế là Đức Phật không có nơi để hóa phép, vì Ngài đã tỏ cho biết là sẽ hóa phép trên ngọn cây xoài rồi.

Một hôm Ngài cùng Đức A-Nan-Đa theo hầu, ngự đi trì-bình khát thực trong buổi sáng có một kẻ giữ vườn cho nhà vua, lúc ấy đã quá mùa xoài nhưng lại có lầy quạ đánh hơi nơi một nhánh xoài có ổ kiến, nghĩa là kiến kéo tất cả lá xoài gần đó làm thành một cái ổ thật to, dẫu 1 trái xoài ở trong đó, trái xoài ấy đã chín bay mùi thơm khiến cho các con quạ bu lại kêu la inh-ỏi khiến cho người giữ vườn phải trèo lên xem quả thật thấy một trái xoài trái mùa rất to, to lắm, to khác thường hơn mọi trái trong cả mùa xoài vừa qua, người ấy nghĩ rằng ta đem hiến nạp cho đức vua trái xoài trái mùa đặc biệt này chắc Ngài sẽ ban thưởng cho ta lợi lộc, rất kính cầu rửa sạch để vào một cái đĩa quý đặt vào lên cái mâm và đội lên đầu đi dâng vua, khi vừa ra khỏi nhà lại gặp Phật ngự đi trì-bình khát-thực người ấy lại nghĩ rằng : dù ta có dâng cho vua trái xoài này cũng chỉ được hưởng lợi-lộc thế-gian mà thôi chi bằng ta đem dâng cho Phật sẽ được lợi-lộc

Xuất-thế-gian, hơn nữa lợi lộc thế gian ta chỉ ăn hưởng một thời gian ngắn thôi, còn lợi lộc Xuất thế-gian ta được hưởng rất nhiều đời, thế là đem ngay đến bát cúng Phật. Đức Thế-Tôn ngự đi một đôi đến chỗ thanh vắng, Ngài nhả ý cần độ trái xoài ấy, Đức A-Nan-Đa rõ biết ý muốn bèn trái tọa cụ và dâng xoài cho Đức Phật độ, khi độ xong bảo A-Nan-Đa vùi cái hột xoài ở chỗ dấu chơn và lấp đất lại, khi độ xong Ngài rửa tay tưới nước cho hột xoài đó cây xoài mọc lên xanh tốt tức thì, chốc lát thì có hoa, có trái, Đức Phật và A-Nan-Đa ngự đi khát thực và tuyên bố cho ai nấy ở trong 7 châu thành lớn biết Ngài sẽ hóa phép lạ thần thông trong nội nhật hôm nay, chư Tăng 500 vị đi trì bình khát thực đến đó thấy cây xoài của Phật trồng có trái chín nhiều quá cho hái ăn no nê mà cây xoài không hết trái, thế là đồng bào ai đi ngang qua cũng được hái ăn cả, cho nên ai cũng ủng hộ cây xoài đó, khi Ngài thọ thực xong liền hóa một con đường rực rỡ sáng chói từ đông sang tây, rồi hóa một vị Phật y hội Ngài, cứ một vị đi kinh hành thì một vị ngồi thuyết pháp cho dân chúng nghe cuối cùng là 2 vị Phật vấn đáp đạo lý làm cho tứ chúng nghe vô cùng hoan hỷ, khiến cho trong chúng hội ấy ai là người Chánh kiến và duyên lành đầy đủ thì đắc đạo quả ngay, còn ai sơ cơ thì đều ngưng mộ quy y Tam Bảo và tinh tấn tu hành, ngoại trừ một số rất ít kẻ theo ngoại đạo họ cố chấp theo tà kiến khó lãnh hội được.

Sau khi xong thời pháp chúng sanh đắc đạo quả vô số kể, xong rồi Ngài dùng phép thần thông bước có mấy bước là lên tới cung trời Đao Lợi làm cho ai nấy xem thấy rõ bằng con mắt thường họ rất vui và rất quý trọng Đức Phật, cũng trong ngày ấy là ngày Ngài bay lên an-cư kiết-hạ tại cung trời đặng thuyết pháp về Vi-Diệu-Tạng đề độ cho Phật-mẫu, sau khi sinh ngài ra 7 ngày là hết tuổi thọ được sanh lên trên cung trời Đâu-Suất-Đà.

Đức Phật cân-phân thấy rằng ơn-đức của mẹ nhiều hơn so với 1 tạng kinh hoặc một tạng luật, nhưng lại vừa với 1 tạng Luận do đó Ngài đem tạng Vi-Diệu lên cung trời Đao-Lợi thuyết đề báo hiếu cho mẹ, bởi trong 2 công ơn thì ơn mẹ nặng hơn ơn

của cha. Hơn đó nữa chư-thiên cũng là hạng chúng-sanh có phước to lớn, có trí-tuệ linh-hoạt cho nên thuyết Vi-Diệu Pháp cho chư thiên nghe cũng là điều phù hợp với kế-cơ, kế-lý hợp duyên hợp trình độ lắm, theo trong Vi-Diệu tạng có chỗ nói rằng Thế-Tôn thuyết Vi-Diệu pháp cho trời nghe mau lắm, có nghĩa là thuyết nhanh gấp 4 hoặc 5 lần ở dưới này (gần đây các nhà khoa học họ lên cung trăng họ cho biết khí trên đó nhẹ, tốc lực trên mau hơn ở đây gấp 3 hoặc 4 lần gì đó, làm cho chúng tôi rất tin thêm kinh Phật đã có nói).

Ba tháng độ cho mẹ đắc quả và chư thiên hữu duyên nào cũng đắc quả cả, trời Phạm-Thiên, trời Đế-Thích đều hầu Phật đưa Ngài trở về Thế-gian chư-thiên hóa 1 con đường có 3 phần giữa là ngọc, một bên là vàng, một bên là bạc, thỉnh Phật đi giữa con đường ngọc, từ cung trời Đao-Lợi xuống có Phạm-thiên che lọng, Đế-Thích bưng bình bát, chư-thiên rải hoa cúng dường, Càn-Thác-Bà trời nhạc trời hầu đưa Phật.

Riêng Ngài thì Ngài phóng 6 màu hào-quang rực-rỡ ai được xem thấy đều hân-hoan phấn-khởi. Thậm-chí thú dữ và thú hiền ngồi gần nhau không sao cả, thấy đức độ to, vinh dự lớn khiến cho chư-Tăng thiện-tín nguyện-hạnh Bồ-Tát để được thành Phật như Ngài vô số kể.

Pháp quán-minh (Minh-sát-tuệ) theo thứ-tự.

1) UPPATTIKÀMMA : Sự soát xét từ lúc cấu-sanh đến khi biết việc cho đến bây giờ có sự vui, khổ, phước, tội và sự thông minh phát sanh lên như thế nào ?

2) PAHÀNAKAMMÀ : Sự dứt bỏ, là kể từ khi biết việc cho đến nay đã dứt bỏ được 3 trực-hạnh do sự thấy và sự tiến tu như thế nào.

3) PATIPATIKAMMA : Sự thực hành, kể từ nhỏ cho đến bây giờ đã thực-hành pháp thanh-tịnh được như thế nào.

4) BHÙMIKAMMA : Sự biết tầng bậc của quán-minh, tức là ngũ-uẩn 12 sanh xứ, 18 chất, 22 căn, Tứ-đế, Thập-nhi-nhân-duyên

5) DESANĀKAMMĀ : Sự học Phật pháp thuyết trong 37 pháp trợ Bồ-Đề tức là Tứ-Niệm-Xứ, Tứ-chánh-Cần, Tứ-Thần-Túc Ngũ-căn, Ngũ-Lực, Thất-Giác-Chi, Bát Chánh-Đạo.

(SADDHAMMA PAKĀSINĪ)

Giảng - giải

Điều 1 : Ta soát-xét từ hồi cấu sinh cho tới lúc niều biết là khi còn bé hoặc khi đã trưởng-thành được nghe cha mẹ, anh chị, bà nội bà ngoại kể lại cho ta nghe như thế nào , đại-khải-ta vừa mới thụ thai vào bụng mẹ khiến cho cha mẹ làm ăn khá, khi sinh ra thì gia-đình phát đạt như thế nào v.v... còn bé mà đã có nhiều sự thông-minh khiến cho cha mẹ, ông bà ai cũng tấm-tắc khen bé ngoan hoặc bé con mà có đạo tâm v.v... Bằng không thì ngược lại trong cả hai chiều này ta cũng nên kiểm-soát lại để tinh-lấn tu hoặc cố gắng tu, nghĩa là nếu ta được nhiều phước lành sự vui hạnh-phúc và trí-tuệ thông-minh thì ta nên tinh-tấn tu thêm, lập công bồi đức thêm. Còn kém phần phước đức như sinh ta ra bị đói thiếu, cô quạnh, kém trí v.v... thì ta cần phải cố gắng thật nhiều trên bước đường lập thân hành-đạo cho mau trở nên người thông minh đặc đạo.

Điều 2 : Bắt đầu từ khi ta biết điều cho đến nay đã dứt bỏ 3 trước-hạnh như thế nào ? có dứt trừ sự sát-sanh, trộm-cắp, tà-dâm do nơi thân, có dứt trừ sự nói dối, nói độc-ác, nói đâm-thọc, nói vô-ích do nơi khẩu không ? có dứt trừ sự tham-lam dục của người về phần mình không ? có dứt trừ sự hủy-hại kẻ khác không ? có dứt trừ sự lấn hiếp hoặc làm khổ kẻ khác không ? Trong Phật-Giáo rất chú trọng sự dứt bỏ thân, khẩu, ý trước-hạnh và thực tu thực hành thân khẩu ý thanh-hạnh do năng-lực của sự thấy (DASSANA) và sự tiến tu (BHĀVANĀ).

Điều 3 : Sự thực-hành, ta nên quán xét từ nhỏ cho đến nay đã thực hành theo các pháp thanh-tịnh hay chưa ? một ý niệm nào có tánh cách dang xa khỏi ác pháp đều được gọi là thanh-tịnh cả.

Nhưng dựa theo trong bộ kinh VISUDDHI MAGGA có nói 7 pháp thanh-tịnh là :

- 1) SÌLA VISUDDHI : Giới thanh-tịnh.
- 2) CITTA VISUDDHI : Tâm thanh-tịnh.
- 3) DITTHI VISUDDHI : Kiến thanh-tịnh.
- 4) KANKHÀ VITARAṆA VISUDDHI : Diệt nghi thanh-tịnh.
- 5) MAGGAMAGGA NĀṆADASSANA VISUDDHI Huệ kiến đạo và phi đạo thanh-tịnh.
- 6) PATIPADĀ NĀṆA DASSANA VISUDDHI : Thực hành huệ kiến thanh-tịnh.
- 7) NĀṆA DASSANA VISUDDHI : Huệ-kiến thanh-tịnh.

Giải - giảng

— Giới thanh-tịnh không phải đợi giữ giới-cho thật lâu hằng nhiều năm khi đó mới có được một sự giới thanh-tịnh đâu, nghĩa là trước mỗi thời thiền khi ta bắt đầu vào tọa thiền thì ta nhớ đến ngũ giới từ sáng sớm đến bây giờ ta có sát con gì không? có trộm vật gì không? có tà dâm không? có nói dối không và có uống rượu không? Nếu không thì tự biết rằng giới của mình đã được thanh-tịnh, đó là nói về giới dành cho tại gia, còn giới dành cho các bậc xuất gia, Tỳ-khưu, sa-di thì cũng phải kiểm điểm coi Sa-di giới và Tỳ-khưu cụ túc giới của mình có trong sạch hay không? Nếu có thì coi đó như là một nền tảng tốt cho thiền định phát sanh.

— Tâm thanh-tịnh, ám chỉ đến 8 bậc thiền tức là thiền hữu sắc có 4 sơ-thiền, nhị-thiền, tam-thiền, tứ-thiền. Và bốn thiền vô sắc là : Không vô biên xứ thiền, thức vô biên xứ thiền vô sở hữu xứ thiền, phi tưởng phi, phi tưởng xứ thiền, dù chưa đắc 1 trong 8 bậc thiền ấy đi chăng nữa, miên là chuyên cần hành đạo tham thiền ngày đêm cần có các thứ hỷ-mãn cũng có thể làm cho tâm thanh-tịnh được một phần nào rồi.

— Kiến-thanh-tịnh, ám chỉ trí tuệ quán xét chân lý cho thấy rõ danh và sắc đều là vô thường, khổ não, vô ngã khi nói rộng thì có 5 là sắc-uẩn, thọ-uẩn tướng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn nhưng nói gom lại cho gọn thì chỉ có 2 là DANH (thọ, tướng, hành, thức) và sắc tức là sắc uẩn, cái tri-kiến hoặc sự hiểu thấy của ta khi rõ được 3 tướng của vũ-trụ rồi, thì sẽ được sáng suốt trong sạch. Từ sự tanh-tịnh này trở đi nó sẽ thuộc về VIPASSANÀ cả.

— Diệt nghi thanh-tịnh, ám chỉ dùng trí tuệ quán thấy danh pháp và sắc pháp có nhân và duyên của nó, cho nên không còn nghi ngờ gì cả, nhân có 4 điều là : Vô-minh, ái-dục, cố-chấp và nghiệp. Duyên có nhiều thứ nhưng nhất là có vật thực. Khi hành-giả thấy nhân và duyên như thế rồi thì cái thuyết : thượng đế hoặc Phạm-thiên không còn có ý nghĩa chân lý gì nữa.

— Đạo và phi đạo huệ kiến thanh-tịnh, ám chỉ tâm của hành-giả, biết quán xét phân biệt các pháp như : ánh sáng, hỷ-mãn tịch-tịnh, tin-chắc, tinh-tấn, an vui huệ mạnh, nhớ mạnh, vô ký và ái dục vi tế. Cả 10 pháp trên kêu là cận hoặc tùy phiền não của minh sát tuệ vì các pháp ấy có nhiều nó sẽ sanh ngã mạn, tà kiến v.v... cho nên kêu nó là phi đạo.

Còn các pháp minh sát tuệ hay quán minh trí tuệ thấy sự sanh sự diệt của lành cho đến tuệ tùy thuận chân lý, mới chính là đạo mà ta phải hành vậy.

— Thực hành huệ kiến thanh-tịnh, ám chỉ 8 pháp VIPASSANÀ trí huệ thấy sự sanh sự diệt của hành cho đến huệ xả hành, tại sao pháp thanh tịnh trước cũng có dùng các pháp quán minh ấy và điều này cũng dùng lại và bỏ điều thứ 10 ANULOMA ? Sở dĩ pháp VIPASSANÀ trước thấy rõ 3 tướng vô thường khổ não vô ngã thêm nên không dùng pháp ANULOMA là vì pháp này liên hệ với Thánh-đạo, nghĩa là ai có duyên lành đầy đủ có thể đắc đạo quả mới đạt đến.

— Huệ kiến thanh tịnh, ám chỉ 4 thánh đạo tuệ là : Tu Đà Hườn Đạo tuệ, Tư Đà Hàm đạo tuệ, A Na Hàm Đạo Tuệ, A La Hán Đạo tuệ.

Điều 4 : Biết từng bậc của quán minh là pháp VIPASSANÀ (đã có nói đoạn sau), ngũ uẩn tức là sắc, thọ, tưởng hành, thức, 12 ÀYATANA tức là lục-căn, lục trần, lục thức, 22 căn là nhãn căn, nhĩ căn, tỉ căn, thiệt căn, thân căn, nữ căn, nam căn, mạng căn, ý căn, lạc căn, khổ căn, vừa ý căn, trái ý căn, xả căn, tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn, tri vị tri căn, (tu-đà-hườn-đạo), đương tri căn (từ tu đà-hườn quả đến A-La-Hán-Đạo), Thông-Tri-căn (A-La-Hán-Quả).

Tứ-Đế là khổ tập, diệt, đạo, thập nhị nhân duyên là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử, người tu phải quán xuôi rồi quán ngược (Anuloma-patiloma) thì mới được cái ý nghĩa to lớn của sự sanh và sự diệt trong chân lý thập-nhị nhân duyên sanh và thập-nhị-nhân-duyên diệt, thường thì chúng sanh không để ý biết đâu, đến khi có sự già đau chết và các sự buồn rầu (Soka) khóc than kè-lẽ (Parideva), sự khổ thân chông chất (Dukkha), sự trái ý (Domana-ssa), sự uất-ức (Pàvassa), chúng cứ kể tục phát-sanh, cho nên các vị tu mới tìm ra manh mối, nghĩa là quán xét cho thấy, ta đang gặp các điều thống-khổ quá nhiều và khó chấm dứt quá, suy luận quán xét thết rồi thấy rằng có già đau chết v.v... là nguyên do cái sanh, sanh do hữu (cõi) mà có v.v... do vô minh mà có, thế là phải tu cho đến mức độ khai minh, khi minh đã khai thì vô minh không còn, ấy là diệt vô minh, và vô minh, diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão tử diệt và các sự buồn rầu khóc than, khổ sở, trái ý, uất ức đều tiêu diệt, tức là hết khổ.

Nói thì nghe rất dễ, nhưng làm cho được đến chỗ diệt như thế thì rất khó song chơn lý nó phải như vậy đó ta không thể làm sao khác hơn thế cho nên khó thế mấy ta cũng phải cố gắng quán niệm thực hành đúng như vậy, mới mong giải thoát khỏi khổ đau mãi trong bánh xe sanh tử luân hồi.

Điều 5 : Sự học và thực hành cho đầy đủ theo trong 37 pháp trợ Bồ-Đề, là điều căn bản nhất bởi đó là đường lối chính của đạo Phật vậy đã có trình bày giải thích đầy đủ trong đoạn trước rồi.

Kể sau đây quý độc giả nếu cố gắng học và hành đi hành lại cả 10 pháp hoặc chỉ hành 8 pháp quán minh hoặc minh sát-tuệ (Vipasesanà) cho thật chu đáo vì có chính danh là tu tuệ quý vị thường khi tu giới tu-định, nhưng chưa tu tuệ cho chính thức, vậy nay nên cố gắng hành các pháp VIPASSANÀ ấy trước là đề được ít lắm cũng là gieo duyên nơi Niết-Bàn, nhưng sau nếu ai có cơ duyên đã chín mùi thì nhờ đó mà đắc nhập Niết-Bàn, bởi cái chìa khóa để mở cửa Niết Bàn xin nói thẳng rằng nếu không có VIPASSANÀ thì xin đừng hy vọng đạt đến Niết-Bàn làm gì cho thất vọng, nếu không giới không định mà có tuệ minh-sát này thì có thể đắc đặng quả Niết-Bàn, trái lại có giới có định mà không có tuệ thì khó đắc lắm, lúc Phật còn có nhiều vị chưa từng giữ giới tham-thiền nhập định lần nào cả, chỉ được nghe Phật thuyết pháp thì "Trực hạ thừa đường tiến thị bối trần hiệp giác" nghĩa là liền sau khi nghe pháp xong, đang phàm trở nên thánh giác-ngộ ngay. Điều này mới tưởng như chỉ có nhờ tuệ mà thôi, kỳ thật có giới và định ảnh hưởng liên-hệ từ vô-lượng kiếp, giống như có đèn (giới) có dầu tìm (định) sẵn rồi nhưng không có lửa (Huệ). Riêng chúng ta là hạng người cách Phật xa rồi chắc là thiếu cả 3 thứ. Vậy ta nên cố gắng tu cho giới cả 3 pháp là giới định tuệ, nhưt là tuệ minh-sát hoặc quán-minh cho nhiều.

PHÁP MINH - SÁT (VIPASSANÀ)

Người hành đạo khi đầu chú-ý đến SAMATHA KAMMAT-
ÀNA : Đề mục chỉ tịch về sau mới hướng đến.

VIPASSANÀ KAMMATTHANA : Đề-mục quán-minh cũng là
thiền thôi nhưng nằm vào hai giai đoạn, cũng ví như “ người mài
dao cho bén và người cạo tóc cho sạch ” Thiền chỉ-tịnh tu đều
đặc định tạm xem như mài dao bén.

Thiền quán-minh tạm xem như dùng dao ấy để cạo, tức là
cắt cho đứt phiền-não.

Trong các kinh ghi rõ pháp quán-minh có 10 điều như sau :

1 — SAMMASANA ÑÀNA : Tuệ-trực giác thấy hành là vô-
thường, khổ-não vô-ngã.

2 — UDAYABBAYA ÑÀNA : Tuệ-trực giác thấy hành sanh
và diệt.

3 — BHAṄGA ÑÀNA : Tuệ-trực giác thấy hành tan rã,

4 — BHAYA ÑÀNA : Tuệ-trực giác thấy đáng sợ hành,

5 — ÀDÌNAVA ÑÀNA : Tuệ-trực giác thấy tội của hành.

6 — NIBBIDÀÑÀNA : Tuệ-trực giác thấy đáng chán hành.

7 — MUṄCITUKÀMY ATÀÑÀNA : Tuệ-trực giác thấy muốn
đứt bỏ hành.

8 — PATISAṄKHÀÑÀNA : Tuệ-trực giác xét kỹ (phương
pháp giải thoát).

9 — SAṄKHÀRÙPEKKHÀ ÑÀNA : Tuệ-trực giác vô-ký
(đối với) hành.

10 — ANULOMA ÑÀNA : Tuệ-trực giác tùy-thuận (theo lý
tứ-diệu-đế).

GIẢNG - GIẢI

VIPASSANÀ là một lối tu rất minh-triết mà chỉ có Phật-giáo chủ trương tu như thế, do chính Kim khẩu của Đức Phật Thích-Ca thuyết dạy, do kinh nghiệm bản thân của chính Ngài đã tu theo đó mà đắc thành Chánh-Giác đạo quả Niết-Bàn, cho nên Ngài từ-Bí tế độ chịu khó quyết ra để dạy cho chư-thiên và nhưn loại ai là người hữu duyên có thể nắm lấy đề đến nơi cứu cách hết sanh già bệnh chết còn tất cả chúng sanh ngoài ra thì cứ lên cao xuống thấp trong tam giới luân hồi khổ đau này mãi mà thôi. Các pháp thuộc về tuệ VIPASSANÀ dành cho chúng ta tu hành thật-sự chỉ có 10 điều như đã có đoạn trước, nhưng trong bộ kinh VISUDDHI MAGGA có nói tới 16 tuệ tức là trước có hai điều thuộc về thiền Chỉ-tịnh đề mục.

1 — NÀMARÙPA PARICCHEDA ÑÀNA : Tuệ phân-tách danh-sắc. Ngay từ đầu ngồi vào niệm thiền " phồng à, xẹp à cũng đã phân biệt rõ với 1 ý niệm tàng ẩn trong tâm rằng sự phồng à, xẹp à thuộc về sắc, còn sự nhận biết là danh v.v. . .

2 — PACCAYA PARIGGAHA ÑÀNA : Sự nhận định nhân duyên 2 cái sắc và danh có thể làm duyên cho nhau.

Còn ở phía sau 10 điều trên còn có 4 điều nữa thuộc về pháp Thánh dành cho các bậc có duyên đắc quả Thánh là :

1) GOTRABHÙ ÑÀNA : Tuệ chuyển tánh, mà tuệ giác có khả năng buông bỏ phàm-chủng để níu lấy Thánh-chủng.

2) MAGGA ÑÀNA : Đạo-tuệ, tuệ giác này có khả năng cắt đứt phiền não.

3) PHALA ÑÀNA : Quả-tuệ, tuệ giác này hưởng quả trọn vẹn (nói chung là cả 4 quả).

4) PACCA VEKKHANA ÑÀNA : Tuệ xem xét lại, tuệ giác này sau khi có đạo-tuệ và quả-tuệ nhất là đạo-quả A-La-Hán còn phải kiểm soát lại xem còn phiền-não nào chưa diệt.

Đây giải về 10 pháp minh-sát chính-thức điều thứ nhất Samma sauva nāṇa huệ thấy ngũ-uẩn là vô-thường, khổ-não vô-ngã có thể không chuyên hành vì nó thuộc về SAMATHA thiền chỉ-tịnh hơn nữa khi ta chưa hành pháp minh-sát cũng gặp cảnh gì vô-thường, khổ-não vô-ngã, nhất là sự khổ-não thì ta thấy đã chận định rõ ít nhiều rồi. Còn điều thứ 10 ANULOMA NĀṆA lại thuộc về tuệ nối liền giữa phàm và Thánh, nghĩa là ai có duyên lành có thể đắc đạo quả được thì tuệ ấy mới đạt đến bằng không thì chỉ ngừng ở tuệ thứ 9 mà thôi, cho nên Ngài BUDDHA-GHOSA có dạy trong bộ Thanh-tịnh-Đạo là cho hành đi hành lại từ pháp thứ hai đến pháp thứ 9 là đủ.

Khi hành giả niệm SAMATHA và đến tuệ thấy hành là vô-thường khổ-não, vô-ngã bắt đầu có phát sanh các pháp như ánh-sáng v.v. . . thế là có 10 thứ cận phiền não của minh-sát-tuệ (Vipassanūpakilesa).

- 1) OBHĀSA : Ánh sáng sanh lên do tâm minh-sát sáng rực ra
- 2) PĪṬI : Hỉ-mãn cả 5 loại phát sanh từ tâm minh-sát phát sanh lên.
- 3) PASSADDHI : Tịch-tịnh phát sanh do minh-phát sanh do minh sát làm cho vắng lặng các sự rối-rắm nơi thân tâm.
- 4) ADDHIMOKKA : Đức tin mạnh nọp với tâm minh sát.
- 5) PAGGAHO : Khởi lên tinh tấn hợp với tâm minh sát, không nhu, không cương lắm.
- 6) SUKHAM : An lạc do minh sát rất đặc biệt cao quý.
- 7) NĀṆAM : Tuệ do minh sát rất sáng suốt.
- 8) UPATTHĀNAM : Trí nhớ hợp với tâm minh sát có thể ghi nhớ được công việc làm từ lâu xa.
- 9) UPEKKHĀ : Xả do minh sát phát sanh vô ký đối với hành và xả do ĀVAJJANA phát sanh trong ý môn vô ký trong các hữu vi.

10) NIKANTI : Mong muốn rất vi tế làm cho lưu luyến trong VIPASSANÀ. Cả 10 pháp, nhất là ánh sáng gọi là cận phiến não hay tùy phiến não bởi nhân sanh ngã chấp tà kiến quan niệm rằng ta đã đến đạo quả, là vật ô nhiễm của mình sát không cho tiến hóa thêm lên, làm cho ngưng trệ sự tinh tấn bấy nhiêu thôi.

Khi tùy-phiến-não sanh như thế này, trí tuệ của hành giả nhận định phán quyết hiểu rằng các pháp nhất là ánh sáng ấy là tùy-phiến-não đến minh sát chẳng phải con đường đạo quả. Minh sát tuệ hành trình theo con đường của minh sát do thứ-tự của tầng bậc minh sát (Vipassanà bhūmi) nhất là tuệ thấy sự sanh diệt cho đến tuệ tùy thuận chọn lý riêng biệt mới là đường lối đạo quả. Trí tuệ nhận định biết rằng các pháp minh sát là đường lối của đạo quả còn cận phiến não của minh sát là không phải đạo quả.

Cách thực-hành pháp minh-sát.

Sau khi hành giả đã đắc định ít lắm cũng ngồi mỗi lần tham thiền nhập định được cả giờ và đều đặn trong mỗi lần ngồi thì vị thầy sẽ chỉ cách cho hành qua minh sát vì trong pháp thiền cũng đã có nói hành giả khi có tứ thiền mới có một khả năng làm nền tảng vững chắc cho hành qua pháp minh sát để đi đến đạo quả Niết-Bàn. Tuy nói thế nhưng khi hành giả mới có định chưa được tứ thiền mà các thiền sư vẫn tạm cho tiến hành qua minh sát, tạm coi như ta mài dao có khả năng cạo được thì cạo thử xem, nếu không được thì mài nữa.

Trước nhất thầy thiền cho học câu pháp " UDAYABBAYA ÑANA " Tuệ trực-giác thấy sự sanh diệt của ngũ-uẩn. Kế đó bày cách cho niệm Phật tụng kinh và chú nguyện rằng :

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMÀSAMBU-
DDHASSA. (3 lần)

ITIPĪ SO BHAGAVÀ ARAHAM SAMMÀSAMBUDHO
VIJĀCARANA SAMPANNO SUGATO LOKAVIDÙ ANUTTARO

PURISADAMMASÀRATHI SATTHÀDEVAMANUSSÀNAM BUDDHO BHAGAVÀ.

SVÀKKHÀTO BHAGAVATÀ DHAMMO SANDITTHIKO AKÀLIKO EHIPASSIKO OPANAYIKO PACCATTAMVEDITABBÒVINÑÙHI.

SUPATIPANNO BHAGAVATO SÀVAKASAṄGHO UJUPATIPANNO BHAGAVATO SÀVAKASAṄGHO NÀYAPATIPANNO BHAGAVATO SÀVAKASAṄGHO

SÀMÌCIPATIPANNO BHAGAVATO SÀVAKASAṄGHO.

YADÌDAM CATTÀRI PURISAYUGÀNI ATTHAPURISAPUGGALÀ ESA BHAGAVATO SÀVAKASAṄGHO ÀHUNEYYO PÀHUNEYYO DAKKHINEYYO AÑJALIKARANÌYO ANUTTARAM PUNNAKKHETTAMLOKASSA.

“Nguyện nhờ ân đức trọn lành của Tam-Bảo chứng-minh cho ! xin nguyện phước Ba-La-Mật mà tôi đã tu từ vô-lượng kiếp, nhứt là trong kiếp này hãy thành tựu khiến cho pháp UDAYABBAYA nàna tuệ-trực-giác thấy sự sanh diệt của ngũ-uẩn phát sanh cho rõ-rệt”.

Lời phát nguyện vừa chấm dứt thì bắt đầu niệm đề-mục như thường, nghĩa là cứ niệm “ phồng à, xẹp à, ngồi à, đứng à ” như trước, cứ tinh tấn tu niệm không mấy chốc đã nhập định cả giờ như trước, đương nhiên hành giả phải tọa thiền lâu hơn, ví-dụ 1 thời ngồi 3 giờ, vào niệm 5, 10 phút gì đó là nhập định 1 giờ, thì giờ còn lại vẫn đang ngồi niệm, tốt, trạng-thái của tâm khi ấy mới đúng là như định phát huệ tức thì huệ sẽ phát sanh 1 cách trực-giác, tự đâu trong tâm sâu kín lắm mà làm cho ta rõ biết sự sanh sự diệt đối với hữu-vi pháp, nhứt là thân ngũ-uẩn này rất rõ. Liền đó còn một hoặc nhiều hiện tượng phát sanh lên đúng y như ý nghĩa của pháp ấy đề làm bằng chứng cụ-thể, khiến cho ai mà được rồi thì có thể nhớ 1 đời. Đại khái như thấy sóng biển to bằng cái nhà hoặc

to như quả núi tự nhiên vung lên cao rồi tan biến đi cứ như thế phát sanh cả chặp làm cho ta có một cảm giác bên trong cho rằng sự sanh lên rồi diệt đi của muôn loài vạn-vật, trong đó có thân tứ-đại này, ngũ-uẩn này.

Nguyện . . . pháp BHANG AÑANA : Tuệ-trực-giác thấy hành tan rã phát sanh cho rõ rệt, rồi cũng niệm như trước, sau khi định vừa dứt là phát huệ này tức là tự thấy sự rã tan của pháp hữu vi ám chỉ thân ngũ-uẩn rất rõ và sau đó sẽ có một hoặc nhiều hiện tượng pháp phát sanh lên đúng y như ý nghĩa của pháp đó. Đại khái như có thấy một đống lá cây khô đang cháy thật mạnh vừa thấy khói bay đi biến mất và lá cùng tro cũng bay theo tất cả, không mấy chốc thì cái đống lá kia nó tan tiêu mất cả, cũng như thân này cùng tất cả các vật ở đời đều cuối cùng nó cũng sẽ tan biến đi mất với cái định luật thành trụ hoại không.

Nguyện . . . pháp BHAYA ÑANA : Tuệ-trực-giác thấy đáng sợ đối với hữu-vi pháp, trong đó có thân ngũ-uẩn của ta. Và điều sau nguyện . . . pháp ÀDÌNAVA ÑANA : Tuệ-trực-giác thấy tội của hữu-vi pháp cũng hành trình y như vậy, nhưng trong 2 tuệ này hay phát sanh ấn chứng giống nhau. Đại khái như thấy tử thi sinh thú có dòi rúc rĩa nơi tử thi ấy, liền đó sau nó lại thấy dòi đục thân của mình chẳng hạn, có khi nghe mùi thúí đáng nhòm gớm lảm. Còn có nhiều hiện tượng rõ là tội của ngũ-uẩn đến đời có một vài người khiếp sợ năn-nỉ xin đừng cho hành cái pháp ấy nữa, vì sao mà thấy dễ sợ quá đi.

Nguyện . . . pháp NIBBIDÀ ÑANA : Tuệ-trực-giác thấy đáng chán thân ngũ-uẩn.

Nguyện . . . pháp MUÑCITUKAMYATÀ ÑANA : Tuệ-trực-giác muốn dứt bỏ ngũ-uẩn.

Cả hai tuệ trên thường hay phát sanh ấn-chứng giống nhau, đại khái có hiện-tượng cho thấy rõ cảnh địa-ngục, chúng sanh đói khổ như ngựa quỉ, nhứt là có hiện tượng bộ xương chẳng

hạn làm cho đương sự vừa phát sanh sự kinh cảm vừa có sự chán nản muốn dứt bỏ không còn ham thích. Đoạn này như Tăng trong thời kỳ Phật còn, có một nhóm ở thành VESALI đâm ra chán ghét thân này rồi tự tay hủy mình hoặc nhờ nhau giết dùm chết khá nhiều sau khi Phật ra thất Ngài thuyết về pháp Sô-Tức-Quan và dạy dứt bỏ có phương pháp mới thôi.

Nguyên ... pháp PATISANKHĀ NĀNA : Tuệ trực-giác xét kỹ phương pháp. Khi có tuệ này phát sanh thì hành giả không có sự sợ hãi như trước nữa.

Nguyên ... pháp SANKHĀRŪPEKKHĀNĀNA : Tuệ trực-giác vô-ký đối với hành, có nghĩa là không thương không ghét thân ngũ-uẩn này, trái lại tỏ ra sự lơ là thản nhiên thanh tịnh tự-tại, nếu ai có duyên cũng như có khả năng đắc đạo quả Thánh nhân thì đi suốt tuệ thứ 10 là ANULOMA NĀNA Tuệ tùy thuận theo chơn-lý, nối liền với GOTRABHŪ NĀNA Tuệ chuyển tánh, buông bỏ phạm năm bất Thánh. Còn nếu ai chưa đủ túc-duyên thì tạm ngưng ngang tuệ xā hành là tuệ thứ 9 Các vị Bồ-Tát chưa đến thời kỳ thành Phật cũng ngưng ở tuệ SANKHĀRŪPEKKHĀNĀNA các hành giả sau khi đã phát nguyện hành 8 pháp minh-sát từ số 2 đến số 9 như trong kinh VISUDDHI MAGGA đã nói, nhưng chưa đi luôn đến 4 tuệ sau, thì tâm nó cứ lợt-lạc lơ-là mà rất nhẹ nhàng thanh-tịnh, nhưng nó không tiến hũa như thế xin chớ chán nản, hãy cố gắng hành đi hành lại các pháp minh-sát ấy cho tới chết, kiếp nào duyên tu đầy đủ sẽ đắc đạo quả Niết-Bàn chẳng sai đâu.

ĐẠO QUẢ NIẾT - BẢN

Pháp bảo quý nhất và cứu-cánh nhất của chơn-ly là 9 pháp xuất-thế (NAVA LOKUTTARA DHAMMO).

Bốn đạo bậc quả một Niết-Bản.

Đạo do chữ Pàli là Magga dịch là con đường, phương-pháp, phương tiện, giết chết lần lần tiến tới lần lần.

Đây đặc biệt giải-thích ý nghĩa đạo con đường, đạo của nhà Phật đây nói đến Thánh-đạo.

Tu Đà-Hườn đạo —→ Tu-Bà-hườn quả.

Tư Đà-Hàm Đạo . . . Tư-Đà-Hàm-quả.

A-NA-Hàm đạo . . . A-Na-Hàm quả.

A-La-Hán Đạo . . . A-La-Hán-quả.

Chúng ta học đạo, hành đạo và đắc đạo. Bắt đầu từ khi khởi sự phát nguyện tu-hành đạo lý đơn sơ nào, miễn là điều lành, suốt đến ngày đắc đạo thì đắc quả liền không chờ ngày giờ (AKALIKO). Đạo quả đầu tiên SOTÀPANNA : nhập-lưu, là không còn ở nơi giòng phàm nữa, mà đã vào giòng Thánh rồi. Bởi vì bậc này tối đa 7 kiếp trở lại thế-gian này mà thôi, sau đó là đắc lên các quả trên và Niết-Bản sở-di còn lui tới thế gian này 7 kiếp là vì bậc thánh này mới cắt đứt được 3 sợi dây triền-phược là thân kiem, hoài-nghĩ, và chấp-sái về giới và pháp-hành (giới-cấm-thủ).

Bậc tu-đà-hườn chia làm 3 hạng là :

- 1) EKABIJÌ : nhất chủng nghĩa là 1 kiếp là đắc A-La-hán.
- 2) KOLAMKOLA : Từ gia-tộc này đến gia-tộc khác (6 kiếp).
- 3) SATTA PARAMA : Tròn hết là 7 kiếp.

Đạo quả thứ hai có nghĩa là nhứt lai tức là chỉ trở lại thế-gian này 1 lần mà thôi, bậc này mới làm nhẹ bớt hai sợi dây triền-phược là tình-dục (KÀMACCHANDA) và bất bình (BYÀPÀDA),

Đạo quả thứ ba có nghĩa là bất lai, tức là không trở lại cõi người này nữa, sau khi tu đắc đạo quả A-La-Hàm tại thế gian đến ngày xả thọ được sanh lên một trong 5 tầng trời ngũ-tịnh-cư-thiên (SUDDHÀVASA) tuần tự đắc A-La-Hán ngay trên đó và Niết-Bàn tại đó luôn. Bậc này tận diệt KÀMACCHANDA và BYÀPÀDA. Hơi nhẹ 5 dây triền-phược trên.

Đạo quả thứ tư có nghĩa là vô sanh, tức là không còn sanh tử bất cứ ở đâu, khi mãn thọ là Niết-Bàn, bậc này diệt tận cả 5 dây triền-phược là: Sắc-luyến (Rùparàga), vô sắc luyến (Arùparàga) ngã-chấp (Màna) phóng tâm (Uddhacca), vô-minh (Avijjà),

Đạo là đường, là phương-pháp v.v. . .

Quả là trái, là kết quả v.v. . .

Khi hiểu được cái chân-lý diệt hết dây trói buộc tức là tham sân, si và các thứ phiền-não khác rồi thì đắc đạo quả khỏi cần nhờ ai điểm đạo hoặc điểm tinh-quang gì cả, mà tự nó sáng suốt Thánh-thiện siêu-phàm thoát-tục bởi lẽ dễ hiểu là phiền-não làm một thứ nhựa kết cấu ra nghiệp và có tâm-thức thì cứ sanh sanh tử tử, khi tu cho đến hết trọn- vẹn tất cả phiền-não rồi thì không do đâu mà kết nghiệp, khi nghiệp không còn có nữa và tâm-thức khi chết kiếp chót rồi là Niết-Bàn, không có nhân, không có duyên thì là nghiêm nhiên chẳng còn bị sanh già đau chết. Có thể nói đạo có cái chức-năng là diệt phiền-não và nghiệp chướng, còn quả là sự được thụ-hưởng tất cả những gì cao đẹp nhất, quý báu và Thánh-thiện nhất nơi xuất-thế-gian.

NIẾT BÀN (NIBBÀNA)

Sau khi đắc quả A-La-Hán rồi thì Niết-Bàn, nghĩa là tịch-diệt, dứt-tắc, hoàn toàn giải-thoát khỏi tất cả phiền não trong hiện tại kiếp chót gọi là đắc "Hữu-dư Niết-Bàn" (Saupàdisesa Nib-

bàna). Đến khi chết kiếp chót ấy thì gọi là đấng “ Vô-dư Niết Bàn ” (Anupàdisesa Nibbàna).

Niết-Bàn khó nói bằng ngôn-từ hoặc rất khó diễn-tả bằng văn-tự vì tất cả đều là hữu-vi pháp nhưng riêng Niết-Bàn là vô-vi-pháp do đó cho nên hệ diễn-đạt cho nghe được dễ hiểu thì nó thành ra hữu-hình vật chất đi rồi, nhưng chúng ta có thể hiểu được bằng sự ví-dụ tạm chữ cũng chẳng làm sao mà ví-dụ cho cụ thể được. Ví-dụ như vậy.

Chúng sanh có 2 thứ lửa bằng thiêu đốt là lửa phiền-não và lửa khổ.

Lửa phiền-não là nói đến tất cả tham, sân, si, vô-minh, ái-đục, ngã-mạn, tà kiến, cố chấp v.v. . .

Lửa khổ là do nghiệp chuyền mà chúng-sanh có xác thân này phải chịu sanh già bệnh chết và tất cả các thứ khổ khác bằng thiêu-đốt chúng-sanh phải nóng nảy khổ đau triền-miên vô số vô-lượng kiếp cứ lăn trôi ở trong những đồng lửa hừng ấy. Đúng với câu Phật dạy : “ Tam-giới như hỏa-trạch ” ba cõi này như cái nhà lửa, nhà lửa có nghĩa là cái nhà bị lửa cháy cả 4 bên và trên nóc, ta là người ngồi hoặc đang nằm say mê trong cái nhà lửa ấy, tức là Tam-giới ấy. Khi ra khỏi nhà lửa hoặc tắt cả đồng lửa khổ ấy rồi chắc hẳn được mát mẻ an-vui tuyệt đối.

Ngoài Phật-giáo Chánh-truyền không có Niết-Bàn hoặc không hiểu được cái lý Niết-Bàn, vì tất cả chúng-sanh từ vô số kiếp đã quen với cái tư tưởng hữu vi pháp, cái gì cũng phải có mới được có vợ, có chồng, có con, có cửa, có tất cả cái gì hiện có, nhưt là có là vui, bằng không thì cho đó là khổ, hoặc là buồn tẻ cô-quạnh không có chi là thú vị ở đời v.v. . . không ngờ có tất cả là tất cả khổ cũng có.

Hồi Phật ngự đi trì-bình khất-thực ngang qua một ông già Bà-La-Môn đang đi chăn bò ăn trên đám ruộng của ông ta, khi vui hứng ông ấy hát lên rằng : Ta có ruộng ta vui với ruộng, ta có bò ta vui với bò, ta có vợ ta vui với vợ, ta có con ta vui với

con. Đức Phật Thích Ca đáp rằng : Ta không có ruộng ta không khổ vì ruộng, ta không có bò ta không khổ vì bò, ta không có vợ ta không khổ vì vợ, ta không có con ta không khổ vì con. Chọn lý sắc tức thì không, không tức thì sắc hoặc chọn lý sanh rồi tử, tử rồi sanh là như thế, chớ phải chỉ sắc không, không sắc, cũng như sanh tử, tử sanh mà đừng kèm theo 1 chút gì đau khổ cả thì ai nói mà làm gì. Kệ nó cứ để cho nó mãi sanh tử mà coi chơi, nhưng chúng-sanh chịu không nổi cứ mỗi lần sanh và mỗi lần tử có kèm theo vô số nỗi khổ chỉ bằng đừng có chuyện sanh sanh tử tử khổ nữa, thì là không do đau mà có khổ. Cho nên nhà Phật nói Niết-Bàn an vui tuyệt đối, hoặc tối thượng lạc, bởi vì ở đây không có thân, lý do là hữu-thân hữu khổ. Ngay cả tâm cũng không phải còn cái tâm thường tình đầy cả tham, ngã, bỉ, thử đó đâu.

Trong kinh có so sánh rằng " Nghiệp cũ không còn nữa, nghiệp mới cũng chẳng tạo thêm, bậc Thánh như tịch diệt ví như ngọn đèn tắt vậy.

Khi hết dầu hết tim thì cũng như hết nhân hết duyên ấy là ngọn đèn tắt, nhưng lửa ở trong vũ-trụ này có tắt không, chắc chắn là không, tuy vậy cái hình bóng ngọn đèn không còn có nữa được, lý do là hết nhân hết duyên, cũng như chúng-sanh hết nghiệp hết phiền-não, ấy là nhân duyên không còn để sanh-tử nữa, tịch nhiên Niết-Bàn vậy.

PHỤ - BẢN

Hành-giả niệm thân niệm thọ niệm tâm niệm pháp cho đều không nên quá chú ý đặc biệt vào một pháp nào, hầu hết ai cũng qua niệm rằng sự niệm thân tức là niệm " phòng à, xẹp à, ngồi à, đứng à " là đề-mục chính, còn các đề-mục niệm về thọ như ngứa, tê, đau lưng v.v... niệm vô tâm như điều ác hoặc điều thiện mà ta phải niệm " suy-nghi à " hoặc niệm về pháp tức là khi đau hay có pháp ác, nhất là 5 pháp cái tình dục, bất-bình, hôn-trầm

phóng-tâm, hoài-nghi v.v... về sau lại hay có các pháp thiện phát sanh rõ-rệt, như đang ngồi tu niệm, thấy Đức Phật bay đến, thấy Chư-Tăng, thấy vòng hào-quang, thấy hoa-sen, thấy ngôi chùa v.v. ta đều phải niệm " thấy à v.v... "

Thường thì hay cho đó là đề-mục phụ. Ngay cả tôi trong lúc đầu mới tới Miến-Điện, được học hỏi với ngài MAHA SI. Ngài MAHA SI là một vị sư-tổ về thiền tứ-niệm-xứ và minh sát-tuệ, tại Miến-Điện, Ngài thuộc Tam-Tạng. Ở đó họ cho biết Ngài là 1 vị Thánh-Tăng.

Sau khi học qua lý-thuyết rồi, trước giờ vào thực hành Ngài bảo có nghi ngờ điều chi cứ hỏi. Tôi liền hỏi rằng : Kính bạch Ngài trong pháp Tứ-niệm-xứ này là niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp điều nào quan trọng hơn ?

Ngài MAHA SI đáp cả 4 điều thân thọ tâm pháp quan-trọng bằng nhau.

Thật vậy từ năm 1956 cho đến nay sự tự mình tu niệm và qua sự dạy cho các đệ-ử trong nhiều khóa thiền cho môn rút được nhiều kinh nghiệm, nay mới thấy rõ cả 4 đề là thân thọ tâm pháp không một đề nào kém hoặc hơn đề nào, mà chính cả 4 đều có tác dụng là gom tụ cái tâm để làm cho cái tâm trở nên thanh-tịch tốt. Nghĩa là thường thì ta niệm thân, khi thọ thì ta niệm thọ, có tâm thì ta niệm tâm, có pháp thì ta niệm pháp do đó cho nên nó giúp cho hành-giả gom tụ tâm được chặt-chẽ hơn và mau có kết quả hơn. Thật ra nếu chỉ niệm thân " phòng à ngồi à đứng à xẹp à " mà không niệm thọ tâm pháp thế là mới ngang với các hành-giả niệm những đề mục khác như đất, nước, lửa, gió v.v... cũng tốt lắm vậy, nhưng so với Tứ-niệm-xứ mà ta niệm đủ cả 4 đề mục thân thọ tâm pháp thì nó sẽ chế ngự tâm và gom cảnh không ai bằng nhờ vậy trí nhớ chóng đầy đủ, có đức tin, có tinh tấn, có trí nhớ và có trí tuệ thì sẽ giúp cho bình mau thành tựu.

Bởi thế trong các kinh có dạy ngũ-căn phải cho đồng đều chớ để cho một căn nào cao thấp hơn thus nhau được, được vậy mới

mau đặc đạo quả. Trong cả 5 căn (Tín - tấn - niệm - định - huệ) phải cho tiến lên hoặc tạm giảm bớt cho cân-phân đồng đều và 4 pháp kia có đều nhau tạo thành một sức mạnh toàn-lực để giúp cho định có kết-quả khi định được tốt lại giúp ích cho huệ càng thêm sáng-suốt đủ sức soi thấy ngũ-uẩn giai-không.

Thời gian ở lại Miến đã vào trường thiền THA-THA-NA-YEI-THA là một nơi dạy thiền đã 25 năm qua tôi hết sức chăm-chú lo tu phép thiền ở đó dạy, đến ngày mãn hạ trước khi về xứ tôi lựa những điều nào cần hỏi ghi vào một quyển tập để hỏi Ngài.

Tôi hỏi : " Kính bạch Ngài ! Người hành-giả sơ-cơ và thâm-niên khi ngồi tu thiền có trạng-thái không hay biết gì cả, có khi lâu, có khi mau, giống như ngủ, như vậy đó là cái gì ?

Ngài MAHA SI đáp rằng : Do 5 pháp là :

- 1) THÌNAMIDDHA : Hôn-trầm dài-dài,
- 2) PÌTI : Hỉ-mãn là sự no vui thân tâm.
- 3) PASSADDHI : Tịch-tĩnh, sự vắng lặng thân-tâm.
- 4) SAMÀDHI : Định, tâm trú yên nơi một cảnh-giới duy-nhất.
- 5) UPEKKHÀ : Xả, tâm vô-ký, không vui không khổ.

Tôi giải thích.

Hành-giả sơ cơ thì do hôn trầm mà có trạng thái làm cho mê đi, tức là ngủ hoặc có các trạng thái giống như ngủ hay nói thẳng là do THÌNAMIDDHA làm cho hôn mê gục lên gục xuống, ngã tới ngã lui, ngủ ngồi cả chập mà không hay biết gì cả. Nếu cần nhận xét thì sẽ thấy hành-giả ấy có sự hôn mê gục xuống hoặc gặc cái đầu lên hoặc chảy nước giải, có khi lại chiêm bao, hoặc có ngáp chặc chần người ấy gục ngoẻo cái cổ, còn không thì khi biết lại hay tỏ ra bớ sớ có vẻ như mắc cở, giật mình.

Đối với hành-giả bậc trung, khi có hỉ mãn (Pìti) cũng có thể làm cho tâm yên tĩnh khá nhiều khiến cho có đôi phút không biết mình, quên thân, điều này ai có hành thiền thì thấy rõ, hành-giả

đang ngồi sau khi có hỉ mẫu phát sanh, mạnh được một chặp tốt, kể đó lịm đi một chút độ nửa phút, một phút, nhưng hành giả tự biết rất rõ không ngủ, khi lịm đi một chút ấy nó không rõ mình đang ngồi ở đâu, trên giường hay dưới đất, ban ngày hay ban đêm, đang day mặt về hướng nào, xong rồi một chút xiu lại rõ trở lại. Trạng thái này trong bộ Thanh-tịnh-đạo gọi là phiến-thời định.

— Cũng hành giả bậc trung nhưng khá hơn, nghĩa là đã tiến đến khỏi an-lạc tức là chi thiền thứ tư, thì phần nhiều là có pháp tịch tịnh (Passaddhi). Tâm nhờ có an lạc tốt cho nên có tịch tịnh và nhờ có sự vắng lặng phi thường đó khiến cho tâm của hành giả yên tịnh đến mức độ không còn nghe biết một việc gì bên ngoài cả, chỉ còn biết bên trong rất rõ và rất trong sáng, có khi đến độ cũng lịm đi một đôi phút khá lâu hơn đoạn trước, nhưng cũng có thể nằm trong phiến thời định.

— Từ đây tâm của hành giả trước khi có nhất hành của tâm, phần nhiều có các pháp nhẹ nhàng, mềm mại, vừa đến công việc, rành rẽ, ngay thẳng. Tâm hành giả đã có các pháp trên để giúp cho EKAGGATÀ đi đến và vững chắc. Kể đó hành giả vẫn tiến hành tu niệm tinh tấn đúng theo chương trình không có gì cản ngại lui sút chắc chắn sẽ có cận định và nhập định hoặc chánh định. Coi như hành giả thâm niên khi tâm của hành giả đã vào trong định cũng giống như vào trong giấc ngủ ngon đều không hay không biết gì cả bên ngoài lẫn bên trong. UPEKKHÀ : Xả, cũng là một pháp làm cho tâm của hành giả thân nhiên thanh tịnh đến độ quên thân lịm mất đi giống như ngủ vậy.

Cả 5 đoạn pháp trên đây là do ý của Ngài Maha Sĩ vị Đại Thiên-Sur đã trả lời vấn tắt,

Tôi hỏi một vị Đại-học Phật-giáo người Thái (Maha 9 Payok) tên ông là SUK. Thường gọi là A-chan-SUK rằng : xin ông giải đáp cho tôi một việc như sau : Ở tại Việt-nam chúng tôi có một vị sư bạn nói rằng : “ người nhập-định không biết gì

bên ngoài cả nhưng có biết bên trong còn tôi thì nói " Cả bên ngoài lẫn bên trong khi nhập định là không biết gì hết " vậy ông hiểu như thế nào xin ông cứ nói ngay, tôi đúng hay bạn của tôi đúng ?

Ông SUK đáp rằng : " Nhập định mà còn biết là nhập định cái gì ? " Ông SUK còn nói thêm rằng : " người nhập định thì tâm đã nhập vào bhu chi tâm (Bhavaṅgacitta) chứ đâu còn ở nơi thức (Viññāna) mà biết ".

Sau khi ông A-ban-SUK nói đến đây thì tôi lại nhớ sự đến lời giải đáp của Ngài Maha SES là một vị cao Tăng thông thái nhất ở xứ Campuchia mà tất cả chư sư Việt-nam nào học đạo tại Nam-vang đều có học hỏi với Ngài. Tôi hay lên cốc của Ngài để hầu hạ và hỏi đạo, một hôm vừa lên đến cốc của Ngài thì thấy có 4 5 ông thiện nam đang hỏi đạo, họ hỏi rằng : bạch Ngài theo trong tạng Vi-Điệu-Pháp dạy rằng khi người nhập định thì cắt dây BHAVAṆGA như thế nào ? chúng tôi tạm ví dụ như thế này có được không ?

Ví như có người đang chèo ghe họ thấy biết mọi việc, đó là thức còn khi người đó bỏ vào trong mui ghe để ngủ, có phải đó là cắt dây BHAVAṆGA để nhập định không ?

Ngài Maha SES đáp rằng . Đúng rồi ! và Ngài còn dạy thêm như vậy : Tôi hay ví-dụ cho nghe rằng : ví như người làm việc bằng 6 cái điện thoại nơi văn phòng của họ, đến khi họ buồn bỏ các cái điện thoại ấy để đi vào trong phòng ngủ một giấc khỏe. Khi còn tiếp xúc với 6 cái điện thoại ví như lục thức là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức thì cứ biết hoài không ngủ được, khi nào tách rời các thứ ấy mà nhập vào BHAVAṆGA mới ngủ được, cũng như mới nhập định được, nhưng nhập định tốt hơn nhiều, vì có pháp thiền hỗ trợ, còn ngủ thì không có chi bảo trì cả cho nên hay chiêm bao khiếp sợ v. v. .

Các nhà cao Tăng thông thái của các nước họ hiểu rất sâu xa và rõ rệt, còn ở mình đây nói đầu nhập định thì quá nông cạn cho nên người thì nói này kẻ lại nói khác. Có vị nói: "Nhập định mà không biết chi hết như vậy sẽ thành cây thành đá" v. v. . . có vị thì nói: "Khi nhập định mà nói không biết gì bên trong lẫn bên ngoài cả vậy thì có lợi ích gì đâu" hơn nữa nếu " Khi nhập định mà không biết chi cả như sư Giới-Nghiêm nói đó, nếu đắc sơ-thiền rồi không biết chi hết rồi làm sao mà nhập lên nhị thiền v. v. . . hoặc khi đắc tứ-thiền rồi mà trong lúc nhập định không hay biết gì hết như thế thì làm sao mà dùng thần thông v. v. . .".

Còn có người đưa ra một lý-luận khác rằng: " Nếu ông sư Giới-Nghiêm nói nhập định mà không biết cả bên trong lẫn bên ngoài như thế, ngộ thứ trong khi ấy hết rồi thọ thì có biết gì đâu mà về nhà cảnh, (ấy là một điều nguy hiểm có thể phải đọa khổ cảnh chăng? v. v. . .".

Tôi xin trình bày như sau: Nói nhập định mà không biết chi cả bên ngoài lẫn bên trong sẽ thành cây thành đá ấy, tôi xin chứng minh rằng hiện có nhiều người đã và đang nhập định được họ sẽ trở thành cây đá cả rồi chăng? còn mấy người ngủ ngon giấc chắc họ thành đá thành đá rồi ư? không, vì căn cứ trong Vi-Diệu Pháp nói rằng khi người ngủ cũng như khi người nhập định tâm thức đều nhập vào BHAVANĀ

Tại chùa Đom-Ná ở tỉnh Siem-Riệp Campuchia có một người cư-sĩ nhập định từ khuya đến trưa, lui sáng ra các bạn của ông đi ăn điểm tâm, thấy ông ấy đang ngồi họ kêu đi dùng điểm tâm không được họ bỏ mặc kệ, khi ăn xong trở về thấy ông ấy còn ngồi yên họ đến lay lắc không hay biết gì cả các bạn ấy lật nghiêng ông xuống mấy cũng cứ nằm ngiêng mãi như vậy, các người ấy rủ nhau không nguyên cả cái giường tre ra phơi nắng, thấy ông cũng chẳng hay biết gì cả, vẫn ngồi yên vô sự vô lý giữa nắng như vậy làm cho các ông bạn nghịch tặc kia đâm ra lo sợ thế là họ không dám để phơi nắng nữa

cùng nhau khiêng vào và không dám bỏ đi tham-thiền, chỉ cứ ở gần đó chờ cho tới khi ông thiện-nam xã thiền ra thì mọi người lật đặt ngòai thấp xuống xin sám-hối có vẻ tỏ ra rất thành kính, ông ấy ngạc nhiên hỏi các bạn làm gì vậy? các người ấy tường thuật mọi việc chơi nghịch của mình từ đầu và hỏi ông ấy từ khuya cho đến giờ trưa nay bạn có hay biết gì không?

Ông ấy đáp tôi không hay biết gì cả! bây giờ xả ra tôi mới hay và thật sự không phải tôi ngủ nhưng nó làm giống như ngủ vậy.

Theo tôi nhập định rất có lợi, tạm ví dụ như người ngủ, mới coi thì ngủ không có lợi ích gì cả, vì nó làm mê say mất thì giờ còn bị kẻ trộm lấy đồ đạc nữa là khác, nhưng xét cho kỹ thì cần phải ngủ vì ngủ là lấy lại sức khỏe để học hành và làm việc nếu ai đó bỏ ngủ thì không thể sống dễ dàng được, tối thiểu cũng phải mang bệnh, sự ngủ chỉ là làm lợi cho thân thể mà ta không thể thiếu được, huống chi tu mà nhập định là một sự yên nghỉ tạm để lấy lại sức của tâm trí yên tịnh, nhờ sự yên tịnh đó sẽ làm cho trí tuệ sáng suốt đúng với ý nghĩa " thủy thanh nguyệt huệ " và " nhưn định phát huệ " hơn nữa trong Tam-Tạng có một đoạn lời Phật dạy rằng: " Tỳ khưu nên làm như con rùa, khi êm tịnh ra đi kiếm ăn, có cái chi động động rùa liềm rút cái đầu cái đuôi 4 chân vào trong cái mu của nó để được sự an toàn, cũng như tỳ khưu khi bình thường đi trì bình khuấy thực kiếm ăn, tới hồi có trần cảnh gì không tốt cho phạm hạnh của mình thì tức khắc nhập định giống như rùa kia vậy, thế là không bị ma vương quấy nhiễu làm cho trở ngại đường tu của mình, trái lại Tỳ khưu tu hành được dễ dàng hơn mãi cho đến khi đắc đạo quả ".

Cũng chẳng nên lo rằng khi nhập định không biết chi cả bên ngoài lẫn bên trong đó nó sẽ trở ngại nếu ta muốn nhập lên nhị thiền tam thiền và tứ thiền hoặc dùng qua pháp thần thông v.v... riêng điều này thì ta chẳng nên quá lo, bởi vì người nhập định linh hoạt lắm, tạm ví dụ như người ngủ sẽ thức chứ,

không phải như người ngủ mê đầu, người nhập định còn hay hơn người tỉnh ngủ nữa kia, lẽ thường, người ngủ mê ai lấy hết của cải cũng chẳng hay biết gì cả, còn người tỉnh ngủ thì họ sẽ thức vô cùng. ai làm gì nói gì họ có thể rõ biết được hết, tuy vậy cũng thuộc về loại mê muội lắm, còn sự nhập định chắc hẳn không hôn mê. Hơn nữa trong điều thứ ba của pháp thuận thực về thiền định đã có nói đến tùy ý mau hay lâu trong việc nhập định và xuất định. Còn nói đến vấn đề mau hay chậm của thiền thì các vị thiền sư đã bảo rằng ví như có kẻ nghịch họ lại vừa tới gần rút gươm từ vỏ ra, ta phải nhập định ngay kịp thời, thế là họ không chém ta được, bằng chỉ chậm trễ một chút là sẽ bị họ chém đứt đầu.

Còn nói về dùng thần thông thì tôi cũng hiểu chưa chính xác lắm, nhưng vào năm 1974 được nghe một thời pháp do đài phát thanh Thái lan có thuyết rằng : " Khi ta nếu cần dùng thần thông đi trên nước, trên hư không, đi trong đá, độn thổ chẳng hạn, trước hết ta phải dùng đề mục KASINA về nước, về hư không, về đất mà niệm cho nhập định với các đề mục ấy và liền đó xả định ra, tâm của hành giả trú ở nơi cận định mà dùng thần thông để đi trên mặt nước. Không bề, bay trên hư không hoặc đi trong đất dễ dàng".

Còn nếu ai lo nghĩ rằng nhập định mà không hay không biết chi cả, nếu trong khi ấy nhằm lúc hết tuổi thọ phải chết thì không biết đâu mà đi về nhân cảnh. Điều này theo tôi thì khỏi lo là vì khi nhập định chính nó đã làm cho tâm của đương sự đã và đang khẩn khít rất mật thiết với pháp lành, dù sao chẳng nữa ta cũng có thể tin rằng : chắc chắn được sanh lên cõi trời Phạm - Thiên.

Gần đây có một chuyện đáng lo là nghe đâu có một vị sư nói rằng : tham thiền không cần phải nhập định cũng được, điều này thật đáng tội nghiệp cho kẻ mới học đạo mà ưa nói bậy cho mang tội. Tu thiền mà lại nói không cần phải nhập định có khác nào có kẻ nói nấu cơm không cần phải chín, hoặc nói cắt mà

không cần phải mài dao cho bén. Thâm chí kẻ ngoại đạo tu thiện tốt rồi nhưng lại không bành qua pháp quán minh hoặc minh sát tuệ cũng không đắc đạo quả được, cũng như người mài dao bén rồi mà không dùng dao ấy để cạo tóc thì cũng không sạch đầu được, trái lại nói rằng cạo đầu mà không cần phải mài dao cho bén thì vô lý quá. Ngoại đạo họ biết tu thiện và nhập định cả tứ thiền hữu sắc luân tứ thiền vô sắc, nhưng vì họ không thấu hiểu chân lý cao siêu về đạo quả Niết Bàn, cho nên họ không cố gắng thêm mà họ lấy làm thỏa mãn khi đắc được 8 bậc thiền rồi, nhất là bậc thiền thứ tám " phi-tướng phi-phi-tướng xứ " họ coi đó như là cội rễ Niết Bàn của họ đó vậy. Còn mình tu trong Phật giáo mà lại nói như thế có phải là sai không?

Nói như thế có lẽ các vị đó sẽ đem hàng chứng cụ thể ra rằng lúc Phật Thích-Ca còn tại tiền có nhiều vị đệ tử, đầu có đắc định mà chỉ mới đến nghe Đức Phật thuyết có một vài câu kệ, chỉ dùng minh sát tuệ quán xét theo ý kinh đã được, nghe thì đắc đạo thành bậc Thánh liền ngay, một cách dễ dàng, riêng điều này tôi cũng hiểu thấy như thế, nhưng tôi lại còn hiểu thêm một lý do khác nữa, là hồi đời Đức Phật Ca-Diếp (Kassapa) có các vị ấy như tu hành tinh tấn nhưng chưa đắc đạo quả, rất lấy làm hối tiếc cho nên cùng nhau trèo lên núi đá cheo leo rồi xô thang bỏ và phát nguyện ở đó tu thiện cho đến khi đắc đạo sẽ bay đi trì bình khất thực để ăn tu và tế độ quần sinh, bằng không đắc quả thì chịu chết khô chết đói tại đó, quả thật ngoài các vị đầy đủ túc duyên đắc đạo quả, hoặc đắc thiền nhập định có thần thông bay đi khất thực và đem lại cho, nhưng các vị còn lại không chịu ăn nhất quyết giữ trọn lời thề. Thế là còn lại các vị không đắc đạo quả và thần thông vẫn tinh tấn tu thiện địa phương chịu chết khô trên tảng đá ấy sau khi chết được sanh làm chư thiên trên trời, đến thời kỳ Đức Thế-Tôn Thích Ca Mâu-Ni ra đời các vị đó cũng giảng tiếp tu theo Phật đắc đạo dễ dàng. Trong đó có một vị tên Ca-Diếp Đồng-Tử

(Kumàra Kassapa) chỉ có 7 tuổi đến nghe Phật thuyết một bài pháp, liền đắc đạo quả quá dễ dàng, tưởng chừng như đạo quả không khó lắm, kỳ thật trước kia đã tu thiền cho đến đời phải chết khô do đói khát trên tảng đá kia kia.

Các bậc xưa tu thiền tinh tấn lắm cho nên các Ngài đắc thiền định và đắc đạo quả Thánh coi như dễ dàng lắm, có một vị sư tu thiền bị hôn trầm đè nén, ngồi thiền cứ bị ngủ gục, ngài phải đi tắm cho mát để khỏi bị hôn trầm, nhưng cũng chỉ đỡ vậy thôi, sau bị buồn ngủ quá Ngài sợ nằm ngủ thì nó trở ngại choáng hết thì giờ tham thiền, không biết làm sao Ngài phải kiếm một nắm cỏ khô đem nhúng nước dội lên trên đầu cho đỡ sự hôn trầm để tinh tấn tu, không lâu là đắc đạo quả A-La-Hán, Ngài quý mirag nên có lời ngợi khen nắm cỏ khô rằng: "Hồi nắm cỏ khô là hạn ơi! cỏ chỉ là vật vô tri và kém giá trị, nhưng đã giúp cho ta đạt đạo quả cao siêu, thật công lao của-mớ cỏ vô cùng giá trị, vô cùng quý báu".

Có một vị sư ở rừng hành-đạo rất tinh tấn, ngài ngồi tham thiền mỗi sáng lên đi kinh thành lui tới, khi mỏi quá không đi được nữa, sợ nằm xuống sẽ ngủ mê làm trở ngại sự tu thiền một cách tinh-tấn đúng mức, cho nên ngài phải bò tới bờ lai để tu niệm trong buổi đêm có người đi săn trông thấy họ tưởng coi thú gì đang bò cao lên, họ đâm một mác từ lưng ra tới bụng, ngài la lên một tiếng thất thanh người ấy biết là đêm nhắm phải người ta rồi cứ không phải thú, chỉ là sợ quá bỏ chạy mất dạng các sư bạn nghe liền chạy lại thì vị sư đó bảo nhờ các sư rút lấy cái mác ra và kiếm cho tôi một ít cỏ khô làm cái nút nhét kín chỗ vết thương đừng cho máu chảy ra ngoài và hong để tới tột trên một tảng đá, còn các bạn hãy về chỗ của mình mà tinh tấn hành đạo đi, thế là các sư khác đều đi về chỗ của mình ai nấy chăm lo hành đạo, còn riêng vị sư bị thương khi ngài được đặt trên tảng đá thì ngài chăm chú quán niệm về khổ não, có nghĩa là ngài không hề có tâm nghĩ đến sự oán hận chi cả, trái lại ngài chỉ lấy sự đau kia làm đề mục tu niệm, quán thân cho giác ngộ được thân

ngũ-uẩn này nằm trong thế lực của vô-thường, khổ-não vô ngã trước giờ tắt hơi thở ngài đắc quả Niết-Bàn. Sáng ra chư tăng hỏa táng xong và bạch Phật, bạn của chúng đệ tử lâm cảnh như thế phải chết. Vậy sau khi chết thâm như thế rồi đi về đâu bạch đức Thế-Tôn ? Phật đáp rằng con của Như Lai Niết Bàn không còn đi sanh ở đâu cả.

Chúng ta nên noi gương của các hành giả có một sức cố gắng và nhẫn nại cao cấp như vậy, chắc thiên định và đạo quả sẽ không xa với chúng ta lắm. Ở đây nói tổng quát thì khuyến khích như thế, nhưng thật ra tôi không dám có ý cao vọng gì nhiều hơn. Chúng tôi chỉ mong sao các bạn hiếu học dục tu nên cố gắng thật đúng theo hai chương trình sau đây : 1 — Tu thiền hoặc hành đạo tinh tấn. 2 — Tu thiền hoặc hành đạo giao duyên.

1 — Tu thiền hoặc hành đạo tinh tấn. Theo chương trình ở trường thiền Miến-Điện dạy và thường áp dụng cho các trường thiền tại Việt-Nam qua mấy khóa rồi rất có kết quả tốt. Bày cho các vị hành giả 2 giờ khuya thức dậy, sau vệ sinh xong. Lễ cúng tam bửu tụng ân đức trọn lành của Phật, Pháp tạng và chú nguyện cho mình và chúng sanh, trong đó các người mà mình cầu nguyện cho họ được mọi sự an lành, kế đó đi kinh hành độ nửa giờ, ngồi thiền một giờ, xả ra đi kinh hành một giờ, lại ngồi một giờ, sáng ra đi thọ điểm tâm, trở về cốc cũng đi kinh hành một tiếng, ngồi một tiếng, dậy đi kinh hành một tiếng, trở lại ngồi một giờ nữa, xả ra nếu đến giờ ăn Ngọ thì đi độ Ngọ, còn như chưa tới giờ thì cũng đi kinh hành hoặc nằm nghỉ một ít phút cho khỏe sau khi dùng Ngọ xong trở về cốc sa súc miệng rửa tay rửa mặt xong cũng đi kinh hành độ nửa giờ, kế nằm độ 15 hoặc 20 phút, lâu lắm là nửa giờ, nhưng không cho ngủ trưa, chỉ nằm niệm thôi, sau đó dậy đi kinh hành nửa tiếng nữa, thế là 2 lần đi một lần nằm nghe trong bụng vật thực đã tạm êm rồi, bắt đầu ngồi một giờ, dậy đi kinh hành 1 giờ, lại ngồi 1 giờ. Từ khi mặt trời gần tắt cho đến 22 giờ cũng phải đi kinh hành và ngồi 2 lần sau đó cúng Tam-Bảo tụng kinh rải tâm từ và hồi hướng công đức do

ta hành đạo tinh-tấn từ 2 giờ đến 22 giờ sau đó là ngủ 4 tiếng đồng hồ để lấy lại sức khỏe.

Trong khoảng từ sáng sớm đến chiều tùy thiền sư cho giờ nào trình pháp nên liệu thì giờ để đến trình, tiện đây xin lưu ý rằng : sự đến trình pháp với ông thầy thật rất có lợi, vì nó tổ hết những sự lành điều lạ tức là trong khi ta mới ngồi niệm thiền có rất nhiều điều tốt mà cũng có vô số điều xấu, mà ta không hiểu nó như thế nào, phải trình đề vị thầy giải quyết cho, khi được vị thầy giải thích cho nghe hiểu rồi, tâm của hành giả không có sự lưỡng ước phân vân không biết trật hay trúng, các thứ ấn chứng phát sanh mà ta không biết đó là tốt hay xấu, đó là của Phật hay là của ma v.v... hơn nữa có những trạng thái như thế ta không hiểu phải làm cách nào cho nó qua đi, và nhất là các pháp tốt, thấy rất vui rất ham thích, như vậy các hành giả đừng nói chi là kẻ sơ-cơ, ngay cả số hành giả khá lâu rồi mà cũng vẫn cứ bám dính cứng ngắt vào những cái ấn chứng mà ta cảm thấy tốt. Chớ phải nó xấu, có những trạng thái đáng sợ thì rất dễ hiểu là ai cũng muốn bỏ nó đi, nhưng làm cách nào mà bỏ đây. Tâm trạng của hành giả trong khi đó nó lúng túng lắm, nếu không có ông thầy dạy cho thì khó tiến khó thoái, không tự mình giải quyết được, giống như bệnh nhân không tự làm thầy trị bệnh cho mình được, vì khi ấy bị lúng túng, ngay cả lương y bác sĩ cũng nhờ thầy thuốc khác chữa trị cho, ấy là đã biết làm thầy thuốc giỏi mà tự mình chữa trọng bệnh cho mình cũng không được thay, đừng nói chi tay ngang tự xem sách thuốc rồi tự chữa bệnh cho mình thì làm sao mà lành được. Người tự ai lớn không chịu học thiền nơi một vị thiền sư nào, chỉ tự xem các kinh dạy về thiền rồi tự tu hành lấy, không được đâu, làm như thế có khác nào không phải thầy thuốc chỉ xem sách thuốc rồi tự chữa cho mình, chết người như không, có thầy dạy thiền mà mình không siêng năng đến trình và học hỏi cho lành hội đầy đủ các chi tiết về thiền khi đã nắm được các yếu lý cũng như ta hiểu được cái mấu chốt cần thiết thì chắc chắn ta tu rất có phần tiến bộ. Bởi kinh chữ nhỏ

có câu dạy cho ta rằng : người học tu thiền cần phải có " Tác gia ứng khởi " chữ tác gia có nghĩa là người đã làm hoặc đã tu thiền rành rẽ lâu rồi, còn chữ ứng khởi có nghĩa là chỉ giáo cho, dạy cho.

2 — Tu thiền hoặc hành đạo gieo duyên nói về người tại gia quá bận rộn với công việc gia đình rất khó tu-thiền, nhưng cố gắng để gieo duyên nghĩa là tối ngồi một giờ và khuya thức dậy ngồi một giờ, trước khi ngồi nếu có thể được thì nên đi kinh hành 15, 20 phút rồi mới vào ngồi. Trong ban ngày nếu có thì giờ rảnh rỗi cũng nên ngồi thêm.

CHÁNH THIỀN - TÀ THIỀN

Thật ra ta nên học Chánh-thiền hoặc chánh định mà thôi, khỏi cần học tà thiền để làm gì, đúng là như thế, nhưng vì sự hiếu kỳ của những người hành-giả sơ-cơ ai cũng muốn biết cho đủ như vậy mới chịu, kể ra cũng có đôi phần bổ ích cho hành-giả sơ-cơ, vì lẽ thường cái hay ta cũng phải học, cái dở ta cũng phải học, người tốt cũng thầy ta, kẻ xấu cũng thầy ta, ăn thua do nơi ta khéo lựa chọn cùng không, có người vợ trọn cả tà chánh gì cũng cứ cho là tốt hết, ấy là có hại. Tất cả từ đoạn trước cho đến đây toàn là lời minh chánh chỉ dạy cho chúng ta về chánh thiền hoặc chánh định cả, trong đó nhất là căn cứ vào năm chi thiền tức là : Tư-duy, quán-sát, hỷ-mãn, an-lạc, nhất-hành. Khi nào các hành-giả tu thiền có các pháp ấy, nhất là pháp thứ 5 đó gọi là chánh, còn ngoài đó ra đều gọi là tà tất cả nhất là ai tu thiền mà không hướng nội, lại cứ lo hướng ngoại nghĩa là không chịu lo nhiếp tâm cho thanh-tịnh vào bên trong, mà cứ tra-thích cho tâm vọng duyên theo cảnh bên ngoài, cứ mỗi lần ngồi vào là tâm ham thích các cảnh nào vui đẹp mà chính đương sự đã gặp trong khi ngồi tu niệm thay vì ta phải niệm cho các cảnh ấy nó qua đi hoặc cho nó mất đi, để được pháp cao-siêu hơn, trái lại chấp pháp ôm dính cứng ngắt một vài cái pháp nào mà ta cho đó là

cao-quý vì ta không hiểu đó chỉ là một số ấn-chứng trong buổi đầu vậy thôi, nhưng các vị tu sơ-cơ chưa thông rõ, cũng như kẻ ngoại đạo lại càng chăm chú đến những thứ giả, hơn là tập trung vào thứ thiệt. Cách đây mấy năm có 2 người đến xin tạm trú tại chùa Tam-Bảo số 253 Phan-chu-Trinh Đà-Nẵng. Người đàn ông nói với chúng tôi rằng : “ Tôi ban ngày làm việc khác, ban đêm làm việc khác ”.

— Tôi hỏi : xin hỏi ông ban ngày ông làm việc gì mà khác ?

— Ban ngày tôi cũng làm mọi việc thông-thường như mọi người khác vậy.

— Thế tôi hiểu rồi, không cần hỏi, chỉ xin hỏi về ban đêm ?

— Ban đêm tôi ngồi thiền, tôi xuất hồn đi khắp hết.

— Ông xuất hồn đi đâu làm gì ?

— Tôi đi nhiều lắm và đi trị bệnh cho người ta.

— Nghe như ông có ở Pháp lâu, có lẽ khi ông xuất đi chắc ông hay đi qua Pháp quốc lắm nhỉ ?

— Tôi đi Pháp, tôi đi Việt Nam, tôi cũng có đi Mỹ nữa.

— Vậy từ nhỏ đến nay ông đã từng qua Mỹ lần nào chưa ?

— Chưa.

— Ông chưa từng qua Mỹ, khi hồn đi qua thì làm sao mà biết đó là xứ Mỹ ?

— Nhờ mình đã từng xem báo chí phim ảnh v.v. . .

— Đó chính là do duy-thức biến hiện. Và tôi xin hỏi ông vài chuyện là ông có qua nước Nga lần nào chưa ? Có xuất hồn đi Nga lần nào và nếu có thì ông làm sao biết đó xứ Nga ?

— Tôi không từng sang Nga ?

— Ông có thêm đồ ăn của Nga không ? Nếu từ nhỏ chưa dùng vật thực của Nga ?

— Không, tôi không thêm.

— Theo tinh-thần Phật giáo nói chung và Phật giáo nguyên-thủy nói riêng thì các việc như trên toàn là giả cảnh cả chẳng qua do duy thức biến hiện ra mà thôi, không có cảnh thật mà chỉ có cảnh giả. Hơn nữa kinh Phật có nói “Ngoại vô sắc tướng thị vi thiên nội vô tán loạn thị vi định” nghĩa là bên ngoài không sắc tướng ấy gọi là thiên, bên trong không tán loạn gọi là định.

Thôi nói dài dòng chắc ông cũng khó hiểu chi bằng đem vài sự ví-dụ cho ông dễ hiểu, khi nghe xong nếu cần cho phép ông cứ cãi lại, bằng như ông cho rằng đúng chân-lý rồi thì thôi.

Cái ví-dụ thứ nhất, tôi xin ví như có một người đàn ông hoặc một người đàn bà trẻ tuổi đến học thiền với tôi hoặc học với một vị thầy thiền nào chọn-chánh đương nhiên tôi hoặc vị thiền sư kia sẽ chỉ dạy rất kỹ rồi cho người ấy vào nơi thanh vắng ngồi niệm thiền, khi y niệm được thời gian ngắn, tự nhiên người ấy thấy mình không phải niệm thiền nữa, mà lại chạy đi chơi như câu cá, bắn chim đá banh, đua xe đạp v.v... mà cuối cùng họ lại thấy chính họ ngồi nói chuyện tâm tình với một cô gái hoặc một cậu trai.

Điều ví dụ thứ hai, tôi xin ví như cũng chàng trai hoặc cô gái ấy, về sau một thời gian lâu tu thiền đã khá tiểu bộ, cứ mỗi lần ngồi vào niệm đều thấy mình được bay lên trên thượng giới gặp các vị tiên, ngồi nói chuyện đạo, hoặc uống rượu tiên v.v... có khi lại thấy một vị Phật bay đến nói pháp cho y nghe nữa là khác.

Trong cả 2 ví dụ trên chắc ông và các người bạn của ông cũng như một số thiện nam, tín-nữ đang ngồi nghe đây nếu chưa hiểu chọn lý của chánh thiền và tà thiền, có thể họ cũng hiểu như ông cho rằng cái ví dụ trước là sai, vì cái quá dễ hiểu, bởi lẽ ngồi thiền gì mà lại thấy đi chơi và cuối cùng lại ngồi nói chuyện tâm tình chắc chắn ông và bạn của ông sẽ phủ nhận điều trước, trái lại sẽ chấp nhận điều sau cho đó là siêu vì ngồi thiền mà được đi lên thượng-giới lại gặp chư tiên mà không siêu sao được. Theo Phật giáo Nguyên-thủy chúng tôi thì cả trước lẫn sau

đều cho là huyền-giả tất cả, bởi khi thấy ngồi với một cô hoặc cậu chưa chắc hẳn đã có thật, vì cái cô, cậu kia họ đang nằm ngủ ngon giấc ở nhà của họ. Cũng như khi thấy các ông tiên bà tiên cũng chưa chắc là đúng hẳn. Thế nên cho đó là huyền giả và cả hai cái cũng giống nhau chỉ khác là thô và thanh đó thôi.

Khi tâm trạng còn nhiều thế tục cho nên thô như thấy đi chơi và nói chuyện với cô gái, cậu trai.

Sau khi có một quá trình tu niệm thì tâm của hành-giả được đổi thanh như thấy chư tiên chư Phật.

Tuy thấy rõ rệt như thế đó xong cần phải hiểu rằng thấy tục đó cũng là tục giả, thấy tiên đó cũng là tiên giả, không hơn không kém.

Sở dĩ chúng tôi đem câu chuyện như trên là để phá tan cái tư tưởng của các người tu thiền mà không lo nhiếp tâm cho thanh tịnh trái lại ung xuất hồn xuất vía v.v... Theo Phật giáo thì cái cá thể hoặc cái cá vị mà kêu là linh hồn, linh vía hoặc kêu là hồn ma bóng quế vốn đã không có thì, làm sao mà xuất ra và nhập vào. Trong Phật giáo có tâm thức tùy thiện pháp, ác pháp, tùy thiện duyên, ác duyên mà tạo ra thiện nghiệp, ác nghiệp để được về nhân cảnh hoặc khổ cảnh đặng hưởng an, thọ khổ mà thôi.

Sự tu giới, tu định, tu huệ là thực hành thiện pháp tu tạo thiện duyên gieo trồng thiện nghiệp ngõ hầu đạt đạo, quả lành cao thượng nhất, đó là nơi cứu cánh giải-thoát, hết luân-hồi sanh tử, hết khổ đau, chỉ còn lại tối-thượng lạc.

HỒI - HƯỚNG

Phần phước thanh-cao này, tôi xin nguyện chứng đạo quả vô-thượng Bồ-Đề Chánh-Đẳng Chánh-giác để tế độ chúng-sanh cho thoát khỏi vòng sanh-tử.

Hồi-hướng cho cha mẹ, thầy tổ, và các bậc hữu ân đã giúp tôi trên bước đường tu học, và chúng tôi cũng không quên đề hồi hướng quả phước thanh cao do pháp thí này đến các bậc ân-nhân của chư thí-chủ và mong cầu quý vị mau thoát khổ, đồng thành Phật-đạo.

Nguyện cho toàn cả chúng-sanh có đầy đủ trí-tuệ để gieo duyên giải-thoát.

Cuối cùng xin cầu nguyện cho các bậc xuất gia cùng các hàng cư sĩ đã có nhiều công lao phụ-giúp trong sự phiên dịch này, sớm được kết quả y như ý nguyện và thấu triệt chơn lý ngộ hậu chóng đến Niết-Bàn.

Nguyện cầu cho Phật pháp được tròn đủ năm ngàn năm.

Nguyện-cầu cho đất nước Việt-Nam mãi mãi được thanh-bình an-lạc.

LÀNH - THAY

THITASÍLO

Phật-lich : 19.3 2.523 — Dương-lich : 15.4 1979.

THIÊN TỬ NIỆM XỨ MINH SÁT TUỆ
IN 400 CUỐN KHỖ 14,5 X 20,5 TẠI XÍ NGHIỆP IN TẬP
30, THÍCH QUẢNG ĐỨC PHÚ NHUẬN IN XONG NGÀY
NỘP LƯU CHIỀU 1-1981 GIẤY PHÉP SỐ 1655/XBNT-C

DINH CHÁNH

Trong quyển » Thiên Tứ Niệm Xứ Minh Sát Tuệ »

Trong	Hàng	Sai	Đúng	Trong	Hàng	Sai	Đúng
4	32	diệt phạm hành	đục phạm hành	5	5	lơ	có
7	14	khi nơ	khi nơ	7	15	xót	sốt
8	4	vacāna	vacara	8	5	kammassa...	kammāsa..
9	2	về nam	nam	9	25	ekāya	Ekāyana
12	19	samāna	samana	10	7	tipitaks	tipitāka
16	9	cỗ nguồn	cỗ nguồn	17	30	maggk	maggo
19	20	chiều	chū	20	4	(ba chữ) thường	(3 chữ) thường
22	17-19	nầy	nầy	23	12	vāsa	vāra
27	1	kamaṭṭhāna	kamaṭṭhāna	27	30	chỉ tịnh	chỉ tịnh
27	30	(100 met	(100 met)	27	32	vipassānā	vipassanā
28	21	thế	thế	30	8	mật	một
32	8	răng	răng	34	40	yāpṭhatṭha	yāpṭhatṭha
40	16	asubbāna	asubbāna	40	24	đặc	đám
41	13	thợ	thợ	41	19	khác nhau	khác nhau
43	23	hàng	hàng	45	13	đanh	sanh
45	3	đâu	đầu	45	23	cùng	cùng
46	13	asā	asa	48	1	upasa...	upariparāsaka
50	17	khí	khí	50	24	āvi	āvi
51	22	điều nầy	điều nầy	53	9	chānda	chanda
53	16	saiṃpā	sappā	59	27	đứt thoát	đứt khoát
60	10	triển nhược	triển phược	62	10	khadha	khandha
65	5	mūppāda	mūppāda	65	10	ura	ura
70	14	dẫn	căn	71	29	nom	nām
74	20		căn	74	23	smādhī	samādhī

Trang	Hàng	Soi	Đúng	Trang	Hàng	Soi	Đúng
75	25	12	11	77	18	cầu	cầu
81	3	cha	cho	83	18	cách. chứng	các. . chứng
87	14	số tức	số tức	90	13	tại	lại
99	25	viggaha	viggaha	103	19	àsava	anàsava
108	18	(6 chữ) khởi	(6 chữ) khởi	109	16	phải quả	khởi quả
111	11	pháp sanh	pháp sanh	111	23	hằng không	hằng không
111	27-30	với tay	với tay	112	26	pháp sanh	phát sanh
113	17	khởi sự	khởi sự	115	17	chưa Phật	chư Phật
119	6	định	địch	123	2	nhau	(bồ)
123	18	quen đi	quen đi	123	29	đi quen	đi quen
125	18	nưh tốt	nưh tốt	126	6	ngựa, tề	ngựa, tề
127	2	tốt đời	tốt đời	127	6	đáng thọ	đang thọ
130	21	iâm mình	tâm mình	131	3	ví lệ	ví lệ
134	28	huệ trách	huệ trách	145	17	pháp sanh	phát sanh
145	21	cả thân	cả thân	149	27	lúc	lúc
155	25	theo thứ thứ	theo thứ tự	155	27	aramman	àrammaṇa
156	16	gãy	nãy	161	7	mỗi	mỗi
164	13	tâm	tâm	168	19	cơ sở	ơ cơ
177	14	bay	hay	178	24	trong chờ	trông chờ
180	30	lên cái	trên cái	187	12	vipasesanà	vipassanà
187	23	đường tiến	đương tiến	188	3	chỉ tịch	chỉ tịch
189	6	quyết ra	thuyết ra	194	23	hứa	hứa
196	6	A la Hàm	A na Hàm	197	24	mới	mới
199	24	(sai thứ tự)	phông à, xếp à,	199	30	cho bình	cho định
204	24	khuyết thực	ngồi à, đứng à,	204	19	nguyệt huê	nguyệt hiện
209	26	tự ai	khất thực	208	13	giao duyên	giao duyên
			tự ai	213	10	xong	song

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn